N° 133 Septembre 1928

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

NHÂN-QUYỀN LUẬN

Nhân-quyền là gồm những quyền-lợi thiên-nhiên của loài người, phàm làm người ai cũng phải có ; cho nên nhân-quyền (*droit humain*) thường gọi là quyền thiên-nhiên (*droit naturel*), đối với pháp-quyền (*droit juridique*) là quyền thực-tế (*droit positif*) do pháp-luật của xã-hội đặt ra.

Nhân-quyền vừa thuộc về luân-lý mà lại vừa đối với luân-lý, cũng như quyền-lợi vừa thuộc về nghĩa-vụ mà lại vừa đối với nghĩa-vụ (1).

Nghĩa-vụ (*le devoir*) là cái luật-pháp nó bắt-buộc ta phải làm việc gì đối với chính thân ta hay là đối với kẻ khác. Quyền-lợi (*le droit*) là cái năng-lực thuộc về tinh-thần, khiến cho ta có quyền được thi-hành và phát-siển hết các tài-năng của ta, miễn là phải để cho kẻ khác cũng được quyền như thế vậy. Người ta đã là người, đã có nhân-cách về đạo-lý nghĩa là đã biết hưởng tự-do, đã từng có trí-tuệ, thời như nhà triết-học nói : tiện-thị là một cái « cứu-cánh tuyệt-đối » (*une fin en soi*), không thể coi như một cái « phương-tiện » (*un moyen*) được. Người ta đối với nhau thực là một vật thần-thánh bất-khả xâm-phạm vậy. Không những không ai được xâm-phạm đến bản-thân mình, mà phàm sự gì để phát-siển cho bản-thân mình được hoàn-toàn cũng không được ai ngăn-trở vậy.

Nhân đó liền suy ra một điều thứ nhất như sau này : là người nào cũng là người như nhau cả, thời không ai có thể đòi lấy quyền-lợi cho mình mà đồng-thời không thừa-nhận quyền-lợi ấy cho kẻ khác, thành ra quyền-lợi của người ta là bình-đẳng hết. Vả quyền tự-do của người này không thể làm mất được quyền tự-do của người khác, làm thế là trái ngược với nghĩa tự-do. Nhân đó lại suy ra một điều như sau này nữa : là quyền-lợi tức là sự điều-hòa các quyền tự-do vậy.

Nếu quyền-lợi là điều-hòa các quyền tự-do thời người nào lạm-dụng quyền tự-do của mình đến phương-hại đến quyền tự-do kẻ khác, tất là ra ngoài giới-hạn quyền-lợi ; quyền-lợi ấy không phải là bất-khả xâm-phạm nữa, mà lại phải bắt-buộc cho vào trong giới-hạn tự-nhiên, theo lẽ điều-hòa đã định. Như vậy thì có thể dùng cách cưỡng-bách để mà bắt mỗi kẻ tư-nhân phải tôn-trọng quyền-lợi kẻ khác vậy.

Nhân đó thành ra có hai thứ nghĩa-vụ như ông KANT đã phân-biệt rõ : nghĩa-vụ pháp-luật là nghĩa-vụ có thể cưỡng-bách ở ngoài được, nghĩa-vụ đạo-đức là nghĩa-vụ không thể cưỡng-bách ở ngoài được. Ông nói rằng : « Luật đạo-đức không thể thuộc ngoài được ; luật pháp-chế có thể thuộc ngoài được. » Có khi

(1) Xem bài « Nghĩa-vụ và Quyền-lợi » N.-P. 131.

cùng một việc, — thí dụ như giữ lời ước của mình, — vừa là nghĩa-vụ pháp-luật, vừa là nghĩa-vụ đạo-đức. Trước là nghĩa-vụ đối với lương-tâm mình, sau lại là nghĩa-vụ đối với pháp-luật ngoài, pháp-luật vẫn có thể bắt-buộc được. Nay gọi là quyền-lợi ấy, thời có thể nói chung là cái năng-lực mà ta có thể dùng cách cưỡng-bách bắt kẻ khác phải tôn-trọng được, dù kẻ chịu quyền cưỡng-bách ấy vì cớ gì mà phải chịu mặc lòng vậy.

Như trên kia đã nói, quyền thiên-nhiên là những quyền do bản-tính của loài người mà ra, không tùy-thuộc pháp-luật nào cả. Như hai người gặp nhau ở giữa nơi sa-mạc, không có pháp-luật thực-tế nào bắt-buộc phải vì-nể gì nhau cả, vậy mà không người nào được có quyền bắt người kia phải làm nô-lệ cho mình. Nay đã biết rằng phàm quyền-lợi tất kết-quả phải có cái năng-lực cưỡng-bách làm tài-chế, song ở các xã-hội văn-minh duy có Nhà-nước mới có thể dùng được quyền cưỡng-bách đó; vậy thời phải định những trường-hợp nào là có thể dùng cưỡng-bách được, những trường-hợp nào là người ta được tự-do, định một cách bao-quát đại-khái, không quản gì những cơ-hội đặc-biệt vậy. Định như thế tức gọi là « pháp-luật » đó; và gồm cả những quyền-lợi có pháp-luật bảo-chướng cho như thế, gọi là « pháp-quyền » hay là « quyền thực-tế »; khoa học nghiên-cứu về quyền thực-tế tức là khoa « luật-học » vậy.

Có một phái học-giả bác rằng không có gì là quyền thiên-nhiên cả, không có gì gọi là « nhân-quyền » như trong lời Tuyên-ngôn của các nhà cách-mệnh năm 1789 cả. Phái này cho rằng quyền-lợi chỉ bởi *pháp-luật* hay là bởi *tập-tục* mà sinh ra. Quyền-lợi thành-lập là do *lịch-sử*, nhân vì sự cần-dùng cùng tình-cảm của người ta đời ấy sang đời khác mà thành ra. Quyền-lợi thiên-nhiên là quyền-lợi trừu-tượng, vô-định, do nhà triết-học tự nhiên lý-tưởng mà đặt ra, hễ có được pháp-luật cùng tập-tục chuẩn-nhận cho thì mới có giá-trị vậy.

Cách kiến-giải về quyền-lợi như thế dường như cho người ta không phải là một giống có lý-tính nữa, biết lấy nghĩa-lý mà trị mình, mà cho cũng là một giống động-vật như các giống khác, chỉ thuần thuộc bản-năng và tập-tục chi-phối vậy. Vẫn biết rằng sự giao-tế của người ta với nhau phần nhiều là thuộc thói quen và tình-cảm: nhưng cái đặc-sắc của loài người là có thể càng ngày càng biến được những mối quan-hệ về bản-năng tập-quán đó thành mối quan-hệ về lý-tính và khiến cho « pháp-quyền » càng ngày càng được gần với « nhân-quyền » vậy.

Người ta bác quyền thiên-nhiên lấy hai cớ như sau này: 1º luật-pháp tập-tục mỗi xứ một khác nhau; nhưng cớ này cũng như cớ bác về nghĩa-vụ; nhân vì nghĩa-vụ mỗi xứ một khác, không thể kết-luận rằng không có nghĩa-vụ được; 2º quyền thiên-nhiên thường phản-trái nhau, khó mà định cho phân-minh được; nhưng định nghĩa-vụ cũng khó như thế; nghĩa-vụ cũng có xung-đột như quyền-lợi vậy; có thể nhận đó mà quyết-đoán rằng không có luân-lý được không? 3º Nếu quyền-lợi có thể dùng sức mạnh làm tài-chế, thời nay đã định có những quyền-lợi thiên-nhiên tuyệt-đối, tất mỗi lần người nào cho là quyền-lợi của mình bị xâm-phạm đều có quyền được dùng sức mạnh để giữ lấy: như thế là đặt ra cái quyền phản-kháng luôn, tức là gây ra cái mầm họa-loạn cho xã-hội, xã-hội nào thành-lập được. Lời bác đó không chánh-đáng; duy có xã-hội mới có quyền cưỡng-bách được, không phải người nào có

quyền-lợi bị xâm-phạm cũng có thể dùng cách cưỡng-bách để giữ quyền cho mình được đâu. Vẫn biết rằng trong lịch-sử cũng thường có những cuộc phản-kháng chung, mà vì thành kết-quả nên cho là chánh-đáng; nhưng đó là những sự cử-động phi-thường, cũng có khi lấy cớ ở quyền thực-tế, cũng có khi lấy cớ ở quyền thiên-nhiên; vậy thời không thể kết-luận hẳn là phải hay là trái được.

Quyền là gốc ở tự-do, quyền-lợi tức là quyền tự-do, mà quyền tự-do chẳng qua cũng là những phương-kế để bảo-toàn và phát-siển các năng-lực thiên-nhiên của người ta.

Các quyền-lợi cốt-yếu của người ta là: quyền sinh-tồn, nghĩa là quyền không được kẻ khác xâm-phạm đến sinh-mệnh thân-thể mình; quyền vãng-lai, nghĩa là quyền được tự-do đi lại; quyền động-tác, nghĩa là quyền tự-do làm việc; quyền sở-hữu, nghĩa là quyền tự-do được có tài-sản; quyền tự-do tư-tưởng, tự-do tín-ngưỡng, quyền gia-tộc, v.-v.

Quyền tự-do về cá-nhân, về thân-thể, trong hiến-pháp nước nào cũng có, tức là cái quyền được đi lại tự-do, tự-do sử-dụng thân-thể mình; luật nước Anh gọi là luật «chính thân» (*hebeas corpus*) nghĩa là chính-thân người tội-nhân phải ra tòa-án xử, chính là nghĩa thế. Quyền này là thuộc lẽ cố-nhiên rồi; quyền tự-do thứ nhất của người ta, làm gốc cho cả các quyền khác, tất phải là quyền được bảo toàn và tự chủ thân-thể mình, không để cho ai xâm-phạm đến, hủy-hoại đi được. Như vô-cớ mà giam-chấp người ta là trái với quyền ấy. Lại như cái tục nông-nô ngày xưa, bắt người ta cả đời phải làm ruộng cho một ông chủ nào, chỉ được ở trong một địa-hạt nhất-định, không được ra khỏi ngoài, tuy tuy không đến nỗi bó buộc hẳn thân-thể, nhưng cũng là trái với cái quyền tự-do cá-nhân vậy.

Nhân quyền tự-do thân-thể mà thành ra có quyền tự-do hành-động, nghĩa là tùy muốn dùng các năng-lực của mình thế nào cũng được, hoặc để tự-cung cho mình, hoặc để thỏa cái lòng sở-thích riêng của mình. Ông thượng-thư Pháp TURGOT tuyên lời chỉ-dụ năm 1776 bãi các phường và các chức phường-trưởng, có nói rằng: «Ông Thiên-chúa bắt người ta có sự cần-dùng, lại buộc người ta phải làm việc để đối-phó với sự cần-dùng đó, bởi thế nên sự làm việc là cái quyền của mỗi người; quyền ấy là quyền khẩn-yếu nhất, thần-thánh bất-khả xâm-phạm vậy.»

Trong quyền tự-do làm việc thời có: quyền được tùy ý chọn nghề-nghiệp mình; quyền tự-do muốn làm một nghề hay nhiều nghề cũng được; quyền được đổi nghề nọ ra nghề kia; quyền được định giá đồ vật mình làm ra, hay định tiền công của mình; quyền được giao-dịch với trong với ngoài, không phải gì ngăn-trở.

Nhân quyền tự-do làm việc mà thành ra có quyền sở-hữu. Trong các quyền-lợi, quyền này cận-lai nhiều người bài-bác hơn cả, vậy ta nên xét kỹ xem thế nào. Quyền sở-hữu là gì? nguyên-nhân quyền sở-hữu là gì? xưa nay những cái thuyết bác quyền sở-hữu thế nào? có những duyên-cớ gì về luân-lý, về xã-hội khiến cho quyền sở-hữu là chánh-đáng, không những là chánh-đáng mà lại là tất-yếu, có cái tính-cách thần-thánh bất-khả xâm-phạm?

Dân-luật nước Pháp điều thứ 544, giải nghĩa quyền sở-hữu như sau này: «Quyền sở-hữu là quyền được hoàn-toàn hưởng-dụng một đồ-vật gì,

miễn là không phạm đến luật-lệ ngăn-cấm của Nhà nước. »

Lại hiến-pháp năm 1793 nói rằng : « Quyền sở-hữu là quyền của mỗi người công-dân trong nước được tự-do hưởng-dụng các tài-sản, hoa-lợi của mình, cùng cái công mình làm ra hay chế-tạo được. »

Đó là giải nghĩa quyền sở-hữu về pháp-luật và về chính-trị. Nay xét về phương-diện triết-lý thì có thể nói rằng quyền sở-hữu là quyền của người ta có thể chiếm một vật gì làm của riêng của mình, nghĩa là cái quyền được giữ lấy một vật gì ở ngoại-giới để hưởng-dụng một mình. Phải phân-biệt hai chữ « chiếm-hữu » với « sở-hữu ». Chiếm-hữu chỉ là hiện giữ một vật gì ở trong tay : có khi giữ một vật gì không phải là của mình, hoặc là mình tìm thấy, hoặc là người cho mượn : như thế không phải có quyền sở-hữu vật ấy. Quyền sở-hữu là cái quyền được không cho kẻ khác hưởng-dụng một vật gì của mình, dù vật ấy hiện không ở trong tay mình mặc lòng.

Quyền sở hữu thứ nhất là quyền sở-hữu thân-thể mình : nhưng mà như thế thì quyền ấy tức là quyền tự-do về thân-thể như trên kia đã nói rồi. Làm sao mà khuếch-trương cái quyền đó rộng ra ngoài được ? Làm sao cái quyền sở-hữu vốn chỉ ở thân-thể mình mà rộng được ra đến các vật ở ngoài ?

Trước nhất phải biết rằng cái quyền được chiếm các vật ở ngoài là ở cái lẽ tất-nhiên của giống hữu-cơ-sinh-vật. Phàm sinh-hoạt là phải có trao-đổi luôn các chất trong thân-thể người với vật-giới ở ngoài ; muốn sống được phải có tư-dưỡng, tư-dưỡng tức là tiêu-hóa, tiêu-hóa tất phải chiếm vật-chất ở ngoài mà hóa vào thân-thể. Như vậy thì phàm giống sinh-vật tất phải chiếm vật ngoài mà hóa làm của mình, nếu không thì không thể sống được.

Như vậy thì quyền sở-hữu là một sự tất-yếu ; nay lại xét xem có lẽ gì thành một sự chánh-đáng.

Người ta cho quyền sở-hữu là bởi nhiều nguyên-nhân mà ra : như sự chiếm-cứ, sự ước-định, công làm-lụng.

Nói về sự chiếm-cứ. Có người thì cho quyền sở-hữu là cái quyền của người chiếm-cứ trước nhất. Nói rằng phàm vật gì bỏ không thì người ta có quyền chiếm lấy, như đi xem diễn-kịch, ai đến trước thì được ngồi chỗ tốt hơn. Vẫn biết thế, nhưng ở nơi kịch-trường, dù đến trước hay đến sau, cũng chỉ được ngồi một chỗ vừa đủ cho thân-thể mình mà thôi ; không ai có quyền được chiếm cả các chỗ ngồi trong nhà hát. Ấy cái quyền người chiếm trước cũng như thế. Ai cũng có quyền chiếm một chỗ ngồi vừa dung được thân-thể mình, chứ không được hơn ; vì nếu để cho hơn thì biết đến đâu là giới-hạn ?

Ông Lư-thoa trong sách « Xã-ước », thiên thứ nhất chương thứ chín, nói rằng : « Có phải cứ bước chân vào cõi đất nào là có thể tức-thì nhận đất ấy là của mình được không ?... Người Tây-ban-nha khi xưa đến đỗ tàu ở bờ bể Nam-hải, tự-nhận lấy cả đất Nam-Mĩ là của mình. Như thế có đủ ngăn-cấm được cả vua chúa các nước khác không được đến chiếm-cứ nữa không ? Cứ như thế thì vua Tây-ban-nha chỉ việc ngồi trong buồng giấy tuyên-bố lên rằng cả các đất trong thế-giới là của mình hết, trừ nơi nào đã thuộc quyền các vua chúa khác thì thôi ; như thế chẳng hóa ra dễ lắm dư ? »

Nói về sự ước-định. Nếu sự chiếm-cứ không đủ một mình làm cơ-sở cho

quyền sở-hữu được, thì thêm sự tài-chế ước-định nữa, nghĩa là thêm sức mạnh của luật-lệ nữa có nên không? Trên kia đã nói rằng quyền sở-hữu là một sự tất-nhiên, nhưng nếu ai cũng được tự-do cần dùng vật gì, chiếm lấy vật ấy, thì xã-hội đến loạn mất, người ta sẽ đánh nhau lộn-bậy cả. Pháp-luật phải ước-định cái phần của mỗi người để cho không ai xâm-phạm được ai, không ai bị ai xâm-phạm. Dù cho cái của lúc mới đầu là do quan đứng lên chia ra, hay là do người tư-dân tình cờ mà đến chiếm-cứ trước, rồi được pháp-luật thừa-nhận sau, thế nào cũng cần đến quan-quyền ước-lượng mà ấn-định cái phần của mỗi người cho khỏi sự phân-tranh.

Như thế thì trong quyền sở-hữu tất phải có sự chuẩn-nhận của xã-hội, và sự chuẩn-nhận của xã-hội là lấy cái lẽ ích-lợi chung cho mọi người làm bằng. Dù quyền sở-hữu chỉ là một sự dĩ-nhiên hoặc vì lâu ngày mà thành ra chính-đáng, hoặc vì lẽ cần mà tất phải quy-định, khiến cho xã-hội phải công-nhiên thừa-nhận, như thế cũng là có sức mạnh lắm rồi; nhưng mà tưởng thế cũng chưa đủ. Quyền sở-hữu không phải chỉ là một sự thực được pháp-luật công-nhận mà thôi; chính là một cái quyền-lợi hẳn-hoi, có nhờ pháp-luật làm bảo-chướng cho, chứ không phải là gốc ở pháp-luật.

Nói cho đúng ra thì cái nguyên-nhân chân-chính của quyền sở-hữu là cái công làm của người ta; và quyền sở-hữu tức là liền với quyền tự-do vậy; người Anh đã có câu nói rằng: « Tự-do với sở-hữu là một » (*liberty and propriety*)

Nói về cái công làm-lụng. Nếu các vật người ta cần dùng là vô-hạn, và muốn thu-hoạch lấy không phải khó-nhọc gì, thì không làm gì có quyền sở-hữu. Như khí trời, ai cũng phải cần để thở, mà có phải của riêng ai đâu. Nhưng nếu những vật cần-dùng ấy phải có khó-nhọc mới lấy được như giống thú chạy trong rừng phải có săn đuổi mới bắt được), hay là phải có công-phu người ta mới sinh-sản ra được (như đất hoang mà cấy nên lúa gạo, thì người nào đã có công bắt lấy được hay sinh-sản được là người ấy có quyền sở-hữu những vật ấy.

Ông Jules Simon trong sách « Tự-do luận » có nói rằng: « Tôi cầm nắm lúa dại ở trong tay, tôi gieo nó vào một miếng đất tôi đã đào sới kỹ, rồi tôi đợi cho đất nhờ nắng mưa hòa-thuận nảy-nở ra thành cây lúa. Lúa mọc lên như thế có phải là của tôi không? Nếu không có tôi thì sao có lúa được? Lúa ấy thật là tay tôi làm ra, ai còn cãi được?... Đất kia là đất xấu, không sinh-sản được gì, tôi đào tôi sới; tôi đem đất thịt tốt tự nơi xa lại; tôi lại dùng phì-liệu để bón thêm vào; đất ấy thành ra được phì-nhiêu trong bao nhiêu năm nữa. Làm cho được phì-nhiêu như thế là công của tôi vậy... Đất kia trước không của ai cả; tôi bón tôi sới, thế là đất của tôi. Theo như ông Locke thì trong hoa-lợi của đất chín phần mười là do công người làm ra vậy »

Hoặc-giả nói công làm chưa đủ định ra quyền sở-hữu được, phải thêm có sự chiếm-cứ nữa; vì nếu không thì đồ-vật đã của người rồi, cái công làm của mình đủ khiến cho có quyền chiếm lấy về mình được; như người lĩnh-canh một thửa ruộng nào, chỉ vì có công cầy-cấy mà được có quyền sở-hữu thửa ruộng ấy hay sao? Như vậy thì sự chiếm-cứ cũng là một phần tất-yếu trong quyền sở-hữu.

Vẫn biết thế. Nhưng mà chính sự chiếm-cứ cũng phải là một cách làm việc, một cách động-tác có công-phu

thì mới có giá-trị. Như hái một cái quả, bắt một con vật hay chiếm một mảnh đất hoang, cũng là một cách động-tác, hoặc dễ hoặc khó, nhưng mà bao giờ cũng phải có công-phu. Như vậy thì chính cái công làm là gốc quyền sở-hữu và làm cho sự chiếm-cứ được chánh-đáng. Nhưng mà đồ-vật gì đã có người chiếm-cứ rồi, đã là vật sở-hữu của một người có công làm lúc đầu rồi, thì kẻ có công sau không thể lấy cớ ấy mà chiếm lấy về mình được, vì một vật không thể làm của hai người vậy. Tuy-nhiên vật của người mà mình có công vào đấy thì công ấy cũng lại tạo ra một cái quyền sở-hữu khác, tức là tiền công để đền lại sự làm khó-nhọc của mình vậy. Nhưng vấn-đề này là thuộc về kinh-tế-học, đây không xét đến.

Quyền sở-hữu gốc ở cái công làm của người ta, tất hàm có hai cái quyền nữa, là quyền tích trữ và quyền di-chuyển.

Vì nếu vật gì là của tôi, thì tôi có thể hoặc là hưởng-dụng ngay, hoặc là để lại mà hưởng-dụng về sau này; lại nếu hiện nay chưa cần dùng đến cả thời có thể để dành cái phần chưa dùng đến ấy, phòng sau này sẽ dùng đến chăng. Thế-tục gọi là để dành; để dành mà tích-lũy mãi lại thế gọi là tích-trữ. Cái quyền tích-trữ ấy cũng là cái quyền thiết-yếu của người ta; nếu không công-nhận cho người ta cái quyền ấy, thì là không biết đến một cái năng lực cao-thượng của loài người, là cái năng-lực biết dự-phòng việc tương-lai; nếu bỏ mất cái quyền tích-trữ ấy đi, thì làm cạn mất cả cái nguồn sinh-sản ra tài-hóa ở đời, nghĩa là cái công làm-lụng của người ta: vì người ta sở-dĩ phải làm cho được yên thân, là cốt nhất phòng về sự tương-lai vậy.

Ngoài cái quyền tích-trữ, lại còn có cái quyền di-chuyển nữa; vì nếu tự tôi có quyền hưởng-dụng, thì tôi cũng có quyền cho người khác hưởng-dụng của tôi được; tôi lại cũng có quyền bỏ cái của tôi hiện có đi mà đổi lấy cái của của kẻ khác tôi ưa tôi thích hơn hay là có ích-lợi cho tôi hơn; nhân đó có cái quyền trao-đổi, sinh ra sự mua bán: nhưng đây lại là thuộc về kinh-tế-học, ta không xét làm gì.

Trong các cách di-chuyển, có cách tự-nhiên nhất là cách cha chuyển cho con: thế gọi là cách di-truyền. Nếu không cho người cha trong khi tích-trữ tài-sản có quyền nghĩ để của-cải cho con-cái mình về sau, thì tức là làm bại-liệt mất một cái nguyên-động-lực rất mạnh của người ta vậy.

Những nhà phản-đối quyền sở-hữu thường nói rằng không phải là công-kích chính quyền sở-hữu, mà là công-kích cái quyền sở-hữu của cá-nhân mà thôi. Nguồn gốc nguyên-chất các tài-sản là đất: đất thì không phải là của riêng của cá-nhân, mà là của chung của quốc-gia, của xã-hội, nghĩa là của công-đồng cả của mọi người mỗi người dân chỉ có quyền tiêu-dùng, mà cái phần của mỗi người là do quốc-gia nhường cho, duy quốc-gia mới thực là có quyền sở-hữu. Cái chế-độ đó là chế-độ công-cộng hay là chế-độ cộng-sản, có hai trạng-thái khác nhau: một là chia quân-bình hết cả mọi người trong xã-hội, thế gọi là cách bình-đẳng; hai là chia theo cái sức làm được của mỗi người, thế gọi là cách tùy-lực.

Một cái chế-độ như thế, cố-nhiên là không thể thực-hành được, không cần phải nói ai cũng biết. Nay chỉ bày tỏ cái thuyết điểm to nhất như sau này. Chủ-nghĩa cộng-sản chân-chính, tất phải quân-phân tài-sản cho bình-đẳng cả, thế là làm bại-liệt mất cái

động-cơ tác-dụng của người ta: vì mỗi người đã chắc được quốc-gia cấp cho đủ no ấm rồi, thì không có cái gì nó kích-động cho phải dụng công khó-nhọc gì nữa. Cái công làm-lụng của người ta, không có hi-vọng được đền bồi cho xứng đáng, thì tất sẽ giảm dần đi, và sự nghiệp văn-minh của thế-giới là bởi công-phu người ta gây dựng ra, rồi cũng đến thoái-bộ dần-dần cả; bấy giờ cả xã-hội sẽ phải khốn-cùng, người ta ai ai cũng nghèo khổ như nhau cả, nhân-loại đã phải khó-nhọc biết bao nhiêu, nhờ ở công-phu làm-lụng, nhờ có quyền sở-hữu mới thoát được khỏi cái trình-độ dã man hồi đầu, bấy giờ sẽ lại quay về tình trạng cũ. Vả lại sự lao-động không thể bỏ hẳn đi được, thì kẻ nào không có cái lợi riêng khiến cho vui lòng làm việc, xã-hội tất phải cưỡng-bách cho phải làm; sự làm-lụng vốn là tự-do, mà đến bấy giờ thành ra cưỡng-bách, người ta được xã-hội cấp-dưỡng cho thành ra mất quyền tự-chủ của mình, mà chẳng qua cũng chỉ làm nô-lệ cho xã-hội vậy

Còn đến cái chế-độ cộng-sản bất-bình-đẳng, cho người ta có công thì được xã-hội bồi-thường, mà sự bồi-thường ấy là tùy cái công to hay nhỏ, thì sánh với cái thuyết bình-đẳng như trên kia có lẽ cũng không phương-hại cho cái quyền sở-hữu và quyền tự-do lắm. Nhưng mà chế-độ ấy nhất-diện không được thỏa cái khuynh-hướng ham bình-đẳng của người ta, sở-dĩ nhân cái khuynh-hướng đó nên đời nào cũng có kẻ mơ tưởng những chủ-nghĩa cộng-sản; nhất-diện thì phá-hoại mất cái tình gia-tộc của người ta, vì không để cho người ta có quyền di-truyền tài-sản cho con cháu mình. Người ta không những chỉ biết biết đến thân-phận mình mà thôi; lại tuổi càng cao thì càng nghĩ đến thân-phận con cháu về sau này; nếu phá-hoại mất cái trách-nhiệm đối với thân-phận con cháu về sau này, thì tức là hủy-hoại mất một cái động-cơ rất mạnh, khiến cho người ta phải gắng sức làm-lụng, và kết-quả tuy không đến nỗi hại lắm như chế-độ cộng sản hoàn-toàn trên kia, nhưng cũng làm cho xã-hội hư-hão đi, người ta đến nghèo cùng khốn-khó, vì phàm chế-độ cộng-sản là tất-nhiên kết-quả đến thế vậy. Nhưng cái khuyết-điểm lớn nhất của chủ-nghĩa cộng-sản, dù là bình-đẳng hay không mặc lòng, là đem xã-hội thay vào cá-nhân, khiến cho người ta ai cũng là người làm công của xã-hội cả, phó cho xã-hội cái trách-nhiệm phải lo cho thân-phận của từng người, tức là tôn xã-hội như một vị thánh-thần toàn-năng toàn-trí vậy.

Tuy-nhiên, trông thấy cái tình-trạng trong loài người, kẻ hữu-tâm không khỏi đau lòng mà khởi ra câu hỏi rằng: tài-sản trong thiên-hạ sinh ra là để mọi người đều được hưởng, mà cớ làm sao phân-phối một cách thất-thường như thế, không được cân, không được đều như thế? làm sao lại có kẻ giàu, làm sao lại có người nghèo? nếu sự bất-bình-đẳng là một lẽ tất-nhiên thì cớ sao lại không lấy cái công-phu của mỗi người làm tỉ-lệ? làm sao lại có kẻ ăn không ngồi rồi mà giàu có phung-phá? làm sao lại có kẻ làm ăn khó-nhọc mà nghèo-khổ khốn-cùng?

Vấn-đề này phải chia ra hai phần mà xét: thứ nhất, làm sao ở đời lại không được bình-đẳng; thứ nhì, làm sao đã không được bình-đẳng mà sự không bình-đẳng ấy lại không có quan-hệ gì với cái tài-năng công-dụng của mỗi người?

Thuộc về điều thứ nhất, thì người ta đã là giống có trách-nhiệm, có tự-do, và bẩm-sinh ra đã có kẻ hơn người kém, kẻ giỏi người hèn, tài-năng công-dụng của mỗi người đã không bình-đẳng như nhau, thì sự phân-phối tài-sản cũng không thể bình-đẳng được.

Nhưng cớ sao sự bất-bình-đẳng đó lại không lấy công-phu của người ta làm tỉ-lệ? Có thể trả lời câu đó rằng ở các xã-hội văn-minh, pháp-luật trong dân-gian mỗi ngày một sửa đổi cho công-bằng hơn, như bỏ những cái lệ đặc-quyền chuyên-quyền, những quyền-lợi quá-đáng di-truyền từ đời phong-kiến còn lại, vân-vân, thì sự phân-phối các tài-sản cũng dần dần lấy tài-năng công-dụng của người ta làm tỉ-lệ. Duy còn có hai cái nguồn bất-bình-đẳng không thuộc về tài-năng công-dụng của cá-nhân, là: 1o sự bất-kỳ; 2o sự di-truyền. Nhưng đối với sự xẩy ra bất-kỳ, như tai-nạn tật-bệnh, thì không có cách nào trừ bỏ hẳn đi được, vì sự ngẫu-nhiên không thể nào phòng-bị được; song cũng có thể sửa lại, cũng có thể giảm đi được: nhân đó mà sinh ra những chế-độ bảo-hiểm, chế-độ trữ-tích, chế-độ cứu-tế, vân-vân, toàn là những cách để cho giảm bớt sự bất-bình-đẳng trong xã-hội, những cách này văn-minh càng tiến-hóa thì càng ngày càng phát-đạt vậy. Còn sự bất-bình-đẳng vì tổ-phụ di-truyền của-cải cho con-cái, thì chỉ có hai cách: một là cái của đó, kẻ kế-thừa biết giữ lấy, lại biết gia-công mở-mang cho phát-đạt thêm lên, như thế thì được hưởng cũng là đáng; hai là trái lại, kẻ kế-thừa ấy được của rồi không lâm-lụng gì nữa, chỉ ăn tiêu đi mà không sinh-sản được thêm ra, như thế thì tự tay mình lại phá-hoại cái đặc-quyền của mình, xã-hội bất-tất phải can-thiệp vào.

Vả lại xét cho cùng, sự hạnh-phúc của người ta có được hoàn-toàn tuyệt-đối thì mới là có giá-trị, chứ sự hạnh-phúc ở trong cõi tương-đối, thì phỏng có hay gì. Người ta nếu cùng phải khốn-nạn như nhau cả, thì sự bình-đẳng ấy phỏng còn có thú gì. Người đời thường nói: xấu đều hơn tốt lỏi, nhưng đều xấu hết cả, thật cũng là một cái cảnh khốn-nạn vậy. Ở các xã-hội dã-man, có lẽ là được bình-đẳng hơn các xã-hội văn-minh, sự bình-đẳng đây tức là cái tình-trạng « xấu đều » như lời tục-ngữ nói vậy. Nhưng thử hỏi người ta sinh-trưởng trong xã-hội văn-minh, có ai chịu đem thân-phận mình mà đổi lấy thân-phận kẻ dã-man cho được bình-đẳng không? Cứ thực ra thì xã-hội càng ngày càng tấn-tới, tài-sản chung trong xã-hội cũng càng ngày càng phong-phú, sự vui-sướng của người ta cũng nhân đó được tăng thêm lên mà cái công-phu khó-nhọc không phải tăng lên chút nào vậy. Nhà kinh-tế-học BASTIAT đã hứng-giải rằng cái phần hạnh-phúc được thêm ra đó là người ta được không, không phải khó-nhọc gì cả. Ông nói rằng quyền sở-hữu của người ta càng ngày càng định được phân-minh thì loài người càng ngày càng thoát được khỏi cái cảnh « xấu đều » là cái cảnh bình-đẳng trong cõi khốn-nạn, mà tiến lên một cái cảnh « tốt đều », là cảnh bình-đẳng trong cõi hạnh-phúc vậy.

Chính lời ông nói rằng: «Quyền sở-hữu có cái khuynh-hướng biến sự lợi-ích có phiền-phí thành sự lợi-ích không phải phiền-phí. Tức là cái động-cơ để thúc-giục người ta phải đem trí khôn ra mà thu lấy những cái sức mạnh ngầm ở trong vật-chất ù-lì. Trí khôn ra chống-chọi với những cái trở-lực nó làm cho sự lợi-ích thành phiền-phí, chống-chọi như thế vẫn là chỉ có cái mục-đích duy-kỷ mà thôi; nhưng đến khi cái trở-lực phá được rồi, thì làm mất đi hẳn, có phải là ích-lợi cho cả mọi người không. Bấy giờ quyền sở-hữu đã phá được cái trở-lực ấy rồi, lại phá đến cái trở-lực khác, cứ thế mãi, làm cho trình-độ của loài người mỗi ngày một cao thêm lên mà người ta dần-dần cũng được bình-đẳng vậy». (*La propriété tend à transformer l'utilité onéreuse en utilité gratuite. Elle est cet aiguillon*

qui force l'intelligence humaine à tirer de l'inertie de la matière des borces naturelles latentes. Elle lutte, à son profit, sans doute, contre les obstacles qui rendent l'utilité onéreuse ; et quand l'obstacle est renversé, il se trouve qu'il a disparu au profit de tous. Alors l'infatigable propriété s'attaque à d'autres obstacles, et toujours élevant sans cesse le niveau humain, réalise de plus en plus la communauté, et avec elle, l'égalité au sein de la grande famille). BASTIAT.

Ngoài cái quyền sở-hữu, lại còn một cái quyền cốt-yếu của loài người, là quyền lấy vợ lấy chồng để lập thành gia-thất. Quyền này cũng được tự-do như các quyền khác.

Cái mục-đích thứ nhất của sự hôn-thú là để nối dõi lấy nòi giống, nghĩa là cốt nhất về sự sinh con đẻ cái. Tuy-nhiên mục-đích đó không phải là mục-đích duy-nhất của sự hôn-thú, vì nếu thế thì luật phải cấm người già không được lấy nhau ; nhưng luật không hề cấm bao giờ. Nhà luật-học trứ-danh ABRENS đã nói rằng : « Điều cốt-yếu trong sự hôn-thú là hai bên đàn ông đàn bà đem cả thân-thể tâm-hồn phó-thác hẳn cho nhau. Tức là đem tình ân-ái, nghĩa bè-bạn hiệp lại mà gây ra một cái xã-hội nhỏ trong hai người với nhau » Cái xã-hội nhỏ đó tức gọi là xã-hội vợ chồng, và thường thường thì mục-đích của xã-hội đó là để gây ra một xã-hội lớn hơn, gọi là gia-đình hay là gia-tộc, ngoài hai vợ chồng, tức là hai cha mẹ, lại còn các con-cái nữa.

Sự lấy vợ lấy chồng đã là hai người đàn ông đàn bà đem tâm-thân mà trao hẳn cho nhau, thì chỉ có thể một người lấy một người mà thôi, chỉ có thể một vợ với một chồng mới đạt được cái mục-đích cao-thượng trong cuộc kết-hôn vậy : vì như lời ông ABRENS đã nói : « Sự lấy [illegible] là đem nhân-cách hai bên kết-[illegible] lại với nhau, thì tất hai bên cái địa-vị phải ngang bằng nhau mới được. »

Sự kết-hôn đã là đem mình phó-thác với kẻ khác, thì tất phải tự-do : cha mẹ không thể ép nài, xã-hội không thể bắt-buộc được ; hai bên phải tự-do mà giao-tiếp với nhau ; như vậy thì sự kết-hôn tức là một cuộc giao-ước.

Xã-hội chứng-nhận và làm bảo-chứng cho cuộc giao-ước ấy; chứ cuộc giao-ước ấy không phải tự xã-hội tạo-thành ra được.

Sự kết-hôn đã là đem tâm-thân phó hẳn cho nhau, thì tất phải trung-thành với nhau ; nhưng trung-thành phải cả hai bên, chứ không bên nào được có đặc-quyền hơn bên nào vậy.

Cuộc kết-hôn lại phải vĩnh-viễn, không thể giải-tán ra được, thì mới hợp với cái tôn-chỉ của sự hôn-thú, vì hai bên đã ỷ-thác với nhau, là hoàn-toàn tuyệt-đối, hẹn cùng nhau bách-niên giai-lão, mới là xứng-đáng với cái nghĩa giao-ước cao-thượng. Luật-pháp các nước cũng có thừa-nhận cho cuộc hôn-nhân có thể giải-tán được, nhưng đó là cái đặc-lệ phi-thường, cùng bất-đắc-dĩ, có sự nguy-hiểm, sự tai-hại gì thì mới phải dùng đến vậy.

Nói tóm lại, bốn cái quyền tự-chủ thân-thể, tự-do hành-sự, tự-do sở-hữu, và tự-do lập gia-thất, là bốn quyền cốt-yếu của người ta, họp lại gọi là quyền tự-do làm người trong xã-hội. Mất cả hay mất một phần quyền ấy thì gọi là kẻ nô-lệ. Cái đặc-tính của sự nô-lệ là người ta không phải là người nữa, biến thành như một đồ vật, có thể bán đi mua lại được. Kẻ nô lệ không có quyền sở-hữu nữa, mà tự mình là một vật sở-hữu của người. Tục nô-lệ từ xưa đến nay đã giảm bớt cái tính-cách nghiêm-khắc đi, và cũng có khi có thể châm-chước với quyền gia-tộc, quyền

sở-hữu được : nhưng mà xét kỹ là bề ngoài như thế mà thôi, chứ thực không bao giờ được như thế. Tục nô-lệ ngày nay ở các nước trên thế-giới đã mất dần đi, cũng không cần phải bài-bác làm gì nữa. Nay chỉ xin trích-dịch ra đây một đoạn trong sách « Vạn-pháp tinh-lý » của ông MONTESQUIEU, dùng lời văn hoạt-kê để tán-dương về cái tục súc-nô ấy mà có ngụ ý bài-bác ở đấy. Ông nói rằng :

« Ta có quyền được bắt người hắc-chủng làm nô-lệ cho ta, quyền ấy nếu cần phải cãi lấy cho được, thì tôi xin biện-luận như sau này : Người Âu-châu đã diệt mất hết người Mĩ-châu tất phải dùng người Phi-châu làm nô-lệ để khai-khẩn các đất bỏ hoang. Nếu không dùng nô-lệ mà trồng mía, thì đường ta ăn sẽ đắt quá. Vả bọn hắc-nô này nó đen thủi đen thui, đen từ đỉnh đầu cho đến gót chân, mà mũi nó lại dẹt, thì phỏng còn thương làm sao được. Ông Thiên-chúa khôn-ngoan như thế, không có lẽ lại đem linh-hồn mà để vào trong cái thân-thể đen thui như thế. Ta quyết không thể cho giống đó là người được ; vì nếu cho nó là người, thì có lẽ thiên-hạ ngờ cho ta là ăn ở trái với đạo Thiên-chúa vậy. Kẻ không biết cứ trách là ta ăn ở không công-bằng với bọn hắc-nô đó. Nhưng họ trách thế là họ trách quá, vì nếu quả ta không công-bằng thật, thì các bậc đế-vương ở Âu-châu thường nay ký điều-ước, này mai hiệp đồng-minh nọ với nhau, sao lại không nghĩ ra đặt một cuộc đồng-minh lớn để giúp cho lòng từ-bi bác-ái trong thiên-hạ ? »

∴

Trở lên là nói những nhân-quyền có thuộc về thân-thể người ta, vì quyền kết-hôn để lập gia-thất cũng là một nửa thuộc về thân-thể, một nửa thuộc về tinh-thần. Nhưng ngoài các quyền đó, lại còn những quyền nữa, có nhà triết-học đã gọi là « quyền của linh-hồn », vì nó thuần thuộc về linh-hồn cả. Quyền cốt-yếu nhất về linh-hồn là quyền « tín-ngưỡng tự-do ». Tín-ngưỡng tự-do, là người ta muốn tin đạo-giáo nào cũng được, lấy cái lẽ rằng sự quan-hệ người với thầu là chỉ thuộc về tâm-tư của mỗi người, quốc-gia xã-hội không có quyền gì định được thế nào là phải, thế nào là quấy.

Còn như quyền tự-do tư-tưởng, tự-do ngôn-luận, thì là gốc ở cái lẽ ông DESCARTES đã giải như thế này : « Cái gì hiển-nhiên rõ-ràng là thực thì mới nên nhận cho là thực. » Như vậy thì cái nghĩa-vụ của người ta có cái óc thông-minh là đối với lẽ gì hiển-nhiên rõ-ràng mới chịu phục, nghĩa-vụ ấy tức cũng là một quyền-lợi nữa, vì nếu không có quyền-lợi, thì theo nghĩa-vụ làm sao được ? . . . . . .

Những quyền thiên-nhiên vừa lược kể trên đó là thuộc về người ta làm cá-nhân trong xã-hội. Quyền thiên-nhiên đó có thể gọi là quyền tư-nhân được. Nhưng mà quyền thiên-nhiên không phải chỉ hạn-chế trong giới-hạn quyền tư-nhân mà thôi : quyền thiên-nhiên không phải chỉ chủ một cá-nhân, mà lại-kiêm cả xã-hội, không những là cái xã-hội chung cả loài người mà lại là cái xã-hội riêng của người dân trong một nước gọi là quốc-gia vậy. Cái phần quyền thiên-nhiên đó gọi là quyền công-pháp, và nói riêng về sự giao-tế nước nọ với nước kia thì gọi là quyền quốc-tế. Quyền công-pháp và quyền quốc-tế đã lập thành hai khoa-học phiền-phức lắm, không thể tóm tắt lại đây được, chỉ xin giải qua mấy điều cốt-yếu như sau này.

Trước hết phải phân-biệt xã-hội với quốc-gia. Xã-hội là xã-hội thiên-nhiên, quốc-gia là xã-hội người dân trong một nước.

Xã-hội thiên-nhiên là người ta họp lại với nhau, không phân-biệt cương-

giới chủng-tộc gì cả, cũng không có gì cưỡng-bách cả. Một người Anh-cát-lợi với một người Ấn-độ gặp nhau ở giữa rừng hoang châu Mĩ, thế là nhóm thành một xã-hội thiên-nhiên, vì hai người cũng là người cả, có thể xum-họp với nhau được.

Quốc-gia là một đoàn-thể những người cùng phải phục-tòng một pháp-luật, một quan-quyền chung, nghĩa là một cái xã-hội mà người ta phải bắt-buộc tôn-trọng quyền-lợi của nhau.

Cái quyền cưỡng-bách đó là gốc của quốc-gia, vậy thì nó ở đâu mà ra? Trên kia đã nói rằng trong nghĩa quyền-lợi đã hàm có cái ý rằng lâm-thời có thể dùng cách cưỡng-bách để ngăn cho người ta khỏi vượt quyền mình mà phạm đến quyền người. Nay ở xã-hội thiên-nhiên thì cái quyền cưỡng-bách ấy chỉ thuộc về cá-nhân đối với cá-nhân mà thôi: tức gọi là quyền cá-nhân tự-vệ, quyền này thì ở trong xã-hội quốc-gia cũng vẫn còn, như khi hốt-nhiên có kẻ xâm-phạm đến mình, hay ở nơi xa chỗ quan-quyền, thì người ta vẫn có thể tự chống giữ lấy mình được. Tuy-nhiên cứ lý thì không ai có quyền được phán-đoán việc riêng của mình. Quyền cưỡng-bách mà để cho tự-do thi-hành không có lề-luật gì thì đến thành ra người ta đánh nhau lung-tung cả. Bởi thế nên cần phải đặt ra quốc-gia, nghĩa là đặt ra một cái quyền chung vô-tư-kỷ để đứng giữa bênh-vực cho mọi người, và thi-hành cái quyền cưỡng-bách một cách chánh-đáng không để cho đến lưu-tệ.

Nhân đó trong nghĩa quốc-gia có hai phần cốt-yếu, một là pháp-luật, hai là quyền-lực. Pháp-luật là những qui-tắc chung đã suy nghĩ châm-chước mà đặt ra trước để định quyền-lợi của mỗi người; quyền-lực là cái sức cưỡng-bách của quan-quyền dùng để thi-hành pháp-luật. Bởi đó mà quốc-gia có hai quyền-chính: một là quyền lập-pháp để đặt ra pháp-luật, hai là quyền hành-chính để thi-hành pháp-luật đó; ngoài hai quyền đó thường lại đặt một quyền thứ ba nữa gọi là quyền tư-pháp để phòng giữ kẻ phạm pháp-luật.

Ba quyền ấy cùng do một cái nguồn chung mà ra, là quyền chúa-tể trong nước. Ở nước nào cũng vậy, quyền chúa-tể là hoặc gồm cả ba quyền đó, hoặc đứng chủ-trương mà ủy ba quyền đó cho người phân-nhiệm. Ở nước quân-chủ tuyệt-đối, thì quyền chúa-tể là ông quân-chủ, tự mình thi-hành quyền lập-pháp và quyền hành-chính, có khi kiêm cả quyền tư-pháp nữa. Ở nước dân-chủ, quyền chúa-tể là nhất-ban quốc-dân, ủy ba quyền đó cho người phân-nhiệm, và cũng có một đôi khi tự thi-hành lấy.

Còn thuộc về gốc của quyền chúa-tể trong một nước, thì có hai cái thuyết đối nhau. Một là thuyết thiên-mệnh, hai là thuyết dân-mệnh. Thuyết thiên-mệnh thì cho chủ-quyền là gốc tự Thiên-chúa truyền cho một nhà vua nào thừa mệnh trời mà thi-hành quyền chúa-tể. Thuyết dân-mệnh thì cho xã-hội cũng như cá-nhân, vốn có quyền tự-do tự-nhiệm, có trách-nhiệm về vận-mệnh mình; lẽ đó là nói về cả xã-hội mới đúng, chứ nói về một hạng nào trong xã-hội thì không đúng, vì cớ sao hạng nọ lại có quyền chủ-định việc chung hơn hạng kia được? Cho nên nói chủ-quyền ở dân chẳng qua là nói rằng mỗi người dân đều có quyền được tham-dự vào quyền chung trong nước, hoặc tự mình thi-hành, hoặc cử người thay mặt vậy. Cái chủ-nghĩa dân-quyền đó ngày nay mỗi ngày một bành-trướng ở các xã hội văn-minh vậy.

Nay gọi là quyền tự-do chính-trị là gồm những cái bảo-chướng để giữ cho

mỗi người dân trong nước được yên-ổn mà thi-hành các quyền thiên-nhiên của mình, như vậy thì quyền tự-do chính-trị tức là cách tài-chế cho quyền tự-do làm người vậy.

Những cái bảo-chướng đặt ra để giữ cho quyền tự-do chính-trị đại-khái như sau này: 1º quyền đầu-phiếu, để cho mỗi người được dự một phần chủ-quyền trong nước; 2º phép phân-quyền, chia ba quyền hành-chính, lập-pháp, tư-pháp ra các hạng người khác nhau, không để cho gồm vào trong tay một hạng nào; 3º quyền tự-do xuất-bản để giữ cho các hạng người về phần thiểu-số không được ra cầm quyền có cách bàn-bạc cổ-động để thay đổi tư-tưởng ý-kiến phần đa-số trong nước.

Người dân trong nước đã có quyền-lợi, lại có nghĩa-vụ, nghĩa-vụ là liền với quyền-lợi. Vì nếu người dân đối với quốc-gia không có nghĩa-vụ gì, thì quốc-gia bảo-hộ cho người dân làm sao được?

Nghĩa-vụ của quốc-dân đối với quốc-gia đại-khái như sau này: 1º Phải vâng theo pháp-luật. Xã-hội không có pháp-luật thì không sinh-tồn được. Trong một xã-hội không có pháp-luật, không có trật-tự, thì là loạn vậy. Loạn tức là diệt mất xã-hội vậy. — 2º Phải tôn-trọng kẻ hữu-tư. Kẻ hữu-tư, hoặc là quan thẩm-phán, quan hành-chính, hay hạng quan nào trong nước cũng vậy, là người thay mặt cho pháp-luật. Pháp-luật phải tôn-trọng, thì người thay mặt cho pháp-luật cũng phải tôn-trọng. — 3º Phải đương binh-dịch. Nước phải có người phòng-bị để khỏi kẻ khác đến xâm-lấn. Nhất-ban quốc-dân phải đem sức mạnh, và nếu cần đến, đem cả sinh-mệnh giúp cho nước trong việc phòng giữ đó. — 4º Phải chịu tô-thuế. Quốc-gia cũng như tư-nhân, phải có tiền mới quản-trị các công việc được. Bởi đó nên phàm dân trong nước phải tùy tài-sản của mình đóng góp một phần để chi-dụng về việc công. Số đóng góp đó, trừ khi nào cùng-khốn quá không đương được, còn thì phải nộp cho đều và cho đúng. Không nên dùng cách giả-dối mà đánh lừa ăn gian với Nhà nước. Công-chúng đối với sự lậu thuế vẫn không cho là việc quan-hệ gì. Thế là lầm, vì lậu thuế tức là ăn trộm của quốc-gia vậy. — 5º Phải thi-hành quyền bầu-cử. Ở xã-hội ngày nay, người dân thường có quyền bầu-cử. Sự bầu-cử không những là một quyền-lợi, lại là một nghĩa-vụ nữa. Người ta không nên vì chểnh-mảng mà phó-khí mất cái quyền ấy đi, hay là bầu-cử một cách khinh-suất, hoặc vì sợ-hãi mà phải bầu, hoặc vì không thiết mà bầu bậy-bạ cho xong. Sự bầu-cử phải cho công-bình sáng-suốt. Bởi thế nên ngày nay người ta lại cần phải học hơn ngày xưa nữa. Kẻ làm dân phải biết rằng vận-mệnh quốc-gia là ở trong tay mình đó, và hai cái của báu của các xã-hội văn-minh là sự trật-tự và sự tự-do, là tự người dân có thể tạo-thành cho nước vậy.

Những điều vừa kể trên đó là thuộc về quốc-gia lý-tưởng, nghĩa là quốc-gia phải như thế mới là hoàn-toàn, mà hiện nay chưa được như thế. Nhưng dù quốc-gia thành-lập thế nào mặc lòng, dù chủ-quyền trong nước tổ-chức thế nào mặc lòng, mỗi quốc-gia vẫn là một cái bản-vị đặc-biệt, không tùy-thuộc gì với quốc-gia khác, và đối với quốc-gia khác cũng coi như là một cá-nhân độc-lập vậy. Vậy thì các quốc-gia [illegible] với nhau, cũng như các cá-nhân trong xã-hội thiên-nhiên đối với nhau vậy. Nước nọ đối với nước kia cũng có quyền-lợi như cá-nhân đối với nhau, và cái luận-lý định sự giao-tế các nước [illegible] nhau cũng giống như cá

luân-lý định sự giao-tế người ta với nhau vậy. Luân-lý các nước với nhau tức gọi là « Vạn quốc-công-pháp ».

Tuy-nhiên có một điều khác hẳn : là các nước đối với nhau không có một cái chủ-quyền chung, không có một cái quyền vô-tư-kỷ đứng giữa để phán-đoán lẽ phải lẽ trái, và có đủ sức mạnh để bắt thi-hành lời quyết-định của mình. Các nước đối với nhau là còn thuộc về tình-trạng thiên-nhiên, nên còn được giữ cái quyền tự-vệ, là quyền mà cá-nhân ngày nay không có nữa, trừ mấy cái trường-hợp đặc-biệt như khi không có quan-quyền pháp-luật vậy. Cái quyền tự-vệ của các nước đó, tức là quyền chiến-tranh vậy. Cứ lý thì trong các nước với nhau mà phải dùng đến võ-lực là chỉ để đối với võ-lực của kẻ khác mà thôi, như thế thời dùng võ-lực mới là chánh-đáng. Nhưng hai bên cùng dùng võ-lực cả, một bên dùng để đánh, một bên dùng để giữ ; theo công-pháp thì chỉ bên nào dùng để giữ là chánh-đáng mà thôi.

Đó là cái trường-hợp đơn-giản hơn cả, nhưng có thể nói là cái trường-hợp thuần lý-tưởng, hoặc ít khi xảy ra như thế. Thực ra thời thường-thường các nước đối với nhau có lắm mối tranh-đành phiền-phức, khó biết được hai bên bên nào là khởi ra công-kích trước ; sự chiến-tranh bấy giờ thời như lời ông LOCKE nói, có thể cho là một cách tố-cáo với Trời, để cầu ông Thiên - chúa định cho sự được thua thế nào. Theo nghĩa đó nên có nhà trước-thuật đã phê-bình về chiến-tranh rằng : « Chiến-tranh là một sự cử-động thuộc về chính-trị, khi các nước không thể điều-hòa châm-chước được các nghĩa-vụ quyền-lợi của mình, phải dùng đến võ-lực để giải-quyết, nghĩa là để định xem bên nào mạnh hơn có thể ép bên kia phải theo mình vậy. »

Tuy-nhiên, sự chiến - tranh không thể . . . làm cho mất cái mối quan-hệ nước nọ với nước kia. Lại cũng không thể để cho phá - hoại được cái công - nghiệp văn - minh trong thiên-hạ, phá-hoại các phong-tục hay cùng các điều trí-thức cao - thượng. Bởi thế nên các nước dường như có cái ước ngầm với nhau về cách chiến-tranh phải thế nào, và trong sự chiến-tranh thành ra cũng có quyền - lợi nghĩa-vụ, gồm lại thành một khoa vạn-quốc-công-pháp về chiến-tranh vậy. Thí-dụ như : cái thủ-tục khi khai-chiến phải thế nào ; các đạn-dược thứ nào dùng được, thứ nào không dùng được ; cách cứu-tế kẻ bị thương phải thế nào; quân chính-thức với quân nghĩa-dũng hay quân tình-nguyện, quyền-lợi khác nhau thế nào ; cách bảo-thủ cho quyền sở-hữu của người dân ở những miền bị xâm lấn, cách trao đổi các tù-binh phải thế nào ; quyền-lợi nước trung-lập thế nào, v. v.

Chiến-tranh xong thời giảng-hòa. Hòa không những là thôi hay đình đánh nhau mà thôi ; hòa lại còn là khôi phục lại cái tình trạng xã-hội là tình-trạng bình-thường của các nước cũng như là của người ta.

Trừ khi giao - chiến, còn các việc phân-tranh các nước với nhau thường giải-quyết bằng điều-ước. Điều - ước là lời giao-kèo nước nọ với nước kia, phải có hình-thức, có thủ - tục nhất-định, cho được chắc - bằng và được hợp-cách. Điều - ước các nước, cách giải-thích, cách thi-hành cũng có qui-tắc như tờ giao-kèo riêng của người ta: Điều-ước đại-khái có các hạng như sau: hòa-ước, ước đồng-minh, ước trung-lập, thương-ước, ước dẫn-độ kẻ phạm-nhân, v. v.

HỒNG-NHÂN *biên-dịch*

MỘT GIẤC MỘNG

(Thư gửi cho bạn thuật truyện chiêm bao

Chị Tố-Lâm.

Phương trời xa-cách cánh nhạn thưa trao, bấy lâu nay thờ-ơ tin-tức, chị hẳn nghĩ bạn cũ năm xưa đã quên nhau rồi nhỉ? Nào ai có biết cho nhau, mai tàn, cúc nở, xuân thu lần-lữa, tấc dạ khôn khuây, một tấm lòng kẻ xa bạn, tháng ngày những bâng-khuâng tưởng-nhớ....

Nghĩ nói nhớ nhau, mà hàng năm không có được mảnh thư thì cũng lạ! Nhưng thư gửi cho nhiều nữa, mà cái chứa trong thư xuông-nhạt cả, thời cánh «tem» mảnh giấy đã lấy gì làm duyên, làm vị? Nên chi không có thư bấy lâu, chỉ là không có truyện gì đáng kể cho nhau nghe. Than xa-xôi mãi cũng nhàm, nói nhớ-thương nhiều cũng tẻ. Truyện lạ giữa đời, thời tin nhật-báo hàng ngày đưa đi khắp cả, vậy riêng mình còn có truyện gì mà thư?

Thế mà bôi-bác hôm nay bỗng có thư! Có thư là có truyện.... Truyện tuy vẩn-vơ, song không đến nỗi tào-lao quá, ai tri-âm đó, âu cũng dễ mặn-mà với ai... Nay xin mượn cánh «tem» hồng, nhờ ngọn gió Nam, chốn hương-khuê gửi đưa người tri-thức. Đây! Một tập giấy dầy! bạn yêu của tôi hẳn lần này không đến nỗi phải phàn-nàn rằng thư nhẩn-ngủn nữa nhé!

Chị ơi! trước khi nhắc phong thư nặng, thấy nét chữ nhau mà mừng, chị hẳn không ngờ đâu người bạn ngồi cầm bút viết thư cho chị hôm nay đã một phen sống thừa, chết hụt. Thật vậy, chị ạ, không biết số Tử-vi năm nay sao gì chiếu mệnh mà dữ-tội quá! Tôi lên một cái nhĩ-hậu-ung, bắt đầu đau từ trung tuần tháng ba, rồi mà ốm lai-nhai mãi đến tháng sáu mới dậy được. Song vì có ốm mới có truyện, lẽ nào lại hà-tiện lời, không nói qua truyện ốm chị nghe. Hơn hai tháng trời nằm ôm giường bệnh, thuốc uống đã kinh, người nuôi đã ngại, sống thừa đâu còn tưởng có ngày nay! Đương kỳ bệnh, nhọt đau rên không dứt tiếng; bệnh bốc, sốt không ngớt cơn; suốt ngày đêm người nóng li-bì, trăm phần cầm chắc nguy cả chín-mươi-chín. Thoạt đầu nghĩ đau xoàng, còn mong ngày một ngày hai đỡ dần; sau thấy bệnh-tình càng ngày càng nặng, dai-dẳng hàng tuần, hàng tháng, thời cũng đành cơm ăn, thuốc uống, mà câu tử-sinh phó liều cho vận-mệnh. Nhà bàn đưa về nhà thương Hà-nội mổ, tôi nhất-định không nghe. Nghĩ bụng: có chết, thà chết ở nhà, còn hơn làm ma nhà Xác, vì riêng mình đã nắm chắc cái chết rồi, còn hi-vọng gì mà đi nhà thương? Thế là cái siêu thuốc sinh-sịch, lá cao thay-đổi, một mặt liều ở nhà chữa thuốc ta. Bệnh nhọt cũng hại người thật, đau mãi, lâu dần người rớt như lá lúa, chỉ còn da với xương. Hàng tháng không dời khỏi giường, không bước ra đến sân. Nhà lại kiêng vía-van, cửa lớn thường đóng, chỉ mở hé cho cánh cửa sổ trông ra dàng hiên vắng. Ốm lâu khổ thật! ai có trải qua mới biết. Nằm mà nhớ mặt trời khát-khao ánh sáng, mơ tưởng bóng trăng, nhớ-nhung cả cỏ cây cảnh-vật quanh mình. Chỉ ước-ao những cuộc đi chơi xa thăm ba-con tỉ-mỉ, bạn-bè tỉnh khác. Người nhà cũng hứa rằng: hễ khỏi thì cho đi Thanh-hóa, hoặc Móng-cáy, Lạng-sơn để đổi khí trời cho khỏe.

Trong những ngày nằm nuôi bệnh ấy, lúc nào tỉnh-tao, ngớt cơn đau. lại xem sách, hoặc các tiểu - thuyết. Đầu giường bừa-bãi : nào *Nam-Phong*, nào *Trung-Bắc*, các sách truyện lặt-vặt, thôi thì ngổn - ngang cả. Người nhà trông thấy cầm quyển sách lại đăng lấy, bảo rằng đương khi đau-yếu xem sách hại. Song ngăn-cấm thế nào cũng không nghe, có hôm dấu tiệt cả bao sách đi, cũng cứ nằn-nì đòi cho được. Gặp những văn ký-sự, hoặc tiểu-thuyết phiêu-lưu, lại càng ham lắm. Còn nhớ ngày ấy lục xem lại cả những đoạn « *Pháp - du hành-trình nhật-ký* » của ông Phạm Quỳnh đăng ở báo *Nam-Phong* và tập « *Hãn-mạn du ký* » của ông Nguyễn Bá-Trác. Những văn du-ký xưa nay tuy cũng thường có đọc qua, nhưng cái cảm-tình đối với hai tập văn vừa nói trên, thì thực là đâm-thắm mặn-mà khác hẳn Thường khi đọc qua rồi, lại đọc lại ngay cũng vẫn ham như lúc mới đọc. Vì non xa, nước lạ, nhân-tình, phong-tục cũng là những nơi phồn-hoa thắng-cảnh, văn-vật xứ người, đã dễ giục ý tò-mò xui lòng mình ham xem, ham biết. Kịp khi giở đến tập văn, những vui lòng thấy chữ nước nhà, tiếng nước nhà, khách-du lại là người nước nhà ! Ôi ! sao mà nói đến ba tiếng « người nước nhà » nghe nó thân-thiết thế ! dẫu khách muôn dặm quan-san, đối với mình cũng gần-gần như trong gang-tấc vậy. Cho nên đọc cái văn chính tay người nước nhà viết ra, văn có học-vấn, văn có du-lịch, văn có quan-sát, lại càng đậm-đà lắm. Chẳng hay những bạn độc-giả đã từng đọc những tập văn ấy, có ai cũng cùng một mối cảm-tình như tôi không ? Tôi thật tỉ-mỉ và hay nghĩ vẩn - vơ [illegible] Nghĩ mình được thảnh-thơi nằm [illegible] một chỗ, không kinh sóng gió, [illegible] ngại tuyết-sương, tiền lộ - phí không tốn một đồng, chỉ quyển sách trên tay lần giở, mà đủ biết đây, [illegible] đó, nhân - tình, phong-tục hiểu biết đở hay, thời đâu có nỡ vô-tình mà chẳng cảm-tạ khách du ai trước đã vì mình dẫn lối đông tây, đưa đường nam bắc ! Nghìn dặm giang-hồ tung lòng du-tử, trước khi ở nhà bước chân ra đi, khách-du đối với phong-cảnh quê người đã sẵn khối óc bao-quát thế-giới, cặp mắt lịch-lãm nhân-hoàn, phàm bao nhiêu phong - cảnh đẹp, sự - tích hay, thú vui, truyện lạ, đều ghi trong ký-ức, in trong nhỡn-giới, để khi trở về cố-hương thuật lại cho bà con thân-thích và người trong nước cùng nghe. Thiết-tưởng những câu truyện lạ chốn giang-hồ, người hiếu-kỳ, ai là chẳng muốn lắng tai. Mà nghĩ người nước nhà đi chơi xa về, kể truyện cho nhau nghe, ngẫm cho thấm-thía ra, thời câu truyện ấy có duyên, có vị, có tình biết bao nhiêu ! Khiến mình khi giở đến tập văn, cái cảm-tình cũng lai-láng, mỗi câu, mỗi chữ, mỗi lời, một thấy đậm-đà, một thấy yêu

Nhưng đọc văn du - ký, trong trí không khỏi mơ - màng những cuộc phiêm-du. Đương khi yếu mệt, tâm-thần bất-định, ngày nghĩ truyện gì, đêm mơ truyện ấy. Có hôm ngày đọc truyện *Liêu-trai* đêm mơ chỉ thấy những yêu hồ ma quỉ. Cũng vì thế mà tập văn du - ký của ông Quỳnh ông Trác ở đầu giường, không mấy đêm là không dắt tôi mộng-du Ba-lê, Nhật-bản, Trung-hoa, người chưa tới mà mộng đã đi, thôi thì huyên - thiên khắp cả. Sau khi tỉnh giấc, nhớ cuộc chơi phiêm chiêm-bao, lắm lần cũng vui ; mà mộng-mị lan-man quá, nhiều khi cũng mệt. Tuy vậy, nhớ lại trong mơ gặp-gỡ cũng nhiều truyện hay.

Còn nhớ một lần ngủ ngày mà chiêm bao rất lạ. Tôi cho cái mộng ấy là mộng một đời không có hai lần. Vậy xin thuật qua đây để chị nghe, gọi là cái chứa trong thư hôm nay có khác với thư mọi lần. Vả nhân dịp cùng

nhau mộng một lúc cũng hay! Tỉnh mãi, cuộc đời quanh đi quẩn lại, cũng chỉ có bấy nhiêu thôi, ngày nào có khác với ngày nào đâu. Tưởng người ta cũng nên có lúc gửi tâm-hồn trong mộng, để được có điều mà man-mác bâng-khuâng.... Chị ạ, từ khi tôi yếu, không mấy lúc là ngồi dậy được cả. Một hôm sớm dậy, thấy tỉnh-tao, tự mình ngồi dậy được, lại biết đói, bèn gọi lấy cháo ăn, không như mọi lần người nhà phải ép, chẳng những không ăn, có khi lại bẳn-gắt nữa. Sáng hôm ấy ăn cháo xong, ngồi gượng một lúc thấy lao-đao, lại nằm xuống. Nhân bảo người nhà ra cả, khép cửa lại, để một mình nằm cho tĩnh, may có ngủ được chăng, vì đêm thường mất ngủ. Nhà cũng chiều ý đi ra hết, lại đuổi các trẻ con sang chơi cả nhà ngang, cấm không đứa nào được bén-mảng gần đấy. Bấy giờ trong buồng im-lặng như tờ, một mình nằm trông ra cửa sổ, ngắm cành đào ngọn gió hiu-hiu, rán thiên-lý ngoài hiên mát rợi, hoa nở đương mùa, hương thơm ngan-ngát cả quanh mình, trước rán con chim-luôn tha-thẩn tìm sâu, nhìn mà yêu....., nghĩ thầm: bụng ấy ăn đó hai con sâu thì no chứ mấy! Nằm vô-sự, nghĩ vẩn-vơ hết truyện nọ, đến truyện kia. Buồn tay vớ được ở đầu giường quyển sách lại giở xem. Bỗng thiu-thiu chợp mắt lúc nào không biết.

Trong mơ phảng-phất thấy mình khỏe mạnh, ngồi trên giường cửi đương lúi-húi nối sợi tơ đứt, chợt thấy sịch hài, bức mành-mành ngoài hiên lay động, bạn gái là Liên-Thành tay cầm đóa hồng-nhung, bước vào tươi-cười hỏi:

— Chị có đi chơi không?

Hỏi: — Chơi đâu?

Liên-Thành nói: — Bác em sắp đi chơi quanh vùng Bắc-kỳ, thăm bà con các nơi, có lẽ lên cả thượng-du nữa. Em riêng nghĩ: thời-buổi văn-minh này, sáu giống một nhà, năm châu rút đất, người ta rộng cẳng, sẵn tiền ra thời Ba-lê buổi sớm, Luân-đôn buổi chiều, nay chơi Bắc-kinh, mai vui Nữu-ước, trải xem Âu-Mĩ, dạo quanh hoàn-cầu, cũng là sự thường. Song đối với chị em mình là gái Nam-Việt, thời cái ước du-lịch thế-giới kiếp này cũng đành là mộng-tưởng. Thôi thời: ta về ta tắm ao ta, một cõi đất nhà tưởng cũng nên yêu lắm. Gặp dịp đi, chúng ta cũng nên đi cho biết đó biết đây, kẻo nữa mang tiếng vô-tình với nước non Hồng-Lạc. Em đã xin phép thầy mẹ em cho em theo hầu bác em rồi, nay chỉ sang rủ chị cùng đi cho có bạn nữa thôi. Vậy chị có đi thì thu xếp ngay, ta về quá Hà-nội xem có gì hay mua, rồi đi luôn.

Tôi nghe nói mừng quá, vội-vàng xếp cả tơ chỉ, ống suốt, khăn áo qua-loa, hột hoa loáng-thoáng, xin phép cả nhà rồi cùng bạn lên xe. Tới Hà-nội qua phố Hàng Gai, nhân rủ nhau tạt vào Đông-kinh Ấn-quán xem các sách quốc-văn mới xuất-bản có sách gì hay lạ thì mua. Trông qua một lượt, phần nhiều là sách nhà đã có rồi. Tôi mua hai quyển: tập *Tay trắng làm nên*, và quyển *Phật-giáo đại-quan*, trong ý định để gửi làm quà cho em gái ở Kiến-an. Liên-Thành cũng mua mấy cuốn tiểu-thuyết. Trả tiền xong, ra lại đi lang-thang mua vặt mãi. Đến phố Hàng-Đào, chợt gặp một ông cụ đầu râu, tóc bạc, Liên-Thành mừng-rỡ, tiến lên trước chắp tay lạy bác, tôi cũng khép-nép vái chào. Ông cụ ra ý vội-vàng, giục chúng tôi đi mau, không thì lỡ tầu. Cùng nhau tất-tả thuê xe ra ga. Lấy vé xong, vừa bước lên xe lửa, chưa kịp ngồi, thì xe lừ-lừ chạy, trước chậm lừ-từ, sau nhanh như cuốn, thoáng lại đến ga, hành-khách lên xuống rộn-rịp. Vụt chốc đến một ga lớn, không biết ga này có hội-hè hay đón-rước vị quan nào mà cửa cuốn, hoa

giăng, một dẫy phố ga cờ phấp-phớp khắp xa gần, người đông như kiến, lách mình không được lối đi. Ngoài cửa ga hình như lại họp chợ, đông quá thể, quang-gánh xô nhau ngả xiêu-vẹo cả. Tôi len-lỏi mãi mới ra được đến ngoài. Quanh-quẩn thế nào lại thành ra lạc mất ông cụ và Liên-Thành, tìm đâu cũng không thấy, hỏi thăm chẳng ai biết. Dặm trường thân gái, đất khách bơ vơ, câu truyện đi chơi phiếm đến bấy giờ mười phần hứng-thú đã tiêu cả mười, lòng riêng tẻ ngắt buồn tênh! Thôi thì đi không, lại trở về không, đành quay về vậy. Quanh-co lộn lại, té ra lại lạc đường! Vì từ lúc đi tìm ông cụ và Liên-Thành, ngõ hẻm hang cùng đi liều đi lĩnh bơ-phờ tìm mãi, đường lối lạ-lùng, mình đi lấy được, cho nên có đường đi dễ mất đường về, cũng bởi tại mình nhắm mắt bước liều không nhận lối. Quãng vắng bơ-vơ, những mong có ai qua đường để thăm hỏi lối mà tuyệt-nhiên không thấy một bóng người. Chẳng lẽ đứng mà ăn vạ trời ở giữa nơi đồng không mông quạnh ấy! Lại đi liều, lần này thời liều thật! Không ô, không nón, đầu trần đội trời, đi miết mãi. Đi được một quãng khá dài, thì bỗng dưng nổi cơn giông-tố, mây đen kéo mù trời, một lát mưa như trút nước. Giữa đường ướt lướt-mướt, không còn biết lánh vào đâu. May quá! trông theo giẻo sông, xa-xa thấp-thoáng thấy có cánh buồm, mừng thầm đấy hẳn có thuyền. Bèn vòng ra bờ sông, dảo bước xuống bến. Sóng nước mênh-mông, lòng sông bát-ngát mà lênh-đênh chỉ thấy một con thuyền. Cách bến chừng vài trăm thước, gào đã hết hơi, mới thấy quay mũi thuyền [illegible] vào. Đương lúc mưa to gió lớn, chẳng kịp hỏi-han gì, cứ bước xuống thuyền. Không biết đò chở khách hay thuyền riêng nhà ai mà lịch-sự mới các lạ thường. Trong sạp giải toàn chiếu cạp điều, mui cao thuyền rộng, đứng ngồi ung-dung, không khác gì một cái « sa-lúp » con vậy, mà bài-trí lại đẹp-đẽ, có bàn xoay, ghế gụ, khay sứ Giang-tây, bình hoa Nhật-bản, trầu bày cháp khảm-ống vôi trạm vàng; hai bên chỗ ngồi lại có treo những bức danh-nhân thi-họa của Tàu, trông thật là nhã. Trên bàn có đủ báo-chí, và các tiểu-thuyết quốc-ngữ để xem. Tôi ngồi trong khoang thuyền mà tưởng chừng như mình ngồi trong « sa-lông » một vị phu-nhân nào vậy. Bây giờ trong khoang im-lặng, khách lạ trông chừng chỉ có một mình tôi; mà từ lúc xuống thuyền cũng chẳng thấy ai hỏi gì mình. Đương lúc mưa to, thuyền phải đỗ tạm lại, bọn chân sào cũng thổi nấu ăn. Cơm xong, một người đàn ông cao lớn, da bánh mật, mắt ốc nhồi, râu quai nón, trông có vẻ táo-tợn, ra dáng là thuyền-chủ, miệng ngậm cái tăm tre, tay cầm bát nước vối, ngồi bắt chân chữ ngũ ở mạn thuyền hỏi tôi rằng: — Cô khách mới xuống thuê đò áp bến nào đấy?

— Tôi hỏi: — Thuyền này thường ghé những đâu?

Người ấy không trả lời ngay; uống một hơi hết bát nước, rồi đặt bát, đưa mắt nhìn tôi, ý nghĩ thầm khách có thể bắt chẹt được, bèn lên giọng nửa bông, nửa thật, đáp một cách ba-hoa rằng: — Nước tới đâu, con chèo buông tới đó, muốn đi đâu cũng được, miễn là khách có tiền, tha-hồ xuôi ngược, dầu lòng bể rộng sông dài thênh-thênh. Thuyền này bốn gió tung buồm cùng gió thuận; có mà hào-phóng ra, dẫu lên thác, xuống ghềnh, nhà đò cũng không quản-ngại; vả chăng của quí riêng dãi người sang, cánh thuyền này không phải để tiếp những khách tầm-thường.

Tôi nghe nói nghĩ thầm: Tiền-bạc là lũ nô-bộc tận-tâm hơn cả, bước chân đi thiên-hạ mà không chịu buông-thả đồng tiền, thời sai khiến thế nào được người? Hai nữa đối với những hạng

người lý-tài quá như những hạng người trên này, chưa cất lời nói, đã gạn đến tiền, thì mình cũng không nên so-kè làm gì. Bèn mở ví lấy tiền, chi tiền đò trước rất hậu, một suất bằng năm bảy suất; rồi bảo họ rằng: — Tôi không nhất-định đi đâu cả, chủ-ý chỉ muốn đi chơi phiếm xem phong-cảnh thôi, vậy nơi nào là chốn non xanh, nước biếc, tao-khách, danh-nhân thường hay lui tới, thì tôi cũng muốn dạo chơi cho biết.

Chủ đò thấy tiền nhiều, vâng-vâng dạ-dạ ran cả một mái thuyền.

Trong bọn lại có một người trẻ tuổi, nói-năng lễ-độ, ra vẻ người có học; làm quen mời tôi ăn trầu, rồi nói:

— Cô thích những cảnh non xanh, nước biếc, mà lại có tao-khách danh-nhân thường hay lui tới, thời tưởng danh-sơn thắng-cảnh xứ Bắc ta cũng không thiếu gì nơi: chùa Hương-tích, vịnh Hạ-long, hồ Ba-bể, bãi Đồ-sơn, kể thì nhiều lắm; nhưng cứ ý riêng tôi thời không đâu bằng cảnh Non-nước ở Ninh-bình. Đấy thì thật là nước biếc, non xanh, danh-sĩ, giai-nhân, tao-ông, mặc-khách, những bậc danh-nhân qua đó, thi-ca đề vịnh rất nhiều; dấu chân vết hãy còn ghi đến giờ. Thế-tưởng nghìn vạn năm nữa, nước non kia dù có trải tang-thương, nhưng di-tích danh nhân đã bao giờ xóa được! Cô sao không qua chơi chốn ấy, khi về ghi lại dấu dầy, để lưu cái duyên cùng non nước, khiến người đời sau xem đến, mà nhớ ngày ấy, tháng ấy, năm ấy, có người nữ-khách đã từng dạo bước qua chơi cảnh này.

Tôi nghe dứt lời, vội gạt đi rằng:

— Chết nỗi! Tôi là một kẻ phụ-nữ vô-tri, tấm thân bụi bề thóc kho này, đối với giang-sơn có công-trạng gì? đối với xã-hội có ân-đức gì? Bấy lâu nay túi cơm, giá áo, luống những thẹn mình chỉ miệt-mài trong cuộc ăm no, có thân ở đời, đã không ti-ích gì cho đời, lại thêm phần ăn hại. Ôi! Cỏ rác kia đối với trâu bò còn có giá-trị; tôi đây nghĩ mình đối với nhân-quần, xã-hội, giang-sơn, chủng-loại thực lại không bằng cỏ rác! Vậy nên nay có hiếu-kỳ, muốn trải xem những nơi danh-thắng xứ nhà, cũng gọi là có đi cho biết, chứ đâu dám mong lưu cái duyên cùng non nước như lời bác nói. Vả như tôi đức tài không có, lấy gì làm duyên? Tưởng con người ta mang tiếng khóc ra đời, đã nên tan mất trong trời đất, ai là người chẳng mong có chút danh gì với núi sông, để người đời sau tưởng nhớ đến mình. Nhưng cũng khó lắm thay! Theo như lời bác nói, cũng là một cách tự làm để lưu danh thiên-cổ đó. Nhưng thôi, tôi không dám!....

Người tuổi trẻ nghe nói phì cười, với cái điếu cầy, châm đóm hút thuốc, rồi đứng dậy. Bấy giờ mưa đã tạnh, thuyền-chủ giục nhổ sào để đi cho sớm. Nước chảy xuôi dòng buồm giương thuận gió, thuyền đi như bay, một loáng đã đến bến. Bến này vắng khách, không có ai xuống. Bọn chở đò cắm sào rồi lên cả bến tìm mua quả bánh.

Tôi đương ngồi lặng xem phong-cảnh, bỗng nghe tiếng đánh xoảng, như tiếng kéo rơi, giật mình quay lại, thì thấy khoang dàng lái có bức rèm xa xanh hoa thêu buông kín, che như lối giả buồng bên trong thấp-thoáng có người. Bấy giờ mới biết là trong thuyền, vẫn có khách, mà mình vô-tình không để ý. Nghe tiếng kéo rơi, lại thấy màn hoa kín rủ, đoán chừng khách hẳn là bậc khuê-các phong-lưu; nhưng cũng không có ý tò-mò muốn biết. Nhân ngồi mãi cũng buồn bèn ra [illegible] thuyền đứng xem phong-cảnh. Trông nước, trông mây, nhìn quanh đây đó, chán lại trở vào.

Vừa bước vào trong khoang, bỗng mà ngạc-nhiên quá! Tưởng chừng như mình lạc đâu cung Quảng, gặp-gỡ Hằng-

Nga! Đưa mắt thấy bức rèm hoa đã kéo gọn về một bên, trong khoang lộng-lẫy trang-hoàng, một vị nữ-lang trạc mười-tám, mười-chín, ánh hoa lấp-lánh, áo mầu thiên-thanh, khăn tuyết nhung tơ, dầy thêu kim tiền, đương cúi xếp những mụn vóc nhiều lặt-vặt để vào trong cái rổ may con; gió ngoài lùa vào động lay tà áo, những rợn thủy ba lớp lên lớp xuống, xa trông sóng-sánh như mây. Nữ-lang thấy khách, vội-vàng với tay kéo bức rèm che như cũ. Tôi biết ý, ngoảnh mặt nhìn đi chỗ khác. Nhưng một mối vẩn-vơ không khỏi buộc lòng mình phải nghĩ... Tự mình lại hỏi dồn mình, đánh đến năm mười dấu hỏi, mà cũng không đoán được mĩ-nhân khách ở phương nào? Tung buồm, duổi sóng, định là về đâu?

Đương nghĩ vẩn-vơ, thì thấy bức màn hoa lay động, người con gái mở màn bước ra, tay cầm theo cuốn *Nam-Phong* đương đọc dở-dang, phong-tư phơi-phới, dung-mạo như hoa; mắt tôi bấy giờ như mờ-quáng hẳn! Ôi! không ngờ trong thế-gian lại có người con gái đẹp đến như thế, cùng nhau một lứa thoa-quần, mà tôi trông thấy cũng ngây-ngất dạ! Nữ lang thấy tôi, dịu-dàng khép áo chắp tay vái chào, làn thu khiến ý như chiến muốn thân. Tôi cũng tỏ ý vui-mừng, đứng dậy cúi đầu thi lễ. Đôi bên bỡ-ngỡ cùng e lạ, tôi vừa toan chúc câu vạn phúc, mượn lời làm quen, thì bỗng nghe cách rèm có tiếng gọi: » Nam-Trân! » Người con gái nghe tiếng, vội-vàng quay lại, chắp tay hỏi: « Sư-mẫu dạy gì ạ? » Bà cụ cất tiếng sang sảng nói: « Hôm nay nghe như trong thuyền có vị nư-khách, dẫu khách đôn-đây, song chuyến đò gặp-gỡ, cũng là có cái phúc-duyên tu từ trăm kiếp trước; vậy nay sắp tới bến nhà, con nên mời cả khách về chơi ta cho vui, vì thuyền đỗ đây là nơi hẻo-lánh, khách lạ một mình, không nên ở lại. » Mĩ-nhân tức là nàng Nam-Trân vâng lời bà cụ, rồi ngoảnh lại, mặt hoa hớn-hở như cười, mở hộp đồi-mồi, đưa khẩu trầu mời tôi, và nói: « Nhà em cách đây không bao xa, tuy ở chốn rừng xanh-song đường lối cũng dễ đi, nếu quí khách không chê lưng cơm dưa muối ở chỗ lều gianh vách đất, thời xin quá bước về nơi tệ-xá, em được hầu truyện, thực là vạn-hạnh! »

Tôi bấy giờ đứng trước một vị giai-nhân tuyệt-thế, đã say vẻ ngọc, lại mê tiếng vàng, có lẽ nào mà từ chối được? Vả nghĩ mình được tiếp một người bạn gái mười phần diễm-lệ phong-lưu như thế, cũng là có thiên-duyên run-rủi. Cứ gì khách râu-mày mới yêu say sắc đẹp; tôi đây được có những bạn gái thanh-cao mà đẹp, thời tấc riêng, riêng cũng mặn-mà kính yêu.

Nam-Trân thấy tôi nhận lời, lấy làm mừng-rỡ, giục nhổ sào ngay. Đương khi ấy bọn phu đò còn ngao-du cả trên bến; người thuyền-trưởng đứng dưới hò to một tiếng: « Tiểu-thư truyền nhổ sào! » thì thấy bọn trên kia dạ ran một lượt, rồi cả năm sáu người cùng chạy răm-rắp xuống. Kẻ lái, người chèo, quả-nhiên chỉ trong một thoáng đã đến một khu rừng mông-mênh bát-ngát. Thuyền tới đó cũng dừng chèo; có một chiếc thuyền con kết hoa rất đẹp, chực sẵn ở bên. Trên bờ ba bốn người đương ngong-ngóng như chờ đợi ai, lúc thấy thuyền chúng tôi ghé bến, thì tất cả mấy người cùng xúm nhau lại mừng-rỡ, reo lên rằng: « Sư-mẫu và tiểu-thư đã về! » Rồi cùng nhau vào trong khoang mời bà cụ sang riêng chiếc thuyền hoa kia. Bà cụ mặc áo hồng-điều, đầu bạc phơ phơ, trạc ngoại bảy mươi, phương-phi đẹp-đẽ; tôi trông thấy vội-vàng cúi lạy. Cụ vỗ vai tôi một cách âu-yếm như con cháu, mở túi đưa tôi khẩu trầu, và bảo: « Cô về chơi với

Nam-Trân, nó là con gái quan nguyên Thái-thú hạt Vu-thủy, nay theo già học hái dâu chăn tằm đấy ; chị em gặp-gỡ là duyên, cô đừng khách-tình nhá ! » Tôi vâng dạ cảm ơn. Bà cụ vui-vẻ bước xuống thuyền chèo về bến khác. Nam-Trân chừng như quyến-luyến không nỡ dứt tình, cứ đứng trên bờ nhìn theo mãi, chờ cho cái thuyền kia đi khuất rồi mới cùng tôi rẽ vào rừng. Vừa đi vừa trò truyện. Tôi nhân hỏi Nam-Trân bà cụ cùng thuyền là thế nào, và sao lại về bến khác. Nam-Trân nói : « Đấy là cụ Thượng Nguyễn ở Phong-châu đấy. Còn sinh-thời cụ ông làm quan rất thanh-liêm. Dân Phong-châu được nhờ công-đức của hai cụ nhiều lắm. Cụ ông lập trường dạy con trai, cụ Bà lập trường dạy con gái. Trai gái Phong-châu nhờ về công giáo-hóa của hai ông bà cụ Thượng Nguyễn mà cùng trở nên bậc trai tài gái hạnh cả. Ôi ! nói đến phụ-nữ Phong-châu, thời thiên-hạ không đâu bằng được. Chẳng những cách giao-tế trong xã-hội, lối cư-xử ở gia-đình đều vào khuôn-phép, mà cho đến văn-chương chữ-nghĩa, canh cửi và may, thêu thùa đan dệt, bánh trái cỗ-bàn, tương cà mắm muối, chăn tằm ươm tơ, trồng bông kéo sợi, cùng là tần-tảo bán-buôn, đều đảm-đang cả. Đất Phong-châu nếu người con gái nào không gồm đủ những tư-cách ấy, thời dẫu có cái nhan-sắc nghiêng nước nghiêng thành, cũng không ai lấy. Không những chỉ ế chồng, mà ngay đến cha mẹ, anh em, họ hàng mình cũng ruồng bỏ ; làng nước chê cười, suốt đời không mở mặt được. Trai Phong-châu cũng vậy, không một người nào là người vô-học-thức, vô-nghệ-nghiệp. Không những con các quan, con nhà giàu đều bắt buộc phải học cho đến nơi đến chốn, mà ngay các con nhà nghèo từ sáu tuổi cũng được dân cấp lương cho ăn học, cho đến mười-tám tuổi. Từ mười tám tuổi trở lên, người học-trò nào có đủ tư-cách theo được bậc cao-đẳng, thì đã có hội « Du-học bảo-trợ » của các nhà tư-bản, nhà quyền-quí trong hạt chủ-trương giúp tiền cho đi du-học các nơi. Ôi ! nghĩ làm một người con trai ở đất Phong-châu, cái trách-nhiệm cũng nặng-nề lắm thay ! Không phải như các nơi, đàn-ông con trai muốn lêu-lổng thế nào cũng được. Ở Phong-châu người trai nào cũng vậy, nếu từ hai-mươi-nhăm cho đến ba-mươi tuổi, mà tự mình chưa làm được điều gì gọi là việc công-ích đối dân làng, thì theo lệ làng, sẽ phải nộp một số tiền phạt rất nặng, và hạn trong mấy năm phải làm được những việc ích-lợi chung để chuộc lỗi ; nếu không, sẽ phải nộp phạt lần thứ hai nữa, và suốt đời không được dự vào hương-sự ; dẫu con các quan, con nhà giàu cũng thế. Cũng vì tục-lệ Phong-châu đối với trai gái nghiêm-khắc, nên con trai con gái trong quận lớn lên không đợi cha mẹ phải lo ; tự mình đã phải tập ăn, tập làm lo học-hành sửa sang đức-hạnh, không dám trái bổn-phận. Đó chẳng phải là một phong-tục rất hay ru ! Song cái mĩ-phong ấy cũng là nhờ ở công trau-giồi của hai ông bà Thượng Nguyễn đã hết lòng với dân. Như cụ Thượng bà ngày nay, tức là một bậc sư-mẫu của tất cả đàn bà con gái Phong-châu ; những trang vợ thảo, mẹ hiền, đều một tay cụ gây dựng cả. Tưởng một bà quan như thế, cũng ít có lắm thay !

Hai người mải truyện, quên cả đường dài. Chợt đến một chỗ cây-cối xanh um, xa trông thấp-thoáng có nhà, Nam-Trân trỏ tay bảo tôi : « Chỗ ngàn cây xanh ngắt kia là cánh rừng dâu em trồng ; còn mái tranh thấp-thoáng đó là nhà em, ta sắp đến nơi rồi ! » Quanh co một hồi, đến một khu vườn cảnh mông-mênh bát-ngát, thông reo, trúc múa, trăm hoa rực-rỡ, hồng-nhung, hồng-bạch xan-xát đầy vườn, trong có hai lớp nhà lá năm gian,

cao rào sạch-sẽ ; trước cửa ràn nho, quả sai từng chùm rủ xuống ; hai bên lối vào huệ nở trắng sóa, trước sân đào lý rườm-rà xanh tươi. Nam-Trân tiểu-thư có dáng vui-vẻ, rẽ hoa, dắt tay tôi cùng bước lên thềm. Trong nhà sao mà lắm sách thế ! Thoạt vào đã thấy ba gian nhà sách cao ngất từng chồng. Nào *Nam-Phong tạp-chí*, *Đông-Dương tạp-chí*, các báo sách quốc-văn không biết bao nhiêu mà kể. Ngồi chơi một lúc, đã thấy đứa nữ-tỳ pha nước bưng lên. Tôi cầm chén nước uống, đưa mắt nhìn ra vườn hoa khen rằng : lắm thứ hoa đẹp ! Bỗng thấy Nam-Trân tiểu-thư mỉm cười, rồi cầm con dao con bước ra vườn tỉa hoa. Tiểu-thư lẫn bóng ngàn hoa ; hoa in vẻ mặt, mặt như hoa, tôi càng ngắm càng yêu. Bỗng xa nghe văng-vẳng có tiếng ngâm không biết từ đâu đưa lại, phảng-phất còn nhớ mấy câu :

Hoa-viên thấp thoáng bóng hồng,
Xuân-đường phơi-phới mặn nồng tấm yêu.
Phong-tư cốt-cách phiêu-phiêu,
Ấy ai lạc lối Lam-kiều tìm hoa ?

Vừa dứt tiếng ngâm, đã thấy một nữ-lang tóc mây buông xõa, áo mầu phấn-hồng, khinh-khiêu từ phía đông đi lại, rẽ hoa đến trước Nam-Trân. Hai người thấy nhau cầm tay mừng-rỡ, xách lẵng hoa cùng bước vào nhà. Tôi tưởng khách lạ là ai, chẳng ra chị Vân-Lan, bạn học những ngày ! Vân-Lan thấy tôi mừng quá, đương cầm cái lược, gài ngay lên đầu, vội vàng chạy lại nắm tay cười nói : « Bừng [illegible] lận-đận, bao ngờ gặp đây ! » Rồi kéo [illegible] ngồi gần nói chuyện.

Tha-hương ngộ cố, lòng mừng [illegible] tôi bấy giờ tấm riêng nô-nức, khó biết lấy lời nào tả cho đúng. Lời [illegible] hợp, truyện xa gần, nói rồi lại nói, có lúc ngồi ngẩn trông nhau cùng cười.

Tôi nhân hỏi Vân-Lan : — Có phải vừa rồi chị ngâm thơ đấy không ?

Vân-Lan cười, đưa mắt nhìn Nam-Trân rồi nói : « Ngâm thơ, ngâm thần gì đâu ? Nhân hôm nay được buổi gội đầu, đứng trên ghế cao trải tóc, buông mắt ngàn hoa, thấy vườn ai tha-thướt bóng hồng, nên cách tường ngâm đùa mấy câu gọi là làm duyên với người ngọc. Nhưng người ngọc vô-tình có biết đâu : lần ngàn hoa một trang đài-các, bấy lâu nay luống não tường đông một khách đa-tình ! Chị Nam-Trân ạ, Lan này trách đấy. . . . » Nói rồi lại trông Nam-Trân mà cười. Bấy giờ Nam-Trân tiểu-thư mải sửa-sang những bông hoa để cắm vào bình, nên chỉ tủm-tỉm cười không nói gì. Một lát cắm hoa xong mới bảo : — Gớm ! Chị Vân-Lan là gái mà còn lả-lơi thế đấy, giá-sử tạo-hóa già tay, lại điểm thêm cho vẻ râu mày, thì chưa biết miệng lưỡi kia, trêu hoa cợt liễu đến thế nào ! » Vân-Lan ngồi lặng yên, hai tay mơn những cánh hoa, để Nam-Trân dứt câu, rồi mỉm cười nói : « Vâng ! chị mắng lả-lơi em xin chịu ! Nhưng chị biết đâu em đây không vì chị mà luống tiếc cái nhan-sắc khuynh-thành kia, bấy lâu nay phong kín ở chốn rừng xanh này, khiến cho lan mọc hang sâu không người biết đến. Giá-sử chị sinh-trưởng ở một cõi phồn-hoa như đất Long-thành, thì làm chi chẳng nhà vàng sẵn đúc những từ bao kia rồi ! »

Nam-Trân nghe dứt lời, gạt đi, bảo rằng : « Chao ôi ! chị Vân-Lan, em có yêu chi cái sinh-thú của đời phồn-hoa, mà chị khéo vì ai tiếc mướn cho hoài luống công ! Chị đã biết đâu em chẳng yêu cái thú tầm-tang, ngày ngày ra bãi hái dâu chăn tằm, hơn là cái cảnh xiêm-y bóng lộn, ngựa xe giong-ruổi mai chiều như những bậc khuê-các phong-lưu ở đất Hà-thành kia ! » Vân-Lan gật đầu, mỉm cười đứng dậy nói : « Thôi ! Hôm nay vui gặp cố-tri, em hãy chịu thua chị Nam-Trân, không dám thuyết-

lý nữa ! » Rồi dắt tay lượn sang thư-phòng ; còn Nam-Trân thì cầm cái lẵng con ra vườn hái các thức hoa quả.

Tôi đứng trước mấy gian nhà sách, trông thấy sách vở như rừng, hàng ngang dẫy giọc mà bát-ngát cả lòng. Giở quyển này lại muốn xem quyển khác ; quyển nào cũng muốn để mắt, mà thành ra không xem được quyển nào. Vân-Lan cũng như tôi, cùng một bạn ngốt sách cả, thấy quyển nào cũng vồ-vập. Hai người đương mê-mải tâm-hồn như chìm-đắm cả trong bể thánh rừng nho, thì đã thấy Nam-Trân xách một lẵng đầy những nho và mận thép, quả nào quả ấy chín mọng, bước vào bảo chúng tôi : « Xem mãi chọn mãi, liệu có mua giúp cô hàng sách được quyển nào không ? Bấy lâu nay, buồn văn chưa gặp ai người yêu văn cả, hai chị hôm nay mua giúp đi ! » Tôi chỉ cười. Vân-Lan bẻo-lẻo, vừa cười vừa bông rằng : « Làng văn không phải có hiếm gì khách yêu văn. Nhưng văn triết-lý đọc lởm-chởm như sỏi đá cả ; mà văn đạo-đức thời khô-khan gan-chất không được lấy một giọt tính ; văn thời-thế lại càng suông-tẻ lắm, ai mà yêu được! Nghề sinh-nhai phải biết tùy-thời, đời này đương lúc đua nhau văn-minh, tôn-trọng « ái-tình », mà buôn toàn những văn giảng nhân-nghĩa, đạo-đức, bàn triết-lý, luận thời-thế, thời có khác gì buôn gương bán cho sầm, buôn lược bán cho sư ! Làm gì mà chẳng ế ! » Vân-Lan nói xong, cả ba người cùng phì cười, rồi cùng nhau ra trường-kỷ ngồi ăn hoa-quả. Nhân cùng bàn về thời-đại văn-minh và nữ-giới bây giờ. Tôi mới nói với Nam-Trân tiểu-thư rằng : « Nữ-học nước nhà ngày nay xem ra tiến-bộ lắm, thật là một điều rất đáng mừng cho cái tương-lai của nữ-giới Việt-Nam ta. Cái địa-vị của đàn-bà ta trong xã-hội ngày nay, thật đã nâng cao hẳn, không còn phải phàn-nàn rằng chịu phần thua-kém như xưa nữa. Gái Lạc-Hồng từ khi theo đòi ! ây-học, dự vào khoa-cử, thật đã nhiều người tài cao, học rộng, tự mình mưu lấy công-danh, sự nghiệp, không phải chỉ cứ trông cậy vào một người chồng. Những cảnh gia-đình mới bây giờ, nhiều nhà chồng bằng này, bằng khác, vợ cũng bằng nọ, bằng kia, có khi vợ lại đỗ cao hơn chồng ! Cả hai vợ chồng cùng làm được ra tiền, lên xe, xuống ngựa, trăm phần vẻ-vang. Nghĩ đến các bà, các mẹ ta khi xưa, chỉ quanh-quẩn một góc nhà, tần-tảo hôm mai, nuôi được đàn con khôn lớn, đã lấy làm vinh-hạnh đắc-chí. Nào có biết đâu con cháu ngày nay chỉ phóng ngọn bút cũng đủ có tiền trăm bạc chục. Cái tiếng bà đốc, bà giáo, bà tú, bà cử, không phải cứ nhờ tiếng chồng mới có. Ôi ! bạn gái ta ai là người nghĩ đến thế, chẳng vỗ tay chúc mừng nữ-học một ngày một cao, và cảm ơn cái văn-minh mới đã xướng-khởi nên cái chủ-nghĩa « tự-do bình-đẳng, » « nam-nữ bình-quyền », khiến cho bọn phụ-nữ Việt-Nam ta đã hẳn thoát khỏi cái cách gia-đình chuyên-chế từ mấy nghìn năm nay, là vợ chỉ suốt đời nô-lệ cho chồng. Từ đây nữ-quyền đã trọng, thời-thế văn-minh, âu là khác hẳn ! »

Trong khi tôi nói thì Nam-Trân tiểu-thư vẫn lắng tai nghe, thỉnh-thoảng lại mỉm cười. Tôi nghĩ thầm : bạn hẳn đồng-ý với mình. Không ngờ vừa dứt câu truyện, tiểu-thư bỗng buông tiếng thở dài mà rằng : « Cao [illegible] ! ái-hữu cho thế là đáng mừng [illegible] ? Bọn tân-nữ-giới nước ta ngày nay tiếng là có học, song cứ [illegible] tôi thì phần nhiều lạc đường cả. Chỉ chuộng cái hư-danh nay trường [illegible], mai trường khác, bằng nọ, bằng kia, cùng [illegible] đua những cách văn-minh rỡm, tự-do xằng, mà đến cái trách-nhiệm trọng-yếu của mình ở trong gia-

đình thì không thiết đến. Thiết-tưởng đàn bà con gái cần phải có học lắm. Học càng cao bao nhiêu, phẩm-giá càng tôn-trọng bấy nhiêu. Nhưng dù theo về phương-diện nào, cũng phải lấy gia-đình làm đích; vì danh-dự và hạnh-phúc của đàn-bà gốc tự ở chốn gia-đình. Ngoài chốn ấy ra, người đàn bà dẫu trăm hay cũng không mưu hạnh-phúc nào hơn được. Trừ ra những bậc quần-thoa có bụng ưu-thời mẫn-thế như Trưng Vương, Triệu Ẩu đem sức liễu-bồ chống-đỡ giang-sơn, lấy nước làm nhà thì không kể, vì những bậc ấy muôn người không có một; còn thường như chị em mình thì tranh lợi-quyền, ham tước-vị làm gì? Địa-vị chính của mình là góc chiếu gia-đình. Người đàn bà không bao giờ là thừa cho gia-đình cả, vì cái hạnh-phúc của một nhà lúc nào cũng trông mong vào mình. Trừ những người bất-hạnh, gặp cảnh cô-quả, gia-tình quẫn-bách, họ-hàng không thể tư-cấp cho mình được, thế bất-đắc-dĩ, mới phải bỏ việc nhà ra làm việc ngoài để mưu kế sinh-nhai. Còn những người trời đã cho được cảnh sung-sướng, mà không biết yên phận nương bóng tùng-quân, để gây nên cái gia-đình hạnh-phúc, lại muốn bay-nhảy cũng như đàn ông, mưu công-danh kia khác, cùng là tham dự những việc bên ngoài, thì thật là một điều hại cho gia-đình xã-hội vô-cùng. Vả việc nhà, việc ngoài, đôi ngả phân-mang, chưa hẳn đã để cho người đàn bà được yên lòng làm trọn việc bên ngoài cho xứng với phận-sự mình. Suy như đàn ông bước chân ra ngoài, việc nhà đã vô-toan đỡ-đần; mà lắm người xét thì việc gia-đình để bận đến lòng, còn [illegible] mình muốn rũ công-danh, gác cả [illegible] đời, chán-nản không muốn làm gì nữa. Huống-hồ là đàn-bà: cha, mẹ, chồng con, công việc cửa nhà, giang-sơn một gánh, hiếu tình ai kẻ nghiêng vai đỡ mình? Mà vội chút gánh nặng gia-đình lấy việc bên ngoài làm trọng!

Nghĩ thử xem: cả hai vợ chồng cùng làm việc công; chồng ông đốc, vợ bà giáo, lương tháng dẫu ngoại vài trăm, nhưng cái hại ngấm-ngầm trong nhà kể sao cho xiết. Chồng đi làm, vợ cũng đi làm, cửa nhà phó mặc lũ tôi đòi; còn gì không biết, mất gì không hay; sự hư-hỏng quá ra đến đánh đuổi dầy-tớ là cùng. Con-cái cũng không tự mình chăn nuôi dạy-bảo được. Lúc bé giao cho vú, lớn lên phó mặc thầy. Thành ra những đứa trẻ ấy thất-giáo ngay từ lúc còn ở với cha mẹ. Kịp khi cắp sách theo thầy, thầy cũng chẳng qua chiếu-lệ dạy cho biết đọc, biết viết, đủ theo qui-củ nhà trường. Còn như đường ăn, nết ở, lẽ phải trái, cách-thức ở đời, thì thầy nào bắt khoan bắt nhặt, dạy học trò được đến nơi đến chốn bằng cha mẹ dạy con. Huống-hồ lại con thầy, thầy cũng phó-thác cho người.

Bởi vậy, con hư cũng từ đấy. Con đã đến hư thì còn mong gì thành gia-đạo? Nếu một nhà thế ấy, trăm nghìn nhà cũng vậy, thì xã-hội đào-luyện đâu cho được nhân-tài? Cái hại cho gia-đình xã-hội đại-khái như thế.

Lại còn một điều thiệt nữa mà bạn thương-lưu nữ-giới nước ta ít ai nghĩ đến, là người vợ ham quyền-lợi bên ngoài mà hờ-hững gia-đình, thì thực tự mình làm giảm mất cái thú êm-đềm trong tình cầm-sắt đi. Vì trời sinh ra đàn-bà, tức là một đóa hoa biết nói biết cười, chủ-ý để mình vì người yêu mình tiêu-sầu giải-muộn trong quãng trăm năm, và gây nên một cái hoàn-cảnh êm-đềm hớn-hở, khiến người yêu kia vì mình mà sinh lòng phấn-khởi, hăm-hở muốn làm nên công kia việc nọ ở đời. Nhưng nếu đóa hoa kia lại chỉ mong dời cỗi gốc mình để ra thi hương thi sắc với đời, thời cảnh gia-đình tẻ lạnh biết bao!

Suy cho cùng, thời chị em ta chỉ cầu làm sao cho được là người đàn bà có học-thức, có tư-tưởng, biết cách giao-tế trong xã-hội, biết đường cư-xử ở gia-đình, nữ-công, nữ-hạnh, biết đủ bổn-phận mình, để vì ai trăm năm gánh-vác giang-sơn, khỏi phụ cái danh là người nội-tướng thì hơn cả. Gái hết bụng thờ chồng, ai có bảo thế là nô-lệ bao giờ ? Mà gặp chồng quân-tử, gặp chồng tương-phu, ta đây dẫu có làm nô-lệ nữa cũng không ân-hận gì. Nam-Trên này nghĩ thế đó.

Còn như vụ cái hư-danh bằng nọ, bằng kia, quyền này, chức khác, cậy mình có thể tự-do sinh-hoạt được, ngọn bút vẽ-vời gây nên sự-nghiệp, không phải lụy ai, rồi hợm mình khinh chồng, đối với cha mẹ, anh em nhà chồng, chữ thảo-hiền gạch mực xóa đi. Chồng hơi phật ý, giở ngay chủ-nghĩa nam-nữ bình-quyền. Cha mẹ chồng hỏ gay-gắt quá lời, đã chân trong chân ngoài, theo đường sinh-kế tự-do. Việc gia-đình coi như cái bụi ngoài áo, không bận-bịu đến lòng. Ôi ! Nghĩ học mà có những nỗi khó chịu ấy, thì thà ngu-độn còn hơn !

Ai là chẳng yêu cái cảnh hai vợ chồng cùng là người có học-thức. Chồng nói, vợ nghe ; chồng yêu, vợ vẫn phải kính. Chồng lo - toan việc ngoài ; vợ thu-xếp việc trong. Có cha mẹ biết đường thờ kính ; sinh con-cái biết cách dạy nuôi. Chồng khi phiền muộn, vợ biết cách yên-ủi. Chồng có lỗi, vợ khéo lựa lời can-ngăn, không để mất lòng nhau mà lỗi kia sửa được. Vợ lại khéo lợi-dụng cái ái-tình của mình, khiến cho chồng không vì tình nhi-nữ mà đoản khí anh-hùng. Ngoài ra, những buổi phong-thần, nguyệt-tịch, chồng lại có thể lấy vợ là một người tri-kỷ để cùng nhau bình-luận việc đời. Vợ chồng như thế, đường trăm năm vui-vẻ biết bao ! Có vợ ấy, chồng lo gì không làm nên những công to-tát ở đời ?

Trai bắt-chước cha, gái noi gương mẹ, con cháu đời đời cùng trong khuôn ấy, thì gia-đạo nào không thành, xã-hội nào chẳng vững. Ấy đàn bà có học-thức, có tư-tưởng ích-lợi là như thế. Nếu bạn nữ-lưu tân-tiến nước ta, ai cũng biết lợi-dụng cái tài-năng, học-thuật của mình để gây nên những cảnh gia-đình đặc-biệt ấy, thời nước Nam lo gì không có nhân-tài. Mà các bạn quần-thoa trong thế-giới, dẫu hương trời sắc nước, học rộng tài cao, nhưng luận đến cái công của đàn bà đối với gia-đình, xã-hội, thời vị-tất chẳng đem giải nhất đành nhường cho ta !

Tôi lạm bàn như vậy, ái - hữu thử nghĩ xem, hoặc ý-tưởng tôi có sai lầm chăng ?

Tiểu - thư nói xong, lại tiếp luôn rằng : — Từ khi cái phong-trào văn-minh Âu-Mĩ tràn ùa sang đến giờ, phong-hóa Đông-phương đã hầu đổ hết. Bao những cái hay của văn-minh, người Tây-phương chắt lọc cả ; còn những cặn-bã tung cả sang cõi Á-đông, khiến cho người Đông-phương sinh trong cái thời buổi văn-minh dở - dang này, những ham vồ-vập cái phong-trào mới, mà bỏ hết đồ cả những cái hay, cái đẹp của phong-hóa xưa, luân-lý cũ. Biết đâu người Việt - Nam ta chẳng vì chịu cái ảnh-hưởng lây ấy, mà đến nỗi nhân-tâm ngày biến, xã - hội ngày suy. Hai chữ văn-minh mập-mờ thực - hành cả cả những nơi hang cùng ngõ hẻm, [illegible] cho nghiêng-ngửa cả luân-thường, [illegible] nỗi trăm nhà thì chín-mươi-chín [illegible] nát gia-đạo. Thậm-chí ở những [illegible] phồn - hoa đô-hội, đàn bà công-nhiên lấy đàng-điếm làm phong-lưu, cho cờ bạc là thứ tiêu-khiển. Ôi ! đàn bà mà sa-lê vào đám bạc thì còn có gì là vẻ khuê-các nữa ? Thử xem

các bà Âu-châu có tư-cách có ai đánh bạc không ?

Câu truyện đương dở-dang, chợt nghe có tiếng nhạc ngựa xa-xa mái ngoài. Tôi đưa mắt nhìn ra, thấy một thiếu-niên âu-trang phong-nhã, đương dắt ngựa buộc vào gốc cây dào. Chị Nam-Trân mừng-rỡ, trước hiên xốc áo bước ra đón chào. Vân-Lan vội-vàng dắt tay kéo tôi cùng lần vào nhà trong.

Tôi khẽ hỏi ai thế. Vân-Lan nói thầm : — Đấy là Cao công-tử, anh trai chị Nam-Trân đấy.

Rồi lại nói chuyện cho tôi nghe : — Cao-quân là một bậc thiếu-niên hào-kiệt, tài cao, học rộng, ít ai sánh kịp. Mấy năm trước sang du-học bên Pháp đã đỗ Y-khoa bác-sĩ. Nhưng từ khi trở về nước, cũng không làm đâu cả. Có lập riêng một nhà thương làm phúc để chữa cho những người đau trong bản-hạt, tự mình săn-sóc trông nom lấy, thật là một người hết lòng với nghĩa-vụ. Học mà được cả như Cao-công-tử thì thực không phụ công khai-hóa của nhà nước Bảo-hộ, mà cũng không phụ lòng trông cậy của quốc-dân Nam-Việt. Công-tử lại xin được phép lập ra một hội đặt là « Việt-Nam thanh-niên tu-đức hội ». Những hội - viên toàn là thiếu-niên Nam-Việt cả. Mục-đích của hội cũng không có gì cao-thượng. Chỉ trừ bỏ những tật xấu của thiếu-niên ngày nay, như : trai-gái, cờ-bạc, rượu chè, thuốc-sái, cùng là những tính chơi-bời lêu-lổng, ngông-nghênh lười biếng. Trái lại thì hội-viên phải tập lấy những tính hay đức tốt và phải khuyến-khích con em trau-giồi nhân-cách cho cao phẩm người. Mục-đích của hội có bấy nhiêu thôi. Tuy vậy từ khi hội thành-lập cũng đã thấy nhiều kết-quả hay.

Hai chúng tôi đương thì-thầm trò-chuyện, chợt nghe thấy tiếng Cao công-tử nói ở nhà ngoài : « Anh đã quyết rồi, em đừng gàn nữa. Anh quyết Âu-du thứ nữa để khảo-cứu về nghề tráng men. Vì xét kỹ đồ gang, đồ đồng của ta dùng trong việc bếp - nước nấu ăn, chẳng những kém phần sạch - sẽ, thường khi han - rỉ lại sinh chất độc nữa, không được tiện-lợi và hợp vệ-sinh bằng soong, chảo, các đồ dùng tráng men của người Âu. Anh đã bẩm mệnh hai thân cùng ưng-thuận cả. Em có tính hay quyến-luyến, đáng lẽ anh cũng giấu, nhưng nghĩ thương em xa-xôi, nên đến chơi thăm em nói chuyện, cùng em tạm-biệt, mấy năm anh lại về. Em ở nhà nên hết lòng tập việc nữ-công, khi nhàn xem thêm các sách cho rộng, anh xa-xôi cũng được vui lòng. » Công-tử dứt lời, thấy Nam-Trân tiểu-thư có vẻ ngậm-ngùi nói : « Dưới gối mẹ cha, quây-quần có hai anh em. Lần trước anh du-học, biệt-ly một chốc bốn năm trời, cha mẹ trông mong, lòng em thương nhớ, đến nay vừa mới tạm khuây - khuây dần, thì anh lại vỏ câu nghĩn dặm giong cương cõi ngoài. Cứ như thế, đời người mấy độ chia-phôi mà già ! Buồn quá ! Em thật không tưởng đâu anh lại có chí âu-du nữa. Hôm nay cùng ngồi đây, mai đã xa rồi ! Anh đi biết đến năm nào mới lại về ? » Tiểu-thư nói xong, thở dài. Cao-công-tử chẳng những không buồn, lại cười bảo rằng : « Em lẩn-thẩn lắm ! Không biết rằng một cảnh gia - đình dầu vui-vẻ mấy mươi nữa, cũng không bao giờ đoàn-tụ mãi được. Người ta lúc bé quây-quần dưới gối mẹ cha ; kịp thời khôn lớn, phải đem thân ra xoay-sở với cuộc đời, để mưu kế sinh-nhai. Bấy giờ nam bắc chia đường, đông tây rẽ lối. Kẻ ở phương này, người đi phương khác, chứ có lẽ đâu cứ ngồi yên với nhau một xó nhà mãi được. Nếu như thế đã lại là hạng người thừa ở thế-gian không đủ nói. Chẳng những nghề

sinh-nhai bắt buộc người đời tản-mát phải xa nhau. Suy ra nữa, chiếc thân sống gửi giữa đời phù-sinh, hợp đấy mà tan, đương còn mà mất, như trò trêu-ghẹo, như cuộc đánh lừa, khiến cho đời người những bấp-bênh, một tấm thân hờ-hững không còn được xa ước, xa mong, mơ-tưởng những cuộc lâu-dài cùng vũ-trụ. Thế thời có nói chi bao những nợ duyên ân-ái, tình-nghĩa cõi đời, hết thảy đã không phải là sợi dây kiên-cố, thắt chặt muôn nghìn kiếp, thời cơ dứt nát buông rời, trước sau âu cũng có một ngày, tránh đâu cho thoát. Cho nên con người ta sinh trong quãng trăm năm, dẫu cha mẹ, anh em, vợ chồng, bầu bạn, con con, cháu cháu, cũng chẳng qua cái duyên mây nước gặp-gỡ sớm hôm. Gần đấy, xa đấy, nay cùng giáp mặt, mai đã chia tay; chợt còn chợt mất; phút có phút không. Khiến cho mình luống từng phen bâng-khuâng ngao-ngán, như tỉnh giấc Nam-kha. Ôi! duyên ba vạn sáu, những là bèo hợp với mây tan; thiết-nghĩ con người ta là một giống đa-tình, nghĩ nỗi phân-ly ai không nát dạ! Nhưng nên biết rằng: mảnh chiếu trăm năm không phải là chốn lâu-dài tụ họp; khách vui tiệc yến, có lúc chia tay; người mải ván cờ, cũng khi tan cuộc. Thế thời dẫu cho ai khéo may duyên, ước được ngày tháng nhân-gian vui xum-họp, cũng không sao tránh khỏi nước non thiên-cổ giục lòng chia-phôi. Nay anh cùng em đương nói chuyện đây, cùng nhau than-thở nỗi sinh-ly, nhưng biết đâu không cùng nhau đương đứng trên cầu tự-biệt! Vì, dẫu rằng cái chết chưa đến nơi, nhưng một ngày qua đi, tức là một bước ta đi dần vào cõi chết đó! Sự chết còn không quan-tâm, thời sinh-ly là chuyện thế-thường, nỡ bận lòng làm chi? Thôi em ạ! gần nhau hãy biết lúc bây giờ, chi vội hỏi xa-xôi ngày khác!

Công-tử nói dứt lời, bật lửa hút thuốc lá, rồi đội mũ cầm roi ngựa, vui-vẻ bước ra. Nam-Trân tiểu-thư nghe một bài thuyết-lý của anh chừng như cũng khuây-khỏa lòng, mặt hoa hớn-hở, tiễn chân công-tử ra khỏi rừng dâu mới trở về.

Bấy giờ Vân-Lan lại rủ tôi ra cả nhà ngoài. Tôi ngỏ ý muốn đi chơi xem phong-cảnh. Nam-Trân nói: — Đây cũng chả có cảnh gì đẹp. Chỉ có chùa Thanh-nhàn, động Thủy-liêm là nơi cổ-tích thuộc về hạt Vân-sơn thì xa lắm. Nếu có đi, phải dùng ngựa, vì đường lối khó đi và nhiều chỗ leo trèo hiểm-hóc. — Vân-Lan nghe nói bảo tôi rằng: — thôi! chị đừng đi nữa, đường xa lắm, toàn rừng-rú, chỉ có chị Nam-Trân quen đường, chứ chúng ta không đi đâu được. Tôi còn đương phân-vân, ưa toan đi, nửa muốn ở nhà, thì thấy Nam-Trân có dáng vui-vẻ nói: « Thôi được! chủ-ý chị Tương đã muốn đi, ta cũng nên chiều; để tôi bảo lấy ba con thiên-lý-mã, thì tha-hồ mà giong-ruổi. » Tiểu-thư vừa dứt lời; nữ-tỳ đã vào giục đóng ngựa. Trong chớp mắt đã thấy ba con ngựa bạch yên-cương sẵn-sàng, buộc cả dưới gốc mai. Chúng tôi sửa-soạn xong, mỗi người bẻ một cành liễu làm roi, cùng nhau lên yên, giong cương bước một, sóng ngang truyện-trò. Qua khỏi rừng dâu chị Nam-Trân bảo chúng tôi phi cho được đường. Liền cao giơ ngọn liễu, giục-giã vó câu. Ngựa [illegible] chạy đường rừng, tài thiên-lý [illegible] dèo phóng nước như bay; [illegible] ngồi trên mình ngựa mà [illegible] thấy động đến người, không bi[illegible] mỏi-mệt, êm-đềm như không. Qua mấy khu rừng, chợt đến một nơi non xanh, nước biếc, những ngọn núi đá cao ngất từng mây, trời đất phong quang đã như riêng một cõi khác. Chị Nam-Trân xa-xa dừng cương, chỉ tay về dạng núi phía tây

bảo chúng tôi : « Động Thủy-liêm kia! » Tôi hớn-hở mừng. Tới nơi, chúng tôi dắt ngựa buộc vào gốc cây, cùng nhau vào xem động. Trước cửa động, hai cây cổ-thụ, cành lá rườm-rà ; dưới gốc cây không biết bao nhiêu bình vôi lành vỡ chất đầy cả. Động vào mát lạnh. Có lối lên trời ; có đường xuống đất. Thạch-nhũ nhấp nhô xa trông phảng-phất như hình người đứng ngồ ; có chỗ hình như bàn xoay, ghế đá, cầu treo, cửa cuốn ; tưởng-tượng ra thiên-bình vạn-trạng, không biết thế nào mà tả cho đúng. Lặng mà ngắm, thực là một cảnh đẹp thiên-nhiên, lặng-lẽ, khiến cho người ta đứng đấy mà mơ-màng, mà phảng-phất ; trong tư-tưởng vẩn-vơ không biết bao sự nghĩ...! Trong động có ngọn suối con uốn thành khúc như hình con giao-long vòng lượn ra ngoài, nước trong leo-lẻo ; trông suốt thấy những viên đá cuội tròn nhẵn, trắng muốt như ngọc, thật là đẹp mắt! Chúng tôi chơi trên bờ chán, lại cùng nhau xuống suối rửa mặt, rửa tay. Chị Vân-Lan chọn được những viên đá kỳ xinh đẹp quá. Tôi cũng chơi nghịch, đương mò bắt những con cá mại-cờ, thì chị Nam-Trân giục đi xem cảnh khác. Cùng nhau ra cả ngoài. Tôi hỏi đi đâu. Nam-Trân bảo : « Cứ đi rồi biết. » Theo đường vòng quanh, tới sau động, có một lối lên toàn bậc đá cả. Đến đấy, Nam-Trân đứng lại, chỉ tay cười bảo chúng tôi rằng : « Đố ai trèo một thôi hết những bậc này, mà không nghỉ không kêu mệt thì [illegible] ». Vân-Lan ngửa mặt trông lên [illegible], rồi nói : « Hà - tất phải đố, em [illegible] cuộc, chị mất gì nào! » Nói xong [illegible] trước, chúng tôi cũng theo lên. [illegible] thật! Mà chị Vân - Lan cũng khỏe! Lên quá năm mươi bậc, chưa thấy đỉnh núi đâu, chị Nam-Trân và tôi đã rời rụng cả chân, cùng phải ngồi nghỉ ; mà Vân-Lan vẫn cứ trèo như không. Nghỉ một hồi lâu, chúng tôi lại trèo luôn một thôi nữa, đếm tất cả vừa hơn trăm bậc mới tới đỉnh. Lên đến nơi đã thấy Vân-Lan ngồi thảnh-thơi : có vẻ tự-đắc, ra điều được cuộc.

Trên đỉnh núi có một cảnh chùa nguy-nga trông cổ lắm, không biết từ đời nào. Nam-Trân bảo tôi đó là chùa Thanh-nhàn. Vào trong xem, tượng và cột chùa toàn bằng đá cả. Những cột đá ấy phần nhiều có khắc thơ và câu đối đề-vịnh của các bậc danh-thần từ đời nhà Lê, nhà Lý. Tôi đọc những câu thơ ấy mà lòng riêng cảm-khái bồi-hồi, nghĩ luống ngậm-ngùi dấu xưa còn đó, người trước về đâu? Chi để dâu bể cuộc đời, riêng ai ngơ-ngẩn dạ! Song xem khẩu-khí những bài thơ đấy, không mấy bài là không ngậm ý đắng-cay về thời-thế. Đoán chừng hẳn các cụ khi xưa gặp hồi quốc-loạn đến ẩn - cư chùa này, nên chỉ câu thần hạ bút, khiến người sau đọc đến còn mưỡng-tưởng cái nộ-khí anh-hùng, và tấm lòng xô-xát với tang - thương thời buổi đó.

Chùa rộng mông-mênh, tôi xem qua một lượt, lại lộn ra ngoài tam-quan, định tìm Vân-Lan và Nam-Trân, nhưng không biết hai người chơi đâu, gọi không thấy. Đứng nhìn phong cảnh, bốn bề vắng-lặng như tờ ; ngoài tiếng suối reo, gió thổi, lá rụng, chim kêu, tuyệt-nhiên không còn nghe tiếng gì khác nữa. chung-quanh chùa xanh-um những cây cổ-thụ ước đã nghìn năm. Vẻ thâm-u lẫn với chiều tịch-mịch, xui nên hoàn - cảnh một mầu thê-lương, khiến lòng tôi bấy giờ cũng sinh vô-hạn cảm sầu. Ngâm lại những bài thơ vừa đọc mà man-mác bên lòng nỗi sau xưa.. Đương vơ - vẩn nghĩ - ngợi một mình thì thấy Vân-Lan túm một vạt áo đầy những quả chạy lại cười cười nói nói bảo tôi : « Chị Nam-Trân và tôi vừa đi hái vô-số sim bồi về đây! »

Nói rồi đồ ngay bọc quả ra bãi cỏ trước mặt tôi. Nam-Trân bấy giờ cũng lững-thững vừa đến nơi, quần-áo cỏ-may bám đặc cả. Vân-Lan nhanh-nhẹn bọc cho chúng tôi mỗi người một khăn tay sim, ồi ; rồi ba người cùng ra gốc cây cổ thụ ngồi nói chuyện. Nam-Trân hỏi tôi : « Chị xem chùa này thế nào ? » Tôi nói : « Cảnh chùa này thì cổ lắm, chẳng những chùa rộng không đâu bằng, mà địa-thế cũng đẹp, thực là một nơi danh-thắng có một không hai. Nhưng đây hẻo-lánh thế này, vị-tất đã sư nào dám ở. » Nam-Trân cười đáp rằng : « Thế mà có ! tại chị không biết đấy thôi. Chính người chân-tu mới thích ở những cảnh này. Đây, đèn nhang hôm sớm vẫn có một vị đạo-cô còn trẻ tuổi, hiệu là Giác-Mê. vốn người thiên-hạ đến qui-y chùa này. Đạo-cô với tôi, vốn quen biết nhau lắm. Trước kia tôi đã ở hạt Vân sơn này mãi, có ngày nào là ngày không cùng với Giác-Mê đạo-cô bàn những lẽ huyền-vi đạo Phật đâu. Cả nhà tôi, ai cũng tưởng tôi không khéo đi tu mất, nên mới không cho ở bên này nữa. Nay nhân cùng ngồi chơi đây để tôi nói chuyện Giác-Mê đạo-cô cho các chị nghe, thực là một nhà tu-hành hiếm có. Thiết-tưởng ăn chay nói dối, lần bóng cửa chiền xưa nay, nước non cõi Phật có thiếu chi người giả tiếng tu-hành, mượn mảnh cà-sa để che những điều tội-lỗi ; theo lối từ-bi mà vẫn lạc đường mê-muội. Nói đến cứu-vớt chúng-sinh, đắm chìm bể khổ, thì tự mình cũng chưa ngóc được đầu lên, những thấy bến mê không bến, không bờ. Chẳng những giọt nước dương-chi không tắt được lòng lửa mà cảnh hoa đàm đuốc tuệ lại dễ xô-đẩy mũ ni vào vòng hắc-ám. Vì thế cho nên : con rắn hồ-mang lẫn-quất thường quen nấp bóng chùa! Than ôi ! tu-hành dẫu lắm, nhưng chân-tu hờ dễ đã bao người ? Mà xưa nay đắc đạo đã mấy ai đâu !

Tôi nói đây, không phải vì tôi quen biết mà thiên-vị. Nhưng cứ ý riêng tôi xét, thì Giác-Mê đạo-cô quả thực là người chân-tu, dẫu Quan-Âm thủa trước tu-hành cũng đến thế thôi.

Đạo-cô xuất-gia từ năm mười-sáu tuổi. Sau khi thụ-giới thì bắt đầu tịch-cốc ngay. Ngày một bữa chỉ ăn đậu, lạc, chuối, hoặc các thức hoa quả, mùa nào thức ấy. Sách Phật thiên kinh vạn quyển đều xem qua. Đêm nào cũng ngồi tĩnh-tọa cho đến canh ba mới đi nghỉ. Đạo-cô chẳng những là một nhà tu-hành đắc-đạo mà thôi, lại là một bậc lương-y nữa ; vì nhà vốn xưa nay đời đời làm thuốc, nên học hơi thông đã chuyên ngay về y-học. Về sau này tiếng xuất gia đầu Phật, nhưng ngoài kinh-kệ lại chuyên xem sách thuốc. Song đi chữa đâu cũng chỉ làm phúc, không lấy tiền ai cả. Đôi khi những nhà giàu-có phong-bao hậu tạ, thì lại đem số tiền ấy dùng vào việc công-nghĩa, hoặc bố-thí cho những kẻ nghèo khổ. Vì thế nên cái ân đức-của đạo-cô thực đã cảm-hóa được dân-cư cả một vùng này. Thậm-chí những kẻ đầu trộm đuôi cướp, vì nghe những lời Đạo-cô khuyên-răn mãi, rồi chẳng bao lâu cải-tà qui-chính, cũng hóa ra người lương-thiện. Trong những ngày đi khuyên giáo, Đạo-cô thường để ý xem những nhà nào nghèo đói khổ-sở quá, thì về lại thân-hành đem tiền gạo đến tận nhà làm phúc cho. Nhất gặp những kẻ yếu đau bệnh-tật, lại càng sốt-sắng chăm-nom, [illegible] đêm hôm mưa gió cũng chịu khó [illegible] nơi thăm bệnh và cho thuốc. [illegible] cả vùng này, từ già trẻ, lớn bé, ai [illegible] cũng một lòng kính-trọng, tôn Đạo-cô là « Quan-Âm tái-thế ».

Đạo-cô có lập ra một đàn khuyến-thiện. Cứ tuần rằm, mùng một, mỗi tháng hai kỳ, sau khi các già cùng những thiện-nam tín-nữ lễ Phật xong

rồi, lên đàn khuyến-thiện, hoặc giảng luân-lý đạo-đức, hoặc nói truyện tu-hành, toàn là nói những việc hay có ảnh-hưởng đến phong-hóa cả. Cũng nhờ vì thế, mà dân Vân-sơn đã thành ra một dân thuần-mĩ, hàng bao nhiêu năm trời không hề xẩy ra một việc kiện-tụng gì phải đến chốn nha-môn. Trong các gia-đình cũng chỉ thấy những gương hiếu-thuận, hòa-mục, chứ không có lục-đục như các nơi.

Thiết-tưởng tu-hành như Đạo-cô, thời câu niệm « Di-đà » không phải là không có ảnh-hưởng đến phong-hóa xã-hội...

Nghe Nam-Trân tiểu-thư nói chuyện, mà tôi đối với Giác-Mê đạo-cô, lòng riêng cũng cảm-phục vô-cùng. Trong ý chỉ ước-ao được gặp Đạo-cô. Nam-Trân cũng muốn đưa chúng tôi vào chùa trong lễ Phật và lên thăm Giác-Mê một thể. Chúng tôi vui-vẻ cùng đứng dậy cả. Qua chùa ngoài, cách một cái sân rộng nữa mới tới chùa trong

Còn ngoài tam-quan, Nam-Trâm tiểu-thư đã đánh tiếng chào : « A Di-đà Phật ! lâu nay sư-huynh có mạnh không? » Vừa dứt lời, đã nghe tiếng : «Nam-vô A-di-đà Phật ! » đáp lại, một vị sư-ni mình hạc, xương mai, cốt-cách thanh-kỳ, tay lần tràng hạt, bước ra mừng-rỡ dắt tay Nam-Trân rồi mời chúng tôi vào phòng nói chuyện. Khỏi phải đoán, tôi cũng biết ngay là Giác-Mê đạo-cô. Tuy chủ khách lạ-lùng, mới trong nhất-kiến, mà xem chừng đạo-cô đã tỏ ý ân-cần hợp truyện với tôi lắm. Nam-Trân và Vân-Lan thấy trên án sẵn có nghiên bút tốt, bèn tìm giấy viết mỗi người một tờ kính, xem chữ ai đẹp.

Tôi ngồi nói chuyện, ngắm nhìn Giác-Mê đạo-cô, xuân-thu phong độ trong ngoài ba mươi. Tuy khổ-hạnh tương cả, nâu-sồng nhuộm vẻ đã pha mầu thuyền, mà một áng xuân-dung vẫn còn phơi-phới. Nghĩ thầm : không biết người sao nõn-nà, đương độ trẻ-trung mà lại đem mình nương chốn cửa không như vậy. Lân-là trò-chuyện, nhân hỏi vì cớ gì mà đi tu, thì đạo-cô nói rằng : « Chỉ vì lúc ở nhà có được xem qua một quyển sách Phật, rồi tự mình tỉnh-ngộ. Nghĩ đến bể khổ mông-mênh, không bờ không bến; đời là một cõi hư-vô ; ba-vạn sáu-nghìn ngày như bóng câu qua cửa ; phú-quí vinh-hoa cõi đời như giấc mộng ; mà người ta sinh ra đời, chẳng qua chỉ là tù của Tạo-hóa, sống để chịu những hình-phạt đau-đớn, khổ-sở, đọa-đầy hết kiếp rồi lại chết đi. Thân ta đã vậy, ức triệu con người cùng chung số-kiếp ấy, kẻ trước ta đã khuất, người sau ta mai ngày, cũng không ai thoát khỏi cầu đoạn-trường trên kia. Than ôi ! tưởng đâu mục-đích ở đời là sự đau-đớn, mà cái kết-quả đời người lại là sự chết ! Ta nghĩ đến thế, thời mang lấy kiếp làm người cũng buồn tênh, tẻ ngắt ; trăm năm thân-thế còn ước mong gì ! Chẳng những thế thôi. Lại ngẫm nỗi nhân-tình mà thêm chán-ngán. Tưởng người đời riêng bị những hình-phạt của Tạo-hóa cũng đã quá khổ rồi. Vậy mà giống người không biết nghĩ thương xót nhau, lại còn sâu-xé đâm giết lẫn nhau, diễn ra bao nhiêu tấn thảm-kịch ở đời, khiến những người có chút lương-tâm phải đau lòng, sa nước mắt !

Kìa ! những kẻ tranh bá đồ-vương, suốt đời không dứt bụng can-qua, đánh đất bên đông, cướp đất bên tây ; một phút công thành, để lại xương khô muôn đống. Những kẻ ấy, há chẳng vì mong thỏa lấy một bụng mình, mà hai trăm nghìn người khác đó ru? Như thế thời thiết-tưởng sinh-vật thế-gian không có giống gì tàn-nhẫn hơn giống người ! Vậy mà

cũng chưa đến nỗi quá tệ. Xem đông tây lịch-sử, lại còn lắm hạng người độc-ác, nói đến phải rùng mình, nghe đến phải rởn tai: là những kẻ uống máu người không biết tanh, ăn thịt người không biết lợm. Ấy là những hạng cậy mình sức khỏe, lấn kẻ yếu hèn, tranh nhà cướp đất, giết người lấy của, làm cho người ta điêu-đứng, bơ-vơ, đi không có chỗ ở, về không có đất nương, bốn phương lưu-lạc, hai hàng lệ rơi, than không thành lời, khóc không ra tiếng, ngậm sầu, nuốt giận qua đời. Ôi! dẫu ở chốn rừng xanh núi đỏ, độc dữ đến như con lang con báo, còn không nỡ sâu-xé lẫn nhau để cướp núi, tranh rừng, và cậy rằng mình có sức khỏe mà hiếp hại loài cùng nanh cùng vuốt hèn yếu hơn mình. Vậy mà, sao trong nhân-loại lại có những hạng người độc-ác, ở với nhau tàn-nhẫn không bằng loài lang loài báo!

Thế mà, tội-ác loài người nào đã hết đâu! Trong xã-hội hàng ngày còn xảy ra bao nhiêu điều thương-luân bại-lý, khiến cho trên mặt đất thế-gian đầy-rẫy những sự xấu-sa, tội-lỗi. Nghĩ đến thế mà chán cả cái xã-hội loài người; những muốn lẩn vào chốn rừng xanh bạn với hươu nai, vui cùng thông-hạc cho qua tháng ngày.

Nhưng ta thấy kiếp người khổ-sở, long-đong vất-vả, lận-đận tối ngày, mà không tới được mục-đích hay, không thấy được cái kết-quả đẹp, thì cũng lấy làm thương-xót vô-ngần. Chẳng những không nỡ xa lánh; lòng riêng ta lại muốn ra tay cứu-vớt những kẻ đắm-chìm trong bể khổ. Song, biết làm thế nào được? Vì chính ta đây cũng đương bị rập-vùi dưới làn sóng thảm; mình chưa ngoi-ngóp được lên còn mòng gì cứu-vớt được ai.

Ôi! chẳng hay đời là gì? Mà trông khắp cõi thế-gian chỉ thấy bao-la một mầu hắc-ám. Đi đến đâu cũng thấy những cảnh tiêu-điều trong nhân-loại. Nào người ốm-đau bệnh-tật; kẻ đói rách bơ-vơ; nơi này buồn sinh-ly, chốn kia đau tử-biệt; mặt ủ mày chau, giọt dài giọt ngắn; kẻ than công-danh, người hờn sự-nghiệp; lại những kẻ gián duyên, tủi phận, hờn ân-ái, ngửa-nghiêng lòng với nỗi khắt-khe, mà dậm chân oán đất, ngửa mặt than trời, khiến cho: bể sông chan-chứa hai hàng lệ, giông-tố theo sau tiếng thở dài! Than ôi! ta nghĩ nguồn-cơn ấy, mà giận vương-mang phải kiếp người!

Vậy mà sao người đời lắm kẻ vẫn si-mê? Không biết rằng; con Tạo cơ-cầu trêu-ghẹo mãi, kiếp người nặng nợ khổ không thôi, mà tự mình tạm dừng, tạm nghỉ, để cầu lấy một phút an-nhàn trong sớm tối. Chao ôi! trong chốn rừng người, lúc nào cũng thấy những kẻ bụng dạ nhỏ-nhen, chỉ những vì chút lòng tham-lam danh-lợi, mong cho thỏa cái dục-vọng của mình, mà nát óc lo mưu, vò đầu nghĩ kế, đem hết tinh-thần khí-lực, cùng nhau xô-xát trong trường cạnh-tranh cho đến tối ngày. Đến lúc ngã ra, nào kẻ đuối sức, nào người bị thương, rút cục vẫn chẳng ăn thua gì, khó-nhọc luống công. Bấy giờ mới tỉnh-ngộ thì đã hết đời rồi, chỉ còn kịp thở ra một tiếng để từ-tạ thế-gian! Suy một lẽ gần-gần ấy, đủ biết người đời điên cuồng, tự mình lại tiêu-tụy đời mình. Nên chi lời Phật dạy rằng: « Nước mắt chúng-sinh ba nghìn thế-giới, tích lại còn nhiều hơn bốn bể », cũng không ngoa gì. Ta nhìn kiếp người bị đày-đọa mãi không thôi, mà riêng thương xót.

Bạn người bạn thấy thế, bảo ta rằng: « Dẫu thương cũng không làm gì, mà xót nữa cũng vô-ích. Vì đời là một cuộc chiến-đấu vô-cùng. Nếu con người ta sinh trong quãng trăm năm, mà không chịu lao-lâm,

khổ-tứ, đem thân rả xoay-sở với cuộc đời, cùng nhau đấu trí, đấu tài, vào sinh ra tử, xung-đột bắc nam, thì không bao giờ tranh được phần hạnh-phúc, và cũng không mong gì có được ngày an-nhàn tự-lạc. »

Chao ôi ! bây giờ thế-giới văn-minh, thiên-hạ đua nhau đổ xô cả về đường vật-chất. Lấy lắm bạc nhiều tiền làm sướng ; lấy quan sang chức trọng làm vinh. Giết bẵn cái tinh-thần đi để nuôi cái vật-chất. Dẫu khắp nam, bắc, đông, tây, cũng cùng một ý-tưởng ấy. Thế thời người bạn vừa viện lẽ trên kia, ta đâu dám chẳng vâng rằng : phải !

Nhưng bảo rằng con người ta phải lo-nghĩ quanh năm, lận-đận suốt đời, mới có phần hạnh-phúc, được cảnh an-nhàn, thời cũng chưa hẳn.

Kìa ! chẳng xem những kẻ bạc mái đầu tính cơ thành-bại, mòn gót chân đôi lối kỷ-khu kia. May gặp thời-vận, vớ được con ấn công-khanh, bước chân lên cầu phú-quí. Thiết-tưởng gian-nan đã lắm, bôn-tẩu đã nhiều, thời hẳn bấy giờ trời kia cũng biết đến cái công-phu khó-nhọc ấy mà cho được nghỉ-ngơi chút đỉnh ; và tự mình cũng thấy no, thấy đủ. giấc mộng vinh-hoa say lỷ, say tít ; năm năm tháng tháng tiêu-dao trong lạc-cảnh, không còn phải lo, phải nghĩ, vất-vả tấm thân. Thế mà sao gheo-cợt trò đời xui ra lại trái hẳn ? Chẳng những nhân-dục vô-nhai, xui lòng người luống mê dại, đứng núi này nấp nom núi khác, trèo lên được một bước lại mơ-tưởng [illegible] khác cao hơn ; đến nỗi gần c[illegible]t đời chỉ làm tôi lòng tham-muốn ? Mà trong vòng cương-tỏa lại giăng-mắc biết bao ! Danh-vọng càng cao, gian-nan càng lắm ; khiến người trong cuộc đ[illegible]o-điên điên-đảo từng lúc giật [illegible]ình từng phen chột dạ ; trong tâm-trí không lúc nào được hẳn yên vui. Như vậy thời an-nhàn lúc nào ? Mà hạnh-phúc ở đâu ? Chẳng qua lại cánh buồm bể hoạn mênh-mang, một mái chèo đưa nhau vào bến khổ ! Rồi mà trước sau vẫn không thoát được cái hình-phạt của trời là sự đau-đớn ; và cái công-lệ của Tạo-hóa, tức là cái kết-quả thảm-khốc của đời người là sự chết. Suy như vậy thời có phải đời người chỉ một kiếp trầm-luân trong bể khổ, không có mục-đích, không có kết-quả gì không ? Cho hay trong cõi hư-vô muôn vật thế-gian toàn là ảo-mộng !

Ôi ! nhân-tình nghĩ đã chán ngắt ! Thế-sự còn có vui gì ? Ôm lấy một cái đời vô hi-vọng này, ta cũng không biết làm thế nào cho khuây được cái tâm-sự ba vạn sáu ngàn ngày ở thế-gian ? Ước tới cung Hằng khôn trộm thuốc, mong đạo tu tiên chẳng gặp thầy. Họa chăng tới núi Linh-sơn theo hầu Phật-tổ, xin nước dương gột-rửa lòng xuân, may ra câu kinh hôm sớm tỉnh mộng phồn-hoa. Mà rồi nhờ phép Phật độ trì, giúp kẻ chân-tu mai sau đắc-đạo, tới cõi Nát-bàn. Bấy giờ, chẳng những một thân riêng được nhẹ-nhàng, lại nhờ phép Phật nhiệm-mầu, ra tay cứu được muôn loài chúng-sinh, như vậy thời cũng không uổng cái kiếp làm người của ta. Giác-Mê này nghĩ thế, nên một tấm lòng trần cũng lắng-lặ[illegible] rũ sạch. Tạ miếng cao-lương, lánh miền đài-các, quyết đem mình gửi chốn am mây, giốc một lòng theo đạo từ-bi. Còn nhớ ở nhà bước chân ra năm ấy mười-sáu tuổi. Ta ăn mày cửa Nhật tới nay đã ngót hai-mươi năm trời. Đôi phen ngoảnh đầu trông lại, thấy cõi trần-ai đầy gió bụi, mà luống thương người đời, mê-man trong giấc mộng !

Trong khi Giác-Mê đạo-cô nói, trông hai con mắt từ-bi đăm-đăm như chứa chất muôn sầu, nghìn thảm, khiến cho tôi nhìn vào cũng đủ tưởng-tượng bể khổ mênh-mang, không bờ không bến. Ôi ! tôi nghe dứt câu truyện tu-

hành của Đạo-cô, mà tự mình thấy cái sinh-thú trăm năm đã tê-liệt hẳn, cảnh phù-sinh thêm ngao-ngán kiếp làm người ; những muốn gửi cả cái thân hiện-tại, cái đời tương-lai vào chốn cửa không. Ngồi ngẫn, chống tay ngẫm-nghĩ, bất-giác buông tiếng thở dài than to rằng : « Chao ôi ! nghĩ cuộc đời mà chán ! ta còn muốn làm gì nữa đây ? » Chưa kịp dứt lời, bỗng Vân-Lan đứng bên đập vào vai nói : « Chị điên chắc ! Sao mà nói to thế ? May là Đạo-cô vừa lên chùa trên đấy, không thì có phải mang tiếng vô-lễ không ? » Tôi nghe bạn trách, sực nghĩ ra, mới hối là mình vô-ý.

Nam-Trân tiểu-thư ngồi đối-diện, trông tôi mỉm cười bảo rằng : « Chị nghĩ thế nào mà lại than chán đời thế? Chẳng nghe truyện đấy ư ! Ngay như Giác-Mê đạo-cô đây, đã tung lòng trần-lụy, niệm câu « Di-đà », mà vẫn còn ngày đêm sốt-sắng lo làm những việc phúc-đức, lấy điều hay lẽ phải khuyên răn người đời. Như thế thời có phải tiếng là thân nương cảnh Phật, mà lòng riêng vẫn không dứt với đời không? Phương-chi bọn ta, kiếp trần đeo-đuổi, áo cơm còn phải lụy đời, giang-sơn một gánh, chữ tình chữ hiếu hai vai nặng-nề ; từ mang tiếng khóc ra đời, tấm thân nào [illegible] ích gì đến ai, mà vội nỡ buông câu chán đời, há chẳng bội-bạc lắm ru ? Dẫu sao nữa, chị ơi ! biết đời đáng chán, mà không chán đời, mới là bậc cao-thượng ! » —Tôi nghe tiểu-thư nói mấy câu có lý, lòng riêng rất lấy làm kính-phục, một áng mây mờ trong tư-tưởng, phút bay tan cả ; liền vui-vẻ đáp rằng : « Vâng ! lời vàng, vâng lĩnh ý cao. Một bụng chán đời của em này, xin từ đây sẽ vì tri-kỷ đổi ra lòng thiết-thế ! »

Vân-Lan đứng bên pha trò, giục chúng tôi : « Thôi hai chị, yêu đời với chán đời thiếu gì lúc ? Em nói thật bụng Lan thiết-thế, nghe đói lắm rồi. Đường về còn xa lắc ; có về thì về, kẻo nữa mà dặm vắng rừng khuya, cọp gặp chẳng tha gì mình đâu ! » Nói đến cọp, nghĩ truyện về, bấy giờ mới hốt-hoảng đường xa, bèn lật-đật lên từ-biệt đạo-cô rồi kéo nhau ra về, chẳng còn tưởng gì nữa. Lại theo lối bậc đá, lần xuống chân núi.

Vân-Lan xuống bậc thoăn-thoắt. Nam-Trân và tôi theo không kịp. Ba chị em lóp-ngóp xuống đến chân núi, ánh tà-dương đã ngả bóng chiều, ngọn gió bấc xa đưa lạnh-lẽo. Trông cây cỏ, cảnh khô lá úa, cảnh sắc tiêu-diều, khác hẳn cái lúc ở nhà ra đi. Bảo nhau : « Đương dạo hạ-thiên mà sao đây đông-tiết lạnh-lùng đổi thay chóng quá » Cả ba người cũng sít-sa kêu rét.

Qua động Thủy-liêm, tiếc phong-cảnh đẹp, lại cùng nhau đứng lại ngắm xem non nước. Nam-Trân tiểu-thư đứng trên cái cầu đá cao, cúi xem dòng nước chảy, hỏi tôi : « Phồn-hoa so với cảnh này đâu hơn ? » Tôi đáp : « Có qua những cảnh này, mới còn được hưởng cái sinh-thú ở đời đôi chút. »

Tiểu-thư gật đầu nói : « Phải ! em cũng thường nghĩ thế. Người ta sinh-trưởng ở những nơi phồn-hoa náo-nhiệt, bụng không lúc nào ra ngoài đời ; mắt tai lấp dưới màng thanh-sắc, không [illegible]c nào được gửi ở chỗ núi cao bể [illegible]ng, phong-cảnh thiên-nhiên của Tạo-[illegible]t. Thành ra suốt đời chỉ mang cái h[illegible]h, [illegible]ài làm nô-lệ cho sự sống chết. T[illegible] thời dẫu biết có sống nữa, mà có đ[illegible] một đây một phút nào hưởng cái [illegible]ú sống đâu ? Nói đến sự chết, thời có khi chưa kịp biết, mà đã chết rồi ! Ôi ! trong việc sống chết còn tối-tăm mù-mịt ; ngoài việc sống chết nữa biết chi đâu. Như vậy thời cái sinh-thú ở đời đã dễ mà hưởng được ru ! » Đương mải chuyện-trò thì Vân-Lan ở đằng trước vẫy khăn-tay giục đi, không thì tối.

Nam-Trân nghe nói tối, bảo tôi : «Bây giờ về nhà cũng không kịp, ở xóm Vân-sơn cũ, có nhà cô em, cách đây không mấy, chi bằng ta về đấy qua đêm, cho ngựa nghỉ, sớm mai sẽ đi. » Tôi bằng lòng, Vân-Lan cũng cho là phải. Bấy giờ đã yên trí có chốn nghỉ-ngơi, lòng cũng không vội-vàng nữa. Thủng-thẳng đi một quãng, trời tối hẳn, bóng trăng lấp-ló đã chiếu ngàn mai. Ba con ngựa vẫn đương ăn cỏ bên vệ đường. Cùng nhau lên ngựa, rẽ cương về nẻo Vân-sơn. Qua cái đèo con, bỗng lộ ra một cánh đồng chiêm mông-mênh bát-ngát, nước một mầu xa trông trắng sóa. Chỗ tát nước lên ruộng cao, nơi tát đánh cá. Tiếng trai gái tát nước, giọng hát véo-von khắp cánh đồng. Hai bên đường, thỉnh-thoảng có tốp nhà gianh, bóng đèn lấp-ló. Phong-cảnh đêm trăng, càng đi càng đẹp ; duy đêm đông gió rét cũng có giảm mất cái thú đi đường.

Đi đến một chỗ thấy đông người, thì ra một bọn con gái đương sắp hát ghẹo mấy anh con trai tát nước bên bờ tây. Cả ba chị em rủ nhau cùng đứng lại để nghe.

Chợt thấy người con gái mặc yếm hoa hiên trong bọn cất tiếng hát trước. Tiếng nghe lanh-lảnh. Hát rằng :

Mông-mênh một giải đồng chiêm,
Nước kia ai tát cho em tát cùng.
Non sông hỏi khách anh-hùng :
Năm châu sao chẳng vẫy-vùng nhỉ ai
Mày râu cũng kiếp làm trai,
Thân trăm năm nỡ bỏ hoài thế-gian
Danh thơm mong để nghìn thu,
Đem câu non nước hẹn-hò cùng ai !
Đêm đông ngồi ngắn canh dài,
Mảnh tình non nước nào ai với mình ?

Cô yếm hoa hiên hát xong, bên con trai vẫn im, không ai đối lại làm sao.

Bỗng người con gái áo lụa tím lại cất tiếng hát :

Gió đông thổi lạnh-lùng thay,
Thương ai tát nước cả ngày thâu đêm.
Ấy ai gối phượng êm-đềm ?
Riêng ai mưa gió ngày đêm dãi-dầu.
Thương ai em muốn đỡ gầu,
Đồng sâu nước cả cho rầu lòng em.
Ai ơi ! ai hãy nghe em :
Bắc cầu bên ấy em sang sang cùng.
Gầu dây ta tát nước chung,
Non sông ghi tạc chữ đồng nên chăng ?

Dứt tiếng hát, người con gái đứng lặng chờ, đợi bên kia hát đáp lại. Nhưng bên trai chỉ thấy cười khúc-khích ; một anh nói to : « Gớm ! các chị ả đa-tình thật ! » Nói xong lại cười ồ, vẫn không hát trả lại câu nào. Bên này bọn con gái cho là họ khinh mình. Tức lắm, bàn nhau định hát chua. Một người con gái yếm hoa đào, da trắng nõn, đứng ra can thôi, rồi cất giọng thanh-tao hát mấy câu rằng :

Giao-châu non nước dặm dài,
Trông ra chẳng thấy một người đàn-ông.
Đã sinh ra kiếp má hồng,
Nước non phải gánh tang-bồng một vai.
Lắm chi đợi khách anh-tài,
Phong-hoa khách mảng, nhẹ đời bồng-tang.
Biết đâu mà gửi can tràng ?

Hát xong, quay lại bảo chị em : « Thôi ! đi tát nước, hết đêm rồi ! » Vừa nói vừa vác gầu, kéo nhau lại cả bờ đông.

Bên kia, bọn trai nghe mấy câu hát sau, hơi có ý chua mát ; tức, quăng cả gầu xuống, chạy ùa cả lên bờ gọi to bảo : « Này chua vừa chứ ! các chị khinh ở cánh đồng này không có mặt đàn ông nào, không ai đáng là bậc anh-tài, phải không ? Nào, có giỏi đối-đáp thì sang đây ! . . . » Bọn con gái chỉ khúc-khích cười thầm với nhau, rồi tát nước đánh trống lấp, lờ như không nghe tiếng.

Chúng tôi cũng thúc ngựa đi. Vân-Lan khen : « Họ hát hay nhỉ ! » Nam-

Trân nói: « Cánh đồng chiêm này thuộc về đất Giao-châu, con gái xứ này có tiếng đẹp và hát hay. Hát thi, con trai vẫn thường thua. » Đang mải nghe truyện, Vân-Lan chợt quay lại hỏi tôi : « Chị còn ở đây chơi lâu đấy chứ? Ta sẽ tính cuộc đi chơi xa, còn nhiều cảnh đẹp ! » Tôi từ chối, nói không thể nào ở lại được, mai phải về sớm kẻo nhà mong, vả lửa tắm nhà tôi đương ăn rồi, bận lắm. Nam - Trân tiểu-thư thấy tôi nói sớm mai về, có ý lưu-luyến, thở dài, trông tôi rồi bảo rằng : « Gặp nhau chưa bao lâu, chỉ vội nói chuyện về để lòng em buồn-bã ? Em những muốn lưu chị chơi đây ít lâu, không năm thì cũng tháng. Chị nỡ nào mai đã vội chia tay ? Thế thì đêm nay, trăng kia cũng chẳng nên vì ai mà tỏ nữa, vì dưới trăng đã sẵn có người biệt-ly ! »

Tôi nghe nói, nghĩ thầm : Nam-Trân, thật là một người bạn gái hữu-tình, khiến mình ra về lòng càng thêm nhớ. Nghĩ vậy rồi mà buồn, bèn giục ngựa đi liền bên nhau, tôi ân-cần nói : « Gặp-gỡ hôm nay, xiết bao vui-vẻ ! Một người bạn gái như tiểu-thư, vì không duyên xưa phúc trước, thì tôi đâu được gặp giữa chốn rừng xanh này? Buổi mới lạ-lùng, tiểu-thư đã lấy hậu-tình biệt-đãi, khiến tôi mai đây dứt áo ra về, khó khỏi bên lòng một mối tương-tư tháng ngày ! Nhưng thôi, nghĩ lại : giang-hồ gặp gỡ, nửa bước là duyên ; tâm-sự giãi-bày, một lời tri - kỷ. Vả trong vân-thủy tao-phùng, chỉ có nói truyện năm với tháng, gặp một lúc cũng là may trong một lúc. Tôi nói thế xin tiểu-thư chớ vội nghĩ tôi về vui cảnh gia đình mà quên bạn đâu. Dẫu khách chốn lâm-tuyền, người nơi thành-thị, cảnh-tình so ra, tình tuy có khác, song đem tấm lòng đổi thử sánh, thời cùng là một lứa cùng nhau : mùi thế-vị đã từng cay-đắng, áng phồn-hoa một bụng sầu chung. Như vậy thời quan-sơn muôn dặm dù cách-trở, nhưng biết đâu đường lối tinh-thần chẳng vẫn thấy nhau ! » Còn nói dở-dang chưa dứt câu, thời hốt - nhiên con ngựa đương cưỡi khuỵu chân vấng huych xuống hố. Sợ, sợ quá ! rú lên, thét to một tiếng, giật mình, mở choàng mắt, té ra một giấc chiêm-bao ! Lòng còn hốt-hoảng, vừa mừng, vừa tiếc. Người nhà nghe tiếng kêu, ở ngoài chạy vào gọi. Hỏi mơ thấy gì mà thét to thế ? — Cười, bảo mộng đấy !

Xem đồng-hồ vừa đúng ba giờ chiều, mới biết mình ngủ say quá. Nhớ truyện trong mơ : bạn vui cảnh lạ, mộng-hồn phảng-phất như còn chơi đâu !

Từ ngày yếu dậy, thư-từ cũng nhác. Nay nghĩ nhớ chị, hương-khuê xa-cách, tấm tình yêu bạn, dặm nghìn chưa dễ lấy gì làm duyên. Vậy xin cánh hồng gửi ngọn gió Nam, mấy trang mộng-sự gọi là yên nhau, mộng riêng một giấc, mơ làm mộng chung ! Dù chị có cho mơ-màng là truyện hão-huyền, âu ta cũng mua vui chốc-lát.

Nhưng chị ơi ! Nói đến chiêm bao truyện cũ, thời giấc mộng xưa nay đã tỉnh rồi, luống để riêng ai mở mắt cuộc đời những bâng-khuâng tiếc mộng...

(Cuối mùa hạ năm mậu-thìn, 1928)

TƯƠNG-PHỐ

PHƯƠNG-SÁCH TRỊ-THỦY

Ông Nguyễn Cảnh, nguyên là tay chuyên-môn đạc-điền sở Địa-chính Bắc-kỳ, mấy năm nay có dụng-tâm nghiên-cứu về vấn-đề trị-thủy. Ông khảo các sách tây sách nho, lại tự đi xem xét kinh-nghiệm tận nơi, khám-phá được nhiều điều xem ra cũng có lẽ phải lắm. Nhân đó có thảo một cái chương-trình trị-thủy, giảng-giải các lẽ rất tinh-tường, có đồ-họa, có thống-kê, viết bằng chữ Pháp, đã đệ-trình Chính-phủ. Nay ông tóm-tắt đại-ý ra một bài bằng quốc-văn sau này để cống-hiến các độc-giả Nam-Phong.

Người An-Nam ta mà bàn về vấn-đề trị-thủy theo phương-pháp khoa-học, có chứng-nghiệm phân-minh, thì tưởng có lẽ ông Nguyễn Cảnh là đầu vậy. Cho nên dù cái kế hoạch ông bày ra có được Chính-phủ thi-hành hay không mặc lòng, — mà chúng ta nên mong rằng Chính-phủ sẽ châm-chước mà thái-thủ lấy những điều hay, — cái công-phu ông nghiên-cứu cũng đáng phục và đáng khen vậy.

N. - P.

Xứ ta hàng năm đê-điều lụt-lội, tình-cảnh khổ-sở thế nào, dẫu chẳng nói thì ai cũng đã rõ cả. Một vấn-đề lớn-lao quan-hệ đến vận-mệnh nước nhà như thế, dẫu bỏ ra bao nhiêu công, bao nhiêu của, mà trừ được cái nạn ấy đi cũng là nên lắm. Nhà Trần cũng vì nghĩ thế mới chịu bỏ ra bao nhiêu công của mà đắp đê. Nhưng đắp đê xong thì nước lại càng ngày càng cao lên; sang đến nhà Lê lại mỗi ngày một tệ. Nhà Lê đã nhiều lần vì lụt mất mùa mà phải xá thuế, lại cũng có lúc phải thu dân-đinh mỗi người một quan tiền để cung đê phí. Sang đến nhà Nguyễn, nạn nước lụt lại càng quá nữa. Vua Gia-long lên ngôi năm trước, năm sau đã phải lưu-tâm đến vấn-đề ấy rồi. Trải đời vua Minh-mạng, Thiệu-trị, Tự đức, [illegible] bảy lần hội-nghị về việc đó mà cũng vẫn chưa xong. Trước còn hỏi địa-phương-quan, địa-phương-quan tâu mỗi ông một ý; phải hỏi đình-thần, đình-thần cũng sở-kiến bất-đồng: sau phải treo bảng ra các nơi, cho ai có phương-sách gì hay thì nói, hễ thi-hành được thì trọng-thưởng, thế mà cũng không ai giải-quyết xong.

Nào người thì bàn giữ đê, người thì bàn phá đê, ông thì bảo đào sông mới, ông thì bảo khơi sông cũ.

Đắp đê thì đắp cao bao nhiêu, nước lại lên theo bấy nhiêu, không thể giữ cho khỏi vỡ được; vả lại năm năm phu-tráng tuần giờ, dân-tình khổ-sở, ngày xưa đã có câu rằng: « 家兄豐則把毀多亦稱牢固。孔方薄則雖插力而不免鞭笞。上下相因。窮民無告。名雖土堤其實金堤。名雖有堤其實無堤。» nghĩa là: tiền nhiều thì đê xấu cũng cho là tốt, tiền ít thì đắp kỹ lưỡng thế nào cũng không khỏi phải đòn phải đánh, ngoàm nào đó ấy, cùng-dân không thưa-kiện vào đâu được; đê tuy bằng đất, nhưng đất cũng như vàng, đê-điều đối-đá, có cũng như không. Vì thế cho nên nhiều người bàn phá đê.

Phá đê đi thì nước tháng năm mất chiêm, nước tháng bảy mất mùa, quanh đi quẩn lại, chỉ những mất mùa là mất mùa, không thể đủ ăn

được. Ai cũng chỉ biết lúc đê vỡ thì đê là hại, còn những lúc ngoài ruộng cuồn-cuộn lưng trời mà trong đồng vẫn cấy gặt sầm-uất, thì chẳng ai biết công cho đê cả. Đời vua Minh-mạng dân kêu nài xin bỏ đê, đã thử bỏ xem sao, được mấy năm mất mùa luôn, dân lại xin đắp đê lại. Ở xứ ta chỉ có một lần bỏ đê đi rồi lại phải đắp đê lại, chứ ở sông *Loire* bên Pháp thì đã ba lần phá đê đi lại đắp đê lại như thế rồi. Địa-thế sông Nhị-hà cũng như địa-thế sông *Loire*, không có đê không được, không bì với các con sông khác được.

Nhiều người ví phá đê như : 水瓶覆盤, là một chén nước để ở chén thì đầy, chứ đổ ra mâm thì vơi, ý nói rằng có đê thì nước lên cao, không có đê thì nước thấp. Song ta thử lấy một chén nước mà đổ ra mâm xem nó có lai-láng ra khắp mâm không, hay là nó chỉ chảy theo có một luồng thôi ? Ấy ở ngoài đất cũng thế, nếu không có đê thì nước thượng-lưu về, lòng sông cũ khúc-khuỷu khó đi, nó không chảy theo lòng sông, nó lại chảy thành luồng mới qua các cánh đồng ; nó đã thành luồng rồi thì sức nó mạnh, nó gặp làng ấp tỉnh-thành gì nó cũng phá mà đưa ra bể cả, thì cái hại ấy vô-cùng.

Nói rằng không có đê thì đồng mỗi ngày một bồi cao lên, chỉ phải chịu lụt mấy năm thôi, rồi về sau không lụt nữa. Nói thế rất lầm, vì rằng bồi lâu lắm. Đất bồi khi bồi từ dáy bể lên đến mặt bể thì chóng, đến lúc bồi từ mặt bể trở lên thì lâu vì ít nước. Đê ta mới có từ nhà Trần, thế mà đất Bắc-kỳ ta từ Hưng-yên trở lên đã có từ mấy nghìn năm trước, thế mà nào có thấy cao được bao nhiêu đâu? Bây giờ muốn cho đất Bắc ta bồi thêm lên một vài thước thì phải đợi mấy nghìn năm nữa mới được. Đến lúc có bồi lên cao nữa mà sông không thoát nước thì cũng không khỏi lụt. Kia Hòa-bình, Tuyên-quang, Yên-bái, Lao-kay, cho đến Vân-nam nữa, cao hơn Hà-nội biết là chừng nào, thế mà có khỏi lụt đâu?

Cũng có người biết rằng đê không phá được, lại trách nhà Trần rằng tự-nhiên đem đắp đê lên, chứ cứ để vậy thì đồng vẫn cao, sông vẫn sâu, không can chi đến nỗi. Cổ-nhân có câu rằng: «未有堤之前不可有堤,既有堤之後不可無堤.», câu này cũng trích ở câu thơ cũ của Tàu rằng: «有堤不若無堤利,既有堤反不可無.» Song xét lại thì nhà Trần có lụt-lội khổ-sở lắm mới chịu bỏ ra bao nhiêu công-của mà đắp đê từ thượng-lưu cho ra đến bể. Trước khi đắp đê cũng đã có khai sông Tô-lịch, khai sông không thấy công-hiệu gì mới chịu đắp đê. Trước nhà Trần, nhà Lý cũng đã phải đắp đê Cơ-xá ; ngay từ Cao Biền sang cũng đã phải đắp đê chung-quanh thành ; sách *Quận-quốc-chí* 郡國志 của nhà Hán vào thế-kỷ thứ nhất thứ nhì cũng đã có chép rằng: «交趾郡龍編縣西北有防河堤» là : quận Giao-chỉ, huyện Long-biên, (tức là Hà-nội bây giờ), phía tây-bắc có đê giữ sông. Thế là đê ta có từ cổ, chứ không phải mới có từ nhà Trần trở đi ; chỉ vì xưa kia nhân-dân còn ít, cho nên đê cũng chỉ phải đắp có ít thôi, đến sau nhân-dân sinh-sôi nảy-nở ra, cho nên phải đắp đê thêm mãi mới đủ ruộng mà cấy. Ngay bây giờ ta vẫn bảo nhà Trần là thất-sách, thế mà vẫn thấy mỗi ngày lại đắp thêm mãi đê ra [illegible] thế thì ta có thất-sách không? Không ! ta không thất-sách, mà nhà Trần cũng không thất-sách, địa-thế xứ ta phải có đê, ta nên biết ơn nhà Trần, chớ nên trách lẫn nữa.

Còn như bảo lấy nước phù-sa vào ruộng cho tốt thì phải lắm rồi, nhưng mà phải dùng cách khác, chứ không

phá đê đi được. Chỉ sợ rằng không có tiền thôi, chứ có tiền thì không thiếu gì cách khác lấy nước đục vào ruộng.

Cũng có người nói rằng nếu phá đê đi mà nước sớm mất chiêm, nước chậm mất mùa, thì sao ta sẵn có các giống lúa sớm lúa chậm, lại không cấy lúa chiêm sớm, lúa mùa chậm, có phải là ổn không. Chính - sách này nói thì dễ, chứ làm thì khó lắm. Nhà quê cấy lúa nào đã quen lúa ấy đi từ mấy nghìn năm nay rồi, nhất-đán bảo bỏ lúa cũ đi, mà cấy cây lúa lạ-lùng bấp-bênh thì liệu chừng có ai nghe không? Không nghe là phải vì rằng đem cây lúa ở xứ này sang xứ khác, vị-tất có hợp thủy-thổ không, có khỏi lâu dần lại lại giống không?

Đến như bàn rằng đào lòng sông cho sâu xuống cho thoát nước, thì phép sông chỗ nào nó đã bồi thì nó cứ bồi mãi, dẫu đem tàu cuốc ra mà cuốc cả năm, chỉ một trận nước to là nó lại bồi nguyên như cũ, đào lắm vô-ích; ở Âu-châu đã nhiều việc làm mất công toi, cho nên Chính-phủ không làm.

Có ông bàn rằng: «以堤束水,以水攻沙», là đắp đê cho hẹp lòng sông lại, để cho nước chảy nhanh lên đem cát đi. Chính-sách này dùng vào vấn-đề hàng-hải thì hay lắm, chứ dùng mà trị-thủy thì vô-lý. Bảo rằng sông càng hẹp thì càng chảy được nhiều nước, thế thì lấp hẹp hẳn sông lại, chỉ để còn bằng cái rãnh thôi, thì khỏi lụt à? Không, nhưng ở ta có ông nghĩ lầm như thế. ở bên Pháp vào thế-kỷ thứ 18, 19, nhiều người cũng nghĩ như thế.

Bàn rằng đào thêm sông mới để rút nước đi, thì phải lắm rồi, nhưng mà đào sông mới cũng còn ba điều cốt-tử, có được y như ba điều ấy thì mới khỏi lụt, bằng không thì chỉ thêm hại thôi. Ba điều ấy: một là sông mới phải khai từ Sơn-tây, Vĩnh-yên trở đi, chứ khai ở hạ-lưu thì không rút được nước ở thượng-lưu; hai là sông mới phải chảy thẳng ra bể, chứ chảy sang sông Thái-bình, thì khi sông Thái-bình nước nhỏ đã đành, chứ gặp lúc sông Thái-bình cũng nước to thì không thoát được nữa; ba là sông mới phải to đủ sức để chia nhau với sông Nhĩ-hà cũ mà rút cho hết nước thượng-lưu về, nếu không đủ sức rút cho hết nước thì lại chỉ thêm cái nạn đê-điều vỡ-lở nữa thôi. Các con sông nhánh hiện-tại ở tả-hữu-ngạn, chỉ vì không hợp ba điều cốt-tử ấy cho nên không rút được nước sông Cái đi. Cái Cửu-an-hà của đức Minh-mạng khai ở Hưng-yên cũng chỉ vì thế mà về sau phải lấp cửa sông lại. Bây giờ muốn đào một con sông mới cho đủ ba điều cốt-tử ấy thì con sông mới phải dài phải rộng gần bằng con sông Cái cũ lại phải làm hai ba cái cầu cũng dài bằng cầu Hà-nội bây giờ, không lấy của đâu mà làm được. Vả lại, dẫu rằng có tiền mà làm đủ cách-thức như thế, cũng còn hai điều bất-tiện nữa: một là hiện-tại thì hai con sông, một con cũ, một con mới, cùng nhau rút vừa hết nước; nhưng con sông cũ mỗi ngày một nhỏ đi, trong độ hai ba mươi năm nữa, cả hai con sông cũng không đủ sức rút hết nước, lúc bấy giờ lại sinh ra đê vỡ như bây giờ thôi. Điều thứ hai là nhà trị-thủy bao giờ cũng phải lưu-tâm đến việc hàng hải, nên đào thêm sông, thì cả hai con đến mùa nước cạn cùng cạn cả, không có lối cho tầu bè đi, ấy cũng là một điều quan-hệ đến sự tiến-hóa nước nhà đấy.

Cổ-nhân cũng đã có ông bàn rằng: «彎曲各段應行疏浚», là bao nhiêu chỗ cong nên nắn thẳng lại; lại cũng có ông bàn rằng: «淺狹者深廣之», là chỗ nào nông thì đào sâu xuống, chỗ nào hẹp thì mở rộng ra. Chính-sách mở chỗ hẹp thì không biết có thi-hành vào chỗ nào không, còn chính-sách đào chỗ nông, nắn chỗ cong thì đều có thi-hành thử một vài chỗ cả. Đào chỗ

nông thì vô ích, trên đã nói rồi, còn như nắn chỗ cong thì nắn chỗ nào chỉ được chỗ ấy, mà không thấy ảnh-hưởng gì cho toàn-cục, thế cho nên lại bỏ, không nắn chỗ khác nữa.

Nói tóm lại thì chính-sách nào cũng đã có thử qua cả, mà chẳng có chính-sách nào có công-hiệu gì, thế cho nên triều-thần phải tâu rằng: «敕河非復築堤條。實未有別策也», là chữa lụt phi lại đắp đê thì không có chính-sách gì khác nữa. Thế cho nên vẫn biết rằng đê không giữ nổi nước mà vẫn phải đắp; cũng vì thế mà đức Tự-đức phải than rằng: «人力難勝天災», là tai-nạn trời làm, sức người yếu-đuối khó lòng mà ngăn nổi được.

Từ khi Qui-quốc sang bảo-hộ, vẫn lưu-tâm đến vấn-đề này cho ta lắm. Có người không biết lại nghĩ rằng Chính-phủ không đoái-hoài đến dân ta đấy thôi, chứ khoa-học Âu-châu ngày nay tấn-tới biết là dường nào, làm gì một con sông Nhị-hà mà không trị nổi. Nghĩ thế thật lầm, kỳ-thực thì Chính-phủ đã năm bảy lần lập hội-đồng lên để giải-quyết vấn-đề ấy mà cũng vẫn chưa giải-quyết xong. Khi quan SARRAUT sang nhậm chức Toàn-quyền Đông-dương, ngài có cử quan NORMANDIN sang là có ý nhất-quyết trừ cái hại lụt-lội cho Bắc-kỳ ta. Quan NORMANDIN là một tay kỹ-sư có giá-trị, học ở trường *Ponts et Chaussées* ra, ngài lại chuyên-môn về khoa thủy-học. Khi sang bên này, ngài có đi chiêm-nghiệm các công-việc thủy-gia ở Phi-luật-tân, ở Nhật-bản và ở Năm-Mĩ với Bắc-Mĩ, để xem có điều gì hay về mà bắt-chước. Đến lúc trở về xét địa-thế xứ nhà, thì ngài cũng nói rằng đắp đê thì không vững; phá đê thì mất mùa; giồng rừng thì không chắc có hiệu-ực gì không, vả lại lưu-vực của sông Nhị-hà phần nhiều ở bên Vân-nam cả, ta không thể sang bên ấy mà giồng rừng được; đào sông mới thì đắt quá, ngài tính rằng bỏ một món tiền ra mà cái hại trừ đi không kéo lại được cái lãi tiền nằm đấy thì không làm; song ngài chỉ tính những mươi năm mới có một lần lụt, hại độ răm triệu, cái hại ấy mới là hại vật-liệu, còn cái hại người chết thì ngài chưa tính đến; việc lùi một bên đê sông Cái để rộng thêm sông ra thì ngài nói rằng khó lòng mà đoán trước được lùi đê như thế thì rồi nó sinh ra làm sao, nhưng có lẽ lùi đê ra bao nhiêu, lòng sông lại bồi lên bấy nhiêu, đâu lại hoàn đấy, không tiêu được thêm mấy tỉ nước nữa. Việc mở các chỗ nghẽn ra thì ngài nói rằng mở chỗ nào chỉ rút được nước chỗ ấy xuống thôi, chứ không rút được mực nước cả toàn-cục xuống (câu này kỳ-giả không phục, xem mấy trang sau sẽ rõ). Ý quan NORMANDIN muốn lại dùng hai tỉnh Vĩnh-yên, Phúc yên làm chỗ chứa nước, song ngài đã tính rằng phí hai tỉnh ấy đi thì cũng chỉ rút được có một gang nước trong bốn ngày thôi, nếu nước cao hơn, nữa hơn, thì cũng không giữ được nữa. Vĩnh-yên, Phúc-yên cũng là anh em ruột thịt với ta, nỡ nào ta lại để cho anh em chịu thiệt riêng, để ta an-hưởng thái-bình sao?

Kết-luận lại thì quan NORMANDIN nói rằng tai-nạn lụt-lội cũng như tai-nạn gió bão, địa-chấn, nước bể dâng, hỏa-diểm-sơn, sức người ta yếu-ớt không thể chống lại nổi được. Ấy cũng là câu 人力難勝天災 của đức Tự-đức ta ngày xưa đấy; đức Tự đức chỉ ung-dung trong cung-cấm, cũng vẫn biết câu ấy, hà-tất phải đi đến đâu.

Xét ra chính-sách nào cũng không dùng được, nhưng nhân-dân ta-thán, không lẽ cứ thúc-thủ vô-vi, cho nên quan POUYANNE phải miễn-cưỡng mà cho đắp đê cao thêm lên, ngài cũng vẫn nói rằng đắp đê là giữ được ngăn nào hay ngăn ấy, chứ không dám chắc

rằng giữ được khỏi lụt. Ấy cũng là câu 救河非復築堤條。定未有別策也。 của các quan ta ngày trước đó. Các quan ngày xưa chỉ bắc-song cao-ngọa, ngâm thơ Lý Bạch, mà cũng am-hiểu như các quan kỹ-sư bây giờ, thế mới biết cái trí-não của các cụ ta ngày xưa không phải là tầm-thường vậy.

Song những lời quan NORMANDIN nói trên đó, không phải là ý-kiến riêng của một mình ngài, mà chính là học-thuyết của thủy-gia ngày nay đấy; dẫu ông kỹ-sư nào, học ở nước nào ra, cứ theo hiện-thời học-thuyết mà không phát-minh ra một lý-thuyết nào mới, thì cũng phải chịu như quan NORMANDIN cả thôi, chứ không có chính-sách gì hay cả. Nếu thủy-gia ở hoàn-cầu ngày nay có phương-sách gì hay thì Tầu, Nhật, Tỷ, Anh, Mĩ, đã không chịu lụt hại mất bao nhiêu của, chết mất bao nhiêu người như vừa mới rồi. Không phải là năm nay các nước mới bị lụt như thế, xưa nay tất cả các nước ở hoàn-cầu này vẫn thường bị lụt luôn. Như ở bên Pháp, kể bây giờ đã đỡ, chứ từ thế-kỷ thứ 19 trở về trước, trong có 1350 năm mà bị những 2023 trận lụt, khổ-sở vô-cùng, tình cảnh kể cũng quá ta bây giờ.

Đã nhiều người thông-thái lưu-tâm về vấn-đề này lắm, các chính-phủ cũng đã nhiều lần lập hội-đồng để bàn, cả Hội Khoa-học Bắc-sĩ cũng đã ba lần cử tiểu-ban ra nghiên-cứu việc đó, thế mà cũng chưa tìm thấy mảnh-mối chi cả. Thủy-học bây giờ chẳng qua chỉ biết được mấy phép tính áng chừng để tính ống nước (*conduites forcées*), tính thủy-thiệt (*déversoirs*) và tính máng nước (*canaux réguliers*), thế mà thôi, chứ đến sông thiên-tạo rộng hẹp sâu nông không chỗ nào giống chỗ nào, thì chưa có điều gì biết đích-xác cả.

Hỏi rằng tại làm sao mà hay lụt, thì mỗi ông nói một khác, ông thì bảo tại đắp đê, ông thì bảo tại phá rừng, ông bảo tại lòng sông mỗi ngày một bồi cao lên, ông bảo tại cửa bể mỗi ngày một xa ra, mỗi ông một ý, mà thuyết nào cũng có thể bẻ được cả.

Bảo tại đắp đê thì cũng có sông không có đê mà vẫn nước một ngày một to, như sông *Seine*, sông *Rhône*, sông *Garonne* và nhiều sông khác nữa. Lại cũng có sông có đê mà không việc gì cả, như sông *Danube*, sông *Isère*, sông *Rhin* sông *Mense*, sông *Escault*, và các con sông ở Hòa-lan, vân-vân.

Bảo tại phá rừng thì xem ngay lưu-vực của sông Nhĩ-hà ta đây, rộng biết là chừng nào, thế mà rừng phá đi mất độ bao nhiêu? Cái địa-đồ Bắc-kỳ to phỏng độ bằng cái bàn, mà những chỗ rừng phá đi, cộng cả diện-tích lại chỉ to bằng độ một bao diêm, thế thì liệu chừng có ảnh-hưởng gì đến mực nước sông Cái không?

Bảo rằng lòng sông bồi hiện có chứng-cớ phân-minh, thì lại có ông cãi rằng lòng sông bồi lên thì mỗi năm bồi bao nhiêu? Một năm mà bồi lên năm phân thôi, thì mười năm bồi lên năm tấc, trăm năm bồi lên 5 thước, nghìn năm bồi lên 50 thước; các con sông ở địa-cầu này có đã mấy vạn năm thế mà có thấy bồi được bao nhiêu đâu; vả lại có nhiều cái cầu làm đã mấy nghìn năm nay mà móng cầu vẫn thấy đăng-đối với đáy sông, không thấy lấp đi chút nào, thế thì biết rằng lòng sông không bồi. (Hai thuyết này, một thuyết bảo có bồi, một thuyết bảo không, cùng không phải cả, xem sau sẽ rõ.

Bảo rằng tại cửa bể xa ra, thì tính ra mười năm mới có thể cao mực nước lên giảm sáu ly, chứ không đến nỗi lên mau quá như nước sông Nhĩ-hà ta.

Đã không biết nguyên-nhân sự lụt ở tại đâu, cho nên không trị được lụt. Các sách của cổ-kim thủy-học danh.

sư đều thú thực rằng thủy-học của nhân-loại còn lờ-mờ lắm, chưa có thể trông cậy vào đấy mà trị-thủy được.

Nói rằng thủy-học hiện-thời *chưa có thể* trị-thủy được thì phải, chứ nói rằng nhân-loại *không có thể* trị-thủy được thì không phải, vì rằng cũng đã có người trị-thủy được rồi kia mà. Bây giờ thủy-gia chưa trị được thủy là vì thủy-học chưa phát-minh ra được, chứ ai dám chắc rằng sau này không có người phát-minh học-thuyết ra để trị-thủy được cũng như vua Vũ ngày xưa?

Sở-dĩ đến ngày nay mà thủy-học còn chưa phát-minh ra được, không phải vì cổ-nhân có kém-cỏi gì, chỉ vì chiêm-nghiệm chưa được mấy cho nên không dò ra mối được. Kể ra cũng đã có nhiều ông nói phải, nhưng chẳng qua chỉ nói tắt khúc, như các cụ ta ngày xưa cũng đã có cụ nói nên nắn chỗ cong, nên khai chỗ hẹp, chỉ nói được thế thôi mà không khám-phá nguyên-ủy ra làm sao được. Vả lại một ông nói phải, lại rằm bảy ông nói trái hẳn lại, mà đôi bên cũng không lấy gì làm bằng-cớ chắc-chắn cả, cho nên không biết ai phải ai trái, không cho vào học-thuyết được. Lại cũng đã có rằm bảy việc làm đã thành-hiệu ở bên Âu-châu, cũng có việc chủ-ý trị-thủy mà được, lại cũng có việc không chủ-ý trị-thủy mà làm xong tự-nhiên nước xuống. Những việc không chủ-ý trị-thủy mà được, không hiểu ra làm sao đã đành, còn những việc chủ-ý trị-thủy mà cũng chưa hiểu tại làm sao, là vì những công việc ấy chính-sách nào cũng có dùng, cơi đê cũng có, cơi kè cũng có, đào sông mới cũng có, khai sông cũ cũng có, mở rộng cầu cống ra cũng có, đến lúc được nước xuống không phân-biện ra được tại chính-sách nào mà thành-công ấy, cũng vì không thuyết-phá nguyên-ủy ra làm sao được, cho nên cũng không tập thành học-thuyết được. Đã không thành một học-thuyết thì không thể đem vào nhà trường mà dạy được, đã không đem vào nhà trường mà dạy thì lời nói phải, lời nói trái, việc được, việc hỏng, ngọc thạch tương-tạp, cùng bỏ xó coi như đống giấy hư cả, không ai còn nhìn đến nữa.

Ấy thủy-học còn sơ-sài là tại thế. Bây giờ ta chịu khó lục những đám giấy cũ ấy ra, mượn con mắt cổ-nhân mà so việc nọ sánh với việc kia, lại tế-quan vật-lý của tạo-hóa nữa thì có thể suy ra nguyên-lý được.

Này, ai không thường trông thấy những nước giọt gianh nó rơi xuống đất ít lâu thì nó đào thành một cái rãnh nho-nhỏ để lấy lối nó chảy đi, ấy cũng là một cái khéo vô-cùng của Tạo-hóa đấy. Tạo-hóa sinh ra nước chảy đến đâu đào lấy đường đi đến đấy, dẫu một giọt nước giọt gianh chảy lâu cũng thành rãnh. Ở trên rừng cũng thế, mưa xuống trong rừng trước còn ít nước thì nó đào lấy một cái lối con con, sau tụ-hội nhau lại thành nhiều thì nó đào thành ngòi thành lạch, sau nhiều nữa thì đào thành sông con sông cái, nhất-nhất là nước nó lại đào lấy lối nó đi, chứ không ai phải đào hộ nó cả. Nước nó đào lại khéo lắm, vừa-vặn lắm, không to quá không nhỏ quá bao giờ. Sở-dĩ sông được vừa-vặn thế, là chỗ nào hẹp quá thì nước chảy mạnh thêm, đào đất đem đi, thành ra sông to thêm cho vừa lối nước chảy. Chỗ nào rộng quá thì nước chảy chậm lại, nước chảy chậm thì phù-sa bồi xuống, cho chật bớt sông lại cho vừa.

Nước có bao nhiêu thì sông to bấy nhiêu là một lẽ rất tầm-thường, mà lại rất hiển-nhiên, tuy rằng tầm-thường như thế nhưng mà phép khoa-học có truy-nguyên từ một lẽ hiển-nhiên như thế rồi sau mới suy ra lý

khác hay được, cho nên có thể cho câu đó là nguyên-lý thứ nhất của thủy-học sau này được.

Nếu trời đã sinh ra nước có bao nhiêu thì sông to bấy nhiêu, thì sao sông Nhĩ-hà ta, nước vẫn nhiều, sông đang to mà lại cứ mỗi ngày bồi nhỏ lại để đến nỗi nước không chảy đi được là tại làm sao ?

Sông to nước vẫn nhiều, mà sông đang to thật, nhưng mà có nhiều chỗ đắp đê nghẽn lại, những chỗ nghẽn ấy, hiện-tại nước nó vẫn muốn phá rộng ra để đủ lối cho nó chảy, nhưng người ta có cho nó phá ra đâu ! Lở đến đâu bỏ đá xuống đến đấy, bỏ một trăm thước đá chưa được, thì bỏ một nghìn, một nghìn chưa được thì một vạn, kỳ bao giờ đến không thể lở được nữa mới thôi ; thế thì nước nó đừng ứ lại ư ? Một con sông đã có một chỗ ứ lại thì từ thượng-lưu cho chí hạ-lưu nước cũng chầy chậm lại cả, nước chầy chậm lại thì phù - sa bồi xuống làm hẹp lòng sông lại, chẳng có gì lạ cả.

Một con sông dù dài thế nào, đã có một chỗ nghẽn, thì nghẽn bao nhiêu, nước thượng-lưu và hạ-lưu chầy đều chậm đi bấy nhiêu, ấy là nguyên-lý thứ nhất của thủy-học sau này đấy. Câu này trái với học-thuyết đang-thời, bởi vì thủy-học bây giờ ngỡ rằng chỗ nào hẹp thì nước chầy nhanh hơn, đâu lại hoãn đấy, không chậm thoát nước tí nào, nghĩ thế là lầm, vì rằng chỗ nghẽn tuy nước có chầy nhanh hơn lên thật, nhưng mà cái nhanh hơn có chừng mà cái nghẽn lại lại vô-hạn, cho nên nhiều khi cái nhanh hơn ấy không kéo lại được cái nghẽn mất lối nước chầy. Phép khoa-học đã nói câu gì phải nói đích-xác như đanh đóng cột, chứ nói à-uôm rằng nghẽn không việc gì, thế thì một con sông rộng mười phần, nghẽn mất cả mười, nghĩa là đắp chắn ngang hẳn lại cũng không việc gì à ? Nay ta thử tưởng xem nếu sông rộng mười phần đắp nghẽn lại cả mười, thì có phải là sinh ra lụt liên-miên bất-chỉ không ? Nếu ta khai cái nghẽn ấy ra một phần thì đỡ được một phần lụt, khai ra hai phần thì đỡ được hai phần lụt, đến lúc nào mười phần nghẽn khai ra cả mười thì là không lụt tí nào nữa không ? Xem như thế thì cái lẽ nghẽn có hại cho sự nước chầy đã hiển-nhiên, mà nếu lẽ ấy đã hiển-nhiên, thì câu học-thuyết hiện-thời là câu tương-phản với lẽ hiển-nhiên ấy, thế nào cũng sai, không thể tin được nữa.

Cái nguyên-lý thứ ba của thủy-học sau này là một con sông đã có một chỗ nghẽn lại, một mình sức nước không thể phá cái nghẽn ấy đi được, thì lòng sông từ thượng-lưu cho chí hạ-lưu đều bồi chật cả lại, bao giờ chật bằng chỗ nghẽn ấy mới thôi. Cái bồi ấy là tại trước kia chưa có nghẽn thì nước chầy nhiều, mà sông to như trước vẫn là vừa, đến khi có chỗ nghẽn lại thì nước chầy ít đi, thành ra lòng sông rộng quá, cho nên nó bồi bớt lại.

Ấy lòng sông có bồi hay không, bồi nhiều hay là bồi ít, cũng tùy theo có nghẽn hay không, nghẽn nhiều hay là nghẽn ít ; học-thuyết đang-thời không nói đến mấy cái nguyên-lý này, cho nên cứ người thì bảo lòng sông bồi, người thì bảo không, cãi nhau đến mấy trăm năm nay mà vẫn không ai chịu ai.

Nay đã thuyết-phá ra được rằng bồi là tại có chỗ nghẽn, lụt cũng tại có chỗ nghẽn, thế thì có muốn cho khỏi bồi khỏi lụt, chỉ mở rộng tất cả các chỗ nghẽn ra là xong. Trước kia không trị-thủy được, cũng là vì không cho nghẽn là có ngăn - trở cho sự nước chầy, cho nên cứ lúng-túng mãi, cái nguyên - nhân của sự nước lụt ở

một nơi, lại cứ đi tìm một nẻo, tìm bao giờ cho thấy. Đã không biết nguyên-nhân thì đề-chế cái hiệu-quả thế nào được.

Trên đó chỉ nói chung rằng nghẽn sinh ra lụt, nhưng nghẽn có nhiều thứ nghẽn : cầu cống nhỏ quá là nghẽn, đắp đê hẹp lòng sông lại quá là nghẽn, hoành-bối ngăn nước lại là nghẽn, sông cong quá nước không chảy mạnh được cũng là nghẽn.

Cầu cống đê-bối làm nghẽn sông lại thì ai cũng biết, còn như các khúc cong có cong quá thì mới hãn nước lại, chứ cong vừa thì không việc gì. Sở-dĩ cong quá mà nước hãn lại là vì nước bao giờ cũng chảy thẳng, càng chảy mạnh bao nhiêu càng thẳng bấy nhiêu, cũng như xe-hoả càng nhanh bao nhiêu thì đường sắt càng phải thẳng bấy nhiêu, cũng như xe bò đi chậm thì lượn vòng nhỏ được, xe ô-tô chạy nhanh không lượn vòng nhỏ được. Các khúc sông cong quá không phải là thiên-tạo ra cong quá thế, chỉ vì bỏ kẻ bên nọ đưa ngọn nước sang bên kia, hay là đắp đê bên nọ đưa ngọn nước sang bên kia, cho nên sinh ra thế. Các khúc sông cong quá nước không chảy mạnh được, cũng hình như người đắp nghẽn sông lại, cho nên chính-sách khai nghẽn phải nắn cả chỗ cong cho thẳng lại.

Chính-sách *nắn cong thông nghẽn*, cổ-nhân đã từng bàn đến, mà cũng đã có làm thử qua, thế mà không thấy kiến-hiệu gì là vì phép trị-thủy phải : 先從底處下手, là làm từ hạ-lưu làm trở lên ; nếu làm trên làm xuống, thì không những là không có hiệu-quả gì, lại có hại nữa : Khai chỗ nghẽn trên mà không khai chỗ nghẽn dưới, thì lúc nước lớn về chảy ồ qua chỗ đã khai ở trên mà xuống đến chỗ nghẽn còn lại ở dưới không thoát đi được, thành ra lại lụt to thêm ; ấy ở Âu - châu cũng đã có nhiều việc bị khờ như thế, cho nên thủy - học ngày nay cho chính-sách « nắn cong thông nghẽn » là nguy-hiểm không dám dùng đến ; không nghĩ rằng cứ làm từ hạ-lưu làm trở lên thì không việc gì cả. Ở hạ-lưu nếu đã có chỗ nghẽn thì dẫu khó khai đến đâu cũng phải khai, không có không xong. thế cho nên vua Vũ phải « tạc sơn thông đại-hải » là thế.

Nhà trị-thủy phải theo ba điều phương-châm :

Một là : *Thuận thủy chi đạo* 順水之道 (*laisser la nature libre de faire son œuvre*) ;

Hai là : *Bang thủy chi công* 幫水之功 (*aider la nature*) ;

Ba là : *Dụng thủy chi lực* 用水之力 (*tirer parti de la force des courants*).

Thuận thủy chi đạo, nguyên là chính-sách cũ của vua Vũ ; câu ấy nghĩa là trời sinh ra nước mưa xuống để tư-dục vạn-vật, xong rồi phải chảy ra bể, ta nên thuận thiên-ý mà để cho nước chảy về bể cho chóng, chứ cứ bẻ giữ nó lại là nghịch-thiên, nghịch-thiên thì chỉ thiệt vào mình thôi. Cựu-học cứ muốn chống lại với trời, cho nên vẫn thua, phải thú rằng không chống lại nổi ; nay ta không dám chống lại trời thì việc gì mà không nổi.

Bang thủy chi công, là giúp sức cho nước : Xem ý nước vào chỗ nghẽn, nó muốn đánh phá rộng thêm ra, ta nên phá rộng hộ cho nó chóng thành công. Nước chảy đến chỗ cong, nó bồi bên nọ phá bên kia muốn cho sông thẳng lại, ta nên nắn trước cho nó dễ chảy.

Dụng thủy chi lực, là dùng ngay sức nước để đào lòng sông cho sâu thêm.

Hai câu phương-châm sau tức là câu : *Hành kỳ sở vô-sự* 行其所無事 của vua Vũ ; *bang thủy chi công*, tức

là *hành*, mà *dụng thủy chi lực* tức là *vô-sự*, nói nôm là : ta giúp cho nước dễ chảy, rồi nước nó lại giúp ta mà đào sông sâu xuống.

Chính-sách này miễn là thi-hành cho hợp cách, làm từ hạ-lưu làm trở lên, thì thi-thố ở đâu được đấy, đây xin kể những việc ở Âu-châu làm chứng-thực:

Sông *Bièvre* cũ ở thành *Paris*, nay đã lấp rồi, cũng như sông Tô-lịch ta, trước kia hay lụt lắm, đến năm 1716 chỉ mở rộng thêm mấy dịp cầu nữa mà từ bấy giờ trở đi không lụt nữa.

Sông *Moselle ở Lorraine* trước hay lụt chỉ vì có một cái đập *(vanne)* hẹp quá, đến năm 1778 nước to trôi băng đập ấy đi, về sau không đắp cái đập ấy lại nữa, thành ra khỏi lụt.

Sông *Ly* ở Tỉ-lợi-thì trước hay lụt cũng chỉ vì có cái tắc-giang *(barrage)* ở thành *Menin*, sau phá cái tắc-giang ấy đi mà khỏi lụt.

Sông *Escault* cũng ở Tỉ, kể cũng có lụt nhưng lụt sông ấy không có hại gì lại có phần lợi cho nông-gia, song vì sự vận-tải mỗi ngày một thịnh-vượng lên, mà sông ấy lại có nhiều cái cống *(écluses)* nhỏ quá, tàu bè đi không tiện, cho nên năm 1841, người Tỉ sửa-sang sông ấy cho lòng sông đều lại : những chỗ rộng quá thì đắp hẹp lại, mà những cống hẹp quá thì phá đi hoặc làm lại cho rộng. Các công việc ấy chủ-ý làm cho dễ vận-tải, chứ không chủ-ý trị-thủy, thế mà lúc làm xong tự-nhiên mực nước hạ xuống.

Sông *Meuse* ở Tỉ cũng hay lụt, đến năm 1880 bị một trận lụt to, lập một hội-đồng lên để tìm phương-sách trị-thủy và sửa-sang lối vận-tải cho tiện-lợi hơn nữa. Ý hội-đồng ấy thấy công việc sông *Escault* đắc-lực cho nên cũng dùng chính-sách ở sông *Escault*, nghĩa là đắp hẹp các khúc rộng quá lại, và mở rộng các cầu cống hẹp quá ra. Công việc sông *Meuse* cũng được kết-quả viên-mãn như ở sông *Escault*.

Nước Hòa-lan địa-diện thấp hơn mặt bể, thường-niên bị đê vỡ lụt hại vô-chừng, đã dùng hết cách để phòng-bị, nhưng vẫn không được, đến năm 1850, người Hòa-lan nghĩ rằng các con sông ở xứ ấy, không phải lại nước lớn quá mà sinh ra lụt, chỉ vì lắm băng, mà sông lại nhiều cầu nhỏ quá, nhiều khúc cong quá, lại lắm khúc rộng quá, hóa ra nổi những bãi cát lên ở giữa sông. Những bãi cát ấy, những khúc cong ấy và những cầu nhỏ quá ấy, cản những tảng băng lại, mỗi tảng băng cản lại thì năm bảy tảng đọng lại ngay, dính lại với nhau thành ra một khối băng lớn chắn hẳn sông lại, không còn cái gì thoát đi được nữa, thành ra nước ứ lại hóa to, sinh ra vỡ đê. Nghĩ thế cho nên hội-đồng định rằng các khúc sông to quá thì đắp hẹp lại cho khỏi có bãi cát bồi lên ở giữa sông; các khúc cong nắn thẳng lại, các cầu nhỏ mở rộng ra, cốt-ý cho băng không bám vào cái gì mà đọng lại được nữa. Công việc làm theo chính-sách ấy quả-nhiên thành-hiệu mà hoàn-cầu phải chịu người Hòa-lan khéo trị-thủy. Chỉ tiếc thay cho thủy-học ở Hòa-lan là vì có băng cho nên mới phải dùng chính-sách ấy, không biết rằng không có băng mà dùng chính-sách ấy cũng rất hay.

Sông *Vistule* ở Đức chỗ gần cửa bể, trước chảy cong-queo, đến năm 1840 có một trận nước to, tự-nhiên đánh phá một lối mới chảy thẳng ra bể, ngắn sông đi được 12 cây-lô-mét, từ đó nước to về rút thấp đi được mười thước.

Sông *Isère* ở *Savoie*, sông *Danube* ở Đức và sông *Theiss* ở Phổ trước không có đê thường-niên bị lụt, đến cuối thế-

kỷ thứ 19 mới đắp đê lên ; đắp theo lối mới không để khúc nào to nhỏ khác nhau, không cong-queo rộng hẹp bất-thường như đê cổ ở sông *Loire* và sông Nhĩ-hà của ta, từ đó khỏi phải bị lụt, lợi cho nông-gia không biết chừng nào mà kể.

Sông *Tibre* ở Ý chảy qua thành *Rome* từ thượng-cổ vẫn năng bị lụt. Cứ xem đất thành *Rome* cao có 9m mà nước to lụt những 13m66, thì biết rằng hại kể ngần nào. Năm 1870 lại bị một trận lụt rất hại, nên người Ý phải cố công mà trị-thủy cho được. Nguyên sông *Tibre* ở trên và ở dưới thành *Rome* cùng rộng - rãi không việc gì cả, chỉ duy ở thành *Rome* thì có nhiều cầu đá cổ dồ xuống lấp nghẽn sông lại, nước chảy không trôi những tảng đá to quá ấy đi được, tàu bè đi lại quãng trên quãng dưới thì vẫn thông-đồng, nhưng không đi qua thành *Rome* được, vì mắc những tảng đá ấy. Đến năm 1870, hội-đồng trị-thủy không những là nghĩ cách phòng nước lụt, lại còn sửa-sang lòng sông cho dễ vận-tải nữa, cho nên hội-đồng ấy định :

Đắp thêm cao đê lên, và xây cơi kè lên để phòng nước to ;

Khai những tảng đá cầu dồ ở thành *Rome* ra cho tàu bè dễ đi lại.

Tiếc thay đến lúc thi-hành, những đê và kè thì có nâng cao lên y như kế-hoạch, chỉ duy có việc khai lòng sông thì kế-hoạch định khai đến 100 thước suốt từ trên đến dưới, thế mà đến lúc thi-hành thì chỉ khai được có khúc dưới là đúng kế-hoạch, còn khúc trên lại chỉ khai được có ba mươi thước, thấy tàu bè đã đi lại được rồi thì bỏ không khai nữa. Đến năm 1890, có một trận nước lớn, sức cũng to ngang nước năm 1870, kể cũng đã có rút thấp đi được 1 05, nhưng mà giá khai được lòng sông ra cả như kế-hoạch đã định thì còn rút đi được hai ba thước nước nữa, mà không phải cơi đê cơi kè gì cũng được. Ấy một việc làm kể cũng đã có thành-công, nhưng việc cốt-tử lại bỏ dở-dang, thế mới biết rằng người Ý tuy trị được thủy, nhưng cũng chưa hiểu rõ rằng tại làm sao mà được.

Sông *Rhin*, hồi trước tỉnh *Alsace Lorraine* vẫn thuộc về Pháp, thì sông ấy là địa-giới, bờ bên nọ thuộc về Pháp, bờ bên kia thuộc về Đức, trước kia cũng lụt mãi, đến năm 1827, có một ông kỹ-sư Đức tên là TULLA nói rằng những vụ nước to mà nước lên cao quá, đồng-điền lại thấp quá, chính là tại các công việc người ta làm ở hai bên sông, thứ nhất là tại cách đắp đê vụng. Muốn cho khỏi nước lụt thì chỉ có một cách nắn sông cho thẳng là được thôi. Ông TULLA có kể rằng năm 1780 CHARLES FRÉDÉRIC trị thủy sông *Murg* cho khỏi lụt hại tỉnh *Rastadt*, nắn sông lại cho chảy thẳng vào sông *Rhin*, từ đó sông *Murg* khỏi lụt. Ông Hoàng CHARLES THÉODOR cũng nắn lại sông *Necker* mà tỉnh *Mannhein* khỏi lụt. Chính tay ông TULLA cũng đã nắn sông *Linth* ở Thụy-sĩ mà rút thấp nước xuống được hơn 7 *pieds* (*pied* bằng độ tám chín tấc ta) ; còn mấy con sông ở Thụy-sĩ nữa mà cũng chỉ nắn lại mà thành công ; những con sông ấy là sông chảy mạnh cả. Ngay ở sông *Rhin* cũng đã có một khúc nắn năm 1818 rồi mà hạ được 5 *pieds* nước xuống. Ông TULLA chiêm-nghiệm các công việc ấy mà trù thành một bản kế-hoạch nắn cả sông *Rhin*, nói rằng cả hai bên, bên Pháp bên Đức, cùng phải theo kế-hoạch ấy mà nắn dần sông *Rhin* lại thì mới khỏi lụt. Các ông kỹ-sư Đức thì lấy kế-hoạch ấy làm phải lắm, nhưng các ông kỹ-sư Pháp không chịu, cứ kể những học-thuyết cổ ra mà cãi, nói rằng nắn thẳng lại thế, thế nào cũng sinh ra

nước chảy rối loạn (*perturbations*), và sông thẳng khó lòng mà giữ mãi cho được thẳng. Hai đảng kỹ-sư cứ cãi nhau mãi, không ai chịu ai, về sau bị mấy trận lụt nữa, đến năm 1840, đôi bên chính-phủ mới giải-hòa được, rồi làm theo chính-sách của ông TULLA, từ đó sông *Rhin* đỡ lụt đi được bao nhiêu. Còn bốn con sông khác ở Pháp vẫn chịu lụt mãi, đến về sau này mới đỡ.

Tại làm sao mà bốn con sông ấy về sau đỡ lụt ?

Chỉ vì rằng các con sông ấy có nhiều cầu đá cổ. Cầu đá đã nhỏ mà chân cầu thân cầu lại to, chướng không thoát nước đi được, đến năm sáu mươi năm nay mới làm được cầu sắt, mỗi một trận nước lớn về đánh đổ một, vài cái cầu đá cũ thì người ta làm thay cầu sắt vào đấy ; cầu sắt mảnh-rẻ rộng-rãi dễ thoát nước cho nên mới đỡ lụt.

Xem các công-việc kể trên đó, thì biết rằng chính-sách nắn cong là một chính-sách thông nghẽn là hai, hai chính-sách ấy thi-hành ở đâu được đấy, chỉ trừ khi nào thi-hành ở thượng-lưu mà ở hạ-lưu còn để nghẽn để cong là không được thôi ; nên cứ theo « tiên tòng đẻ xứ hạ thủ » thì làm ở sông nào cũng được.

Lý-thuyết và thực-hành, hai đảng cùng hợp nhau, thì không còn điều gì nghi-ngại nữa. Nay ta dùng chính-sách đó mà trị con sông Nhĩ-hà thì nhất-quyết thế nào cũng thành-công.

Nay xét địa-thế Bắc-kỳ ta, kể Hòa-bình, Tuyên-quang, Yên-bái, Lào-kay, cũng có lụt, nhưng mà thượng-du hiện chưa mở-mang ra được mấy, để về sau sẽ kinh-lý đến cũng được, phương-sách đã đó rồi thì kế-hoạch không khó gì cả, cứ thấy chỗ nào cong quá thì nắn thẳng lại, chỗ nào nghẽn thì mở rộng ra là được. Còn như Phú-thọ tuy cũng có lụt, nhưng mà hễ rút hết được nước ở Việt-trì đi thì Phú-thọ tự-khắc không lụt nữa.

Muốn rút cho hết nước ở Việt-trì, trước hết phải biết nước to nhất ở đấy là bao nhiêu. Nước vài mươi năm nay tuy lên cao thật, nhưng cũng không to bằng năm qui-tị (1893). Năm ấy ở Việt-trì mỗi một cái tích-tắc đồng-hồ (*une seconde*) có 35.000 thước nước chảy về, đó là số nước to nhất của sông Nhĩ-hà đó. Bây giờ phải làm làm sao cho thoát được số nước ấy thì không sợ lụt nữa. Muốn cho sông thoát được bấy nhiêu nước ra bể, thì hãy tạm bỏ con sông Nhĩ-hà cũ đi không nói đến vội, kể như bây giờ phải đào một con sông mới, dài là bấy nhiêu, sâu là bấy nhiêu, thì phải rộng bao nhiêu cho đủ sức tiêu nước. Phép tính đó đã có thủy-học thành-pháp của ông BAZIN đem ra mà tính thì không sai được. Theo phép tính ấy tính ra thì thấy hễ sông ở Việt-trì rộng được 805m. và càng xuống hạ-lưu càng nở ra đến cửa bể rộng được 1550m, thì 35.000 thước nước tiêu được hết ra bể. Đó, nếu không có con sông Nhĩ-hà cũ mà đào được một con sông mới như thế là khỏi lụt, nhưng mà ta đã sẵn có con sông cũ thì cứ sửa-sang nó lại cho nó hợp kích-thước như sông mới là được. Xem con sông cũ, nhiều khúc toàn là rộng hơn sông mới cả, duy có sáu khúc là hẹp hơn ; sáu khúc ấy là :

Một khúc ở Trèm Vẽ ;
Một khúc ở Thanh-trì ;
Một khúc ở Văn-giang ;
Một khúc ở Khoái-châu ;
Một khúc ở Nam-xang ;
Một khúc ở Thái-bình.

Những khúc ấy, sông vừa cong vừa nghẽn, lại chỉ còn độ 400 thước thôi, vì thế nên sinh ra lụt. Bây giờ chỉ mở rộng sáu khúc ấy ra cho đúng

kích - thước sông mới là xong. Mở rộng ra tức là lùi một bên đê ra, nhân thể phải lùi một bên đê, ta liệu xem lùi thế nào cho con sông thành ra thẳng thiu, khúc trên ăn với khúc dưới, chứ nếu mà bạ đâu lùi đấy rồi sinh ra thượng-lưu không kế-tiếp với hạ-lưu, thì sông lại khúc-khuỷu không nên. Vả lại những khúc sông rộng quá, sau này còn phải thu hẹp lại để cho sâu đáy xuống cho tàu bè dễ đi, nên phải có một cái kế-hoạch của toàn-cục cả một con sông thì công-việc làm mới đích-đáng. Vì thế cho nên tuy bây giờ chỉ phải lùi có sáu khúc đê, mà phải làm kế-hoạch suốt cả con sông từ Việt-trì trở xuống để định trước rằng về sau con sông phải thành như thế nào, phòng khi có làm công việc gì ở bên sông thì phải chừa lòng sông đã định ra, còn ở ngoài thì tha-hồ làm gì thì làm, không có hại gì đến thủy-thế cả.

Công việc hiện-tại phải làm ngay thì chỉ có lùi sáu khúc đê ấy, cộng cả thấy dài có 82 cây-lô-mét, và phải đào hơn 100 cây lạch nhỏ để cho nước vào, đến khi nước lớn, bên sông mới thẳng hơn dốc hơn sông cũ, nước bên sông cũ chảy chậm, bên sông mới chảy nhanh, dần dần sông cũ bồi thành ruộng, mà sông mới thì tự-khắc nước đánh phá rộng ra, không phải dùng nhân-lực đào lấm, cũng như sông Vị-hoàng Nam-định, lúc đào có ít thôi, thế mà bây giờ thành ra rộng thế, sông cũ thì đã bồi lấp hẳn đi rồi. Công việc tính ra cả tiền mua đất mua ruộng đê, đào sông đắp đê, và tiền phí-tổn cho các nhà phải chạy đi nơi khác, tất cả chỉ *năm triệu rưỡi bạc* (5.500.000$) là xong.

Chính - sách này thi - hành nhất - quyết thế nào cũng thành-công, vì rằng không những nhiều việc làm như thế mà được rồi, lại còn tự-cổ dĩ-lai chưa có việc nào làm khác mà được bao giờ, suy thế thì biết rằng tha-hồ muốn xoay cách gì thì xoay, còn dùng chính-sách khác còn hỏng mãi, bao giờ dùng đến chính-sách này mới xong.

Chính-sách này lại còn hai điều lợi rất lớn nữa :

Một là hiện bây giờ tỉnh Hà-đông, Phủ-lý và một nửa tỉnh Nam-định, đê bao bốn mặt, nước trời mưa xuống không có lối tiêu, thành ra lụt nước mưa, như năm nay tuy không vỡ đê mà mùa-màng mất cả ; nếu chữa sông Cái lại như kế-hoạch này thì không cần phải đề sông Hát-giang cho thoát bớt nước lớn nữa, lấp ngay cửa sông ấy ở Sơn-tây lại, thì nước sông Hát-giang bao giờ cũng thấp, nước mưa xuống Hà-đông, Phủ-lý, Nam-định, đều chảy xuống sông ấy tiêu đi không lụt nước mưa nữa. Cái lợi ấy cũng không phải là tầm-thường vậy.

Điều thứ hai là khai các chỗ nghẽn ra, nắn các chỗ cong lại, thì nước chảy mạnh hơn trước, nước chảy mạnh hơn thì đào sông sâu hơn, tàu bè dễ đi lại ; ấy lại là một điều rất quan-thiết cho sự tiến-hóa của xứ nhà đó. Song sông còn nhiều chỗ rộng quá, rộng quá thì nông, sau này dần dần sẽ dùng chính-sách « *dĩ đê thúc thủy, dĩ thủy quát sa* », đắp hẹp lòng sông lại cho sâu thêm. Sẵn có tiền không phải mua đá bỏ kè nữa, đem ra mà làm, bao giờ thu hẹp lòng sông lại từ Việt-trì cho ra đến bể, y như kế-hoạch đã định, thì đáy sông sẽ được chỗ nào cũng sâu mười thước nước, tàu bè có thể vào tận Việt-trì được, thì lợi cho nông công thương ta biết là dường nào.

Công việc lúc chưa biết ra thì thiên nan vạn nan, mà lúc đã biết ra thì dễ như giở bàn tay, chỉ còn khó có cái rằng không biết có ai lấy cái tình-cảnh dân bị lụt làm thương-tâm không ? Có ai thấy những người chết trôi chết nổi mà chua xót thay cho không ? Có ai muốn cho xứ Bắc-kỳ ta được thịnh-vượng không ?

NGUYỄN CẢNH

Cung-tặng Nam-phong tạp-chí.

Nam bắc xa nhau mấy núi sông,
Chút duyên hãm-mặc gió đưa cùng.
Vận huân hòa, hồn còn vui mát;
Ngòi bút tài, hoa trên vẫy-vùng.
Đem về tốt-tươi cảnh Việt-nữ;
Nhiều công vun-tưới bao Nam-phong.
Mười năm lẻ, đã nhiều tâm-huyết;
Sau trước mừng cho vẹn một lòng.

Chiên-trường Trần Thúc-Thận.

Hà-tiên, mồng 10 tháng 8, năm mậu-thìn.

HI-LONG DI-THẶNG

希龍遺乘

Dật-sử một nhà nho nước Nam : Cụ Đặng Xuân-Bảng tự Hi-Long. (1)

II

VI

Vào làm Ngự-sử trong triều, Thờ vua hết đạo mấy điều can khuyên.

Triều vua Tự-đức thứ mười bốn (Tây-lịch năm 1861)

Ba-mươi-tư tuổi, thặng Giám-sát-ngự-sử, ông tính cương-trực, triều-đình có sự gì lợi hại, cứ ý-kiến tâu vua nghe, không hủy-kỵ.

Chức Ngự-sử, ngự-giá đi đâu, phải đeo nghiên bút theo hầu. Lúc ấy vua hay đi tuần-du ; tháng ba ngự-giá ra làng Thiên-thụ lễ tảo-mộ. Lễ xong, sắc phải chỉnh-bị nghi-vệ ra săn-bắn ở chỗ Đông-lâm. Ông tâu : « Lễ thanh-minh vừa xong, nay nhà vua đã vội đi săn-bắn, sợ không hợp lễ. » Vua phán rằng : « Đi săn-bắn chim muông để cung tế-tự, cũng là cổ-lễ thủa xưa » Ông lại tâu : « Cổ-lễ nhân việc tế-tự mới đi săn-bắn, nay không có việc tế-tự mà đi săn-bắn thì lễ ở đâu ? Vả chăng ở làng Thiên-thụ ra chỗ Đông-lâm, đường xa kể mấy dặm, sợ thêm nhọc dân-phu . . . » Vua không nghe, phán rằng : « Việc chi mà dân nhọc, nhà ngươi có nhọc thì trẫm không cần nhà ngươi đi. »

Khi ấy ông Nguyễn Thanh-Hương làm bố-chính tỉnh Bắc-ninh can về việc quan tri-trệ ; vua giao cho đình-nghị. Đình-thần tâu xin cải bổ chức biện-lý bộ Binh.

Ông tâu : « Chức biện-lý là ấn-quan ở Kinh-đô, lệ được ở trên tờ phiên, tờ niết ; nay ngươi Hương không có tài-cán, đã không kham nổi chức Bố-chính, sao kham được chức « Tả-nhị-bộ-đường » ? Phương-chi hồi mới rồi ông Tôn-thất Lệ làm Bố-chính tỉnh Khánh-hòa, can việc chính-sự bì-nhuyễn cải-bổ chức phó-sứ Sơn-lăng. Ngươi Hương ngươi Lệ cùng một tội mà phạt khác, kẻ hạ-thần sợ không hợp lẽ công bình. »

Vua phán rằng : « Tội ngươi Lệ bì-nhuyễn trẫm biết rồi ; ngươi Hương trẫm không biết người thế nào, nên giao đình-nghị. Nay ngươi lại chực kháng-cự cả đình-nghị hay sao ? »

Ông tâu : « Muôn tâu thánh-thượng, xin thánh-thượng xét lại lý-lịch của ngươi Hương. Trước ở Bắc-ninh can việc đánh giặc thua, bỏ thành chạy. Án ấy hiện giao cho đình-nghị, bắt ngươi Hương phải cách lưu, hiệu-lực đi đánh giặc để chuộc tội ; chưa chuộc đặng mà lại nghiễm-nhiên ở chức Tả-nhị-bộ-đường, sao cho xứng-đáng ? »

Vua nghe lời, lặng ngắt.

---

(1) Tiếp theo kỳ trước, N.-P. số 132

Thời bấy giờ ông Nguyễn Đình-Tân, là ngoại-thích nhà vua, làm Tổng-đốc tỉnh Nam-định, giết hại dân Gia-tô. Bên Gia-tô các thầy cả và người bản-đạo cũng kiên-nhẫn. Ông Tân bắt họ bước qua chữ Thập, nếu ai bước qua thì tha cho tội chết ; họ nhất-định không nghe, chết đành chịu chết. Chữ Thập là cái vật kỷ-niệm đức chúa « Giê-su » chịu tội cho thiên-hạ, nên phải kính-trọng, không dám bước qua. Vì thế họ bị giết cũng nhiều. Nhân gặp triều-đình cùng với nước Pháp giảng-hòa ; dân Gia-tô được tự-do giảng-đạo. Ông Tân có ý lo sợ, xin từ chức về Kinh ; nếu nhà vua không cho về, xin giao kiêm-ấn cho phiên ti-niết quyền-chưởng mà cũng xin về Kinh đãi tội. Vua không cho.

Ông tâu rằng : « Ông Tân nay có ý tự-nguy, nếu không cho về, vạn-nhất ông ấy bỏ ấn-tín đi thời triều-đình xử-trí thế nào ? »

Vua phán : « Nam-định là tỉnh lớn, trẫm lấy làm khó có người thay ; ngươi lựa có ai xứng chức, cho phép ngươi cử-tri. »

Ông tâu rằng : « Tổng-đốc là chức thượng-tư, quyền ở thánh-thượng đặc-giản ; kẻ hạ-thần chức nhỏ dám đâu thiện-cử. Nay tuân lời thánh-thượng phán, kẻ hạ-thần trộm nghĩ có viên Tham-tri bộ Lại Thân Văn-Nhiếp, thứ nữa thời có Đào Khả, đương chức Tham-tán Hải-yên. »

Vua nghe lời phê cử ông Đào Khả thay ông Tân ; cho ông Tân giải chức về triều.

Ông Vũ Thực (người Bắc-ninh) là bạn đồng-liêu với ông, làm Bố-chính tỉnh Gia-định. Quân nước Pháp đánh Đà-nẵng không được, kéo vào Gia-định đánh cửa Cần-giờ. Chiếu quan Tổng-đốc Nguyễn Tri-Phương đem quân đến đánh. Quân nước Pháp bức giữ tỉnh-thành. Ông Thực cùng với quan Tổng-đốc Vũ Duy-Ninh bỏ thành chạy. Quân Pháp bắn chết ông Ninh. Ông Thực chạy thoát được, can tội thất-thủ, bèn xin mộ binh để hiệu-lực, vua cho. Nhân triều-đình cùng nước Pháp giảng-hòa, ông Thực có ý sợ ; đến kẻ chuyện với ông muốn xin cáo về, hỏi ý ông nghĩ nên chăng thế nào. Ông nói nên cáo phải.

Khi cáo về, ông có thơ tiễn chân :

Cuộc Âu Á xui nên gió bụi,
Phận bắc nam giong-ruổi đường mây;
Chín trùng lệnh hịch vừa đây,
Xếp nghề bút mực ra tay côn-quyền.
Vì địa-lợi gây nên thù-hằn,
Cửa Cần-giờ mấy trận xông-pha;
Ơn vua có nghĩ giảng-hòa,
Phúc người nhưng cũng phúc ta phần nhiều.
Sóng bể hoan liệu chiều tránh trước,
Cảnh non xanh nhớ ước ngày xưa;
Mấy lần gió đợi trăng chờ,
Quan-sơn giấc mộng bây giờ mới yên.
Tùng với cúc là duyên tri-kỷ,
Rượu cùng thơ là nghĩa tương-đầu;
Khi non Đông-cứu cầy trâu,
Khi sông Thiên-đức thuyền câu vẫy vùng.
Hỏi thế-sự biết không không biết,
Lão nhà quê rượu tít thế thôi ;
Non non nước nước làm vui,
Doanh thâu cuộc ấy thoảng ngoài gió đông!

Lúc ấy vua sai ông Phan Thanh-Giản sang nước Pháp chuộc ba tỉnh Nam-kỳ : Gia-định, Biên-hòa, Mỹ-tho. Ông tâu rằng : « Đông-giới ba tỉnh đã nhượng cho nước Pháp năm 1859, mà nước Pháp chiếm chỗ ấy để định căn-cước, tương lai cũng có ý mưu-đồ sự khác ; nay đòi chuộc lại không chắc nước Pháp đã nghe. Vả lời ước nhượng địa triều-đình đã nghiệp thuận ký rồi, nay lại đòi chuộc, người ta trách mình bội-ước, thời biết nói làm sao ?

nếu người ta cho chuộc nhưng đòi nhiều tiền thời lấy gì mà chuộc. Nếu chuộc được sau này vị-tất đã giữ được, lại sinh ra hiềm - khích. »

Vua không nghe, phán rằng : « Xứ Nam-kỳ là của tiền-công ngày trước khai-sáng khó-nhọc, không chuộc lại được, lòng trẫm không yên. »

Bèn sai ông Giản đem quốc-thư và đem tiền-bạc sang thành Ba-lê, vào yết-kiến vua Nã-Phá-Luân đệ-tam ; xin chuộc lại, nước Pháp không cho, lại có ý không bằng lòng.

Đến năm 1863 người Pháp lại lấy tây-giới ba tỉnh : Vĩnh-long, Châu-đốc, Hà-tiên. Tự đấy Nam-kỳ đông tây sáu tỉnh đều về tay người Pháp quản-lĩnh. Ông có bài thơ cảm-hoài :

Sáu tỉnh quanh tròn chín khúc sông,
Nhớ xưa khai-sáng phí bao công ;
Đông tây đất vẫn miền Chân-lạp,
Nam bắc người chung giống Lạc-Hồng;
Con tạo trêu người nên gió bụi,
Anh-hùng ngán nỗi với non sông ;
Địa-đồ nét vẽ ngày thêm mới,
Hỏi cỏ hoa này có biết không.

Vua sai ông xét việc án quan Thủy-sư đô-thống Vũ Phẩm và quan Tham-tri bộ Binh Nguyễn Luận. Hai người tham-hặc nhau về việc Đặng Trứ-Tham và Nguyễn Luận nhũng-tệ. Nguyên trước Phẩm với Luận hai người ghét nhau mà Trứ cùng với Luận cũng có cựu-hiềm. Phẩm xui Trứ tham-hặc Luận.

Ông đến tòa Tam-pháp, đòi Phẩm Luận lại đối-chất. Hai người ấy cãi nhau, không chịu khai tờ. Ông mắng rằng : « Hai người thật mạn phép triều-đình. Tôi tuân mệnh vua tới đây để xét việc hai người, có thế nào thì cứ thiệt khai giấy, phải trái đã có công-nghị triều-đình. Chốn Tam-pháp này không phải là chỗ hai người cãi nhau. Pháp-luật cũng ở tay các người, mà còn như thế thời bảo dân làm sao ? » Bèn lập-tức gọi tơ-thuộc thảo tờ tấu. Luận, Phẩm sợ xin lỗi và xin sớm mai nộp tờ khai, ông mới thôi.

Hỏi đến các viên-biền thủy-sư thời ra Phẩm cùng Trứ xui lũ ấy khai giấy đều đổ tội cho Luận tham-nhũng. Ông biểu rằng : « Luận thực đáng tội, nhưng lũ ngươi cũng là quan - chức triều-đình mà lại siểm-mị thượng-tư, như thế thì lũ ngươi đã chắc khỏi tội chăng ? Nay lũ ngươi đã khai tờ thời ta cũng nhận ; nhưng sau này có tội đừng trách tại ta. » Các viên-biền thủy-sư về nói với Trứ đến kêu xin khoan-thứ cho. Ông nói : « Thủy-sư quản-suất hơn bảy mươi người ; Luận là chức thượng-tư, những người quản-suất là thuộc-viên, vãng-lai tình-tiết là thường. Nay những việc nhỏ-mọn, một con gà, con vịt cũng khai ra như thế, thời phải đòi hỏi tra xét hơn bảy mươi người, thêm bận giấy-má. Luận tội cố-nhiên, nhưng quan dưới mà a-mị quan trên ; xét điều hạnh-kiểm hữu - khuy, chiếu luật tội cũng đáng cách cả. Nay tờ khai ta đã nhận rồi, nhưng lòng ta không nỡ, sợ tương-lai án thành thời lũ bảy-mươi người đều phạm tội, cũng bởi tờ khai này kết thành một cái tội-nghiệt to. »

Trứ ngẫm - nghĩ hồi lâu rồi kêu : « Việc ấy lầm, xin cho lũ ấy khai giấy lại. » Ông bằng lòng cho. Kết việc ấy tâu vua nghe. Sau Luận can cách, Phẩm giáng bốn cấp, còn quản-suất hơn bảy mươi người đều được miễn-nghị.

Lại có một việc Nguyễn Tiến ở Huyện Tiên-du tỉnh Bắc-ninh can việc đánh đứa ăn trộm, hai giấu phạm mang tai. Đứa ăn trộm chết. Tỉnh-thần nghĩ kết luật giết người, bắt phải tội đồ. Ông tâu rằng : « Luật thiện-sát là khi đứa ăn trộm đã bắt được

mà mình lại cố-tình đánh chết nó, mới phạm luật ấy. Còn như ban đêm đứa ăn trộm vào nhà mình, nếu không đánh nó, nó cũng đánh mình để tẩu-thoát. Nay nghĩ-xử ngươi Tiến tội cố-sát thời sợ tương-lai ai còn dám đánh đứa ăn trộm nữa. Việc này mà xử tội đồ thời phỏng có người đã bắt được trộm mà cố lòng đánh chết thời xử vào tội gì? Nghĩ xin bắt ngươi Tiến phải nộp tiền mai-táng và cấp-dưỡng cho nhà đứa chết rồi tha cho về, thế mới hợp lẽ công-bình » Vua nghe

Lại bác một cái án Trần Quang-Diệu phải xử lăng-trì. Diệu là tú-tài ở huyện Sơn-dương, tỉnh Sơn-tây, cùng với tên Chánh-tổng Kiểm kiện nhau, phải giam ở huyện. Nhân gặp giặc vào phá huyện, bắt Diệu phải nhận ấn-tín để sức bắt dân-phu canh huyện. Đến ngày hôm sau giặc bỏ huyện đi. Diệu sợ, đến trước cửa quan huyện xin thú. Quan huyện bắt phải làm tờ khai; nhưng huyện-phố bị giặc đốt cháy, không có bút giấy. Diệu xin khất về lấy bút giấy khai tờ. Bấy giờ Kiểm thù Diệu, bắt Diệu giải sang huyện Đồng-hỷ thuộc tỉnh Thái-nguyên, và bắt cả cái trát sức về dân bắt dân-phu canh huyện, có chữ Diệu, đem trình. Sau tỉnh-thần kết án Diệu phải tội lăng-trì, xử-tử.

Ông tâu lên vua rằng: « Ngươi Diệu là người khoa-mục mà chịu ngụy chức, tội thực đáng chết. Nhưng vì phải giam ở huyện, giặc nó bắt phải nhận ấn-tín, chứ không phải ngươi Diệu có chí mưu ngụy; khi giặc đi tên ấy đã ra thú; hiện có giấy viên huyện Sơn-dương bẩm làm bằng. Nghĩ xin lượng thứ cho ngươi Diệu tội tử mà bắt phải đi nã-phạm để chuộc tội » Vua cũng chuẩn-y như lời tâu.

Khi làm Ngự-sử có ba bài sớ về việc dân, việc binh, việc tài, như sau này:

1° Sớ tâu việc tài-chính.

« Lý-tài là một cái vấn đề rất quan-khẩn. Ngày nay bàn về tài-chính, ai cũng đổ tại quân-xưởng nhu-phí nhiều, nên của dùng không đủ. Nhưng kẻ hạ-thần trộm nghĩ, của thiếu không phải tại về dùng binh mà tại về xa-phí. Xem như triều vua Gia-long khi mới mở nước, địa-giới còn hẹp, phú-thuế so với ngày nay mười phần chỉ có một phần. Thế mà bên bắc đánh chúa Trịnh, bên nam đánh được nước Xiêm, nước Chân-lạp; không ngày nào là không dùng binh, mà lại mở-mang được xứ Nam-kỳ để quốc-dân được hưởng cái địa-lợi ấy. Khi ấy cung-thất, bách-quan phụng-dưỡng, cũng các đồ dùng còn theo lối cũ, không có xa-xỉ như bây giờ. Đến triều vua Minh-mạng mới sai sứ sang Tàu sang Tây mua kiểu và các thức đồ dùng đem về. Từ bấy giờ các nhà quan mới ưa dùng đồ ngoại-quốc; sau dân-gian cũng bắt thói, đua nhau dùng, lấy thế làm sang. Không những là giấy để làm vàng, mã, chè, pháo, những phí vất đi đến là đồ của nước Tàu. Kể một năm tiền của nước mình tiêu-tiết ra ngoài biết mấy mươi vạn. Đến như cung-thất trang-hoàng, phục-dụng xa-xỉ, cùng là lễ khánh-hạ và tế-tự theo như hội-điển nước Tàu, dần-dần đến nay lại xa phí hơn trước. Xét như sổ chi-thu ở bộ Hộ, có năm thóc thuế thu được một trăm sáu mươi bảy vạn hộc, chi tiêu hết một trăm bảy mươi ba vạn; tiền thu vào được một trăm sáu mươi ba vạn, chi tiêu ba trăm chín vạn có thừa. Có năm thóc thuế thu vào một trăm hai mươi bảy vạn, chi tiêu đến một trăm ba mươi tám vạn; tiền thuế thu vào được năm trăm năm mươi sáu vạn, chi tiêu đến bốn trăm ba mươi bảy vạn có thừa. Đem số chi đối với số thu có năm thừa lại có năm thiếu, thế thì của trong nội-khố chi-dùng không đủ, phương-chi dân-gian. Tức như năm Tự-đức thứ sáu, khi ấy

giặc bể chưa nổi, không phải dùng gì đến binh-xưởng. Viên Đặng Văn-Hòa Thượng-thư bộ Hộ đã có sớ tâu: « Tiền thóc kho không đủ tiêu dùng, xin phải tiết-kiệm ». Xem thế biết của thiếu không phải tại dùng binh. Nghĩ nên theo như chế sách của viên Nguyễn Đăng-Quế, xin các cung-thất phục-dụng cùng là đình-thự khí-dụng, tuân theo như lệ triều vua Gia long, châm-chước thi-hành. Lại xin sắc cho bộ Công bộ Lễ bàn định, miếu-vũ chỗ nào nên hợp-tự, quan-lại chỗ nào nên tinh-giảm thì tinh-giảm để khỏi hư-phí.

« Một lẽ nữa hại cho vấn-đề tài-chính là những người Khách buôn gian-dảo trâm đường. Đồ hàng-hóa ở Tàu đưa sang, mỗi ngày đánh cao giá mãi lên; bộ Hộ có giảm giá thì nó không chịu đem đủ đồ, tuy những người buôn nhận tiền mua đồ đã cứ sở tại Minh-hương, Thanh-hương làm giấy bảo kết, có sai thủ thời cứ người bảo kết trách bồi nhưng số tiền thiếu nhiều, tịch-bồi gia-sản không đủ; thông tính những tiền giao cho khách buôn mua đồ, cùng với số tiền thuế nhập-cảng miễn-xá cho nó đến gần hai mươi vạn. Như thế thời của Nội-phủ khiếm-khuyết nhiều. Nghĩ xin, trừ ra những thuốc bắc và áo triều-phục thời dùng đồ nước Tàu, còn như đồ khí-dụng ban thưởng cho các quan, nên cấp tiền, không nên câu-nệ dùng thực-sắc, nghĩa là chuộng những đồ ngoại-hóa thời tài-mẫu của mình tiêu-tiết ra ngoài. Nếu không biết tiết-độ thời của Nội-phủ và của dân-gian một ngày một hao-tổn đi. Lỡ gặp phải năm đại-hạn, hoàng-trùng hoặc thủy-tạo thời lấy gì mà chi dùng. Kẻ hạ-thần sợ trong nước mươi lăm năm nữa, xa-xỉ lại gấp mười bảy giờ. Vậy nghĩ xin sắc cho bộ Lễ nghiêm-định điều-lệ, phàm chỗ vương-công, phủ-đệ cho đến dân-gian nhất-thiết không được dùng bắc-hóa, trừ ra có ân-quan trở lên mới được dùng mà thôi. Dân-gian các đồ dùng thời phải mô-phỏng những đồ ngoại-quốc mà tự chế-tạo cho được tinh xảo; như là đồ tơ lụa, đồ bát đĩa, người nước mình dùng của mình có phần tiện hơn. »

2° Bài sớ về dân-chính

« Năm Tự-đức thứ mười lăm, có sớ rằng: « Triều-đình lệ năm năm một lần kiểm-duyệt, lại có lệ xã nào tăng đinh thì được thưởng, lậu đinh thì phải phạt, lập phép rất nghiêm ngặt. Nay lại sắc cho các viên phủ huyện thân-hành xét các dân xã bắt phải tận số đăng-tịch. Nhưng tưởng pháp lập tệ sinh, không thể nào đề-phòng cho hết được. Các phủ huyện thừa-hành, kẻ nào công-minh cũng không dám làm tận-pháp, sợ dân oán; kẻ nào tham-nhũng thời tạ-sự để mưu lợi riêng; xã nào đút tiền thời cho giảm đinh, xã nào không tiền thời bắt tăng lên. Triều-đình không được lợi mấy mà dân-gian phiền-nhiễu bị tay hoạt-lại thêm bớt, lại sinh ra một cái tệ-đoan. Xã tăng đinh chửa hẳn là dân trù, xã giảm đinh chửa hẳn là dân háo. Xem như trước có lệ tăng đinh, những người thừa-hành thường thường hư-tương đinh-số để cầu ban thưởng. Gần mấy năm nay gặp lúc binh-chiến, lúc tật-dịch, hoặc thủy-tai, các dân-xã kêu xin giảm đinh, mà các giấy má còn đôi-tích ở bộ Hộ, Triều-đình cũng chưa xét xong. Dân-xã vẫn thường khổ-khiếu mãi. Nay lại hạ lệnh các dân-xã tận dân-số đăng-tịch, hạ-thần lại sợ thêm những cho dân. Tạo-vật có lúc thường lúc biến, dân-sự có lúc thịnh lúc suy. Đương lúc thái-bình vô sự, sinh đẻ ngày thêm ra. Nhưng lúc gặp phải binh-chiến động xương chất chỗ chiến-trường, lúc gặp tật-dịch, giống người về họ nhà ma, — gặp lúc thủy-tạo, xác người chôn ở bụng cá, dẫu tại trời nhưng cũng là kiếp-vận người. Những sự bất-trắc không thể phòng

trước được. Kia xem các nước Âu-châu, giản cũng bị địa-hãm cùng là hỏa-diệm-sơn, làm cho người trong một xứ phải tiêu-biệt. Thế thì biết tạo-vật cũng có ý thừa-trừ.

Thử xem số đinh xứ Bắc-kỳ khi cuối đời nhà Lê tính hai mươi sáu vạn ba ngàn chín trăm chín mươi người, đến triều vua Gia-long năm thứ sáu, tính số chỉ có mười chín vạn ba ngàn ba trăm tám-mươi-chín người. Dần đến năm thứ mười tám, thông-tính cả Trung, Nam, Bắc ba kỳ có sáu-mươi-nhăm vạn đinh, đến triều vua Thiệu-trị năm thứ mười-bảy tăng đến hơn một trăm vạn đinh. Đến năm thứ mười-tám chỉ còn tám-mươi-nhăm vạn; xem thế biết là chứng-nghiệm. Phương-chi cận-lai gặp lúc chinh-chiến dân-cư bị tàn-phá cũng nhiều. Lại phải trời làm tật dịch, dân đinh lưu-tán, một ngày số hao đi; phủ huyện không thể minh-trích được. Nay lại bách lý-dịch phải truy-tầm những dân lưu-tán, giả-hạn cho năm năm, ba năm hoặc một năm, để sung điền đinh-ngạch. Thiết-tưởng người đã phải lưu-tán, nay ở phương này, mai ở phương khác, tìm lối sinh-nhai, bước bình-bồng không có định-hạn, biết đâu mà tìm. Hoặc có đứa nhớ đến quê cha đất tổ thời tự nó phải tìm về, không đợi đến lý-dịch phải truy bắt. Nhưng trong mười đứa chỉ được một hai đứa mà thôi. Đến khi nó về làng lại sợ kỳ-lý sách-nhiễu về sự khai báo tổn-phí; thấy đứa nào có bát ăn lại biểu nó bỏ làng, hạch-sách mọi sự, bắt nó phải nộp lệ cũ thời mới cho vào làng; đó là cái thói lý-dịch xưa nay như thế. Vậy sự giả-hạn bắt phải chiêu dân về rất là không tiện. Nghĩ theo như đinh-bạ năm thứ mười bốn, xã nào đinh-số bao nhiêu, tiền thuế bao nhiêu, cước gạo bao nhiêu, phần chín binh-ngạch bao nhiêu, làm thành sổ-sách cho có định-chuẩn; nhưng không phải kê rõ tính-danh từng người, cũng theo như đời nhà Lê trước: đặt ra định lệ, người đẻ ra đến tuổi cũng không kể, mà người chết đi rồi cũng không trừ, thế là miễn cho dân khỏi phải làm sổ đinh, thực là giản-tiện. Đến như xã nào phải tán-phá, là xã điêu-háo, thời giả-hạn cho mười năm, nếu thiệt-hại lắm thời giả-hạn cho 6 năm, thứ nữa thời giả-hạn cho ba năm. Lý-dịch các xã ấy phải chiêu như sổ đinh năm thứ mười bốn mà điền-trước cho sung ngạch. Nhất-luật thi-hành như thế để cho các dân xã khỏi phải phiền-nhiễu và bỏ được lệ-đoan của lý-dịch đi.»

3° — Sớ về binh-chính

« Binh không định thế, khéo dùng ở người. Gần mấy năm nay giặc Tàu, giặc Thổ nổi lên, quan quân mình đánh vẫn bị thua mãi. Có người bảo rằng binh ở Bắc-kỳ yếu không dùng được. Nhưng xem triều nhà Lý nhà Trần ngày xưa binh được nhà Nguyễn đánh được nhà Tống, chỉ dùng binh ở Bắc-kỳ. Sao ngày trước cường-thịnh như thế mà đến ngày nay suy-nhược như vậy. Tội không phải ở binh, tội ở người không biết dùng binh; xin kể rõ nguyên-nhân có ba điều:

« 1° Đời vua Gia-long những người ứng-mộ đều là thủ-hạ của quan tướng-súy. Lính ấy binh-nhật đều có luyện-tập hằng ngày. Động có việc chinh-chiến thời đem ra bình nam dẹp bắc, lập được chiến-công; đến sau bắc-hà nhất-thống được, binh chia về các tỉnh; tỉnh lớn hai vệ quân, tỉnh nhỏ một vệ, đã có thành ngạch. Người quản-lĩnh những lính ấy không có ý luyện-tập, chỉ hướng binh-ngạch để nhận lĩnh quan-lương. Trong tỉnh các đinh-thự chỉ đủ lính canh-phòng và hầu các quan, còn cho về nhà quê. Lương các lính ấy thời các viên quản-suất chia tay liêu xét nhau; những người lính ấy lại mừng được về nhà, vui với vợ con. Cũng

nhiều người tên ở sổ lính mà quanh năm không đến chỗ binh-ngũ, cái tệ-đoan đã lâu nay tuần-tập mãi, chưa bỏ đi được.

« 2º Triều vua Gia-long vua Minh-mệnh xưa, lính Bắc - kỳ thời đóng ở Hà-nội, binh Nam-kỳ thời đóng ở Gia-định, mỗi thành binh đều hai vạn. Gặp có giặc thời tỉnh-thần chỗ ấy phải vận lương-xướng khí-giới, đem quân đi đánh. Đương bấy giờ ngoài bắc có giặc Phan Văn-Vành, trong Nam có giặc Nguyễn Văn-Sáu, đều là giặc mạnh mà cũng không dám phạm đến tỉnh-thành. Tự khi chia binh về các tỉnh, đồn lũy các phủ huyện phải canh-phòng. Hiện số lính ở tỉnh lớn chỉ độ hai ba ngàn, tỉnh nhỏ chỉ độ năm sáu trăm. Tuy lệ định hạt nào có giặc thời cho mộ ở các tỉnh-hạt chung quanh ; nhưng giặc phát ở thượng-du thời trung-châu mới có thể mang binh đến cứu được ; phỏng như giặc phát ở Trung-châu thời địa-thế gần nhau, hạt nào phải coi giữ hạt ấy, chứ không có binh khác để đem đến ứng-cứu. Vì thế về cuối triều vua Minh-mệnh giặc Khôi hãm thành Gia-định, dần đến ngày nay giặc Thổ là Nùng Hùng-Thạc đánh tỉnh Cao-bằng. Binh người Phạm Chi-Hướng thua chạy cũng bởi vì binh chia về các tỉnh cho nên đến nỗi hư-nhược lắm vậy.

« 3º Triều vua Minh-mệnh, vũ-tướng là ông Lê Văn-Đức, Nguyễn Văn-Trứ, đi đánh giặc, đánh đâu được đấy. Cận-lai quân-thứ chức Tổng-thống, tham-tán cho đến Tán - lý, Tán-tương, đều những quan văn xếp nghiên bút theo việc binh-nhung ; mưu chước không mấy người am - hiểu, việc chiến-trận lại không quen, đến nỗi thất-cơ bị thua mãi : tướng như thế, binh như thế, còn mong gì lập được chiến-công.

« Nghĩ xin từ nay binh giữ các tỉnh, binh đóng phủ huyện và các đồn-bảo ở duyên-biên theo như cũ ; còn các đồn-bảo khác thời bắt dân chỗ ấy canh-phòng, thường kiểm-duyệt cho đủ số, đừng để cho người quản - suất bán lương lính như trước nữa. Các tỉnh mộ binh, trừ những đội-trưởng, lính tuần-thành, pháo-thủ thời nguyên như cũ ; còn các sắc mộ binh xin phát cho quân sứ-đạo Hải-yên, xét thực tên nào không dùng được thời cho về để khỏi lương phí, và xin chọn một hai người quan vũ sung vào chức tham tán quân-vụ để giúp chủ-tướng, lại sắc các quan văn vũ, ai có thao-lược khả-kham việc binh, thời cho mộ thêm, không kỳ nhiều ít, cốt là người có thao-luyện, có can-đảm thì hơn ; gặp có giặc cướp chỗ nào, phái những người chỗ ấy đem quân đi đánh. Còn như thú binh các tỉnh sở-tại, mỗi tháng hai kỳ đem riêu tập cho quen việc chiến-trận, hễ có động-dụng chỗ nào, thời một vệ phải coi giữ tỉnh-thành, một vệ phải họp các thú-binh đi đánh, khỏi phải lâm-thời chiêu-mộ. Trừ lúc có việc, Bắc-kỳ quân chính, kinh giao quan Nguyễn Tri-Phương, quan Trương Quốc-Dụng điều-độ ngoại, giặc bình rồi xin chọn một quan đại-thần quen việc binh, sung làm Bắc-kỳ kinh-lược-sứ, đóng ở Hà-nội, quản-thống binh các tỉnh-hạt, thời việc binh mới có tiết-chế. »

Sớ đệ vào Các, vua sai cho đình-thần thỏa-nghĩ phúc-tấu.

Đương lúc ấy triều - đình sớ tấu phần nhiều là một tay ông thảo-thiện cả ; ơn trên nhờ đức Hoàng-thượng quyến-ái, thực là hội-ngộ kỳ-duyên.

Một hôm tự nghĩ làm quan ở đó tuy gần vua nhưng xa cha mẹ. Nước non cách-trở, ngày một vắng tin, nhớ đến cây du gốc tử, phong - cảnh quê hương, lòng càng khắc-khoải, ông vội-vàng cáo phép ruổi gót thăm nhà. Khi đi đến giữa đường, bỗng trông dáng xa thấy bóng cáng võng rập-rìu, tớ thầy tấp-nập ; đến gần hỏi ra mới biết là

vống phu-nhân mới vô. Mừng-mừng rỡ-rỡ, kể-lể hồi lâu, rồi cùng nhau lưu lại quán một đêm, nghỉ-ngơi trò-chuyện. Ông hỏi thăm nhà thời song-đường mạnh khỏe, gia-sự bình-khang, và họ-hàng đều an-hảo cả. Ông lúc bấy giờ nỗi mừng khôn xiết kể, đoạn lòng như cởi, tấc dạ bỗng khuây.

Giờ lâu phu-nhân hỏi :

—Nay ông định cùng tôi trở lại quê hay sao ?

—Bà cứ vô trước, tôi về mươi hôm sẽ vào sau.

— Đường-xá xa-xôi, đi về không tiện, hai cụ ở nhà sớm hôm phụng-dưỡng đã có người đỡ, ông không phải quan-hoài. Nếu ông về thì để mẹ con tôi đất khách quê người, non xa nước lạ, bấy giờ tôi biết tính sao ?

Ông nghe lời vàcùng nhau trở lại.

Thường khi phu-nhân khuyên ông rằng : « Làm quan ở đường trong xa-xôi trở-ngại, đi về không tiện. Sao ông không xin đổi ra bắc cho gần. »

Ông nói : « Ở đâu cũng đất nhà vua, quan đâu cũng lộc nhà vua, chẳng qua tùy duyên tùy phận đó thôi. Ai ai cũng hợp ý bà, chỉ muốn làm quan chỗ gần thì chỗ xa để cho ai ? »

Ông ở ngự-sử không bao lâu thăng Lại-khoa-chưởng-ấn, nhiều việc kháng-cự cả với quan trên.

VII

Ở nơi khoa-đạo hai niên, Phép công làm trọng qui-quyền sợ ai ?

Triều vua Tự-đức năm thứ 16
(Tây-lịch năm 1863)

Ba mươi sáu tuổi thăng chức chưởng-ấn lại-khoa. Tỉnh Bắc-ninh tư bộ có tên chánh-tổng bị cách, xin cho Bá-hộ quyền là tên Nguyễn Mẫn thôi-bổ. Bộ-thần ông Thân Văn-Nhiếp, Ngự-sử ông Vũ Đức-Nhu đều nghĩ như lời tỉnh tư. Ông nói rằng lệ bá-hộ không được thôi-bổ, ông không chịu ký.

Ngày mai ông Nhiếp gặp ông ở bộ Lại nói rằng: « Có lẽ ông ngờ tôi có tư-ý với cai-tổng Bắc-ninh chăng?» Ông đáp: « Tôi có lòng ngờ quan lớn đâu, nhưng chức đài-thần phải nên giữ phép »

Ông Nhiếp nghe không bằng lòng, nói với Lại-bộ rằng: « Việc cai-tổng Bắc-ninh cứ phiến-tấu, đài-thần không ký thì thôi, không cần ».

Bèn sai thuộc-lại thảo tờ phiến để vào Các. Các-thần hỏi : « Việc này không có chữ đài-thần ký, tâu lên, ngài ngự ban quở thời cứu tự ai ? » Thuộc-lại cầm tờ phiến về xin ông thự tên. Ông bèn lấy bút để cuối tờ phiến mấy chữ rằng : « Tên Mẫn là bá-hộ quyền, thôi-bổ không được hợp lệ, nên không dám thự tên. » Thuộc-lại đem về trình với Bộ-thần ; bộ-thần biết rằng trái lẽ bèn thôi.

Ông lại chấp tấu việc bổ quan. Nguyên bấy giờ văn vũ bát-phẩm trở xuống, quyền ở bộ Lại bộ Binh thuyên-bổ, rồi giao cho khoa-đạo, duyệt xong tâu vua nghe.

Ông sớ nói rằng : « Lại-khoa lệ xưa nay được xem xét việc thuyên-bổ. Gần nay chỉ thấy Lại bộ đưa tờ phiến những người bát-phẩm thuộc-viên trở xuống được thăng thưởng, nhưng không thấy đưa giấy lý-lịch sự-trạng, thời biết ai đáng thăng, ai không đáng thăng mà xem xét được. Xin từ sau những người thuộc-viên thăng-hàm, có phiến tấu thời phải đưa cả giấy lý-lịch của người ấy để xét cho tiện. Việc này Thánh-chỉ ưng cho, thời xin sắc cho bộ Binh cũng phải chiếu như thế tuân-hành. » Vua khen phải.

Khi ấy Thượng-thư bộ Lại Thân Văn Nhiếp, Thượng-thư bộ Binh Trần Tiễn-Thành chấp tấu nói rằng : « Văn

vũ thuộc-viên lệ ở bộ Lại bộ Binh được quyền thuyên-bổ, nay lại giao Khoa-đạo xem xét lại, thế thời triều-đình có ý nghi bộ-thần. » Tâu vào vua phê : « Quả như hai ngươi nói thời nhà Đường việc gì phải đặt ra Ngũ-hoa phán-sự, nhà Tống phải đặt ra Đông-Tây-tào ; như thế cũng cho là ngờ cả hay sao ? » Từ đấy hai ông đề bụng căm tức, thường thường dò xét ông có sự gì để chực chỉ-trích tâu vua. Ông biết, nhưng vẫn khiết-nhiên không có ý gì cả.

Một hôm bà phu-nhân nghe người nói chuyện, can ông rằng :

— Ông bộc-trực quá, người ta quan trên, mình quan dưới, ai làm thế nào thì mặc kệ ai, hay không đến mình, dở không đến mình, hơi đâu mà khái-sự để thêm mất lòng.

Ông không bằng lòng nói rằng :

— Đàn bà biết gì đến việc quan mà nói !

— Tôi có dám nói đến việc quan đâu, chỉ xin ông đổi tính bộc - trực ấy đi, kẻo thất-ý các quan mà vô-ích

Ông cau mày lại mà nói :

— Tôi làm việc Triều-đình, chứ không phải làm việc với các ông ấy. Tuy các ông ấy làm thượng-thư, kể chức mình còn kém xa, nhưng chưởng-ấn là đài-quan, lệ được củ-soát các việc trong bộ, chức nhỏ mà quyền có nhỏ đâu ; vả quan-chức là quan-chức của Triều-đình, cốt phải vị Triều-đình giữ công-pháp, các ông ấy giận thì giận, có ngại chi.

— Tính ông nóng lắm, để tôi nói ông nghe ; đã hay vậy nhưng không khéo chiều quan trên, sao cho chóng được thăng chức.

— Thăng chức quyền ở vua chứ quyền gì ở các ông ấy. Xem tôi ra làm quan sáu năm nay, thăng lên một giống, chẳng có vấp-váp gì, trên nhờ Thánh-thượng tin dùng thì được, phỏng mình là quan dưới mà siểm-mị quan trên thời mất cả nhân - cách, dẫu chóng thăng - bổ, nhưng đem cái nhục đổi lấy cái vinh thời trong lòng nghĩ cũng không sướng . . .

Nói chưa dứt, chợt có quan Tham-tri bộ Lại đến chơi, nghe thấy hỏi rằng :

— Hai ông bà có sự chi đó ?

Phu-nhân vội-vàng đứng dậy chào mời, rồi trả lời rằng :

— Thưa có sự gì đâu. Ông chưởng nhà tôi trực-tiệt quá, chả biết quan lớn có khỏi mất lòng không. tôi nghe các quan trên nhiều ông giận ; tôi vẫn can mãi, ông chưởng tôi không nghe.

— Tôi với quan lớn đây có hiềm sự gì đâu, chỉ việc thuyên-bổ thuộc-viên và việc thuyên-bổ cai-tổng nghe như quan thượng Lại với quan thượng Binh không bằng lòng. Tôi biết tính quan lớn đây cương-trực, can cũng không đặng, lắm lúc vua có sự gì, chấp tấu cả vua.

Ông nói :

— Ngài dạy quá lời, tôi đâu dám thế, công việc ở bộ, quyền ở quan thượng ; duy chỉ có việc ấy không hợp-lệ, sợ sau này ngài ngự ban quở, vì thế không dám ký.

Một lúc quan Tham-tri kéo về, kể chuyện cho bà Tham nghe. Ngày hôm sau bà Tham sang chơi với phu-nhân, hỏi rằng :

— Hôm qua quan ông quan bà có sự gì mà to tiếng thế ?

Phu-nhân kể đi kể lại chuyện ông cương-trực. Bà Tham nói :

— Ông Tham nhà tôi chỉ được khéo chiều quan trên ; mới ngày nào Lang-trung, nay đã lên Tham-tri, lương gần gấp hai ngày trước.

Ngồi nói chuyện la-liệt mãi, gần tối bà Tham mới ra về. Ông hỏi phu-nhân [rằng:

— Nay bà Tham đến chơi chuyện gì mà chuyện lâu thế.

— Bà ấy nói chuyện ông đấy, chứ có chuyện gì đâu.

— Ừ, tôi đã biết, đàn bà ngồi chơi, rồi mồm chẳng kể chuyện người nọ thì cũng kể chuyện người kia.

— Bà ấy có bụng tử-tế, nghĩ tình chị em bạn làm quan, nghe tiếng ông có tính khái, đến chơi cũng có ý khuyên tôi can ông đi. Người ta nói ở đời phải chiều đời. Xem như ông Tham ấy, khéo ăn khéo ở, nên được chóng thăng. mới Lang-trung giờ đã Tham-tri rồi đó.

— Đàn bà nói chẳng đâu vào đâu cả. Ông ấy Lang-trung ba năm rồi thăng Thị-lang, năm nay thăng Tham-tri, kể ra ba năm đúng lệ. Như tôi tự lúc bước chân ra làm quan, đến nay mới 6 năm trời, đã thăng năm trật, kể ra còn chóng hơn ông ấy, chẳng qua chỉ nhờ cái duyên cái phận của mình, chứ có chiều nịnh ai đâu? Có phải đãi ai bao che nào, mất cho ai đồng tiền nào?

Phu-nhân từ đấy không dám nói nữa.

Ông đương ở Khoa-đạo, nghe tin năm ấy Án-sát Quảng-yên là Phạm Hữu-Thước đánh giặc thua chạy, bị cách. Tỉnh ấy giặc Tàu, giặc Thổ nổi lên to lắm, quan quân không địch nổi. Bấy giờ ông Thượng Nhiếp, ông Thượng Thành hiệp-cử ông ra Quảng-yên để thay cho Thước, ý thủ ghét ông mà ủy ông việc binh-cách gian-nan.

Ông nghe có chiếu-chỉ, cười mà rằng: « Nay ta ra Quảng-yên, chắc hai quan Thượng cũng đã mừng thầm lắm đây; nhưng đi đâu cũng đã có trời, không ngại, mau mau thu xếp để kịp ngày đăng-trình. »

Lúc gần đi, ông đến chào ông Nhiếp, ông Nhiếp biểu rằng: « Thành-thượng tin ông có tài thao-lược, nên tôi với quan thượng Bịnh hiệp-cử ông ra Quảng-yên; may ông đi chuyến này đánh đâu dặng đấy, lập công chỗ chiến-trường, thời quan thượng Bịnh với tôi cử-tri cũng được tiếng. »

Ông từ-tạ nói rằng: « Tôi nghĩ đời đi đâu, chứ đồi ra Quảng-yên thời xin cảm ơn hai quan-lớn lắm lắm. »

Bài thơ lưu-giản các quan đồng-chí ở Kinh rằng:

Trung-hiếu sao hay vẹn mọi bề,
Thần-hôn xa cách chốn đình-vi;
Ba năm đài-giám chưa phu chức,
Muôn dặm binh-nhung đã tới kỳ;
Thao-lược không tài ai nhắc đến,
Rủi may có mệnh chẳng lo gì;
Phận mình nam bắc đâu không rửa,
Non nước xa vời dám quản chi!

(Còn nữa)

ĐẶNG NGUYÊN-KHU

KHẢO VỀ SÁCH XUÂN-THU TẢ-TRUYỆN (1)

VI

— Phi-Trịnh vì Tấn Huệ-công đi sứ sang Tần, nói với Tần-bá rằng: « *Nước Tấn tôi duy có Lã Sanh, Khước Sửng và Kỳ Nhuế* (ba quan Đại-phu) *không theo việc đút lễ cho Tần. Xin ngài cho đem nhiều lễ mà triệu ba gã ấy sang đây, tôi thì về đuổi vua Tấn đi để ngài nạp cho Trùng-Nhĩ về, thì việc cắt đất thế nào cũng xong.* »

Mùa Đông năm Hi-công thứ 11, Tần-bá sai Lãnh-Chí sang Tấn trả lời Huệ-công về việc đã tiếp Phi-Trịnh rồi, lại với ba quan Đại-phu sang Tần. Khước-Nhuế nói rằng: « *Lễ nhiều nói ngọt là để dụ bọn mình đó* », bèn giết Phi-Trịnh, Kỳ-Cử, quan Thất-dư đại-phu, quan-Tả-hàng là Cung-Hoa, quan Hữu-hàng là Cổ-Hoa và Thúc-Kiên, Hoan-Chuyên, Luy-Hồ, Đặc-Quan, Sơn-Kỳ, đều là đảng của Lý-Khắc với Phi-Trịnh cả.

Chi-Báo (con Phi-Trịnh) chạy sang Tần nói với Tần-bá rằng: « *Tấn-hầu bội điều ơn lớn mà thù kẻ oán nhỏ, dân người ta không phục. Ngài cho sang đánh là phải chạy ngay.* » Tần-bá nói: « *Vua Tấn mất lòng dân thì còn giết được ai, mày đã chạy sang đây rồi thì còn lấy ai mà đuổi vua Tấn.* »

— Thiên-vương sai Thiệu Vũ-công với quan Nội-sử là Qua phụng mệnh đem ngọc ban cho Tấn-hầu. Khi Tấn-hầu nâng lấy ngọc có dáng trễ-nải. Nội-sử Qua về nói với Thiên-vương rằng: « *Tấn-hầu rồi tất vô-hậu, nâng lấy ngọc của Thiên-vương ban cho mà ra dáng trễ-nải, thế là mình tự-khí đó, thì còn kế-nghiệp sao được. Lễ là cái gốc dựng nước, kính là cái xe chở lễ, bất-kính thì lễ không thi-hành được, lễ không thi-hành được thì trên dưới hỗn loạn lấy gì mà truyền đãi lâu dài* ».

— Mùa đông, năm Hi-công thứ 12, Tề-hầu sai Quản Di-Ngô giảng-hòa với rợ Nhung cho Châu-vương (vì Vương-tử Đới đem rợ Nhung về đánh Vương chực tranh ngôi), lại sai Thấp-Bằng giảng-hòa với rợ Nhung cho nước Tấn.

Châu-vương mời Quản-Trọng ăn yến, đãi bằng lễ quan Thượng-khanh. Quản-Trọng xin từ mà rằng: « *Trên còn có họ Quốc họ Cao là hai quan Giám-thủ của Thiên-tử ở nước Tề mới là bậc Thượng-khanh, chứ như thần là một chức Hữu-tư hèn hạ mà Thiên-tử ban cho lễ bậc Thượng-khanh, nếu gặp tiết xuân-thu mà hai họ ấy vào phụng-thừa Vương-mệnh thì Thiên-tử đãi lấy lễ gì cho phải. Vậy nên kẻ bồi-thần này xin từ.* »

Vương nói: « *Quan Sứ-thần của bác-cữu* (trỏ Tề-hầu) *ta này, vì ta khen cái công-lao của nhà ngươi, mà báo lại cái đức tốt của nhà ngươi như thế, là để cho lâu dài không quên, nhà ngươi cứ nhận đi, đừng trái mệnh ta nữa.* »

Quản-Trọng chỉ xin chịu lễ bậc Hạ-khanh rồi trở về.

— Mùa đông, năm Hi-công thứ 13, nước Tấn bị đói to. Tấn sai sứ sang xin

(1) Xem N.-P. từ số 127

đong thóc của Tần. Tần-bá hỏi Tử-Tang có nên cho không. Tử-Tang thưa rằng: « *Thi-ân cho Tấn nhiều mà Tấn báo lại thì ngài cũng chẳng thiệt gì; thi ân cho Tấn nhiều mà Tấn không báo lại thì tất dân Tấn họ cũng chẳng phục gì vua, bấy giờ ngài sang đánh, họ mất lòng dân là họ phải thua.* »

Tần-bá lại hỏi Bách-Lý (tức là Bách-Ly-Hề ở Ngu trước) có nên cho không.

Bách-Lý thưa rằng: « *Thiên-tai lưu-hành, nước nào cũng có. Cứu người bị nạn, giúp nước láng-giềng là một việc hợp đạo-lý đó, làm việc hợp đạo thì sẽ được phúc.* »

Bấy giờ có người Báo là con Phi-Trịnh ở bên Tần, xin Tần sang đánh Tấn. Tần bá nói: « *Vua Tấn thì bậy thật, nhưng dân có tội gì.* » Bởi vậy Tần sai vận-tải thóc sang cho Tấn.

—Mùa đông năm Hi-công thứ 14, nước Tần bị đói, sai sứ sang xin đong thóc của Tấn. Tấn không cho. Khánh-Trịnh là Đại-phu Tấn nói rằng: « *Bội ơn là vô-thân, vui sự tai-nạn của người là bất nhân, tham-lận là bất-tường, gây oán với nước láng-giềng là bất-nghĩa, bốn đức ấy đều mất cả, thì còn lấy gì mà giữ nước.* »

Quắc Dịch nói: « *Điều ơn lớn như tấm da, điều ơn nhỏ như cái lông, mình đã bội điều ơn lớn,* (Tấn Huệ-công trước hứa cắt đất dùt cho Tần rồi lại thôi) *mà làm điều ơn nhỏ thì cũng chẳng ăn thua, cũng như không có tấm da còn mọc lông vào đâu nữa.* »

Khánh-Trịnh nói: « *Bỏ điều tín, bội nước lân-bang, nếu gặp hoạn-nạn ai còn thương. Đã không có tín-nghĩa thì tất đến hoạn nạn, mà lại không ai giúp thì phải chết, lẽ tất-nhiên như thế.* »

Quắc Dịch nói: « *Cho Tần đong thóc cũng chẳng bớt gì được sự oán giận, mà lại giúp cho kẻ thù, không bằng không cho đong nữa là xong.* »

Khánh-Trịnh nói: « *Bội ơn của người, vui sự tai-nạn của người xử lý như thế thì dẫn đến dân nước mình cũng đến bỏ mình; giả-thử đối với nước vẫn thân-thiện mà xử như thế người ta cũng phải thù mình, nữa là đối với một nước cường-địch vẫn sẵn lòng oán-hận mình dư!* »

Tấn-hầu không nghe. Khánh-Trịnh lui ra nói rằng: « Vua sẽ phải ăn-năn về việc đó. »

15 — K. — Tấn-hầu với Tần-bá chiến ở đất Hàn, Tấn-hầu bị bắt.

—T. Khi Tấn-hầu về nước, nàng Mục-cơ (vợ Tần Mục-công, em gái Thân-sinh, chị khác mẹ của Tấn-hầu) dặn Tấn-hầu phải trông nom cho nàng Cô-quân là vợ lẽ Tấn Hiến công, lại dặn rằng: « *Phải nạp cho cả các vị Công-tử bị đuổi được về.* » Nay Tấn-hầu tư-thông với nàng Cô-quân rồi cũng chẳng nạp cho các vị Công-tử về, vì vậy nàng Mục-cơ giận Tấn hầu lắm.

Trước Tấn-hầu hứa đất của cho các quan Trung Đại-phu trong nước, rồi cũng bội-ước cả. Lại ước cắt năm thành ở ngoài sông Hà-đông đến đất Quắc, nam đến núi Họa-sơn, trong giáp thành Giải-lương, để đút cho Tần mà rồi cũng không. Lúc Tấn đói thì Tần tải thóc sang cho, nay Tần đói thì Tấn cấm không cho đong, vì vậy Tần-bá đánh Tấn.

Tấn-hầu bảo Khánh-Trịnh rằng: « *Giặc vào tới nơi rồi, làm thế nào?* » Khánh-Trịnh thưa: « *Giặc vào tới nơi là tại vua đó, làm thế nào được!* » Tấn-hầu cho Khánh-Trịnh là nói xấc, bèn cho Bộ-Dương làm chức Ngự-nhung, Gia-Bộc-Đồ làm chức Xa-hữu. Tấn-hầu thì cưỡi con ngựa của nước Trịnh biếu để ra trận.

Khánh-Trịnh nói : « *Cỗ-giả đi trận, phải cưỡi con ngựa thổ-sản của nước mình, bởi vì nó sinh ra ở trong đất nước mình thì nó cảm biết cái lòng người mình, nên dễ dậy bảo, quen đường lối, sai khiến nó thế nào cũng được như ý mình, chứ vua cưỡi con ngựa sản-xuất ở xứ khác để ra trận, thì nó sợ hãi tất nó biến tính mà trái ý mình, tiến-thoái chu-toàn không trọn, thì vua phải hối-hận về sau.* » Vua không nghe.

Tháng chín năm Hi công thứ 15, Tấn-hầu đi đón quân Tần và cho Hàn Giản ra quan-sát xem quân Tần thế nào. Hàn Giản về nói rằng : « *Quân Tần thì ít hơn quân ta, mà quân đầu-sĩ của họ thì nhiều gấp hai ta.* »

Tấn-hầu hỏi vì cớ sao thế ? Hàn Giản thưa : « *Khi ngài xuất-bôn đã nhờ Tần, lúc về cũng nhờ Tần nạp cho, sau dân đói thì lại nhờ Tần cấp thóc, ba cái ơn ấy mà không báo đền tí gì, cho nên quân Tần sang đánh ta, thế mà ta lại ra đón để đánh lại, quân ta thì biếng-nhác mà quân Tần thì đang hăng, vì cớ thế mới hàng-hái, chứ không những quân đầu-sĩ hơn ta đâu.* »

Tấn-hầu nói : « *Một người thường cũng chẳng thể khinh được, nữa là một nước.* » Bèn đưa lời thỉnh-chiến rằng : « *Quả-nhân này không dám nói ninh, nay đã hợp binh ra đây, thì không thể giải-tán đi được nữa. Nếu ngài không đem quân về thì quả-nhân xin quyết-chiến, chứ không dám trái mệnh-lệnh ngài.* » Tấn-bá cho Công-Tôn Chi ra trả lời rằng : « *Lúc ngài chưa về được nước, quả-nhân lấy làm lo thay ; khi ngài về rồi mà chưa yên vị, quả-nhân cũng còn lo, nếu nay đã yên vị mà hợp được lòng dân như thế, quả-nhân đâu dám trái mệnh ngài.* »

Hàn Giản lui về tự nói một mình rằng : « *Ta mà được Tần nó bắt làm tù là may.* »

Ngày nhâm-tuất đánh nhau ở cánh đồng đất Hàn, con ngựa Tấn-hầu cưỡi sa lầy đứng lại. Tấn-hầu gọi Khánh-Trịnh. Khánh-Trịnh nói rằng : « *Không nghe lời can, cố tìm lấy bại, còn trốn đâu được.* » Nói rồi Khánh-Trịnh bỏ đi.

Lương Do Mĩ đánh xe cho Hàn Giản Quắc-Dịch làm chức xa-hữu, đón đường xuýt bắt được Tấn-bá. Khánh-Trịnh nghĩ là Tấn-hầu bị quân Tần bắt bèn đánh vào cứu, thành ra xồng mất Tấn-bá. Bên quân Tần thì bắt được Tấn-hầu đem về, các quan Đại-phu Tấn đều xõa tóc xuống, rỡ lều tranh mang đi theo vua (1). Tấn-bá cho người từ chối rằng : « *Các ông đừng có lo, quả-nhân đưa vua Tấn sang phương tây thế này, là để trấn-áp cái yêu-mộng (2) cho Tấn đấy thôi, chứ không dám bắt về Tần đâu.* »

Các quan Đại-phu Tấn đều ba lạy dập đầu nói rằng : « *Ngài đội trời đạp đất, trời đất chứng-giám lời ngài, chúng tôi xin ngóng đợi.* »

Nàng Mục-Cơ nghe tin Tấn-hầu bị bắt sắp giải về đến Tần. Nàng bèn chất củi lên trên cái đài ở trước cung và đưa hai con trai là Anh (sau là Khang-công) với Hoằng, một con gái là Giản-Bích cùng lên đài để đốt cho chết đi. Nàng lại cho người mặc đồ tang-phục ra đón Tấn-bá mà bảo rằng : « *Thượng-*

---

(1) Bỏ xõa tóc là để trở, mang lều tranh theo là ý đến đâu giùm đấy với nhau, tỏ ý vong-quốc.

(2) Mộng Hồ Đột thấy Thân-sinh.

để giáng - tai, khiến cho vua hai nước không tương - kiến nhau bằng ngọc lụa, mà đối-đãi nhau bằng binh-đao, nếu vua Tần buổi sáng vào đến đây, thì buổi chiều kẻ tì-tử này chết, buổi chiều vào đến đây, thì buổi sáng mai kẻ tì-tử này chết. Xin tùy ngài định lấy. »

Nàng bèn ra trọ ở đền Linh-đài (đền cũ nhà Châu) để đợi. Các quan Đại-phu Tần xin Tần-bá cứ giải Tấn - hầu về. Tần-bá nói : « *Bắt được Tấn-hầu giải về là sự thắng - lợi, song giải về rồi mà có sự thương-tâm ngay thì còn giải về làm gì, như thế thì các quan cũng chẳng hả gì, vả người Tấn họ lo hãi mà chú - trọng vào ta, họ nguyện trời đất để yêu-cầu ta. Nếu ta không xếp yên hoạn-nạn cho Tấn là làm thêm tức-giận cho họ đó, ta ăn lời nói của ta, là ta bội với trời đất đó. Thêm cho người ta tức-giận thì khó xử, bội với trời thì bất-tường phải tha vua Tấn về mới được.* »

Công-tử Trấp là Đại-phu Tần nói : « *Bắt-nhược giết đi, đừng để cho họp làm càn nữa.* » Tử-Tang rằng : « *Tha cho về mà bắt thái-tử làm con tin để thành cuộc hòa-hiếu là hơn, chứ Tấn chưa thể diệt được, mà giết vua của họ thì chỉ thêm ác-cảm ra mà thôi. Vả ông Giật là quan Sử ngày xưa có nói rằng : « Chớ gây vạ ra trước, chớ lợi-dụng những sự biến-loạn của người ta, và chớ làm cho người ta thêm tức giận, thêm cho người ta tức giận thì khó xử, tăng-bức người ta là bất-tường.* »

Tần bèn cho Tấn hòa.

Tấn-hầu sai Khước - Khất về nước bảo cho Hà-Lã Di - Sanh biết tin và triệu y sang Tần để đón. Tử-Kim (tên hiệu của Hà-Lã Di - Sanh) dạy cho Khước-Khất nói với người nước rằng : « *Hãy người nước lại rồi đem mệnh vua mà thưởng cho họ, rồi tuyên mệnh cho họ rằng : « Có tuy được tha về nhưng sợ sỉ-nhục cho xã-tắc, vậy các ông nên bói mà lập Ngữ (Thái-tử) lên thay cho cô* ». Chúng - nhân nghe nói đều khóc. Bởi vậy Tấn mới lập ra phép « *viên điền* » (chia ruộng công gia để cấp đều cho mọi người).

Lã-Sanh lại nói với công-chúng rằng : « *Vua không lấy sự bại-vong làm đau-đớn mà chỉ lo-liệu cho quần-thần, lòng ngài rất tốt, các ông nên đối với ngài thế nào ?* »

Chúng đều hỏi : « *Vậy làm thế nào được.* » Lã thưa : « *Cứ chỉnh-đốn binh-lương giúp cho con nối của vua, để cho chư-hầu biết rằng nước ta mất vua ấy có vua khác, quần-thần vẫn hòa-thuận với nhau, giáp binh lại càng tăng lên, thế thì nước nào yên ta tất vui lòng với ta, mà nước nào ghét ta tất cũng phải nể ta, ngõ-hầu mới có lợi-ích cho nước ta được.* »

Chúng đều bằng lòng, vì vậy Tấn mới lập ra phép « *châu binh* » (mỗi châu lập một quân-đoàn, dân là binh cả).

Tháng mười, năm Hi-công thứ 15, Âm Di-Sanh (tức Lã-Sanh được phong ấp ở đất Âm) cùng Tần - bá hội-minh ở đất Vương - thành (đất Tần trước của nhà Châu). Tần - bá bảo : « *Nước Tấn có hòa-thuận với nhau không ?* » Âm-Di-Sanh thưa : « *Họ không hòa-thuận được với nhau ; bọn ở dưới họ thấy vua bị bắt và phải đi làm tù thì họ lấy làm sỉ mà thương vua, họ không ngại gì sự chỉnh-đốn binh-lương mà lập cho Thái-tử Ngữ lên, họ nói rằng : « Quyết báo-thù cho không chịu thờ quân nhung-địch » Bọn ở trên thì họ yêu mến vua, mà biết tội bởi tự vua, họ không ngại gì sự chỉnh-đốn binh-lương để đợi mệnh-lệnh nước Tần, họ nói rằng : « Quyết báo ơn Tần chết cũng không hai lòng.* » *Ấy vì thế mà họ không hòa-thuận với nhau.* »

Tần-bá lại hỏi : « *Người trong nước bên ấy họ nghị-luận về vua thế nào ?* »

Ấm Di-Sanh thưa : « *Bọn dưới họ lo sợ, bảo là vua không thoát được ; bọn trên thì họ có lượng, bảo là vua tất được tha về, bởi vì bọn dưới họ nghĩ rằng nước ta làm hại nước Tần, Tần-bá khi nào lại tha vua ta. Nhưng bọn trên thì họ nghĩ rằng : ta biết tội rồi tất Tần tha vua ta ; khi nhị-tâm thì bắt, lúc chịu phục thì tha, đức ấy còn gì hậu bằng, hình-phạt ấy còn gì nghiêm hơn, kẻ phục theo là mến đức, mà kẻ nhị-tâm thì sợ hình, vậy ai còn dám không phục mà ở nhị-tâm nữa.*

« *Đã nạp cho vua Tấn về mà không để cho yên ngôi, lại bắt đi mà không lập lên nữa, đem ân làm oán, tất Tần không chịu làm như thế đâu, vậy xem một trận này thì biết Tần khả-dĩ làm bá-chủ được.* »

Tần-bá nói : « *Chính bụng ta nghĩ thế* ». Bèn đổi nhà quán-xá cho Tấn-hầu ở, và biếu một lễ « *thất-lao* (mỗi lao có ba con là trâu, dê và lợn).

Nga-Tích là Đại-phu Tấn bảo Khánh-Trịnh rằng : « *Sao không trốn đi ?* » Khánh thưa : « *Vì tôi để vua phải bại trận, vua bại mà tôi không tử-chiến được, nay lại trốn hình-phạt, sao phải là kẻ nhân-thần, làm kẻ nhân-thần mà không trọn đạo thì còn đi vào đâu.* »

Tháng 11 Tấn-hầu về ; ngày đinh-sửu giết Khánh-Trịnh rồi mới vào trong nước.

Năm ấy Tấn lại đói, Tần-bá lại cấp cho mà rằng : « *Ta ghét vua Tấn mà thương cho dân, vả ta nghe khi ông Bưởng-thúc mới phong ra nước Tấn, ông Cơ-tử đoán rằng : « Con cháu Khang-thúc rồi tất thịnh-vượng », thì ta chưa có thể nhằm nước Tấn được, ta hãng làm ơn cho để đợi có người hay nổi lên.* » Bởi vậy Tần mới đặt sở quan-ti để thu thuế đất Hà-đông nước Tấn.

16—K.—Rơi xuống nước Tống năm hòn đá. Sáu con chim nghịch (1) bay giật lùi về qua kinh-đô nước Tống.

T.— Mùa xuân năm Hi-công thứ 16, rơi xuống nước Tống năm hòn đá, là sao rơi xuống đó. Sáu con chim nghịch bay giật lùi về qua kinh-đô nước Tống là gió thổi rạt đó.

Bấy giờ có Thúc-Hưng là quan Thái-sử nhà Châu đến làm lễ sính ở Tống. Tống Tương-công đem hai việc ấy hỏi rằng : « *Thế thì nó là điềm gì, hung hay là cát ?* » Thúc-Hưng thưa : « *Năm nay thì Lỗ bị nhiều đại-tang sang năm thì Tề có loạn, ngài thì sẽ họp được Chư-hầu, nhưng không làm trọn được việc.* »

Thúc-Hưng nói rồi ra ngoài, lại nói với người ta rằng : « *Vua hỏi như thế là lầm, đó là cái việc tự-nhiên của vũ-trụ, chứ chẳng phải cát với hung gì* (2), *cát hung là bởi tự người ta, chỉ vì tôi không dám trái ý vua mà nói thế đó thôi.* »

Đỗ-nam-tử cần-án:—Sử *Xuân-thu* không những chuyên-trọng về những vấn-đề quốc-gia, quốc-tế, dân-tộc, xã-hội, chính-trị, mà lại đinh-ninh đến cả những vấn-đề về bác-học nữa. Ta đọc một bộ *Xuân-thu* cũ 242 năm, thấy chép nhật-thực đến 36 lần, đời Trang-công năm thứ bảy, tháng tư, đêm ngày tân-mão, các sao thường không

---

(1) 鷁 *nghịch* sách *Tập-vận* ấn là *nghịch* là một loài chim ăn ở sông nước, hình giống loài cò mà to lớn hơn, ý-giả ta gọi chim *diệc* là do tiếng « nghịch » này mà biến âm đi chăng.

(2) Nguyên văn : « 是陰陽之事非吉凶所生也 Thị âm dương chi sự, phi cát thung sở sinh dã ».

mọc, đến nửa đêm thì sao sa như mưa. Lại năm thứ 18, có con hoắc (giống con cáo mà ngắn) đến nước Lỗ; ở đây thì đá rơi chim lạc. Lại còn các chỗ khác thì nắng lâu, lụt to, mưa to, gió lớn, sét dữ, mưa đá mưa tuyết dị-thường, cào-cào, châu chấu cùng các sâu-bọ ăn hại lúa mạ có xẩy ra ở xứ nào năm nào đều chép tường cả.

Về trước khi khoa-học chưa phát-đạt, loài người trong thế-giới chưa khám - phá được những cái bí - cơ của tạo-hóa, thì người ta đối với những lẽ tự-nhiên của vũ-trụ, hoặc nó ít thấy, mới thấy, hoặc nó có hại cho loài người, thì người ta lấy làm lạ - lùng kinh - sợ rồi sinh bụng nghi-ngờ, không hiểu ra làm sao Bấy giờ nhà tôn-giáo, nhà thần-đạo bèn lợi-dụng lúc lòng người đang la-lùng kinh-sợ nghi ngờ ấy, bịa đặt ra, cho những việc xẩy ra như trên kia, bởi quỉ - thần, bởi mệnh-lệnh đức Thượng-đế bày ra để răn-bảo, hoặc trừng - phạt loài người đã làm nhiều tội-ác đó, rồi lại đặt ra nhiều phép để cầu-đảo tiêu-trừ đi.

Đan-cử như một việc nhật-thực, ở Âu-châu cổ-giả cũng có gõ đồ để cứu cho mặt trời. Nhất là ở Đông-phương ta thì đặt ngay ra cái thuyết « thiên-nhân giao-cảm », có triết-lý hẳn - hoi, rồi qui-trọng vào một người cầm quyền cai-trị là ông vua. Thuyết ấy cho rằng mặt trời là khí dương kết-tinh, thuộc về vua; mặt trăng là khí âm kết-tinh, thuộc về kẻ thần-hạ. Vậy nhật-thực là mặt trời bị mặt trăng ăn, thì là cái điềm âm thịnh dương suy, vua hèn yếu bị lăng-bức, thế thì vua phải lễ trừ đi và phải tu-đức và chỉnh - đốn chính-trị lại. Lễ trừ thì họ Cốc - lương nói: « *Thiên-tử cứu mặt trời bị ăn, phải cầm năm lá cờ, năm cái đồ binh và đánh năm cái trống. Chư-hầu thì phải cầm ba cái cờ, ba cái đồ binh và đánh ba cái trống. Các quan Đại-phu thì gõ vào cánh cửa, kẻ sĩ thì đánh cái xẻng.* » Còn sách *Hạ-thư*, sách *Châu-quan* thì nói về cách đặt lễ có khác mà đại-đề cũng phải đánh trống cả, đánh trống như thế là nói để phù cho khí dương thịnh lên.

Ấy cái thuyết vô-bằng ấy, cái lễ giả-dối ấy, bịa đặt ra từ thái-cổ, lưu-hành đến đời sau thành một điển-lễ. Bọn học-giả thì mượn để dọa nạt các ông vua bạo-ngược. Các ông vua trá-quyệt thì lại lợi-dụng, mượn để che lỗi mình mà khi-hoặc người đời, ví như lụt to nắng lâu, dân đang nguy-khốn, ông vua chẳng chịu khẩn-cầu lấy phương-sách để tránh cho khỏi lụt khỏi cạn về sau; chỉ che mắt thế gian, đặt đàn bày lễ, làm văn tế kể-lể lỗi mình năm ba câu để tạ trời thương dân, thế là xong chuyện.

Xem thế thì biết phàm việc gì đã không phải là chân-lý, không đúng với sự thực, thì nhà tôn-giáo, nhà thần-học dù muốn lợi-dụng để bịa ra cách dọa - nạt khuyên - răn thế nào cũng chẳng ích gì cho loài người. Tôi sao-dịch sách *Xuân-thu Tả-truyện* đến đây, thấy Tả-thị chép lời của Thúc-Hưng nói về hai việc đá rơi với chim lạc, và lời của Tả-thị giải nghĩa thêm, thì tôi biết rằng cái thuyết vô bằng, cái lễ giả-dối đó là vốn của thế-tục lưu-hành mà thôi, chứ thực trong nhà học họ Không bấy giờ đã không tin rồi.

Thúc - Hưng chỉ biết việc đá rơi với chim lạc là bởi lẽ tự-nhiên của vũ-trụ, chứ chẳng quan-hệ gì đến sự cát hung của người ta, đến Tả-thị thì lại giải-thích được cái lý-do của hai việc ấy rõ-ràng ra. Tả-thị cho đá rơi xuống đất như thế là sao trên trời rơi xuống đó, chim nghịch là giống chim ăn ở sông nước, đất Tống không có bao giờ, nay thấy nó bay qua mà lại bay giật lùi thì là nó bị gió thổi giạt đến đó.

Về việc chim rạt gió thì Tả-thị giải thế là đúng lắm rồi, không phải bàn nữa; còn việc đá rơi mà cho là sao trên trời rơi xuống thì chính hợp với thuyết của nhà thiên-văn-học ngày nay. Nhà thiên-văn-học ngày nay phí bao công-phu suy-nghiệm mới biết ra được, mà sao hơn 2000 năm trước, Tả-thị đã sở-đắc như thế, điều ấy cũng nên nói qua.

Nhà thiên-văn-học ngày nay nhờ có cái viễn-kính và phép thiên-văn toán-pháp mới suy-nghiệm mà biết được hiện-tượng của bầu trời, hình-thể và cách vận-hành của tinh-tú, mới đoán biết rằng ban đêm những vết sáng chạy dài ở trên không mà ta gọi là sao sa ấy, là những mảnh ở các sao hành-tinh bị vỡ lở mà rời ra, bản thể các hành-tinh cũng cùng một chất như quả đất ta, nghĩa là cũng về chất đất-đá không có sáng cả, khi cái mảnh sao vỡ rơi ra, chạy cọ xát vào khí bầu trời thì nóng mà đỏ thông-hồng lên, nên ta trông thấy sáng; mảnh nào rơi vào gần quả đất bị hấp-lực quả đất hút xuống, liền rơi xuống mặt đất mà thành khối đá hỏa-thành. Trên mặt địa-cầu có nhiều chỗ sao sa thành đá như thế, sử sách còn ghi nhớ được cả.

Nhưng chắc Tả-thị bấy giờ thì chỉ lấy cái hiện-trạng trông thấy mà đoán ra. Thấy những vệt chạy trên không sáng như sao thì cho là cả từng vì sao một chạy đi; thấy vết sáng rơi xuống đất thành đá thì cho là cả một vì cao rơi xuống, mà gọi là « sao » thì là ức-đoán mà nói ra, như sách *Thuyết-văn* nói: « Những tinh-túy của van-vật ngưng-kết lại nổi ở trên không là các vì sao. » Lại Lâm-thị giải: « Sao là dương-khí rơi xuống đất thì hóa ra đá ». Chứ không phải bởi xét-nghiệm ra mà biết như những lý-thuyết của nhà thiên-văn-học bây giờ.

Tuy-nhiên, Tả-thị cứ sở-kiến mà giải-thích chân-thực như thế, không bịa-tạc gì như phái tôn-giáo, phái thần-đạo, thì biết cái học họ Khổng bấy giờ đã biết trọng sự thực, muốn thực-hành chủ-nghĩa cách-vật trí-tri ở bản chương-trình đại-học rồi.

Bởi thế cho nên tôi cho những chỗ chép những việc tự-nhiên của vũ-trụ ở sách *Xuân-thu* cũ là những vấn-đề về bác-học cả.

Sao gọi là vấn-đề bác-học? Nghĩa là thấy lạ thì ghi lại để hỏi đời sau: những việc tự-nhiên của vũ-trụ xảy ra kia là lẽ gì? Những tai-nạn làm hại dân kia, tránh thế nào? Ấy đại-ý muốn hỏi như thế. Ai hay đến ngày nay các nhà khoa-học dù chưa cùng-lý tận-tính được hết thảy vạn-vật, mà đối với mấy vấn-đề về tự-nhiên ở sách *Xuân-thu* thì đã đều sơ-lược giải-thích được cả rồi, cho nên những vấn-đề về lẽ tự-nhiên trên ấy ở sách *Xuân-thu* cũ, thì về sách dịch-thư này tôi sao đi cả. Chỉ để bài này và vài bài nữa đều có cả kinh-văn truyện-văn, tức là có vấn-đề, có bài giải, mà bài giải lại hợp với chân-lý, với khoa-học, cho học-giả biết Đông-phương ta mà sở-dĩ thành ra cái bệnh ngu hèn như gần đây, không phải là tội tại phái Khổng-học chân-chính và thuần-túy vậy.

17 — K. — Tề-hầu là Tiểu-Bạch mất.

T. — Nước Hình bị rợ Địch vào lấn cướp, năm Hi-công nguyên-niên, Tề-hầu thiên kinh-đô cho nước Hình sang đông ở đất Di-nghi, người Hình vui lòng dọn đồ-đạc sang như về chốn cũ. Lại nước Vệ bị rợ Địch diệt mất nước, năm Hi-công thứ hai, Tề-hầu lập tân-ấp cho nước Vệ ở đất Sở-khâu, làm cho những di-dân Vệ quên cả nỗi thống-khổ về vong-quốc.

Tề-hầu có ba nàng Phu-nhân là Vương-cơ, Tử-Doanh và Sái-cơ, đều

không có con trai. Tề-hầu lại hiếu-sắc, nhiều nàng hầu được yêu, có sáu người nàng hầu cũng được yêu như bậc Phu-nhân cả.

Nàng Trưởng Vệ-cơ thì sinh ra Mạnh-Vũ (tức là Công-tử Vô-Khuy). Nàng Thiếu Vệ-cơ thì sinh ra Huệ-công (tức là Công-tử Nguyên). Nàng Trịnh-cơ thì sinh ra Hiếu-Công (tức là Công-tử Chiêu). Nàng Cát-Doanh thì sinh ra Chiêu-công (tức Công-tử Phan). Nàng Mật-cơ thì sinh ra Ý-công (tức Công-tử Thương). Nàng Tống Hoa-tử thì sinh ra Công-tử Ung.

Tề-hầu với Quản-Trọng đã dặn lại Tống Tương-công lập cho Công-tử Chiêu làm Thái-tử (tức là Hiếu-công). Nhưng có tên Ung-Vu là đứa đầy-tớ tin yêu của nàng Trưởng Vệ-cơ nó nhờ một quan Tự-nhân là Thiều đưa nó tiến đồ ăn vào cho Tề-hầu ; Tề-hầu cũng lại tin yêu tên ấy mà hứa cho y để lập Mạnh-Vũ. Khi Quản-Trọng chết, năm vị Công-tử đều xin lập. Năm Hi-công thứ 17, mùa đông tháng mười, ngày ất-hợi, Tề Hoàn-công mất. Dịch-Nua (tức là Ung-Vu) vào cung cùng với quan Tự-nhân là Thiều mưu với một kẻ nội-quan thân-tín mà giết cả các quan đi để lập Công-tử Vô-Khuy lên. Công-tử Chiêu phải xuất-bôn sang Tống, mãi đến tháng chạp đêm hôm tân-tị (vừa 67 ngày) mới liệm được Hoàn-công.

Năm Hi-công thứ 18, mùa xuân, Tống Tương-công đem binh Chư-hầu đánh Tề. Tháng ba, người Tề giết Vô-Khuy.

Người Tề sắp lập Hiếu-công lên, song những đồ-đảng của bốn vị Công-tử kia không thuận, bèn đánh nhau với quân Tống. Mùa hạ, tháng năm, quân Tống đánh quân Tề ở đất Nghiễn, lập cho Hiếu-công làm vua Tề rồi đem quân về.

18.— K. — Người Hình người Địch đánh nước Vệ

T. — Người Hình, người Địch đánh nước Vệ, vây đất Đồ-phố. Vệ-hầu nhường cả việc nước lại cho các bậc phu-huynh tử-đệ và các quan triều mà nói rằng : « *Nếu ai cai-trị nổi việc nước bây giờ thì Hủy tôi xin theo.* »

Mọi người đều không nghe, bấy giờ mời dân quân ra ở đất Si-lâu để chống với rợ Địch và nước Hình, rợ Địch đem quân về.

19.— K. — Người nước Tiểu-Chu (1) bắt vua nước Tăng làm thịt để tế thần.

T. — Vì vua nước Tăng không đến dự hội với Tống-công, mùa hạ, năm Hi-công thứ 19, Tống-công sai vua Tiểu-Chu là Văn-công giết vua nước Tăng làm con sinh để tế ở nền xã bên sông Truy, là ý muốn cho được lòng người các rợ đông-di (vì đông-di hay có cái tục giết người để tế thần sông (Truy), quan Tư-mã là Tử-Ngư nói rằng : « *Cỗ giủ một lễ tế không dùng đủ lục-súc, tế nhỏ không dùng con sinh to, nữa là dám dùng người dư ? Tế-tự là vì người, người là chủ của thần, nay dùng người để tế thì ai hưởng cho. Tề Hoàn-công lập lại ba nước vong-quốc (Lỗ, Hình, Vệ) để cố-kế Chư-hầu mà kẻ nghĩa-sĩ còn cho là bạc đức, vì chưa phải chân-thành lập cho ba nước kia. Nay ngài mới hội Chư-hầu một lần mà đã ngược-đãi hai ông vua hai nước* tháng ba hội Chư-hầu, bắt vua nước Đằng, đây bắt

(1) Chu 邾 : Tự-điển theo sách Tập-vận, âm là 朱 CHU.

giết vua nước Tăng, *lại dùng làm đồ lễ tế thần ma quỉ nhằm-nhí, như thế mà ngài chực làm bá-chủ thì cũng khó thay, tôi mà được chết trước đi là may cho tôi.* »

Đồ-nam-tử cần-án. — Xét cái tục dùng người làm đồ lễ tế thần có hai cách. Một là những xứ trình-độ dân-trí còn ở bậc hạ-đẳng, giã - nam hắc-ám, họ cho rằng có một thứ thần ma hưởng thịt người, nên họ bắt người có tội làm thịt đi để tế, như xứ mọi đông-đi ở Trung-quốc về thượng-cổ này, cùng với xứ mọi ở Phi-châu gần đây. Tục truyền ở Bắc-kỳ ngày xưa cũng có một làng, cứ mỗi năm dùng cách bí-mật lừa bắt một đứa trẻ ở xa đến, nuôi rồi giết để tế thần. sau bị phát - giác, bị phải trừng-phạt mới thôi. (Xem sách *Vũ-trung tùy-bút* của ông Phạm Đình-Hổ). Vậy tục này cho là tàn-bạo thì không bằng cho là mê-tín ngu-dại thì đúng hơn.

Hai là những bọn nghĩa - đảng khi bắt được kẻ phản-nghịch, kẻ thù đã giết thầy mình, thì giết đi để làm đồ lễ tế thầy, như mấy việc gần đây mà đảng cách-mệnh đã làm, vậy tục này thì lại không phải là mê - tín, mà là bởi lòng công-phẫn uất-kết đã lâu nó xui ra, họ muốn làm như thế để báo thù lại thì mới cam-tâm vậy.

Nay Tương-công nước Tống là một ông vua ở một nước cố-quốc của nhà Thương có văn - hiến, biết quí nhân-đạo, trọng nhân-luân, biết người ta là chủ của thần đã lâu, cũng như các nước Tây-Châu, Đông-Châu, Lỗ, Vệ, Tấn, Tề ở trung-nguyên Trung-quốc bấy giờ. Thế thì việc giết vua Tăng để tế thần sông Truy này, không phải là ông cũng mê-tín như bọn mọi đông-đi đâu, và đối với vua Tăng chỉ có cái lỗi ông mời mà không đến hội mà thôi, chứ không có thâm-thù tích-phẫn gì, chẳng qua chỉ vì ông muốn kế ông Tề Hoàn làm bá-chủ, bèn lợi-dụng cái tục ngu-dại để lấy lòng bọn mọi đông-đi và để ra uy cho các nước nhỏ khác phải sợ-hãi, nên mới nhẫn-tâm làm như thế. Sau này ông đánh nhau với Sở, ông bắt quân phải đợi cho quân Sở sắp hàng xong rồi mới đánh, thành ra quân thua, ông bị giặc đâm thủng đùi, quan hầu chết tiệt cả, người nước trách ông, ông nói : « *Quân-tử không đâm đứa giặc đã bị đâm rồi, không bắt đứa giặc đã hai thứ tóc.* » Thế thì ra ông thực là một người ngoài miệng thì nhân-đức dở hơi, mà trong lòng thì tàn-ác, nghi-hồ không phục được Chư-hầu, không đủ chống với Sở, bị thương rồi chết, mà bá-đồ bại-hoại. Tử-Ngư biết trước, can ông không được, muốn chết trước đi cho khỏi trông thấy cái họa nước nhà suy-vong, cũng phải.

20. — K. — Đại-hạn

T. — Mùa hạ, năm Hi-công thứ 21, đại-hạn. Công muốn đem người «Vu» (cô đồng) với kẻ bị bệnh « khuông » (ngửa mặt lên trời) đốt đi. (Vì tục truyền trời thương kẻ bệnh « khuông » sợ mưa nước vào lỗ mũi nó. Lại người « nữ-vu » đảo vũ không linh-ứng, nên vua muốn đốt chết cả đi). Tang Văn-Trọng can rằng : « *Làm thế không phải là cách phòng-bị được cái nạn hạn-hán đâu, chính cách phòng-bị là phải tu sửa lại thành - quách, bớt ăn bớt tiêu, chăm việc cấy gặt và khuyên dân giàu xan-xẻ cho dân nghèo, chứ kẻ « vu » kẻ « khuông » có làm gì được. Nếu trời muốn giết họ thì thà trời đừng sinh ra họ nữa. Như bảo rằng họ làm ra hạn-hán được thì đốt họ đi lại càng hạn-hán thêm.* »

Công theo làm như lời Tang Văn-Trọng, năm ấy dù mà dân không chết hại.

21. — K. — Công đánh Tiểu-Chu

T. — Nước Nhân, nước Túc, nước Tu-cu và nước Chuyên-du đều là dòng-dõi họ Phong (con cháu vua Phục-Hi) Vẫn giữ việc thờ-tự vua Thái-Hiệu cùng họ Hữu-tế mà phụ-thuộc về các nước lớn ở trung-nguyên. Nay người Tiểu-Chu diệt Tu-cu vua Tu-cu phải xuất-bôn vào nước Lỗ nhờ bà Thành-phong (mẹ Hi-công) giúp cho. Bà Thành-phong nói với Công rằng: *« Tôn-sùng việc tế-tự, bênh-vực nước nhỏ yếu là lễ (1) của nhà Châu, rợ man-di lấn cướp các nước hoa hạ là họa của nhà Châu vậy. Nếu bây giờ nhà vua dựng lại cho Tu-cu, thế là nhà vua biết tôn-sùng vua Hiệu họ Tế, sửa việc tế-tự mà tránh tai-vạ đi đó »*

Mùa xuân, năm thứ 22, Công đánh Tiểu-Chu lấy lại Tu-cu và đưa vua Tu-cu về nước.

Ngày xưa, lúc vua Bình-vương thiên sang Đông-đô, có ông Tân-Hữu đi qua sông Y-xuyên thấy dân ở đấy đều rốc tóc mà cùng tế với nhau ở ngoài đồng Tân-Hữu nói: *« Có lẽ không đến một trăm năm nữa thì chỗ này thành ra rợ nhung-địch, là vì lễ-phép đã mất trước đi rồi! »* Đến nay là năm Hi-công thứ 22, mùa thu, nước Tần nước Tấn quả thiên một giống người Nhung ở rợ Lục-hồn cho vào ở miền Y-xuyên.

— Từ năm Hi công thứ 17, Tấn Thái-tử Ngữ sang ở Tần làm con tin. Tần trả lại đất Hà-đông cho Tấn và gả con gái cho Thái-tử Ngữ. Nay Thái-tử Ngữ sắp trốn về nước, bảo Doanh-thị rằng: *« Tôi với nàng cùng về có nên chăng? »* Nàng Doanh thưa: *« Ông là Thái-tử Tấn mà phải sang ở bên Tần này, nay ông muốn về là phải lắm, còn như kẻ tì-tử này là bởi quả-quân sai nàng khăn sửa túi cho ông để cố-kết lấy bụng ông, nếu bây giờ kẻ tì-tử này mà theo ông về, thì ra kẻ tì-tử này bỏ mất mệnh vua đi. Vậy không dám theo ông về mà cũng không dám lộ chuyện ấy ra. »*

Thái tử Ngữ bèn trốn về.

— Người Tiểu-Chu vì mất Tu-cu nên đem quân đánh Lỗ. Công khinh Chu là nước nhỏ, không đặt quân phòng-bị. Tang Văn-Trọng nói: *« Đã là một nước, không kể lớn nhỏ, đều không thể khinh được. Nếu không phòng-bị thì nhiều quân cũng không chắc gì, thơ Tiểu-nhã có câu rằng: « E-dè nơm-nớp xiết sao, như ngồi giá mỏng như vào vực sâu. » Lại thơ Châu-tung có câu rằng: « Kính ngay phải kính-cẩn ngay, trời kia dễ biết mệnh nay khôn lường. » Ấy các tiên-vương ngày xưa có minh-đức biết bao, mà còn không việc gì không lấy làm khó, không việc gì không lấy làm sợ như thế, nữa là nước ta là một nước nhỏ dư? Ngài đừng có bảo nước Chu nó bé đâu, đến như con ong cũng còn có nọc, phương-chi là một nước. »*

Công không nghe. Ngày đinh-vị tháng tám, năm thứ 22, Công với quân Chu đánh nhau ở Thăng-hình, quân ta thua, người Chu bắt được cái mũ trụ của Công đem về treo ở cửa Ngư-môn nước nó.

22. — K. — Tống-công với người Sở đánh nhau ở sông Hoằng, quân Tống thua

T. — Trịnh-bá sang chầu Sở, Tống-công đánh Trịnh, người Sở bèn đánh Tống để cứu Trịnh. Tống-công ra đánh nhau với Sở-quân ở sông Hoằng.

Quân Tống đã bày trận xong rồi mà người Sở thì chưa độ-hà xong.

(1) Chữ lễ ở cổ-thư Trung-quốc, có khi là lễ-nghi, có khi là phép-luật. Có khi hàm cả hai nghĩa ấy.

Quan Tư-mã là Tử-Ngư nói rằng: *«Quân nó nhiều, quân ta ít, đang khi quân nó chưa độ-hà xong, nên đánh đi.»* Tống-công nói: *« Không nên »*. Đến khi quân Sở độ-hạ rồi, nhưng chưa bày trận xong. Tư-mã lại giục. Tống-công nói: *« Chưa được. »*

Mãi đến khi quân Sở bày trận xong rồi Tống-công mới cho đánh, quân Tống thua, Tống-công bị giặc đâm vào đùi, các quân hầu chết tiệt cả, người nước trách Tống-công. Tống-công nói: *« Quân-tử không đâm đứa giặc đã bị đâm rồi, không bắt đứa giặc đã hai thứ tóc, cổ-nhân đi trận không nhân lúc người ta bị hiểm-trở mà bách-hại. Quả-nhân tuy là dòng-dõi một nước vong-quốc, nhưng cũng không có thức trống vào trong khi quân giặc chưa bày trận xong. »* Tử-Ngư nói: *« Thế là ngài chưa biết phép chiến-trận đó, bên cường-địch nó bị hiểm-trở không bày thành trận được, là trời giúp cho ta đấy, đang lúc nó bị hiểm-trở mà mình thức ngay trống vào còn sợ không kịp, sao lại không nên. Vả quân Sở kia thằng nào khoẻ mạnh đều là cừu-địch của ta cả, dẫu đến bậc quốc-lão của nó có thể bắt được cũng chẳng tha, nữa là đứa hai thứ tóc. Dạy quân tập trận để tỏ cho kẻ hèn biết sỉ, là mong cho quân mình giết chết được giặc đó, vậy thằng giặc bị thương mà chửa chết kia, sao lại không đâm thêm một cái nữa. Nếu thương nó bị thương hai lần thì thà trước đừng đâm nó; thương đứa giặc hai thứ tóc thì thà chịu phục ngay nó đi có hơn không?*

« Phàm việc tam-quân là vì quyền-lợi của nước, hồi chiêng thức trống là để cho quân nức lòng, đã vì quyền-lợi của nước, đã phải giục cho quân nức lòng, thì lừa cho giặc vào chỗ hiểm-trở để nó bối-rối, mà thức trống cho quân ta vào lại càng hay chứ sao »

(Còn nữa)

NGUYỄN TRỌNG-THUẬT

VIỆT-NAM DI-AÍ SỬ-CA (1)

VI

59 — Thế trận ông Trần Khát-Chân bắn chết vua Chiêm-thành là Chế Bồng, tướng là Bồng La-Nga ở cửa bể Đằng-hải

Cỏ hoa rộn-rịp tang-bồng,
Chiêm-thành luống vẫn xa trông mặt [ngoài.
Bể Đông trận sóng ngất trời,
Bến Đằng ngọn nước tơi-bời cỏ hoa (1).
Tướng Chiêm tên gọi Bồng-Nga,
Con thuyền đua đuổi xông-pha mặt [ghềnh.
Lá buồm phơ-phất mong-manh,
Tuyết mù ngẩn biếc vẻ xanh in ngần.
Mái chèo khua động ba quân.
Cửa Gàn rộn nước cống Vân đục trời (2).
Khát-Chân Trần-tướng xa vời,
Cung dương cánh cắt đạn gài tên bay.
Mặt làn liếc mắt buông tay,
Thuyền bồng phút đã đứt dây lèo buồm.
Bồng-Nga vừa chợt xa nom,

(1) Xem Nam Phong số 129, 131, 132

Bỗng sa tên thuốc không ôm nổi đầu.
Xa xa một phút cung dâu,
Tướng Bồng-Nga đã chết đau cỏ [bồng (3).

Gốc việc. — Sử chép đời vua Nghệ-tôn nhà Trần, tướng Chiêm-thành là Bồng-La-Nga, đem chiến - thuyền vào cửa bể Đằng - hải, trong nước vì đó náo-động, ông Trần Khát - Chân làm trấn - tướng cửa Đằng-hải, bắn chết được tướng Chiêm-thành.

Dẫn điển - nghĩa. — 1. Bến Đằng là hạt Hưng-yên, tức là bãi Sậy, là Nhất-dạ-trạch của ông Chử Đồng-tử mở-mang ra ngày trước, sau cỏ lên thành rừng gọi là rừng Sậy; xem đó biết hạt Hưng-yên vốn trước là bãi bể, sau nổi dần mãi ra thành đất đồng bằng, bể dâu biến đổi như vậy — 2. Cửa Gàn tức là Càn-hải-khẩu, bây giờ là cửa Luộc; Cống-vân cũng về hạt Hưng-yên, gần với cửa Gàn. Câu này tả ý bấy giờ trong nước đương náo-động.—3. Câu này là tả Bồng-Nga trúng phải tên, trước thường dùng dâu làm cung, cỏ bồng làm tên, bồng-tang là nghĩa thế.

60 — Thế trận vua Lê Thái-tổ dấy nghĩa ở núi Lam

Chợt khi Trần đến vận cùng,
Cống Minh Minh vẫn sẵn lòng lăm-le.
Hồ-ly giả tiếng bắt về,
Thừa-cơ quận huyện phân chia nước [minh.
Ngựa lừa dầy-dẫm cỏ xanh,
Xây hầm chứa của phá ghềnh tìm châu.
Trai ngoan gái tốt thảm sầu,
Bón vàng nào biết chú Tàu chán tay.
Non Lam mờ-mịt năm mây (1),
Hay đâu chân-chúa đã gây cơ-đồ.
Lưới tre trải bước giang-hồ (2),
May sao trời bỗng trao cho gươm vàng.
Lại cay cho bọn hào-cường,
Dã-man quen mượn việc làng nạt ai.
Đánh quăng tay dậm gươm mài,
Đầu rừng thét gió lừng trời xa nghe.
Ra vào lận ải qua khe,
Chầy nâu làm gạo uốn tre làm sào (3).
Giặc Minh nghe vỡ lung-lao,
Rắp đem tước thưởng xa trao anh-hùng.
Chim khôn sao mắc lưới hồng (4),
Còn toan xổ cũi cho vòng nước non.

Gốc việc. — Dã-sử chép cuối đời nhà Trần thế yếu, thường cống-hiến nhà Minh, kịp khi Hồ Quý-Ly, Hồ Hán-Thương tiếm-thiết, nhà Minh mượn tiếng sang bắt cha con nhà Hồ, thừa-cơ lập chính-phủ chia quận-huyện nước ta, sai Vương Thông, Hoàng-Phúc, Thôi-Tụ sang quản-hạt, bấy giờ bao nhiêu ngân hoa bãi cỏ, cho lừa ngựa dẫy dẫm, các hồ giếng thường lấy đá xây hầm chứa của, bắt gái đẹp phong thần để giữ, các cửa bể từng dậu thuyền lọc cát tìm châu, và bao nhiêu trai khôn biết, bắt ép tống về Yên-kinh dẫy bỏ, lại các sông Tuyên-quang, thường lọc bòn lấy vàng, tục-ngữ nói bòn như Ngô bòn vàng cũng là tự đó; dân ta bị trà-đạp ức-hiếp, lầm-than tồi-nhục biết là ngần nào; May sao vua Lê Lợi, xưa bé nhà nghèo, anh em đi đánh dậm, được thoi sắt, chắp vào thành thanh kiếm, và nhân kẻ hào-cường trong làng ức-hiếp, ngài bực mà vào núi Lam dấy nghĩa, thường lặn rừng lấy nâu chín làm lương cho quân ăn, và uốn tre làm sào gậy để đánh giặc, nhà Minh nghe biết, thường dụ lấy quan-tước, ngài bảo « làm kẻ trượng-phu, nên cứu nạn lớn, lập nghiệp to, chớ rỗi đâu mà làm tôi tớ người », vậy ngài không nghe, trải 10 năm phá xong giặc Minh, lên làm vua, đóng đô thành Thăng-long.

Dẫn điển-nghĩa. — 1. Lam-sơn ở tỉnh Nghệ-an. — 2. Lưới tre là cái dậm, chữ nho gọi là trúc-võng 竹網. — 3. Qủa nâu chín ăn được, vua Hạ Vũ xưa đi trị nước lụt, vẫn từng ăn, nên quả bồ-nâu chữ nho gọi là Vũ-dư-lương 禹餘糧 nghĩa là cơm thừa của vua Vũ. — 4. Câu này tả ý ngài

không bị nhà Minh giảng-buộc nổi, và còn muốn thảo cũi xổ lồng cho cả người nước, thế mới rõ là bậc đại-anh-hùng.

61 — Thế trận vua Lê Thái-tổ đánh phá quân nhà Minh, bắt Hoàng Phúc, Thôi Tụ ở sông Lam

Mấy cơn gió giật mưa giồn,
Hoàng, Thôi hai tướng dinh đồn cời
Vua ra từ động núi Lam, [Nam.
Anh-hùng khét tiếng Việt Nam một đời.
Ba quân giáo dựng gươm mài,
Hoa chen ngọn mác trăng cài mũi [đao (1).
Sông Lam ruồi lớp sóng đào,
Ngàn sương sa lạnh về sao trời mờ (2).
Đêm thanh bó giáp cuộn cờ,
Hoàng Thôi chốc đã sa cơ mắc tròng.
Buộc giàng dây xích đón gông,
Tay trao khóa móc chân vòng then
Cửa viền một sợi dây giàng, [trăng.
Bỗ khi trả đạp nhung-nhăng nước [người.

Gốc việc. — Sử chép Hoàng Phúc, Thôi Tụ dinh đồn ở sông Lam, vua đêm từ động Lam-sơn ra đánh phá quân nhà Minh, bắt được Hoàng Phúc Thôi Tụ.

Dẫn điển-nghĩa. — 1. Đây tả quân ra đông mà nhanh-nhẹn. — 2. Đây tả cảnh sông và đêm.

62 — Thế trận vua Lê Thái-tổ đánh phá quân nhà Minh, chém Liễu-Thăng Mộc-Thạnh ở Chi-lăng-quan và Trảm-mã-quan.

Oai-lanh sôi-nổi một trời,
Liễu-Thăng đâu lại cửa ngoài tiền quân.
Gươm vàng quắc lộn về ngân (1),
Liếc mài đá biếc in ngần non xanh.
Ải-quan một trận tung-hoành,
Đầu rừng ngựa thét mặt ghềnh chim
Đầy ngàn gió ruồi hoa reo, [kêu (2).
Non rừng nghẽn hiểm núi xiêu đá [vầng (3).
Giặc vừa tới cửa Chi-lăng,
Liễu-Thăng phút đã đầu quăng giữa
Trước yên Mộc-Thạnh tới nơi, [trời.
Cửa quan Trảm-mã cũng rơi đầu bò (4).
Chú Tàu mấy trận cùng thua,
Còn xoay bắt vạ khéo trò tanh dơ.
Liễu-Thăng cái nợ bao giờ,
Người vàng trao trả cáng dơ chúa Tàu.
Khác nào quả gáo hom dâu (5),
Thôi đừng nên hỏi nợ đầu Liễu-Thăng.

Gốc việc. — Sử chép khi vua Lê bắt Hoàng Phúc, Thôi-Tụ, Minh lại sai Liễu-Thăng, Mộc-Thạnh đem mười vạn quân sang viện, vua đón đánh ở cửa núi Chi-lăng và núi Trảm-mã, chém Liễu-Thăng và Mộc-Thạnh, mãi đến sau khi giảng-hòa, Minh còn kể bắt vạ đòi nợ Liễu-Thăng, vua sai đúc người vàng trao trả, đó là muốn yên dân, nên cũng chịu đền vạ, tục-ngữ nói « Đòi quá đòi nợ Liễu-Thăng » là bởi đó.

Dẫn điển-nghĩa. — 1. Câu này tả con gươm sắc. — 2. Câu này tả cảnh trận-trường ở rừng núi rộn-rịt. — 3. Câu này tả quân phục dậy chẹt đánh làm cho núi non rung-động. — 4. Đầu bò là nói Mộc-Thạnh bay bò bướu lắm mà cũng chết. — 5. Tục-lệ những kẻ chết mất xác, người nhà nó thường làm hình giả bằng đầu giáo xương dâu để chôn, đây Liễu-Thăng chết cũng chẳng khác gì thế mà còn bắt vạ ai.

63 — Thế trận vua Lê Thái-tổ đánh phá quân nhà Minh, đuổi Vương Thông về Tàu

Thu quân từ cửa Chi-lăng,
Anh-hùng tiếng đã thét lừng biển Đông.
Đông-quan là đất Thăng-long (1),
Trở về lại bỗ mấy vòng quân vây.
Trước thành dựng mái lầu mây,
Vương Thông luống đã hồn bay cời [ngoài.
Biết tay thao-lược hùng-tài,
Cúi đầu xin vái trả trời Việt-Nam.

Đã lòng biết lỗi chịu cam,
Cũng tha cho khỏi cõi Nam ra về.
Hoằng Thôi tù-tội ủ-ê,
Cùng cho cởi nút mây tre về Tàu.
Một phen gió bụi sạch làu,
Giặc Minh từ đó bưng đầu xa bon.
Thanh rồng gây dựng nước non,
Bỗng hồ Hoàn-kiếm bay con gươm thần.
Một trời gió mát mưa xuân,
Mười năm huyết-chiến ba quân khải-hoàn.
Anh-hùng mở mặt giang-san (2),
Sóng êm bể Sở mây tan ải Tần (3).

Gốc việc. — Sử chép vua Lê đã đánh phá quân Minh, chém Liễu Thăng Mộc-Thạnh ở núi Chi-lăng và núi Trảm-mã, liền dẫn quân về vây thành Đông-quan, trước thành dựng một cái chòi cao, ngài ngự để xem tin-tức trong thành, Vương Thông sợ quá, xin trả thành về Tàu, ngài truyền tháo vây cho về, và tha cả Hoàng-Phúc Thôi-tụ một lũ bưng đầu ra về, ngài sai quân tống khỏi cửa Bắc-quan, liền vào thành Đông-quan lên ngôi vua, khi ngài ngự qua hồ Hoàn-kiếm bỗng con gươm ở trên tay hóa rồng bay xuống hồ, nhân gọi hồ ấy là hồ Hoàn-kiếm 還劍湖, nghĩa là hồ trả gươm, hiện nay còn tượng ngài trao gươm ở bờ hồ, kể từ lúc ngài ở động Lam-sơn ra dẹp giặc đến đó là 10 năm, mới nên nghiệp đế.

Dẫn điển-nghĩa. — 1. Đông-quan tức là Hà-nội bây giờ. — 2. Đây nói có anh-hùng thì giang-san cũng được mở mày mở mặt với nước ngoài. — 3. Câu này ý nói giặc tan nước yên.

64 — Thế trận ông Nguyễn Trãi giúp vua Lê phá giặc nhà Minh.

Núi Lam từ buổi ra quân,
Có ông Nguyễn Trãi văn-thần tham-mưu.
Vốn xưa con dòi nhà cựu (1),
Nhị-khê làng cũ sông Ngưu một ghềnh (2).
Đời Hồ cha gọi Phi-Khanh,
Giặc Tàu ghét bậc tài-danh bắt về.
Bắc-quan dắt-díu đề-huề (3),
Máu sa giọt lệ hồn lìa đỉnh mây (4).
Cha dừng nước mắt vẫy tay,
Con về rửa nỗi thù này mới cam.
Đành lòng chia rẽ Bắc Nam.
Trở về tìm tới non Lam dâng mình.
Nơi rừng thẳm rẫy non xanh (5),
Nỗi thù mình vẫn giật mình từng phen.
Đêm thanh như chất lửa phiền,
Lá màn rủ thấp ngọn đèn khêu cao.
Ngập-ngừng bút kiếm tay trao,
Vây cờ tinh nước gại dao rửa thù.
Cao cao một ngọn lầu thu,
Bức tờ ngỏ chỉ thôn Ngô mấy lần.
Đỉnh đầu nghĩa nặng quân-thần,
Mười năm khôn xiết mưu-thần khổ-tâm.
Bình Ngô trọn trả thù cam,
Lá tờ đại-cáo muôn năm còn truyền.

Gốc-việc. — Sử chép ông Nguyễn Trãi người làng Nhị-khê, hiệu là Ức-trai, xưa cha là ông Phi-Khanh, cuối đời Hồ, vì là bậc tài-danh, giặc Minh bắt tống về Yên-kinh, ông Trãi khóc theo đến Bắc-quan, cha quay lại nói rằng: « Con về rửa thù cho cha, trả hằn cho nước, là đại-hiếu, chứ khóc thì làm chi. » Cha con cùng gạt nước mắt mà chia tay. Ông Trãi về từ đó nghe tin vua Lê Thái-tổ dấy nghĩa ở núi Lam, liền vào theo làm mưu-thần, dùng mẹo thích chữ vào các lá cây cao ở nơi đền chùa tám chữ rằng: « *Lê Lợi vi quân, Nguyễn Trãi vi thần* 黎利爲君阮廌爲臣 » để cổ-động lòng dân trong nước, khi gió lay lá rụng, ai ai thấy có chữ để đó, cũng cho là điềm trời đã định, đều nức lòng mà theo về núi Lam, tự đó vua Lê tướng nhiều quân đông, đánh đâu cũng được, vua dùng ông Trãi làm mưu-thần, thường chỉ ngồi trong màn bỏ con tính, mà tính việc quân-cơ, khi vua về vây thành Đông-quan, trước thành dựng một chòi cao, để nghe tin-tức trong thành, vua từng để ông Trãi ngồi tầng thứ nhì, để bàn soạn việc quân, thảo tờ hịch tướng-sĩ, và thư

đưa lại cho Vương Thông, một tay ông Trãi thảo-soạn cả: sau khi đuổi được lũ Vương-Thông về Tàu, ông làm tờ «Bình Ngô đại-cáo », giờ còn truyền-tụng.

Dẫn điển-nghĩa. — 1. Con dõi nhà cựu, là gốc ở câu cựu-gia tử-đệ 九家子弟. — 2. Nhị-khê ở Hà-nội gần sông Kim-ngưu. — 3. Bắc-quan tức là cửa ải Nam-quan, Tàu gọi là Nam, ta gọi là Bắc — 4. Hồn lìa đỉnh mây, là gốc tự câu ông Địch Lương-công Nhân-Kiệt trông mây núi Thái-hàng mà nhớ bề thân — 5. Từ câu : « Nơi rừng thẳm rẫy non xanh» trở xuống đến câu : «Mười năm khôn xiết mưu-thần khổ-tâm,» đều là tả tình-cảnh ông Trãi theo vua Lê từ nơi rừng-rú, khi ở trong màn, khi ở trên chòi, bàn tính việc quân không lúc nào nguôi được nỗi thù nhà mình, mãi sau bình Ngô mới hả dạ.

65 — Thề trận ông Lê Lai giúp vua Lê đánh giặc nhà Minh

Non Lam nẩy bậc anh-hiền,
Lê Lai cũng bạn con tiên cháu rồng.
Mấy năm rộn-rịp tang-bồng,
Với vua Lê Lợi vốn dòng anh em.
Từ ngày đáy nước mò kim (1),
Được thanh thần kiếm anh em góp tài.
Non Lam một lưỡi gươm mài,
Cũng đà dậy đất lừng trời mấy phen.
Cơ-đồ dù sớm dựng nên,
Cũng đua lá ngọc cùng chen cành [vàng (2).
Xông-pha trải mấy trận tràng,
Bùn lầy voi bỗng vội vàng sa chân (3).
Cũng đành với giặc liều thân,
Để em gắng sức voay vãn nước non.

Gốc-việc — Dã-sử chép ông Lê Lai là anh vua Lê Lợi, khi xưa anh em cùng đi đánh dậm, mỗi người được một đoạn sắt, đem về anh em chắp lại, mới rõ là thanh kiếm, liền cùng lòng quyết chí dậy quân, ông Lai vẫn nhường thanh kiếm cho ông Lợi, khi từ núi Làm ra, ông Lai cũng đã phá giặc Minh được mấy trận, không may ông cưỡi voi, voi sa xuống bãi bùn lầy, ông bị giặc Minh bắt, liều chết để thành chí cho em, sau vua Lê Lợi quả phá được giặc Minh làm vua.

Dẫn điển-nghĩa. — 1. Đáy nước mò kim là tả ý đánh dậm được thanh sắt, sắt cũng là loài kim. — 2. Lá ngọc cành vàng là họ nhà vua. — 3. Từ câu : « Bùn lầy voi bỗng vội-vàng sa chân » trở xuống, là tả cảnh ông Lai bị bắt mà vẫn can-đảm.

66 — Thề trận ông Đinh Liệt giúp vua Lê đánh phá quân nhà Minh

Giặc Minh đương trận sóng cồn,
Có ông Đinh Liệt lọi con rạch trời.
Trai bao tên đạn tơi-bời,
Tự làng Thủy-sách ra ngoài Nghệ-an.
Dặm nghìn ngôi rữa sương tan (1),
Đầu non lá rụng đỉnh ngàn hoa bay (2).
Giặc thù qui gối lượm tay,
Hoàng Thôi mây lớp trao dây mắc [thừng.
Một tay sắm sét vang lừng,
Thăng-long chốc đã ngập-ngừng rông [bay.
Ơn trời xa rủ năm mây,
Bốn triều huân cựu một tay khuông-phù.

Gốc-việc. — Sử chép ông Đinh Liệt, người trại Thủy-sách, tỉnh Nghệ-an, giúp vua Lê đánh phá quân nhà Minh, bắt Hoàng Phúc, Thôi Tụ, sau làm quan trải bốn triều vua, thường dực-phù vua Thánh-tôn.

Dẫn điển-nghĩa. — 1-2. Hai câu này là nói tóm-tắt nết cả mấy trận ông đánh phá được giặc, quân giặc phải rơi-rụng tan-tác như vậy.

67 — Thề trận ông Đinh Lễ giúp vua Lê đánh phá quân nhà Minh

Núi Lam khi chống giặc thù,
Anh-hùng chạm mặt sơn-hồ chen [vai (1).
Có ông Đinh Lễ đua tài,
Cùng quê Thủy-sách cũng người Nghệ-an.

Mấy vòng nhung-mã gian-quan (2).
Nghẽn rừng cuốn gió mặt ngàn tan mây.
Trận-trường tên tuổi gươm bay,
Một đoàn Liễu Mộc máu rây hồn lìa.
Ra vào len-lỏi sơn-khê (3).
Voi xô Vạn-tượng rồng về Thăng-long.
Nét bia mài đá ghi công,
Ra ngoài mãnh-tướng vào trong danh-thần.

Gốc việc. — Sử chép ông Đinh Lễ cũng người làng ông Đinh Liệt giúp vua Lê đánh phá quân nhà Minh chém Liễu - Thăng Mộc - Thạnh, công việc ngang với Đinh Liệt.

Dẫn điển-nghĩa. —. 1 Câu này tả bấy giờ nhiều anh-hùng ra gánh vác việc nước. — 2. Hai câu này nói tóm cả mấy trận, ông đánh phá giặc Minh tơi-bời như vậy. — 3. Hai câu này tả ý ông xông-đột mọi trận, mà vua Lê mới về làm vua được ; Vạn-tượng cũng là đất nước mình về vùng rừng rú, Thăng-long tức là Hà-nội.

68 — Thế trận ông Trịnh Khả giúp vua Lê đánh phá quân nhà Minh

Non xanh nổi áng bụi trần,
Núi Lam lấp mũi gươm thần ra oai.
Có ông Trịnh Khả kỳ-tài,
Vốn xưa từ bé là người đi săn.
Kiêu lư lựa vẻ khoang vằn (1),
Tiến lui tựa thế ba quân tập rèn,
Với đàn cáo thỏ đua chen,
Bong cùng nghẽn hiểm đá chèn non sâu.
Xông pha dãi cỏ ngàn dâu,
Rập đem nanh vuốt quét lau giặc thù.
Xuất thân gặp bước giang-hồ (2),
Cũng đành làm bạn thằng nô chú Tàu.
Trần-ai lần mặt công-hầu,
Khen sao cách tướng chú Tàu cũng tinh.
Đương ngày Trịnh ở với Minh,
Nói thằng nô nó đuổi mình cũng nên.
Những là nương náu đợi tin,
Giật mình mình lại lánh mình non Lam.
Giùm tay kéo lại trời Nam.
Đuổi Vương Thông cởi buộc giám [nước non.

Gốc việc. — Sử chép ông Trịnh Khả từ bé đi săn, thường dạy hơn một trăm chó săn, lựa con đen trắng khoang vằn, bổ ra từng cơ-ngũ, y như tập quân hành-trận, cơ nào đội ấy, rất nghiêm-chỉnh, khi vào rừng bổ vây săn cáo thỏ, y như bắt giặc, con chó nào giỏi, săn bắt được nhiều, về có luận-công hành - thưởng. Khi lớn lên, gặp bước giang-hồ, phải đi ở cho một vị quan nhà Minh, bỗng một hôm chủ-nhà trông tướng ông Trịnh Khả bảo rằng: « Nước Nam nếu có chân-nhân ra, thằng nô này thường nó đuổi mình cũng nên. Vả ta xem Việt-Nam non xanh nước biếc, hẳn có người mặc áo vàng ra làm vua, ta có lẽ không ở đây được lâu với thằng nô này. » Ông Trịnh Khả nghe sợ, liền bỏ trốn vào núi Lam theo vua Lê, sau quả đánh phá quân nhà Minh, đuổi lũ Vương Thông về Tàu.

Dẫn điển-nghĩa. — 1. Kiêu lư là hai giống chó săn, từ đó trở xuống đến câu «Rập đem nanh vuốt quét lau giặc thù» là tả ý ông Trịnh Khả đi săn, là cốt để tập quân hành Trận. — 2. Giang-hồ là lúc người ta gặp bước gian- truân, từ đó trở xuống là tả cảnh ông Trịnh Khả lúc đi ở, bị chủ nhà xem tướng rồi trốn theo vua Lê.

69 — Thế trận ông quận Vênh giúp vua Lê đánh phá quân nhà Minh.

Rừng hồng ai kẻ đắp vun, (1)
Non xanh cỏ biếc có con voi thần.
Động Lam từ gặp chân-nhân,
Mấy vòng xông-đột ba quân lẫy-lừng.
Oai-linh thét tiếng dữ rừng,
Đôi ngà chẳng khác hai sừng chênh-[vênh.
Xô quân phá trận tung-hoành.
Vua phong là chức quận Vênh đương [đầu (2).
Phi-phôi khóm gỗ ngàn lau.

Làm cho mấy lớp giặc Tàu đổ xô.
Thăng-long về cõi kinh-đô,
Cồng vàng khắc chữ bình Ngô chưa
Quốc-triều thay đổi nước non [mòn.
Voi Ngà sau lại xa bon rừng Lào.
Vật thần ai dễ lung lao,
Bùa yêu thuốc dấu đổi-trac cũng chồn.

Gốc việc. — Dã - sử truyền khi vua Lê dấy nghĩa núi Lam, dụ được một con voi tréo ngà rất dữ dội, đi trận nào cũng được, vua phong chức gọi là ông quận Vênh, đúc cồng vàng đeo cho, ở suốt đời nhà Lê, làm ngự-tượng, sau khi nhà Lê mất, voi Vênh lại về rừng Lào, triều nào đem bùa thuốc dụ cũng không được.

Dẫn điển nghĩa. — 1. Rừng Hồng tức là rừng thẳm, ai kẻ đắp vun, là nói tự trời sinh ra như vậy, hễ có rừng là có voi. — 2 Quận Vênh là nhân đôi ngà đặt tên mà phong tước Quận-công.

70. — Thế trận cô hàng cơm bỏ rọ quân nhà Minh

Giặc Minh đang buổi náo-nôn,
Lừa chăn áy cỏ ngựa chồn dẫm hoa (1).
Chung quanh vẫn đất nước nhà,
Ai hay dẹp giặc đàn bà có gan.
Hà-nam có ả hồng-nhan,
Boái trông non nước cuộc tàn mà [thương.
Liễu bồ trải mấy băng-sương (2),
Yếu thơ khôn đọ bồng-tang với người.
Chém cha cái giống vô loài,
Vài hồng rập tía nước ngoài đã quen (3)
Nước nhà vừa gặp vận đen (4),
Đục trong thôi sá đánh phèn mà chi.
Vòng trăng trạnh vẻ nga-mi (5),
Tấm riêng riêng những nặng vì nước [non.
Gươm tinh liếc mũi dao con (6)
Thịt thăn cơm rẻ rượu ngon bán hàng.
Mom sông đón khách qua đàng,
Chú Tàu mời rước tới hàng nghỉ ngơi.
Đêm thanh vắng-vẻ chiều trời,
Giấc mê bỏ rọ ném ngoài mom sông.
Triều dâng sóng vỗ đùng-đùng,
Lòng son thề rội nước sông rửa hần.
Giặc Minh mòn lính hao quân,
Mấy năm nào biết bà thần quăng sông,
Núi Lam sực nảy anh-hùng,
Giặc thù yếu thế run lòng phải lui.

Gốc việc. — Sử chép đang lúc giặc Minh quấn-hạt ta, bấy giờ Hà-nam có người con gái bán hàng cơm ở mom sông, từng đón mời các quân lính cai đội nhà Minh đến hàng, lừa đêm cơm rượu say ngủ trói bỏ rọ ném sông, dìm chết đã bao nhiêu quân lính nhà Minh, trải mấy năm quân lính hao mòn mà không biết vì sao, sực khi vua Lê từ núi Lam ra, Minh thế yếu chịu lùi.

Dẫn điển-nghĩa. — 1. Đây tả giặc Minh trả đạp nước mình. — 2. Tả ý đàn bà thanh-tiết, mà sức yếu đuối không đọ nổi sức trai. — 3. Đây nói giặc Minh từng bắt gái đẹp phong thần. — 4. Đây tả cảnh nước gặp vận đen, đàn bà cũng chẳng giữ trinh-tiết nhỏ chi nữa. — 5 Câu này tả mày đẹp. — 6. Đây tả mắt sắc, tục-ngữ nói mắt sắc như dao cau, đó thực là cái gươm tinh đó, vì nhiều người bị đó mà chết.

71. — Thế trận vua Lê Thánh-tôn đánh bắt vua Chiêm thành, rộng mở cõi đất và sửa các việc thái-bình trong nước

Thánh-tôn từ thuở nối ngôi,
Bể Nam xa vượt mấy hồi chinh-Chiêm.
Một làn gió dẹp sóng êm,
Buộc giàng Chế Củ vua Chiêm đem về.
Nàng Chiêm tên gọi Mị-Ê,
Vì chồng trọn tiết quyết thề với sông.
Ngọn triều trận nước mênh-mông,
Năm mây xuống chiếu trung-phong giang-thần.
Hồn thơm sánh vẻ tương-quân (1),
Nghìn thu giọt lệ in ngần trúc-hoa.
Trời Nam non nước bao-la,
Thừa-tuyên rộng mở mười ba thành dài.

Chinh Lao vượt cõi ngàn đoài (2),
Từ đây châu Lễ châu Lài về ta.
Con đàng giao-thiệp ngày xa.
Vĩnh-đăng chứa khách Xiêm la Qua-huế (3).

Đàn tao bút vẫy thơ đề,
Văn thần rạng vẻ sao Khuê một thời (4).
Lần thu sáng quắc gương trời,
Nước non đầm ấm trong ngoài yên vui.

Gốc việc — Sử chép vua Lê Thánh-tôn hai lần sang đánh Chiêm-thành, bắt vua Chiêm-thành là Chế Củ, vợ là Mị-Ê, về tới thuyền, vua cho đòi Mị-Ê hỏi, Mị-Ê nhảy xuống sông, vua xuống chiếu phong là Giang-thần, sau lấy đất Chiêm-thành mở thêm một thừa-tuyên nữa ở Quảng-nam, gồm mười ba thừa-tuyên, lại đánh nước Lào, mở thêm châu Lễ, tức là Lai-châu, và sửa đất Vĩnh-đăng, mở thương-phụ, chứa những người nước Xiêm - la nước Qua-huế cho ở buôn bán, và ngài lại kén văn-thần đặt ra 28 ngôi sao tao-đàn, ngài tự làm tao-đàn nguyên-súy, cùng các văn-thần đề vịnh, soạn ra chín khúc hát ở vườn quỳnh, sửa các việc thái-bình trong nước.

Dẫn điển-nghĩa. — 1 Tương-quân tức là Nga-Hoàng Nữ-anh, hai con gái vua Nghiêu lấy vua Thuấn, khi vua Thuấn đi tuần-thú, mất ở Xương-ngô, hai nàng ra sông Tương khóc, vẫy nước mắt trúc thành hoa, gọi trúc cam-lộ, rồi chết làm thần sông Tương, ở bên hồ Động-đình đất nước Sở, nay tức là Hồ-nam sông Dương-tử nước Tàu. — 2. Châu Lễ là châu Lai về phía tây nước ta, nên gọi ngàn Đoài. — 3. Vĩnh-đăng chưa rõ là đâu. Nước Qua-huế nay không biết gồm vào nước nào, chừng cũng gần Xiêm-la. — 4. Sao Khuê là sao chủ văn. — 5. Gương trời tức là mặt trời, ví như tượng vua, mặt trời về mùa thu lại càng sáng lắm, nên gọi lần thu sáng quắc gương trời, là gốc từ chữ thu dương 秋陽 mà nói.

72. — Thế trận ông trạng Trực đánh phá quân Chiêm-thành đến núi Mã-yên mài vách đá ghi công.

Phá Chiêm xa vượt cõi ngoài,
Thanh-trì Nguyễn Trực vốn tài Trạng-nguyên.
Cờ đào vâng mệnh binh phiên,
Chiêm thành mấy trận cung tên đã chồn.
Mã-sơn nét đá bao mòn,
Lập công nghìn đặm hãy còn tiếng thơm.
Cheo-leo vách đá hoa chờm (1),
Mảnh trăng còn đó lưỡi gươm liếc mài (2).
Lần kiếm kích vẻ cân đai (3),
Vào trong phong-nhã ra ngoài lược-thao.
Một mầu bể rộng non cao,
Dọc ngang nét bút con dao nhẹ nhàng.
Mấy năm sứ-tiết dặm tràng (4),
Non xanh đưa rước hoa vàng đón reo.

Gốc việc. — Sử chép ông Nguyễn Trực người Thanh-trì, 18 tuổi, đỗ trạng-nguyên, đời vua Lê Thánh-tôn vâng mệnh binh Chiêm-thành, lên núi Mã-yên, mài vách đá ghi công, và lại phụng mệnh đi sứ Tàu, lại thi đỗ trạng, gọi là lưỡng-quốc trạng-nguyên.

Dẫn điển-nghĩa. — 1. Đây tả cảnh núi cao và đẹp. — 2. Đây tả con gươm sắc vì có ý hoài-cổ, gốc ở câu thơ: « *kỷ độ long-toàn đái nguyệt ma,* 幾度龍泉帶月磨, — 3. Đây trở xuống bốn câu là tả tài ông văn vũ kiêm-toàn. — 4. Đây trở xuống là tả cảnh đi sứ, Hoa vàng là gốc ở thơ Hoàng-hoa, lạo sứ thần.

73. — Thế trận chúa Tây-sơn Nguyễn Huệ mở trại Tây-sơn.

Một buồng non nước đìu-hiu,
Anh-hùng ruổi mấy gió chiều biết bao.
Tây-sơn (1) một trại rừng Lào,
Kia ai vẫy kiếm khua dao vượt ngàn.
Trời sinh Nguyễn Huệ một gan,
Nguyên-hưng quê cũ Nghệ-an đất nhà.
Anh em vẹn vẻ hòa ba,

Trăm chiều khái-khảng một nhà oai-
Huệ là con giữa nầy ngành, [lanh.
Tính nồng máu sốt đành-hanh ai bằng.
Sinh ra ở chốn biển rừng,
Đã quen dạn sóng đã từng đạp non.
Tính-lanh từ bé cỏn-con,
Giọc ngang quần bút roi con nhẹ-nhàng
Lấy can-tràng đọ can-tràng, [(2).
Anh làm trưởng-phố coi hàng bán buôn.
Cuối năm bạc thuế thu dồn,
Phú-phao tay trắng không còn một [chính.
Bực mình khuyên nhủ em anh, (3).
Lìa nhà quyết vượt biển xanh vào rừng.
Làm nên thét lẹt vang lừng,
Tây-sơn riêng chiếm một rừng cõi tây.

Gốc việc. — Sử chép chúa Tây-sơn Nguyễn Huệ, anh là Nguyễn Nhạc em là Nguyễn Lữ, vốn xưa người Nguyên-hưng tỉnh Nghệ-an, Huệ từ bé đã có can-đảm anh-hùng, xưa từng làm trưởng-phố, bao nhiêu tiền thuế tiêu pha cho hết, rồi rủ anh và em bỏ nhà vượt bể vào trại Tây-sơn dậy quân, tự-lập làm chủ trại.

Dẫn điển-nghĩa. — 1. Trại Tây-sơn về đất Quảng-nam. — 2. Đây tả ý văn võ gồm tài. — 3. Tả làm trưởng-phố kiệt-tiết, đem tiêu hết công-thuế và bỏ nhà đi.

74 — Thế trận chúa Tây-sơn đánh lấy thành Đồ-bàn và Phú-xuân.

Anh-hùng nhiều cách trở xoay,
Giấu mình thảo cũi ra tay xổ lồng.
Từ khi rừng rú vẫy-vùng,
Cái then cửa Động rắc chông nghẽn [đáng.
Mấy phen sấm sét dậy đàng,
Kia ngàn beo thét nọ hang hầm gào.
Quốc-triều trải mấy gian-lao,
Chưa hay đốn gỗ ngăn rào được ai.
Chợt đâu mưu mẹo cũng tài,
Qui-hàng cũng thấy một vài con tin.
Xin về lựa chọi gái then,
Bắt hùm đóng cạm dàng lên cửa hầu.
Gạn lòng ai biết mưu sâu,
Can-trường thử ngó mấy râu giặc hần.
Cạm hầm vừa tới trước sân,
Phút đà phá chốt xổ ngăn ra ngoài.
Ra oai một tiếng thét trời,
Roi côn vẫy lớp thành dài đã long.
Đồ-bàn vó ngựa thẳng giong (1),
Xuân-kinh trỏ ngọn mác đồng cũng [xiêu (2).

Gốc-việc. — Sử chép chúa Tây-sơn khi lập trại Tây sơn, quốc-triều đánh mãi không được, sau Tây-sơn lập mẹo cho mấy kẻ quân lính đến thành Đồ-bàn ra hàng, xin về bắt chúa Tây-sơn đóng cạm giải nộp, quan trấn-thủ lấy làm tin thực bèn cho, bắt-đồ khi giải lên, ai nấy cùng ra xem, bỗng chúa Tây-sơn ở trong cạm xổ ra, thét một tiếng, và nổi hiệu pháo, quân hậu-tiếp bốn mặt đổ lại lấy thành Đồ-bàn, sau lại lấy Phú-xuân.

Dẫn điển-nghĩa. — 1. Thành Đồ-bàn nay là phủ Qui-nhân tỉnh Bình-định. — 2. Xuân-kinh tức là Phú-xuân Thuận-hóa, kinh-đô ta bấy giờ đóng ở làng Phú-xuân.

75. — Thế trận chúa Tây-sơn phá Lê diệt Trịnh và bắt Công-Chỉnh.

Bể Nam êm lặng một chiều,
Xa nghe cõi Bắc làm điều ngang tai.
Mông-mênh bể nước lộn trời.
Bỗng đâu Công Chỉnh từ ngoài Bắc-vô.
Triều Lê ngó hết sự-đồ,
Nỗi niềm chúa Trịnh ức vua che trời.
Hỏi thăm Hà-bắc nhân-tài,
Trừ ra Công-Chỉnh không người nào
Truyền quân ngựa rượi tên bay, [hay.
Cờ phủ Lê thẳng tới ngay Bắc-thành.
Dặm nghìn nước biếc non xanh,
Truất quyền họ Trịnh vin ngành hoa
Ngỏ lòng tạ trước đan-tế, [Lê (1).
Chỉnh trao Công-Chỉnh mình về Phú- [xuân.

Cách vời núi Thái sương ngàn,
Rồng Lê chốc đã xa ngần non mây (2).
Chúa-hoàng Chiêu-thống lên thay,
Tướng-thần Cống-Chỉnh lại xoay cầm [quyền.
Anh-hùng sực bỗng nghe tin,
Ra quân bắt Chỉnh dẹp yên lại về.
Bắc-thành mấy dặm sơn-khê,
Sai quan trấn-thủ chống che nước ngoài.

Gốc-việc.—Sử chép chúa Tây-sơn, khi ở Phú-xuân, Cống-Chỉnh tự ngoài Bắc vào, nói sự chúa Trịnh ức vua Lê, chúa Tây-sơn lấy làm tức giận, nhân hỏi Hà-bắc nhân-tài đâu cả, mà để Trịnh như vậy. Cống-Chỉnh nói nhân-tài Hà-bắc có một Chỉnh. Chỉnh đã vào Nam, thì không còn ai nữa, chúa Tây-sơn liền dùng Cống-Chỉnh hướng-đạo ra Bắc. Trịnh Tạc cự không nổi bỏ chạy, chúa Tây-sơn vào bái-yết, vua Lê gả cho nàng công-chúa, chúa Tây-sơn ta về, để Cống-Chỉnh lại giúp chính, sau vua Lê mất, con là vua Chiêu-thống lên nối ngôi, Cống-Chỉnh toan cầm quyền, và có ý kháng-cự Tây-sơn, chúa Tây-sơn nghe biết, đem quân ra bắt Cống-Chỉnh, Cống-Chỉnh đem vua Chiêu-thống chạy, chúa Tây-sơn đuổi giết Cống-Chỉnh, vua Chiêu-thống sợ chạy sang Tàu, chúa Tây-sơn sai quan giữ Bắc-thành, rồi lại về Phú-xuân.

Dẫn điển-nghĩa. — 1. Vin ngành hoa Lê là tả ý lấy công-chúa. — 2. Hai câu này tả ý vua Lê là bố vợ chúa Tây-sơn vội mất.

76 — Thế trận chúa Tây-sơn đánh phá quân nhà Thanh đuổi Tôn Sĩ-Nghị.

Vua Lê Chiêu-thống xa vời,
Vì nghe Cống-Chỉnh sang mời nhà [Thanh
Gà nhà cỡng rắn cắn quanh (1),
Thanh Tôn Sĩ-Nghị đề-binh tiến vào.
Phú-xuân nghe chạnh lòng đào,
Lá cờ thẳng trỏ thanh đao liếc mài,
Quang-Trung chính vị con trời,
Ba quân muôn dặm thành dài ruổi sao (2).
Một lần bể rộng non cao,
Xa xa cõi bắc ào-ào gió đông (3).
Quanh co mấy khúc sông Hồng (4),
Quân Thanh mười vạn ngăn dòng [trương thấy.
Lẫy-lừng cuốn gió tuôn mây,
Bụi mù khét đất cỏ cây rộn trời (5).
Bắc-quan xa mấy dặm dài,
Bóng người không thấy tăm hơi một [nhà (6)
Giam nàng công-chúa mày nga xem
Trở về chứa thóc rèn binh, [tình.
Rập đòi Lưỡng-Quảng hai thành ngày [xưa (7).
Chúa Tàu lo sợ vẫn-vơ (8),
Cạo ngôi giốc tóc đánh lừa vua Chiêu.

Gốc việc. — Sử chép vua Lê Chiêu-Thống sang Tầu cầu-viện, nhà Thanh sai Đô-đốc Quảng-đông là Tôn Sĩ-Nghị đem mười vạn quân sang Bắc-thành, chúa Tây-sơn nghe tin, bèn tế cờ khao các tướng-sĩ, rồi lên ngôi hoàng-đế, hiệu là Quang-trung, đem quân ra Bắc đánh Tôn Sĩ-Nghị, quân nhà Thanh chạy không kịp, xuống sông Nhị-hà chết nổi như bèo, nước sông dừng không chảy được. Tôn Sĩ-Nghị chạy về Quảng-đông, quân ta đuổi tới Bắc-quan trở về bắc, không thấy có khói lửa hơi người, vì dân Tàu kinh bỏ nhà chạy cả về Hồ-nam, chúa Tây-sơn liền cho sang giam con vua Tàu, để xem tình-thế, về chứa lương rèn quân, rập sang đòi đất Lưỡng-Quảng, vua Tàu sợ quá, đánh lừa vua Chiêu-thống giốc tóc bắt ở Tàu, không dám cho đưa về nữa.

Dẫn điển-nghĩa. — 1. Tục-ngữ nói cỡng rắn-cắn gà nhà. — 2. Muôn dặm thành dài trỏ vào Bắc-thành, tức là Bắc-kỳ. — 3. Hai câu này tả quân-thế đi xa và giỗ-dạt. — 4. Sông Hồng tức là sông Nhị-hà. —

Hai câu này tả quân đi nhanh chóng và rộn-rịp. — 6. Câu này tả dân Tàu trốn chạy. — 7. Lưỡng-Quảng là Quảng-Đông Quảng-Tây của ta trước. — 8. Chúa Tàu là vua Càn-long.

77. — Thế trận của Tây-sơn đánh vỡ quân Xiêm-la và tàu ông Mạn-Hoè.

Nước non trải mấy gió chiều,
Làm nên núi đồ thành xiêu một trời.
Gồm ba cõi đất trong ngoài,
Ba anh em quyết rạch trời chia ba.
Đã toan nấu thịt nồi da,
Nói điều máu huyết ruột già lại nguôi.
Mấy lần bể rộn vạc sôi,
Bức Gia-long đã vượt đồi Côn-lôn.
Bể Nam khua động sóng cồn,
Cầu Xiêm viện Pháp cũng chôn với ai.
Viện-quân xa vượt cõi ngoài,
Gặp tay quấy nước đục trời cũng ghê.
Quân Man - cốc, tướng Mạn-Hòe (1).
Ghim tàu Phú-quốc vỡ bè Sài-côn.
Bể hồ đòi trận náo-nôn
Gió chiều xô-xát nước non lẫy-lừng.
Gớm thay sói nổi tưng-bừng,
Tây sơn khét tiếng bể rừng Việt-Nam.

Gốc-việc. — Sử chép chúa Tây-sơn khi đánh vỡ được quân nhà Thanh rồi, chia cho anh là Nguyễn Nhạc ở Đồ-bàn, em là Nguyễn Lữ ở Sài-côn, mà mình từ Phú-xuân trở ra ngoài Bắc, sau anh em đánh nhau, chúa Tây-sơn đem quân vây Nguyễn Nhạc, Nhạc đứng trên thành khóc bảo rằng lấy nồi bằng da mà nấu thịt, lòng em sao nỡ thế? Anh em lại giảng-hòa. Khi Tây-sơn đánh Sài-côn, quốc-triều ta đức Duệ-tôn mất, cháu là đức Gia-long chạy ra Côn-lôn, cầu viện bên Xiêm-la, vua Xiêm-la cho quân thành Man-cốc sang viện, Tây-sơn cũng phá vỡ. Đức Gia-long lại nhân ông cố-đạo là Bách-đa-lộc cho ông Hoàng-tử Cảnh sang cầu-viện bên Đại-Pháp. Đại-Pháp sai ông Mạn-Hoè đem hai tàu chiến sang viện, Tây-sơn lại đánh đắm ở Phú-quốc, đảo-đức Gia-long phải sang trọ thành Man-cốc. Sau khi chúa Tây-sơn và Nguyễn Nhạc Nguyễn Lữ chết cả rồi, Tây-sơn truyền cho con Quang-Toản, đức Gia-long mới về khôi-phục được nước.

Dẫn điển-nghĩa. — 1. Man-cốc là thành Vọng-các, kinh-đô nước Xiêm-la; Mạn-Hòe là quan Đại-Pháp.

(Hết)

NGUYỄN THÚC-KHIÊM

MẠNH-TỬ QUỐC-VĂN GIẢI-THÍCH (1)

孟子國文解釋

XXIV

XXVII

者。與師者。與門。師子公
右之有右有往之行
師位就師進弔。聊。子
子而右子而又右有

Dịch-âm. — *Công-Hành-tử hữu tử chi tang. Hữu-sư vãng điếu, nhân môn, hữu tiến nhi dữ Hữu-sư ngôn giả, hữu tưu Hữu-sư chi vị nhi dữ Hữu-sư ngôn giả.*

Dịch-nghĩa. — Công-Hành-Tử có việc trong tang. Thầy Mạnh và các hàng Công Khanh cùng quan Hữu-sư phụng-mệnh vua đến viếng-thăm; sau khi vào cửa, có kẻ tiến mời quan Hữu-sư lại ngồi mình mà cùng quan Hữu-sư nói chuyện, có kẻ tới lại ngồi quan Hữu-sư mà cùng quan Hữu-sư nói chuyện.

Chú-giải — *Công-Hành-tử* = quan Đại-phu nước Tề. *Hữu tử chi tang* = Mình là con hiếu có trong-tang. *Hữu-sư* = Chức của Vương-Hoan, là kẻ tiểu-nhân có quyền-thế.

* * *

驩驩子與諸師右孟
也。言。獨驩君不師子
是不言。子悅。言。不
簡與孟皆曰。右與

Dịch-âm. — *Mạnh-tử bất dữ Hữu-sư ngôn, Hữu-sư bất duyệt, viết: « Chư quân-tử đai dữ Hoan ngôn, Mạnh-tử độc bất dữ Hoan ngôn, thị giản Hoan dã. »*

Dịch-nghĩa. — Thầy Mạnh không cùng quan Hữu-sư nói chuyện. Quan Hữu-sư không bằng lòng nói rằng: « Chư-quân-tử đều cùng Hoan này nói chuyện; chỉ một thầy Mạnh chẳng cùng Hoan này nói chuyện, thế là khinh Hoan này vậy. »

* * *

不以行揖踰相不曰。孟
亦我禮。也。階與懸禮。子
異爲子我而言。位朝屬
乎。簡。教欲相不而廷之

Dịch-âm. — *Mạnh-tử văn chi viết: « Lễ, triều-đình bất lịch vị nhi tương dữ ngôn, bất du giai nhi tương ấp dã. Ngã dục hành lễ, Tử Ngao dĩ ngã vi giản, bất diệc dị hồ! »*

Dịch-nghĩa. — Thầy Mạnh nghe đấy nói rằng: « Trong lễ: Chốn triều-đình không được xâm sang ngôi người khác mà cùng nhau nói chuyện, không được qua thứ-bậc mà cùng nhau vái vậy. Ta muốn thực-hành cái lễ ấy, Tử-Ngao lại cho ta là khinh Tử-Ngao, chẳng cũng lạ ư! »

(1) Xem tiếp N.-P. số 131.

Chú-giải — *Lịch-vị* = Bước xâm sang ngôi-thứ người khác.

Đây là thầy Mạnh nói tự mình thủ-lễ, mà xử với người cũng lấy lễ, chứ không phải khinh, còn cái ý xa tuyệt kẻ tiểu-nhân thì không lộ mà vẫn ngụ ý ở đó.

XXVIII

存心。以也。其人以君孟
心。以仁君存者。異子子
禮存子心以於所曰。

Dịch-âm — *Mạnh-tử viết : « Quân-tử sở-dĩ dị ư nhân giả, dĩ kỳ tồn tâm dã ; quân-tử dĩ nhân tồn tâm, dĩ lễ tồn tâm.*

Dịch-nghĩa. — Thầy Mạnh nói rằng : « Người quân-tử sở-dĩ khác với người ấy, vì quân-tử giữ toàn được cái tâm vậy ; người quân-tử vốn lấy điều nhân giữ ở trong tâm, lấy điều lễ giữ ở trong tâm.

Chú-giải. — *Tồn-tâm* = Giữ-gìn để ở trong tâm mà chẳng trễ chẳng quên.

Đây là nói người quân-tử vốn lấy lòng trắc-ẩn là nhân, lòng từ-nhượng là lễ, giữ ở trong tâm mà không quên, nên mới siêu-nhiên khác kẻ thường.

∴

人。者有愛仁
敬禮人。者

Dịch-âm. — « *Nhân giả ái nhân, hữu lễ giả kính nhân.*

Dịch nghĩa. — « Người nhân tất là yêu người, người có lễ tất là kính người.

Chú-giải. — Đây là nói quân-tử đã có đức nhân đức lễ ở trong tâm, thì thi-hành ra tất hay yêu người kính người.

∴

敬人人之。恆者。愛
之。恆者。敬愛人人

Dịch-âm. — « *Ái nhân giả, nhân hằng ái chi ; kính nhân giả, nhân hằng kính chi.*

Dịch-nghĩa. — « Kẻ yêu người, người thường yêu lại ; kẻ kính người, người thường kính lại.

Chú-giải. — Đây là nói cái sự hiệu-nghiệm của điều nhân điều lễ, hay được người ta yêu kính lại.

∴

奚禮仁也。子橫其有
宜也。也。我必逆。待人
至此必必自則我於
哉。物無不反君以此。

Dịch-âm. — « *Hữu nhân ư thử, kỳ đãi ngã dĩ hoạnh-nghịch, tắc quân-tử tất tự phản dã, ngã tất bất nhân dã, tất vô lễ dã, thử vật hề nghi chi lai !*

Dịch-nghĩa. — « Hoặc có người ở đây, đem điều hoạnh-nghịch xử-đãi với ta ; thì quân-tử tất xét mình lại rằng ta tất có điều bất-nhân, tất có điều vô-lễ vậy. Không thế, thì sự hoạnh-nghịch ấy làm sao lại đến ta vậy thay.

Chú-giải — *Hoạnh-nghịch* = Điều cường-bạo không thuận-lý. *Vật* = Sự-vật, trỏ về sự hoạnh-nghịch.

Đây là nói người quân-tử gặp sự hoạnh-nghịch thì hay xét mình lại.

∴

我必是其而仁其
必自也。橫有矣。自
不反君逆禮自反
忠。也，子由矣。反而

Dịch-âm. — « *Kỳ tự phản nhi nhân hĩ, tự phản nhi hữu lễ hĩ, kỳ hoạnh-nghịch do thị dã, quân-tử tất tự phản dã, ngã tất bất trung.*

Dịch-nghĩa. — « Mình tự xét mình đã nhân rồi, tự xét mình đã có lễ rồi, mà kẻ hoạnh-nghịch kia vẫn còn như vậy ; quân-tử tất xét mình rằng ta tất là yêu người kính người chẳng hết lòng

Chú-giải. — *Trung* = Hết lòng mình. *Do* 由 = Thông dụng với chữ *do* 猶 là còn.

. .

雖於禽矣。亦也。其自
爲。禽獸如妄君橫反
獸。奚此人子逆而
又擇則也曰。由忠
何哉。爽已此是矣。

Dịch-âm. — « *Tự phản nhi trung hĩ, kỳ hoạnh-nghịch do thị dã, quân-tử viết : « thử diệc võng nhân dã dĩ hĩ, như thử tắc dữ cầm thú hề trạch tai ; ư cầm thú, hựu hà nạn yên !*

Dịch-nghĩa. — « Tự xét mình đã hết lòng rồi, mà kẻ hoạnh-nghịch kia vẫn còn như thế ; quân-tử cho rằng người ấy cũng là người còn vậy thôi vậy, như thế thì cùng với loài cầm-thú khác gì đâu, đối với loài cầm thú, lại so-kể gì vậy.

Chú-giải. — *Hề-Trạch* = Khác gì. *Hà-nạn* = chẳng đủ cùng so-kể

. .

君禮所如爲天舜朝是
子無患何。鄉下。人之故
不行則如人可也。患君
患也。亡舜也。傳戎也。子
矣。如矣。而是於亦乃有
有非已則凌人若終
一仁矣。可世。也。所身
朝無若憂我舜憂之
之爲夫也。由爲則憂。
患。也。君憂不法有無
則非子之免於之。一

Dịch-âm. — « *Thị cố quân-tử hữu chung thân chi ưu, vô nhất chiêu chi hoạn dã ; nãi nhược sở ưu tắc hữu chi. Thuấn nhân dã, ngã diệc nhân dã : Thuấn vi pháp ư thiên-hạ, khả truyền ư hậu-thế, ngã do vị miễn vi hương-nhân dã, thị tắc khả ưu dã; ưu chi như hà, như Thuấn nhi dĩ hĩ ; nhược phú quân-tử sở hoạn tắc vô hĩ, phi nhân vô vi dã, phi lễ vô hành dã ; như hữu nhất chiêu chi hoạn, tắc quân-tử bất hoạn hĩ.* »

Dịch-nghĩa. — « Cho nên quân-tử chỉ có điều lo nghĩ suốt đời, chớ không có điều lo-sợ trong một sớm. Này như có lo nghĩ thì chỉ nghĩ rằng : Ông Thuấn là người, ta cũng là người ; thế mà ông Thuấn hay lấy điều nhân điều lễ hóa được kẻ hoạnh-nghịch, làm phép cho thiên-hạ, khá truyền về đời sau ; mà ta còn chửa cầm-hóa được kẻ hoạnh-nghịch, thế là ta chửa thoát khỏi là kẻ tầm-thường chốn hương-thôn, điều ấy là đáng lo nghĩ lắm. Lo nghĩ thì làm như thế nào ? Mong được như ông Thuấn đó mà thôi. Còn như lo-sợ, thì quân-tử chắc rằng không vậy ; vì quân-tử điều phi-nhân không làm, điều phi-lễ không làm. Phỏng như có lo-sợ về sự hoạnh-nghịch trong một sớm, thì quân-tử cũng chẳng sợ vậy. »

Chú-giải. — *Ưu* = Lo, là ý lo nghĩ ở trong. *Hoạn* = Sợ, là sự sợ-hãi ở ngoài.

Đây là nói quân-tử chỉ để tâm lo nghĩ về điều nhân điều lễ, sao cho ăn ở hết đạo được như ông Thuấn, chớ không phải lo sợ gì về sự hoạnh-nghịch.

XXIX

賢孔不門過世。當禹
之。子入。而其三平稷

Dịch-âm. — *Vũ, Tắc đương bình thế, tam quá kỳ môn nhưt bất nhập. Khổng-tử hiền chi.*

DỊCH-NGHĨA. — Ông Vũ, ông Tắc ở về đời trị, siêng-chăm việc dân việc nước, ba lần qua cửa nhà mình mà chẳng vào. Ông Khổng-tử lấy làm khen.

Chú-giải. — *Vũ, Tắc* = Đời vua Nghiêu vua Thuấn. ông Vũ coi việc trị thủy, ông Tắc giữ việc dạy dân cày cấy.

Đây là thuật về sự ông Vũ ông Tắc.

∴

賢其顏不一巷。世。顏
之。樂。子堪瓢一居子
孔不其飯。簞於當
子改憂。人食。陋亂

Dịch-âm. — *Nhan-tử đương loạn-thế, cư ư lậu-hạng, nhất đan-tự, nhất biểu-ẩm, nhân bất kham kỳ ưu, Nhan-tử bất cải kỳ lạc, Khổng-tử hiền chi.*

DỊCH-NGHĨA. — Ông Nhan-tử ở về đời loạn, ở trong ngõ hẹp, một rổ cơm ăn, một bầu nước uống, người khác chẳng chịu được cái lo, mà thầy Nhan vẫn chẳng đổi cái vui. Ông Khổng-tử cho là hiền mà khen.

Chú-giải. — *Nhan-tử* = Nhan Hồi, học trò ông Khổng.

Đây là thuật về sự ông Nhan-tử.

∴

道。回稷曰。孟
同顏禹子

Dịch-âm. — *Mạnh-tử viết : « Vũ Tắc, Nhan Hồi đồng đạo.*

DỊCH-NGHĨA. — Thầy Mạnh nói rằng: « Ông Vũ, ông Tắc, ông Nhan-Hồi xuất-xử chẳng đồng, mà đồng về một lẽ phải cả.

Chú-giải. — Đây là nói ông Vũ, ông Tắc và ông Nhan, một đáng xuất một đáng xử khác nhau, mà ông Khổng đều khen cả, là lấy rằng tiến lên thì cứu người thoát về thì sửa mình, hai đáng đều hợp đạo thời-trung cả.

∴

其是已有稷已有禹
急以饑饑思溺溺思
也。如之者。天之者。天
是也。由下也。由下

Dịch-âm — « *Vũ tư thiên-hạ hữu nịch giả, do kỷ nịch chi dã ; Tắc tư thiên-hạ hữu cơ giả, do kỷ cơ chi dã ; thị dĩ như thị kỳ cấp dã.*

DỊCH NGHĨA. — « Ông Vũ nghĩ rằng thiên-hạ có kẻ chìm-đắm, cũng như mình làm cho chìm-đắm đó vậy; ông Tắc nghĩ rằng thiên-hạ có kẻ đói, cũng như mình làm cho đói đó vậy; cho nên phải cần-kíp như thế vậy.

Chú-giải. — Đây là kể ra cái địa-vị ông Vũ ông Tắc có chức-nhiệm nên phải cần kíp ra cứu đời, để đối-chiếu với địa-vị ông Nhan là người không có chức-nhiệm, thì có thể ở nhà sửa mình được.

∴

然。則易顏禹
皆地子稷

Dịch-âm — « *Vũ, Tắc, Nhan-tử, dịch địa tắc giai nhiên.*

DỊCH-NGHĨA. — « Ông Vũ, ông Tắc với ông Nhan-tử, nếu đổi địa-vị nhau, thì đều xử được như nhau cả

Chú-giải. — *Dịch địa giai nhiên* = Vũ, Tắc nếu ở về địa-vị Nhan-tử, cũng vui được cái vui của Nhan-tử : Nhan-tử nếu ở về địa-vị Vũ Tắc cũng lo được cái lo của Vũ, Tắc, thế là đổi địa-vị ra đều xử được như thế cả.

∴

可而髮之。關室今
也。救纓雖者。之有
之。冠被救人同

Dịch-âm — « *Kim hữu đồng thất chi nhân đấu giả, cứu chi, tuy bị phát anh quan nhi cứu chi, khả dã.*

Dịch-nghĩa. — «Nay có người cùng trong một nhà đánh nhau, mà mình đi cứu, dẫu rằng quấn tóc buộc mũ mà vội đi cứu đấy, cũng là phải.

Chú-giải. — *Bi-phát* = Quấn tóc, chẳng kịp búi tóc. *Anh* = Dải nữ, buộc tam dải mũ, ý nói cần-kíp.

Đây là nói ví về địa-vị ông Vũ. Ông Tắc phải kíp ra cứu người.

∴

戶。也。之。而 髮 鬬 鄉
可 雖 則 往 纓 者。鄰
也。閉 惑 救 冠 被 有

Dịch-âm. — « *Hương-lân hữu đấu giả, bi phát anh quan nhi vãng cứu chi, tắc hoặc đã ; tuy bế hộ, khả dã.* »

Dịch-nghĩa. — « Người làng người hàng-xóm có kẻ đánh nhau, thế mà vội quấn tóc buộc mũ mà đi cứu đấy thì là lầm ; dẫu rằng đóng cửa không hỏi đến cũng phải.»

Chú-giải. — Đây là nói ví về địa-vị ông Nhan không có trách-nhiệm thì có thể an-bần lạc-đạo được.

Toàn chương này là nói thánh-hiền tâm vẫn giống nhau, dẫu rằng gặp việc khác nhau, mà xử sự đều đáng lẽ cả.

XXX

敢 而 之 焉。曾 匡 公
問 禮 遊。夫 稱 章。都
何 貌 又 子 不 通 子
也。之。從 與 孝 國 曰。

Dịch-âm. — *Công-Đô-Tử viết : «Khuông-Chương, thông quốc giai xưng bất hiếu yên, phu-tử dữ chi du, hựu tòng nhi lễ mạo chi, cảm vấn hà dã ?* »

Dịch-nghĩa. — Ngươi Công-Đô-Tử hỏi rằng : « Ngươi Khuông-Chương, khắp cả nước đều cho là kẻ bất-hiếu, nhà thầy cùng người ấy giao-du, lại lấy lễ-mạo mà kính-đãi người ấy, dám hỏi là cớ sao ? »

Chú-giải. — *Khuông-Chương* = Người nước Tề. *Lễ-mạo* = Kính-trọng.

∴

孝 好 欲。之 好 不 養。五。孟
也。勇 以 養。貨 顧 一 惰 子
章 鬬 爲 三 財。父 不 其 曰。
子 狠。父 不 私 母 孝 四 惰
有 以 母 孝 妻 之 也。肢。傲
一 危 戮。也。子。養 博。不 所
於 父 四 從 不 二 弈 顧 謂
是 母。不 耳 顧 不 好 父 不
乎。五 孝 目 父 孝 飲 母 孝
不 也。之 母 也。酒。之 者

Dịch-âm. — *Mạnh-tử viết : « Thế tục sở vị bất hiếu giả ngũ, nọa kỳ tứ chi, bất cố phụ mẫu chi dưỡng, nhất bất-hiếu dã ; bác dịch hiếu ẩm tửu, bất cố phụ mẫu chi dưỡng, nhị bất-hiếu dã, hiếu hóa-tài, tư thê-tử, bất cố phụ mẫu chi dưỡng, tam bất-hiếu dã ; tùng nhĩ mục chi dục, dĩ vi phụ mẫu lục, tứ bất-hiếu dã ; hiếu dũng đấu ngạn, dĩ nguy phụ mẫu, ngũ bất hiếu dã ; Chương-tử hữu nhất ư thị hồ.*

Dịch nghĩa. — Thầy Mạnh nói rằng: « Thế-tục người ta bảo rằng bất-hiếu có năm điều : Lười biếng chân tay, chẳng đoái sự nuôi cha mẹ, là một điều bất-hiếu. Đánh bạc đánh cờ, thích uống rượu, chẳng đoái sự nuôi cha mẹ, là hai điều bất-hiếu. Ham của-cải, để riêng cho vợ con, chẳng đoái sự nuôi cha mẹ, là ba điều bất-hiếu. Theo sự ham-muốn của tai mắt mình, để làm hổ-nhục cho cha-mẹ, là bốn điều bất-hiếu Thích mạnh tợn đánh nhau càn-rỡ, để nguy-hiểm đến cha mẹ, là năm điều bất-hiếu. Gã Chương-tử có phạm một điều gì ở đó không?

Chú-giải. — *Lục* = Nhục-nhuốc. *Ngạn* = Ngang trái càn rỡ.

∴

遇不善父子。夫也。相而責子章

Dịch-âm. — « *Phù Chương-tử, tử phụ trách thiện nhi bất tương ngộ dã.*

Dịch-nghĩa. — « Ôi, gã Chương-tử, chỉ vì con với cha lấy điều thiện trách-móc nhau mà chẳng hợp nhau vậy.

∴

大恩善。子也。之朋責者。之賊責父道友善。

Dịch-âm. — « *Trách thiện, bằng-hữu chi đạo dã ; phụ-tử trách thiện, tặc ân chi đại giả.*

Dịch-nghĩa — « Lấy điều thiện trách bảo nhau, là cái đạo bè-bạn vậy ; cha con mà lấy điều thiện trách-móc nhau, là hại cho ân-tình lớn đó.

∴

子之不焉。屏父。屬有夫己大若其子。不哉。夫章矣。者。是。設終得爲妻子是是心身近。得子豈則則以不出罪母不章罪爲養妻於之欲

Dịch âm. — « *Phù Chương-tử khởi bất dục hữu phu thê tử mẫu chi thuộc tai ; vị đắc tội ư phụ, bất đắc cận ; xuất thê bính tử, chung thân bất dưỡng yên ; kỳ thiết tâm dĩ vi bất nhược thị, thị tắc tội chi đại giả, thị tắc Chương-tử dĩ hĩ.* »

Dịch-nghĩa. — « Ôi, Chương-tử há chẳng muốn có thân-thuộc là vợ chồng mẹ con đấy ư ; vì đắc-tội với cha, chẳng được gần cha ; nên phải rẫy vợ đuổi con, suốt đời chẳng hưởng-thụ sự vợ con nuôi ; gã ấy nghĩ trong bụng rằng chẳng làm như thế, thì cái tội mình lại càng thêm lớn ; ấy là cái tình-trạng gã Chương-tử như thế mà thôi vậy. »

Cáu-giải. — Chương này là kể ra cái nguyên-nhân người Chương-tử bị tiếng bất-hiếu oan, để rõ ra cái ý chí-công của thánh-hiền, người đời ai cũng ghét, mà thánh hiền tất xét.

XXXI

十沈可。去生將其查曾人。猶沈以如反。薪去子未有猶爲此寇木。藩。居有負行民其退。寇曰。武與爲曰。望。忠曾退。無城。馬。之是寇且子則寓有

爲。非退敬反。曰。人越從汝則也。左修於寇。先所反。寇右我我或生知殆至。曰。牆室。曰。者也。於則待屋。毀寇七昔不先先我傷至。

Dịch-âm. — *Tăng-tử cư Vũ-thành, hữu Việt khấu ; hoặc viết : « Khấu chi, hạp khứ chư ? » Viết: « Vô ngự nhân ư ngã thất, hủy thương kỳ tân mộc. » Khấu thoái, tắc viết : « Tu ngã tường ốc, ngã tương phản. » Khấu thoái, Tăng-tử phản. Tả hữu viết : « Đãi tiên-sinh như thứ kỳ trung thả kinh dã ; khấu chi tắc tiên khứ dĩ vi dân vọng ; khấu thoái tắc phản, đãi ư bất khả. » Thầm-Do-Hành viết: « Thị phi nhữ sở tri dã, tích Thầm-Do hữu phụ sô chi họa, tòng tiên-sinh giả thất thập nhân, vị hữu dự yên. »*

Dịch-nghĩa. — Ông Tăng-tử ở đất Vũ-thành, có giặc nước Việt. Hoặc kẻ bảo rằng : « Giặc đến, sao chẳng lánh đi ? » Ông Tăng-tử nghe lời ra đi, dặn kẻ giữ nhà rằng : « Chớ cho người khác trọ ở nhà ta, làm hủy-hoại cây-cối

của ta » Giặc lui, thì ông Tăng-tử bảo kẻ giữ nhà rằng : « Sửa lại tường nhà ta, ta sắp-sửa về » Kịp khi giặc đã lui, ông Tăng-tử trở về. Kẻ tả hữu trong bọn học-trò bàn riêng với nhau rằng : « Người Vũ-thành phụng - đãi thầy ta trung-thành và cung - kính như vậy : giặc đến, thì thầy ta đi trước để làm đầu-nêu cho dân ; giặc lui thì về ở ; dường như chẳng nên như thế.» Người Thầm Do - Hành bảo rằng : « Sự ấy, chẳng phải các anh biết được, ngày xưa họ Thầm- Do có cái loạn kẻ phụ-sô, cũng như giặc Việt ngày nay ; thế mà kẻ theo thầy ta khi ấy bảy mươi người, chửa có một người nào dự về nạn vậy.»

Chú-giải. — *Dân-vọng* = Khiến dân trông đó làm nên mà bắt chước. *Thầm Do-Hành* = Học-trò thầy Mạnh. *Đãi* = Chiều, nghĩa là dường như. *Phụ-sô* = Bọn kẻ đội cỗi.

Đây là thuật về sự ông Tăng-tử tránh nạn, ông Tăng-tử ở đất Vũ-thành và ở họ Thầm Do, đều là ở về địa-vị làm thầy làm khách, nên không cần phải tử-nạn.

. . .

守。君如子盍曰。齊於子
謂彼思去寇寇。衛。思
與去。曰。諸。至。或有居

Dịch-âm. — *Tử-Tư cư ư Vệ, hữu Tề khấu. Hoặc viết : « Khấu chí, hạp khứ chư. » Tử-Tư viết : « Như Cấp khứ, quân thùy dữ thủ ? »*

Dịch-nghĩa. — Ông Tử-Tư ở nước Vệ, có giặc nước Tề. Hoặc kẻ bảo rằng: « Giặc đến, sao chẳng tránh đi ? » Ông Tử-Tư nói rằng: « Nếu Cấp này đi, thì vua cùng với ai giữ nước ? »

Chú-giải. — Đây là thuật về sự ông Tử-Tư theo giữ lúc hoạn-nạn, vì Tử-Tư ở nước Vệ, ở về địa-vị kẻ làm tôi, nên phải đành chịu theo về nạn nước.

. . .

則子微子也道，子
皆思也。思父曾子子
然。易曾臣兄子思曰。
地子也也。師同曾

Dịch-âm. — *Mạnh-tử viết : « Tăng-Tử Tử-Tư đồng đạo ; Tăng-Tử sư dã, phụ huynh dã ; Tử-Tư thần dã, vi dã ; Tăng-Tử Tử-Tư địch địa tắc giai nhiên.»*

Dịch-nghĩa — Thầy Mạnh nói rằng: « Ông Tăng-Tử ông Tử-Tư sự chẳng đồng, mà đồng về đạo phải cả. Vì Tăng-Tử là địa-vị thầy, địa-vị cha anh; Tử-Tư là địa-vị làm tôi, địa-vị bề dưới. Ông Tăng-Tử ông Tử-Tư nếu thay đổi địa-vị nhau, thì đều xử được như nhau cả.»

Chú-giải. — Đây là thầy Mạnh phán-đoán về sự hai ông: Tăng-Tử nếu xử về địa-vị Tử Tư cũng biết giữ theo nạn; Tử-Tư nếu xử về địa-vị Tăng-Tử cũng biết tránh nạn ; giá đổi địa-vị ra cũng xử được như thế cả, cũng đều tùy-thời mà xử cho hợp đạo.

XXXII

人 哉。以 孟 異 子。使 儲
同 爕 異 子 於 果 人 子
耳。舜 於 曰。人 有 曰。
與 人 何 乎。以 夫 王

Dịch-âm. — *Trừ-Tử viết : « Vương sử nhân gián phu-tử, quả hữu dị ư nhân hồ. » Mạnh-tử viết : « Hà dị dã ư nhân tai, Nghiêu Thuấn dữ nhân đồng nhĩ.*

Dịch-nghĩa. — Người Trừ-Tử nói rằng : « Vua sai người dòm nhà thầy xem quả có cái gì khác với người không? » Thầy Mạnh nói rằng: « Ta có khác gì người đâu, đến như vua Nghiêu vua Thuấn cùng với người ta cũng cùng một hình ấy tính ấy mà thôi.»

Chú-giải. — *Gián* = Dòm lén, không biết.

XXXIII

齊人有一妻一妾而處室者。其夸之者。蓋交後反。富貴則必饜酒肉者。其妻問所與飲食者。則盡良人之所之也。其妻曰。良人者。仰望而終身也。今若此。與妻訣。而施施從外來。驕其妻妾。泣者。此其妻妾之所仰望而終身也。其妻歸。告其妾。曰。良人出。則必隨之。遍國中無與立談之人。卒之東郭墦間之祭者。乞其餘。未足。又之他。此其妻之道也。其妻妾不羞。相泣於中庭。而良人未之知也。施施從外來。驕其妻妾。

Dịch-âm. — *Tề nhân hữu nhất thê nhất thiếp nhi xử thất giả, kỳ lương-nhân xuất, tắc tất yếm tửu nhục nhi hậu phản. Kỳ thê vấn sở dữ ẩm thực giả, tắc tận phú quí dã. Kỳ thê cáo kỳ thiếp viết : « Lương-nhân, xuất tắc tất yếm tửu nhục nhi hậu phản, vấn kỳ dữ ẩm thực giả, tận phú quí dã, nhi vị thường hữu hiền-giả lai, ngô tương gián lương-nhân chi sở chi dã. » Tảo khởi, thí tùng lương-nhân chi sở chi, biến quốc-trung vô dữ lập đàm giả ; tất chi đông-quách phần gian chi tế giả, khất kỳ dư, bất túc, hựu cố nhi chi tha, thử kỳ vi yếm túc chi đạo dã. Kỳ thê qui, cáo kỳ thiếp viết : « Lương-nhân giả sở ngưỡng vọng nhi chung-thân dã, kim nhược thử. » Dữ kỳ thiếp xán kỳ lương-nhân nhi tương khấp ư trung đình, nhi lương-nhân vị chi tri dã, thi thi tùng ngoại lai, kiêu kỳ thê thiếp.*

Dịch-nghĩa. — Người nước Tề có kẻ có một vợ cả một vợ lẽ mà cùng ở một nhà, người chồng đi ra ngoài thì tất say no rượu thịt rồi mới về. Vợ cả hỏi chồng cùng với những người nào ăn uống, thì nói rằng hết thảy là những người phú-qúi cả. Người vợ cả đem lòng ngờ mà bảo riêng với người vợ lẽ rằng : « Chồng ta đi ra ngoài, thì tất say no rượu thịt rồi mới về, hỏi cùng với những người nào ăn uống thì nói rằng hết thảy là những người phú-qui, mà chưa từng có kẻ hiền-giả nào lại chơi, ta sắp-sửa đi dòm chồng ta đi những đâu ». Người vợ cả trở dậy sớm đi quanh theo hút người chồng đi những đâu, thì khắp trong nước không người nào cùng đứng nói chuyện với ; cuối cùng thấy đi ra mé thành bên đông chỗ mả người ta cúng-tế, xin lấy cái đồ cúng thừa mà ăn, chẳng đủ thì lại đoái mà đi ra nơi khác, ấy cái đạo say no chán đủ của anh chồng như thế đấy. Người vợ cả trở về bảo người vợ lẽ rằng : « Chồng ta ấy, chúng ta còn phải trông nhờ vào suốt đời, mà nay như thế còn ngưỡng-vọng nỗi gì ! » Rồi cùng với người vợ lẽ oán-mỉa người chồng, cùng khóc với nhau ở giữa sân. Mà người chồng chửa biết rằng sự mình đã bại-lộ ra, còn hớn-hở tự ngoài đi vào, kiêu-căng với hai vợ.

Chú-giải. — *Yếm* = No chán. *Hiền-giả* = Kẻ phú-quí hiền-đạt. *Thí* = Quanh lên mà đi, không cho người chồng biết. *Xán* = Oán hận và miả-nhiếc. *Thi-thi* = Hớn-hở, đắng-bộ vui mừng tự-đắc.

希相蒙其貴所之。由
矣。泣也。妻利以則君
者而妾遂求人千
幾不不者。富之觀

Dịch-âm. — « *Do quân-tử quan chi, tắc nhân chi sở dĩ cầu phú quí lợi đạt giả, kỳ thê thiếp bất tu dã, nhi bất tương khấp giả cơ hi hĩ.* »

Dịch-nghĩa. — « Cứ như người quân-tử mà xem ra, thì những người đi cầu phú-quí lợi-đạt kia mà vợ cả vợ bé người ấy lại chẳng xấu-hổ mà chẳng khóc lóc với nhau ấy, ngõ-hậu cũng ít lắm vậy ».

Chú-giải. — Chương này là đặt ra cái truyện khả thương khả bỉ của kẻ Tề nhân, để thi-dụ với cái thói xấu của những người đi cầu-cạnh phú-qui mà chẳng noi theo đạo-nghĩa thì cũng đáng xấu hổ lắm vậy.

(*Còn nữa*)

TÙNG-VĂN VÀ ĐÔNG-CHÂU *dịch*

NHẤT NỘ VỊ HỒNG-NHAN

一怒爲紅顏

(Lịch-sử tiểu-thuyết)

III

HỒI THỨ BA

Kết tướng mạnh, Điền-Uyển tặng ca-cơ ; Viết thư can, Kỳ-Xương răn nữ - sắc.

Ngô Tam-Quế đã trở ra về, Điền-Uyển tiến vào chỗ hậu-đình tiếp-kiến Viên-Viên, cực-lực tán-thuật Tam-Quế là người khí-khái. Duy trong lúc nói chuyện vẫn lộ ra sắc mặt buồn-bã chẳng vui. Viên-Viên sẽ hỏi cớ sao. Điền-Uyển chửa muốn nói. Viên Viên dịu-dàng sẽ hỏi đôi ba lần. Điền-Uyển bật nói ra rằng: « Chính vì cớ người yêu của ta đấy thôi ! Không biết người yêu của ta ở trong phủ ta, Ngô Tam-Quế bởi đâu mà biết, mới rồi ở trong tiệc rượu lại hỏi đến cận-trạng người yêu của ta, ta vì thế mà phiền-não. » — Viên-Viên sẽ cười nhạt nói rằng : « Lạ gì thiếp tôi ngày trước là người ca-kỹ, chút có thanh-danh, thiếu gì kẻ muốn đem nghìn vàng mua chuộc lấy tài-sắc ; duy thiếp tôi tốt số, may mà được tiến vào trong phiên-phủ. Nay Ngô-tướng-quân hỏi đến sự ấy cũng là sự thường, có lạ gì mà lạ, thiếp tôi cũng chẳng hiểu quốc-trượng cớ gì mà phiền-não. » — Điền-Uyển nói rằng: « Người yêu của ta, kẻ kia sau lúc say rượu, tự miệng nói ra rằng muốn được một phen tiếp-kiến nhan sắc người yêu của ta, lại muốn người yêu của ta vì kẻ kia hát cho nghe một khúc. Ta bản-ý không bằng lòng, nhưng chửa tiện khước ngay, cho nên hẹn qua rằng đợi đến tối mai tái-thỉnh yến-tiệc, tái-trần nữ-nhạc, sẽ đem người yêu của ta ra vì kẻ kia dựng khúc. Tưởng là cái lời nói qua cho xong lần đấy mà thôi, chẳng ngờ kẻ kia nhận ngay lấy lời, lại đinh-ninh dặn-dò lão-phu không được thất-tín ; sự-thế như vậy, thực khó xử-trí. » — Viên-Viên nghe Điền-Uyển nói, cố làm ra cách-bộ chau mày nói rằng: « Ô hay ! Ngô Tam-Quế như vậy, cũng là một giống dỗ-dại càn-dỡ, lẽ đâu dám muốn tiếp-kiến nhan-sắc thiếp tôi, lại muốn vì hát cho nghe, thiếp tôi thực cũng lấy làm tức mình quá. Song-le quốc-trượng trên vì quốc-gia, dưới vì muôn họ, muốn được cho thiên-thu vạn-tuế vĩnh viễn an-toàn, thì thiết-tưởng cũng tiếc gì một khúc thanh-ca ấy ; vả lại đã nhận lời, cũng không nên thất-tín. Nếu mà chẳng thế, thì e không phải là cái hạnh-phúc của quốc-trượng sau này. » — Điền-Uyển lại nói rằng : « Lão-phu này cũng biết như thế. Nhưng chỉ sợ rằng kẻ kia nhất-kiến nhan-sắc người yêu của ta, tức-khắc yêu-cầu đem người yêu của ta nhường cho kẻ kia, lúc ấy lại làm thế nào? » — Viên-Viên lại nói rằng : « Kẻ kia chửa tất đã dám như thế ; nếu quả dám như thế, thì lâm-thời thiếp tôi đã có phương-pháp riêng để xử-trí. » Điền-Uyển cho lời Viên-Viên nói là phải, nhân nhất-diện ước-định với Viên-Viên, kỳ đến tối mai, tái-thỉnh Ngô-Tam-Quế đến

phủ ; nhất-diện sai-sử người nhà dự-bị sắp đặt đồ yến-tiệc về tối mai.

Đến chiều ngày hôm sau, Tam-Quế lại thay đổi một lối y-phục mới, trang-hoàng rực-rỡ, rõ ra một vị cẩm-tú thiếu-niên, lại cưỡi ngựa đến Điền-phủ. Điền-Uyển cũng đã dự-bị sẵn ra nghinh-tiếp. Kịp lên đến trên nhà, lại y-cựu bộ nữ-nhạc trần-thiết. Hai người vừa mới chia ghế khách chủ cùng ngồi, Điền-Uyển bắt đầu nói ngay rằng : « Hôm qua mỗ đã đem ý tướng-quân muốn nghe một khúc thanh - ca, triệu Viên-Viên ra dựng khúc, Viên-Viên đã nhận lời, tướng-quân ngồi đó chẳng lâu, chắc Viên-Viên ra bây giờ. » — Tam-Quế cả mừng nói rằng : « Hôm qua, chẳng qua là nhân khi say rượu ngẫu-nhiên nói bỡn, không ngờ quốc-trượng lại quá yêu, cho là sự thực, khiến mỗ này biết lấy gì báo-đáp lại. » Điền-Uyển tức-khắc sai các bộ nữ-nhạc nhất-tề ca-xướng, liền vào tiệc rượu, cất chén mời nhau. Tam-Quế rất lấy làm mãn-ý, nhưng chỉ ngóng đợi Viên-Viên ra, mà chửa thấy ra. Điền-Uyển liền sai người vào gọi Viên-Viên ra dự tiệc ca - vũ. Viên-Viên lúc ấy đã mười phần trang-sức, đâu vào đấy cả rồi, chỉ đợi bước ra mà thôi ; nhưng lại cố ý làm ra bộ chậm-trễ, dường như không muốn đi ra ; khi được lệnh bước ra, đi đến chỗ nội - ngoại - đường giáp nhau, lại còn dừng chân đứng ở trong bức mành-mành, ngó mắt trông ra, nhâm kỹ Ngô Tam-Quế, thì thấy nhung-trang rực-rỡ, tướng-mạo đường-đường, quả-nhiên là một vị phi-thường ; duy nét mặt thì thấy tỏ ngất, dường như có ý khao-khát mong đợi. Điền-Uyển lại truyền lệnh gọi Viên-Viên ra. Viên-Viên bấy giờ mới sẽ dời gót sen, yểu-điệu bước ra, đứng ở đàng xa-xa, hướng về Ngô Tam-Quế, trịnh-trọng vái một cái, tỏ ra ý thâm-tình. Tam-Quế trông thấy Viên-Viên, chẳng khác gì nàng tiên-cơ ở Lạc-thủy hạ-giáng, ả thần-nữ ở Vu-sơn qui - lai. Tam-Quế cũng để mắt nhâm kỹ Viên-Viên, liền hướng về trước mặt Điền-Uyển, cực-lực tán-khen. Điền-Uyển liền sai Viên-Viên ngồi xuống một bên dựng khúc ; đứa thị nhi ôm đàn tì-bà lại, Viên-Viên tay tiếp lấy đàn, tay gẩy đàn, miệng dựng khúc, lời oanh giọng yến, réo-rắt nỉ-non. Tam - Quế ngồi lắng tai nghe, như si như túy. Viên-Viên hát một khúc xong. Tam-Quế lại hướng về Điền - Uyển nói rằng : « Quả - nhiên Trần-mĩ-nhân hát là hay lắm ! dẫu khúc Nghê-thường Vũ-y, cũng chẳng hay hơn được ; ước gì đội ơn quốc-trượng lại cho Trần-mĩ-nhân hát một khúc nữa, thì mỗ này lại cảm-khích vô-cùng. » — Điền-Uyển nói rằng : « Tướng-quân có lòng hoan-hỉ, lão-phu sao dám tiếc gì. » Điền-Uyển lại sai Viên-Viên hát lên khúc nữa. Viên-Viên hát xong, Tam-Quế lúc ấy, tình không thể ngăn cấm được, nhân thừa lúc say rượu nói bật ra rằng : « Tiếc thay gặp nhau đây muộn-màng lắm vậy ! » — Điền-Uyển lúc ấy, thấy Tam-Quế điên-gàn như vậy, cả lấy làm không mãn - ý, nhưng không dám nói ra, chỉ miễn-cưỡng sai Viên-Viên cầm một chén rượu chúc mời Tam-Quế. Tam-Quế tiếp chén rượu xong, Viên-Viên lúc ấy đã như một luồng gió xuân lay động phấp-phới, chuyển thân đi vào trong nhà. Tam-Quế đưa mắt tiễn theo, đến lúc Viên-Viên tiến đến chỗ bức mành mành mới thôi.

Điền - Uyển làm điều nói giải ra, hướng về Tam-Quế nói rằng : « Làm gì một kẻ ca-kỹ ấy, mà sao tướng-quân kính-lễ như vậy » — Không ngờ Tam-Quế lại nói buộc vào rằng : « Người ấy nhan-sắc tuyệt-thế, mỗ này mắt chửa từng thấy, quốc-trượng tu gì mà có cái diễm - phúc ấy ; nghe quốc - trượng

từng đem người ấy hiến cho Hoàng-thượng, không biết quốc-trượng đã được kẻ mĩ-nhân ấy, làm sao lại cắt đứt được thịt yêu ? » — Điền-Uyển nói rằng : « Lão-phu này một miếng cơm một mảnh áo, đều là ân-đức của Triều-đình ; vì thấy hoàng-thượng lo phiền, cho nên hiến một kẻ mĩ-nhân, để chút vì hoàng-thượng giải-muộn ; bởi hoàng-thượng hàng ngày lo-lắng muôn việc, chẳng hạ-cập đến thanh-sắc, cho nên tiến-cống mà lại phóng về. » Tam-Quế nói rằng : « Quốc-trượng là bậc thân-thích với quốc-gia, nên cùng với hoàng-thượng sự cam cùng hưởng, sự khổ cùng chịu mới là phải ; nay hoàng-thượng không muốn thu-nạp một kẻ mĩ-nhân, mà trong phủ quốc-trượng đàn bà đẹp con hát hay đầy-rẫy chứa chất, quốc-trượng cạy có bà Điền-phi, nhưng sợ rằng bà Điền-phi mà thiên-thu vạn-tuế sau này, thì không phải là cái phúc của nhà quốc-trượng. » Điền-Uyển nguyên là kẻ tuổi lão ngôi cao, bảo-thủ phú-quí, phàm những lời họa-phúc về sau, rất là để ý ; cho nên nghe lời Tam-Quế, chợt đã sờn lòng, nhưng chỉ nín lặng, chẳng đáp lại được. Tam-Quế lại nói : « Hoàng-thượng có người hiến kẻ mĩ-nhân mà chẳng dùng, Tam-Quế này khát-mộ một kẻ mĩ-nhân mà chẳng được, sao cách nhau xa vậy ! Nay tôi muốn nói một lời, chẳng biết quốc-trượng có thuận-nguyện không ? Trong phủ quốc-trượng chẳng thiếu gì đàn bà đẹp, chẳng những một ả Viên-Viên. Nếu quốc-trượng có thể đem ả Viên-Viên huệ-tặng cho tôi, thì tôi nay trên tự đỉnh đầu, dưới đến gót chân, ngoài tự cái da, nhỏ đến cái tóc, đều là cái ơn của quốc-trượng tạo-thành cho cả ; kiếp này tôi xin thề rằng vì quốc-trượng sống chết hết sức. » — Điền-Uyển đến khi ấy, lại càng nín-lặng không đáp lại được. Tam-Quế lại hỏi gặng rằng quốc-trượng có thuận-nguyện không. Điền-Uyển bất-đắc-dĩ phải nói rằng : « Sao lại có chẳng thuận-nguyện, lão-phu há vì một kẻ ca-kỹ mà thất-ý với tướng-quân, nhưng chẳng biết Viên-Viên có thuận lòng tướng-quân hay không ; lão-phu vì chưa thỏa-bàn với Viên-Viên, cho nên chẳng dám quyết lời. » — Tam-Quế nói rằng : « Sự ấy ở quốc-trượng, quốc-trượng nếu cắt đoạn được khối yêu thì Viên-Viên chưa tất đã chẳng thuận lòng ; chẳng biết quốc-trượng có thực lòng thỏa-bàn với Viên-Viên hay không đấy thôi. » — Điền-Uyển nói rằng : « Lão-phu sao dám nói dối tướng-quân, tướng-quân đừng đem lòng hoài-nghi, để lão-phu sẽ thỏa-bàn với Viên-Viên đã. » — Tam-Quế nói rằng : « Như vậy đủ biết quốc-trượng có lòng thực, mỗ này hẳng xin cáo-thoái, ngày mai xin kính đợi tin tốt. » Tam-Quế nói xong, liền đứng dậy đi.

Điền-Uyển về đến nhà trong, tiếp-kiến Viên-Viên, nét mặt còn hiện ra sắc căm giận chưa thôi, có nói rằng mình đã sớm liệu đứa cuồng-phu kia tất có ngày nay. Viên-Viên khi ấy đã biết duyên-cớ, nhưng lại giả-cách làm ra không biết, dịu-dàng chuyển-thân hướng về Điền-Uyển mà sẽ hỏi. Điền-Uyển quát lên rằng : « Bất-tất phải hỏi gì nữa ! Chính thằng Ngô Tam-Quế nó ở trước mặt ta, nó đòi ta đem người yêu của ta nhường lại cho nó. » — Viên-Viên nghe nói, lại giả-cách làm ra bộ kinh-ngạc khóc-lóc mà nói rằng : « Thiếp tôi may mà trời cho được tiến vào trong phiên-phủ, chỉ tưởng rằng được yên hưởng phú-quí, chung thân khả-dĩ vô-lo ; đứa nào kẻ cuồng-phu kia, lại khiến cho thiếp tôi với quốc-trượng giữa đường lìa đứt đó dư ! » Điền-Uyển cho Viên-Viên là thực, lấy lời dỗ-dành Viên-Viên rằng : « Người yêu của ta ơi, sao lại nói ra những lời xót-xa vậy ! Tha-hồ cho thằng Ngô Tam-Quế nó yêu-cầu, duy nghe với chẳng nghe

quyền ở ta, khứng với chẳng khứng quyền ở người yêu của ta, đừng bi-thương làm gì cho thống-khổ. » — Viên-Viên làm ra sắc mặt lo buồn nói rằng : « Sự-thế ngày nay khó nói lắm ! quốc-gia tựa về Ngô Tam-Quế làm trụ-thạch, phiên-phủ cũng toan nhờ về Ngô Tam-Quế làm an-nguy ; quốc-trượng tuy có lòng không nỡ bỏ thiếp, song e sự-thế khó phần thôi được. » — Điền-Uyển nghe xong, cũng tỏ ra ý lo, nhưng lại từ từ nói rằng : « Lời nói người yêu của ta thực là phải, nhưng lão-phu này nên tìm lấy phương-pháp riêng, để bảo-toàn cho người yêu của ta, tất không khiến cho kẻ giai-nhân như hoa như nguyệt kia, bị một đứa vũ-phu nọ cướp đi vậy. » — Viên-Viên nói rằng : « Quốc-trượng bất-tất khăng-khăng như vậy, thiếp tôi là một kẻ ca-kỹ hèn-mọn, có đủ kể vào đâu ; nay quốc-gia nhân-tài đã ít, thế nước lại nguy ; vả trong ngoài chỉ nhờ cậy có một người Ngô Tam-Quế, quốc-trượng trên vì quốc-gia, dưới vì môn-hộ, tồn hay vong, họa hay phúc, thực có quan-hệ về nhiều ; chớ vì một thân kẻ tiện-thiếp này để đến nỗi làm lầm kế lớn. » — Điền-Uyển nói rằng : « Người yêu của ta đã biết được nghĩa lớn, lão-phu này hà-tất phải nói gì nhiều. Duy không sao nhẫn-nại được với kẻ cuồng-phu kia, kẻ kia khả-ố, lại định phỗng lấy người yêu của ta. Ta ngày trước đem người yêu của ta dâng lên hoàng-thượng, thực cũng là bất-đắc-dĩ ; nay thằng Ngô Tam-Quế nó là người nào, ta há lại chịu đem người yêu của ta mà nhượng cho nó ư ! » — Viên-Viên nói rằng : « Thiếp cũng há nỡ lòng nào vội lìa quốc-trượng ; chỉ sợ thời-thế như vậy, quốc-trượng vì thiếp một người, để nỗi gây vạ cho gia-môn ; thiếp cũng sao nỡ mắt trông thấy, khi ấy thiếp chỉ xin có một cái chết để báo đền quốc-trượng mà thôi. » Viên-Viên nói xong, cố làm ra bộ đau-đớn cất tiếng khóc to. Điền-Uyển hết sức vỉ khuyên-giải. — Viên-Viên lại nói rằng : « Thiếp tôi nay xin quyết-tuyệt một lời, quốc-trượng yêu thiếp, thiếp đã nghìn năm tạc một chữ cảm. Duy, lưu lại cái người bạc-mệnh này thì cái người bạc-mệnh này cũng chẳng ở lâu được trong thế-gian, đối với quốc-trượng cũng chẳng ích gì. Chẳng gì bằng một là đem kẻ bạc-mệnh này giết đi, hai là đem kẻ bạc-mệnh này tặng-tống cho Ngô-Tam-Quế, tưởng Tam-Quế tất vì quốc-trượng sống chết hết sức, thế là bỏ một thân thiếp, mà quốc-trượng được ích về sự thực, xin quốc trượng thử nên để lòng nghĩ kỹ. » — Điền-Uyển nói rằng : « Nay xem thằng Ngô Tam-Quế, nó chỉ là đồ hiếu-sắc, muốn cưỡng cho được người yêu của ta, sau khi nó đã được rồi, nó tất theo thói viêm-lương mà trở mặt, sao có thể mong nó về sự báo ơn được. » — Viên-Viên nói rằng : « Ngô Tam-Quế còn là giống người, còn là giống người thì còn biết cảm ơn. Thôi thôi, nói xa nói gần không bằng nói thật, để thiếp lại thì phiên-phủ không yên, bỏ thiếp đi thì phúc nhà dài hưởng, quốc-trượng không nên nghĩ quẩn nghĩ quanh, mà khiến cho lầm-lỡ. » — Điền-Uyển nghe đến khúc ấy, vẫn cho Viên-Viên là thật tâm quyến-luyến mình, chẳng qua vì cớ họa-phúc, làm ra lời bất-đắc-dĩ đấy thôi. Duy Điền-Uyển trong tâm phẫn-hận Ngô Tam-Quế vẫn chẳng bớt chút thôi, cho nên nghe lời Viên-Viên nói, chỉ tía tai đỏ mặt, nín lặng chẳng đáp lại một lời. Viên-Viên lại nói rằng : « Quốc-trượng còn có điều gì hoài-nghi nữa đấy không ? Cổ-nhân có nói rằng nhi-nữ tình tràng, vậy nên anh-hùng khí đoản, quốc-trượng bất-tất vì một thân thiếp, để nỗi làm lầm đại-sự. » — Điền-Uyển đến khi ấy, cái giận không thể át đi được, thét to lên mà nói rằng : « Người

yêu của ta nói như vậy, hay là muốn theo thằng Ngô Tam-Quế mà đi đấy đư! Nếu chẳng thế, lão-phu này vốn đã chẳng muốn bỏ người yêu của ta, người yêu của ta sao lại nỡ bỏ ta? » — Viên-Viên nghe Điền-Uyển nói, chỉ lấy tay áo che lên mặt, cả tiếng khóc to, khóc mãi chẳng thôi. Điền Uyển thấy tình-trạng Viên-Viên như vậy, dường như chẳng ái-mộ gì Ngô Tam-Quế, chẳng qua vì sự thế phiên-phủ của mình mà khởi-kiến đấy thôi. Trong bụng có nghĩ rằng xem tình-cảnh Viên-Viên, dường như đã lấy cái chết mà tự-thệ, lưu lại cũng không ích gì, chẳng thà đem tặng-tống cho Ngô Tam-Quế là hoàn - hảo hơn ; liền nói rằng : « Người yêu của ta thôi chớ nên khóc-lóc bi - thương. Nay ta sẽ hỏi người yêu của ta một lời, ta nếu chịu đem người yêu của ta tống cho Ngô Tam-Quế, thì người yêu của ta xử ra cách-dạng thế nào ? Ta nếu không chịu tống cho Ngô-Tam-Quế, thì người yêu của ta lại xử ra cách - dạng thế nào ? » — Viên-Viên nói rằng : « Thiếp tôi còn sống ngày nào, thì khiến cho Ngô Tam-Quế nó cừu-oán phiên-phủ ngày ấy, thiếp tôi quyết không nỡ trông thấy. Nếu quốc-trượng không thể cắt bỏ đi được, thì thiếp tôi chỉ xin có một cái chết, để đoạn-tuyệt cái lòng Ngô Tam-Quế nó hi-vọng. Quốc-trượng nếu cắt bỏ được tấm yêu, thì thiếp tôi thân tuy ở Ngô-gia, tâm vẫn ở Điền-phủ, vì quốc-trượng thủy - chung chu - tuyền. Đợi khi quốc - trượng thiên-thu bách-tuế sau này, thiếp tôi quyết xin cắt tóc vào núi đi tu, chẳng lại quyến-luyến cõi trần chi nữa. » — Điền-Uyển nghe đến hồi ấy, đã có cái ý cắt bỏ khối yêu ; nhưng đối-diện với Viên - Viên vẫn có cái ý lưu-luyến.

Nguyên-lai Viên-Viên chẳng những nhan-sắc kiều-diễm, đàn khéo hát hay mà thôi, mà lại kiêm - tinh nghề thư nghề họa, nghề bút-trát văn-hàn ; hàng ngày cùng với Điền - Uyển xem - xét giấy-má, mà bàn kinh nói điển, cũng miệng như nước chảy, thao - thao bất-cùng ; trong phiên-phủ đều gọi là vị nữ-hiệu-thư ; cái tên hiệu-thư của hàng kỹ-viện sau này, cũng trước từ đấy. Thủa ấy Điền-Uyển được một kẻ giai-nhân như thế, thực là cổ-lai chưa từng có, sao nỡ dứt cho đành. Cho nên nghe Viên-Viên giải-quyết mấy lời, bất-giác thở dài một tiếng, rồi từ-biệt Viên-Viên bước ra.

Đến ngày hôm sau, Ngô Tam-Quế quả-nhiên lại đến Điền-phủ, Điền-Uyển cũng ra tiếp-kiến ; vừa mới ngồi xuống, Tam-Quế tức-khắc hỏi ngay đến sự Viên - Viên có thể y-ước được hay không. Điền-Uyển đã biết rằng cái ý Ngô Tam-Quế chẳng được Viên-Viên chẳng thôi, cho nên chẳng hiện ra bộ lưu-luyến Viên-Viên như lần trước, liền khẳng - khái nói rằng : « Tướng-quân đã để lòng quyến-ái như vậy, lão-phu này sao dám lận-tích ; duy người ấy khi về với tướng-quân, tướng-quân nên trân-trọng coi-nom. » Tam - Quế lập-tức đứng dậy ngỏ lời bái-tạ. Điền-Uyển liền sai gọi Viên-Viên ra, khiến tùy-tòng Ngô Tam-Quế mà đi. Viên-Viên lúc ấy trong tâm cả mừng rỡ, nhưng lại cố làm ra dáng-bộ âu-sầu, chỉ cúi mặt xuống, nhích chân từng bước mà bước đi. Điền-Uyển trông thấy, lại càng có cái ý không nỡ lìa ra mà phải lìa ra. Cuối cùng Viên-Viên chỉ hướng về Điền-Uyển vái một cái làm bộ từ-biệt để xuất-môn, từ đấy sân hoa Điền-Uyển không vẽ dấu sen Viên-Viên nữa. Ngô Tam-Quế cũng nối gót Viên-Viên mà đi ra. Điền-Uyển chỉ thở dài một tiếng, liền quay mặt đi về chỗ hậu-đường.

Ngô Tam-Quế đã được Viên-Viên, bắt đầu hằng tạm để ở một nơi. Tam-Quế trong bụng có nghĩ rằng Viên-Viên

trước kia ở trong Điền-phủ, lầu cao gác rộng, gấm cuốn là phong ; sợ rằng khi đến nhà mình, không xứng được nguyện ; liền toan sửa-sang một nếp nhà đẹp, làm nơi yên - trí Viên - Viên để vui lòng xứng chí Viên-Viên. Tam-Quế đem ý ấy bảo với Viên - Viên. Viên - Viên nói rằng : « Tướng - quân nghĩ thế là sai, thiếp tôi không phải là hạng nhi-nữ tầm - thường, thích ở nhà đẹp, ưa đồ cẩm - tú châu - báu ; nay phụng - sự tướng - quân, chỉ nguyện tướng-quân công thành danh-lập, làm kẻ phi-thường, thế là thiếp tôi chí-nguyện ở đấy ; nay thiên - hạ sắp-sửa đại loạn, đã vội cửa cao nhà rộng làm gì. » Tam-Quế lấy làm cảm-phục. Song từ đấy, trong chốn kinh-thành ai ai đều biết có sự Điền-Uyển hiến Viên-Viên cho Ngô Tam - Quế. Sớm đã bị quan Lễ-bộ - thượng - thư Đồng Kỳ - Xương nghe thấy sự, giật mình cả kinh, bắt đầu làm bức thư, để thiết - trách Điền-Uyển rằng địa-vị Tam - Quế cùng với địa-vị quốc-trượng chẳng giống nhau, chẳng nên đem mĩ-sắc để di-dịch tâm-chí kẻ quân-nhân. Điền phúc - thư lại Đồng rằng mỗ vốn không có ý hiến Viên - Viên cho Tam-Quế, chẳng qua Tam-Quế đến cưỡng-bách đòi lấy Viên-Viên, sự ấy thực chẳng bởi mỗ này tác-chủ. Đồng Kỳ-Xương, được lời Điền-Uyển, rất lấy làm giận Ngô Tam-Quế, liền làm bức thư thiết-trách Tam-Quế, thư rằng :

« Nghe tướng-quân mới lấy vợ đẹp, vốn nên vì tướng - quân chúc mừng. Song-le tướng quân lầm đấy ! Đương thủa tướng-quân dỗ đầu vũ-cử, quốc-gia mừng là được người, cho nên phó-thác cho tướng - quân lấy binh-quyền, lấy trọng-trấn ; triều-đình coi tướng-quân là trọng, cho nên chuyên dùng tướng - quân. Tướng - quân tự lúc trấn-thủ Liêu-đông đến giờ, khiến giặc ngoài đã sợ-hãi, quốc-đô được bảo-an ; cứ noi thế mà tiến dần lên, hoặc có thể vãn-hồi được cái sóng cuồng khi đã đảo, diện-an được hòn đá phẳng về vạn-niên, cũng chưa biết đâu. Sao tướng-quân nhất-đán chẳng biết tự yêu lấy mình, đi cưỡng-bách Điền-Uyển tranh nhau một ả gái đẹp. Tướng-quân tự nghĩ mà xem, ngày nay quả là cái ngày kẻ làm tôi làm con vui thanh-sắc, yêu mĩ-nữ đấy dư ? Vì xưa nay nhi-nữ tình-tràng, anh-hùng khí-đoản, điều đó chẳng thể chẳng lo thay cho tướng-quân vậy. Ôi ! Con Viên-Viên nó chẳng qua là một đứa ca-kỹ ở Ngọc-phong đấy thôi, nay đem cành hoa tường liễu ngõ, đặt ở dưới ngọn cờ, chỉ đủ làm nhục cho tướng-quân mà thôi. Cho nên Điền - Uyển đem dâng hoàng-thượng, hoàng-thượng còn lấy làm quốc-gia đa-sự, không hạ-cập cái thanh-sắc ấy, cự-tuyệt đi mà chẳng thu-nạp. Huống - chi tướng quân hiện nay đương chịu phần gánh-vác nặng cho quốc-gia, thiết xin nghĩ cho cái lòng lo-lắng và tin-cậy của triều-đình, mà mưu-toan cái phương-pháp thương vua yêu nước ; thì công - danh sự - nghiệp tướng-quân chép ở sử-sách, để thơm muôn đời. Nếu mà chẳng thế, thì cái bộ đường-đường mày râu của một đấng anh-hào kia, sẽ dần-dần tiêu-ma ở trong đám tình-thiên sắc-hải; sự đó đành là sự bất-hạnh của tướng-quân, mà cũng là sự ẩn-ưu của quốc-gia vậy. Xin mau chóng đuổi con Viên Viên trả về Điền-phủ, bên là cõi giác, bên là bến mê, gồm ở ngày nay, duy tướng-quân nghĩ kỹ mà tự-xử lấy »

Ngô Tam-Quế xưa nay rất tin-phục Đồng Kỳ-Xương, được bức thư cũng có ý hối lại, không khỏi có ý trù-trừ, mời tiến vào bên trong, đối với Viên-Viên nói rằng : « Mỗ đành là yêu nàng lắm, chứa mấy năm mộng-tưởng, mới có ngày nay, kể ra thì sống chết cùng nhau mới phải. Duy mỗ có vị lương-hữu cho là nhi-nữ tình-tràng, sợ rằng anh-hùng khí đoản, phần nhiều vì mỗ

lo thay ; mỗ muốn lại đem nàng tống về Điền-phủ, ý nàng thế nào ?» — Viên-Viên cả kinh nói rằng : « Đó tất là kẻ oán-hận tướng-quân về sự được thiếp, cho nên làm ra lời ấy. » — Tam-Quế nói rằng : « Nàng nói là sai, đấy không phải là ai, chính là quan Đồng-lễ-bộ, bậc phụ-chấp mỗ, vì mỗ lo xa, cho nên đưa thư lại can-ngăn mỗ, không phải là oán-hận mỗ được nàng đâu. » — Viên-Viên nói rằng : « Người ta ai là chẳng phải cần có nội-trợ, thiếp tôi tuy ngu tối, há đến nỗi nào làm lụy cho tướng-quân ; thiếp được thờ tướng-quân, đã là trời cho ; nay mới bước vào cửa, chiếu ngồi chưa kịp ấm ; vả chăng không có điều gì thất-đức, tướng-quân sao vội bỏ thiếp ; quả là tướng-quân bất-đắc-dĩ chăng nữa, thiếp tôi cũng mặt nào tái-hồi cửa Điền-phủ, thiếp chỉ xin có một sự chết mà thôi. » Viên-Viên nói xong, cả khóc. Tam-Quế tức-khắc yên-ủi nói rằng : « Nàng bất-tất như vậy, mỗ cũng nói bỡn đấy thôi, sao nỡ bỏ nàng. Duy quan Đồng-Lễ-bộ vốn là yêu mỗ mà khởi-kiến, không biết đem lời-lẽ gì để phúc-đáp lại, điều đó phải tốn nghĩ-ngợi đấy thôi. » — Viên-Viên nói rằng : « Tướng-quân thâm-tình, thiếp xin để vào gan ruột ; nếu thương đến thiếp, thiếp xin thay tướng-quân tả bức thư để đáp lại. » Tam-Quế cả mừng nói rằng : « Văn hay nói khéo, kẻ vũ-phu này sở bất-cập, nhờ nàng trí sáng bút nhanh. » Tam-Quế liền khiến Viên-Viên làm bức thư, Viên-Viên tức khắc cầm bút tả rằng :

« Kính tiếp bức lai-thư, cần-cần thiết-thiết vì mỗ lo xa, lời ấy lời khác đều là bậc đại-quân-tử thủy-chung đem điều phải yêu người vậy. Trong khi cảm-khích, trộm có xin nói, Vì rằng kẻ trượng-phu quí ở lập-chí mà thôi ; nếu đem thường-tình luận tội người, thì đường phẳng đều là hố sâu, toan tránh sao cho xiết được. Tự xưa những kẻ lập-đại-công thành đại-nghiệp, phần nhiều nhờ về kẻ nội-trợ thục-hiền ; cho nên vua Thái-vương hiếu-sắc, liền mở được nghiệp nhà Chu, vua Tề-Hoàn có vợ yêu sáu người, trọn dấy được nghiệp nước Tề ; vua Tấn-Văn khi tại-ngoại, cũng vợ nọ vợ kia, nào nàng Thúc-Ngôi, nào ả Tề-Khương, tóm lại không hại gì đến nghiệp bá về sau ; phàm những sự ấy là tại cớ sao ? Hoặc cho rằng ả Viên-Viên chỉ là một kẻ ca-kỹ, sao đủ cùng vì với bậc hậu-phi phu-nhân hiền thục đời xưa. Song-le ả Lương Hồng-Ngọc đời Tống, thực xuất-tịch tự đám hồng-lâu, mà lại truy-tùy ở dưới cờ ông Hàn-vương Thế-Trung, thường vì Hàn-vương đánh trống thúc quân, để nên công chiến-thắng. Tùng nhiên Viên-Viên còn hoặc chẳng đủ vì với Hồng-Ngọc, song-le ngày bàn sử-sách, đêm giữ văn-thư, người ấy có công với bỉ-nhân cũng có phần nhiều. Hiếu-sắc là sự tiểu-tiết của vũ-phu, da-tình là cái bản-sắc của anh-hùng, đó là sự thường, cũng chẳng đủ lạ. Vả chăng thanh-sắc chẳng mê-hoặc được người, duy người ta tự mê hoặc. Trọng chốn khuê-phòng mà khinh việc quốc-gia, mỗ chẳng dám thế, cho nên trấn-thủ Liêu-đông mấy năm, đều những là vì nước quên nhà. Thực là mỗ này vốn ngu-tối, còn đội ơn bậc đại-quân tử cho là quốc-sĩ, lấy điều phải khuyên-răn, xin chẳng dám chẳng cố. Kính đọc bức lai-thư, hồ-thẹn khôn xiết, sợ-hãi khôn xiết ; cẩn dâng lời đáp, để giải lòng ngu ; muốn mong lượng xét, gồm chúc tôn an. »

Đồng Kỳ-Xương được tờ phúc-thư, biết rằng Ngô Tam-Quế không có cái ý cắt bỏ Viên-Viên ; mới cảm-khái dài than, đối với kẻ tả-hữu nói rằng : « Lời nói trong thư, toàn là vì Viên-Viên che-chở, tất không phải là thủ-bút của Tam-Quế ; nghe đâu Viên-Viên nó có biết chữ, thư này hoặc là nó thảo ra đấy. Vì Tam-Quế vốn ít học, biết đâu những

lời viện cổ chứng-kim. Vả lại Tam-Quế xưa nay đối với lão-phu, thường có cái lòng kính và sợ, tất không dám tự nói ra rằng hiếu-sắc là tiểu-tiết của vũ-phu, đa-tình là bản-sắc của anh-hùng; sau này Tam-Quế tất bị nó làm lầm.» Đồng liền làm bức thư bảo cho Ngô Tương biết, hết sức nói rằng Tam-Quế không nên đòi lấy Viên-Viên của Điền-Uyển; và nói rằng giặc Hung-nô còn chưa diệt, sao vội tính chi việc nhà; khiến Ngô Tương răn bảo Tam-Quế, khiến Tam-Quế lấy quốc-sự làm trọng. Ngô-Tương được thư của Đồng-Kỳ-Xương, phát giận dùng-dùng, tức-khắc triệu Tam-Quế vào trách mắng rằng: «Mày đội phần trọng-thác của quốc-gia, đương lúc quốc-gia đa-nạn này, không phải là lúc kẻ làm tôi làm con ái-luyến thanh-sắc; nay kẻ nói ra người nói vào, trọng phiền đến quan Đồng Lễ-bộ phải lo cho mày, mày chẳng được chẳng răn - chừa.» — Tam-Quế nói rằng: «Con thực không phải đòi lấy Viên-Viên của Điền-quốc - trượng, chẳng qua Điền - quốc - trượng đem Viên - Viên tặng cho con, con từ - khước chẳng được; con cũng đã từng đuổi Viên-Viên về Điền - phủ, duy Viên-Viên nó chẳng nghe, nó có nói rằng thân này được thờ tướng - quân, quyết không lìa bỏ, xin cố gắng làm bậc hiền-nữ, để giúp con thành-lập công-danh, cho nên con không nỡ bỏ nó.» Ngô Tương nghe Tam - Quế nói, đã có ý bán-tín bán - nghi, liền nói rằng: «Một đứa ca kỹ nhỏ - mọn kia, lại có chi lạ ấy dư! Nay con Viên-Viên ở đâu? phải đem nó lại yết-kiến ta, ta sẽ lấy đại-nghĩa trách nó mà đuổi nó đi; nếu nó chịu đi, thì cũng là hạnh-phúc; nếu nó chẳng chịu đi, thì ta sẽ dùng lời nghiêm chính khuyên dậy nó, khiến nó cố gắng tu lại làm kẻ hiền-nữ, hoặc-giả được chăng.» Tam-Quế tức-khắc đi thương-lượng kỹ với Viên-Viên, liền khiến Viên-Viên vào yết-kiến thân-phụ. Kịp Viên-Viên vào yết-kiến Ngô Tương, bắt đầu hướng về Ngô Tương khấu-đầu hành-lễ. Ngô Tương một trông thấy, đã nghĩ bụng ngay rằng: «Quái-quái con kia cũng là một cái vật lạ ở thế - gian! tuy rằng kỹ - nữ, mà nghiêm-trang yểu-điệu, cũng ra cách con nhà, bỏ nó đi thì cũng bất-nhẫn.» Ngô-Tương liền lấy lời nghiêm-chính thiết-trách Viên-Viên, đại-ý bảo rằng: «Chồng mày Tam-Quế nhiệm-đại trách-trọng, mày nên giúp chồng mày thành-lập công-danh, khiến lưu-phương thiên-cổ, ấy là cái phúc nhà tao.» — Lạ gì Viên - Viên vốn khôn - khéo về lối từ-lệnh, trong khi vâng - dạ ứng-đáp, cả có điều-lý khá nghe, gồm có chí-khí khá khen. Ngô Tương chẳng những không lấy làm cả giận, lại lấy làm cả mừng. Duy tóm lại vẫn lo Tam - Quế mê-luyến nữ - sắc, để lầm quốc - sự, Ngô Tương mới lưu lại Viên - Viên, khiến cùng với bọn dâu con thê-thiếp mình cùng ở nhà, không cho Tam-Quế mang Viên-Viên ra trấn.

(Còn nữa)

TÙNG-VĂN *dịch*

VĂN - UYỂN

THƠ VĂN CỔ

60.— Họa thơ nhà mới của ông Đạo-khê (1)

Sân đào nảy một thốc mao-lư,
Trăm dặm non sông xếp đặt vừa ;
Trăng nước sáng lồng khe cửa hẹp,
Gió sen thơm lọt mái mành thưa ;
Sối không tước đỗ rèm không yến,
Vách có cầm treo giá có thư ;
Chăn chiếu dân ta khi túc rỗi,
Một vài chén rượu một vần thơ.

61.—Phụ bài nguyên-xướng của ông Đạo-khê (2)

Chữ xưa « ngô diệc ái ngô lư »,
Bồng tất vài gian thú cũng vừa ;
Rước gió hoa lay song cửa ngỏ,
Mời trăng nước vỗ bóng rèm thưa ;
Hương thềm ngát lẫn mùi hàn-mặc,
Gương giá soi chung mặt kiếm-thư ;
Cảnh sẵn chủ-nhân thêm lắm thú,
Phiếm dân họp mặt với làng thơ.

62.— Ông Đạo-khê gửi cho bạn

Đường viện bên kia thốc thảo-lư,
Quyến trăng nhủ gió đứng ngồi vừa ;
Ao trôi nước mực sen càng đượm,
Sân rước ngấn giấy cỏ hãy thưa ;
Một nửa ngăn ra đường thế-lợi,
Năm ba vầy lại khách cầm-thư ;
Trúc-khê cũng có và gian nhỏ,
Mong họp làng thơ phải nói thơ.

63.— Chơi chùa Bầu

Cuộc bể dâu kia đã khác chừng,
Mà phong-cảnh ấy hãy còn nhung ;
Dải châu đặt dọc sông ba ngạc,
Dẫy bảng treo ngang đá mấy tầng ;
Gọi tỉnh cô-nhân hồi mỗ sáng,
Xen vào phong-nguyệt một bầu trăng ;
Bước chân lên khỏi đường xe ngựa,
Đem bức nhân-tình nói với tăng.

64 — Ngày xuân gửi cho bạn

Phiếm dân dìu-dặt phúc lai-tuần,
Vẽ mặt giang-sơn mấy độ xuân ;
Sân liễu gió suông mùi lữ-hoạn,
Nhà lan thơm-nức tiếng phương-lân ;
Dải sông xẻ nửa bầu phong-nguyệt,
Làn đất nhìn chung tán thụ-vân ;
Tấm đá những mong trao đổi ngọc,
Tao-đàn gọi nối gót thi-nhân.

65. — Ông Trúc-Khê hoạ lại

Tiết mới sang đông lẻ một tuần,
Cỏ hoa trộm rước gót dương-xuân ;
Công rồi người xẩy phen vô-sự,
Đức ít ta may chữ hữu-lân ;
Thơ rượu hứng ran nhà bạch-tuyết,
Non sông bước rộng khoảng thanh-vân ;
Đào-hoa muôn dặm giơ roi ngựa,
Hãy để hương thừa với chủ-nhân.

66. — Ông Phương-hiên họa theo

Trăm dặm gần bên cõi phủ-tuần,
Ân thừa cùng gội móc mưa xuân ;
Hãy đem bốn bể làm huynh-đệ,
Dám lấy nghìn vàng hỏi trạch-lân ;
Mừng trộm được theo câu bạch-tuyết,
Giận thầm xin nối bước thanh-vân ;
Bấy nay chưa biết mùi thơ rượu,
Gọi chút theo đòi với quí-nhân.

---

(1) Xem Nam-Phong tập số 147: Xuyến ngọc-hầu tạp-văn-tập.
(2) Từ đây trở xuống phụ chép những bài xướng họa của bạn.

67. — Họa bài thơ uống rượu với bạn ở Truc-khê hoa-viên (1)

Cầm hạc ba thu bóng quế hao,
Nhà lan may lại bén hương vào;
Sẻ xuân Đào-lệnh và chồi liễu,
Mượn cảnh Phan-lang mấy khóm đào;
Màn giảng muốn bay hơi nghiễn-tịch,
Ngón cầm được sáng điệu phong-tao;
Đã lòng đoái đến thì vâng kẻo,
Gọi chút phao-chuyên với khách hào.

68 — Ông Đạo-khê họa

Canh chầy đợi khách bóng trăng hao,
Cửa trúc may đưa gót từ vào;
Lần bước dám so tài bẻ quế,
Ran tay xin nhớ nghĩa gieo đào;
Doành châu chín ngạc tuôn dòng đạo,
Hồ nguyệt ba thu đượm bút tao;
Tạc đá bấy lâu mong rước ngọc,
Lầng hoa nay nổi tiếng thi-hào

69 — Ông Phương-hiên họa

Đèn khêu ánh tuyết đĩa lầu hao,
Chút tiếng làng văn cũng dính vào;
Áo gấm còn phong nơi các tía,
Bạn lan đâu sánh chốn vườn đào;
Kính cho khách rượu buông hồn túy,
Dám với ông thơ giữ giọng tao;
Chấp-chểnh mấy vần theo học bước,
Còn thua trận bút đánh khoe hào.

70 — Ông Đạo-Khê họa thơ tạ trước (2).

Nhìn bạn ta rày khác chút râu,
Mảnh trăng màn giảng vẫn ngang lầu;
Nặng tình châu-thấp trời muôn đặm,
Họp mặt giang-sơn đất một bầu;
Cửa ngựa may chen đường hoạn-lộ,
Sách đèn cũng gọi tiếng nho-lưu:
Lá thơ đặm nhạt ba hàng mực,
Dòng nước giao-tình mấy trượng sâu.

71. — Chơi bè ở Đằng-giang

Của ông Đạo-Khê

Năm ba họp mặt khách cầm-thư,
Chén rượu tà-dương cảnh khéo ưa;
Tơ liễu ngang sông xanh rủ tán,
Hoa lau dọc bãi trắng lên cờ;
Đầu ghềnh đứng lẻ vài lầu thú,
Cuối bãi xa trông một chiếc ngư:
Nửa bức giang sơn trời bạch-tuyết,
Nương chèo như gọi tấm lòng thơ.

72 — Ngẫu-hứng

(Ông Đạo-khê)

Thôi khoa nhờ được buổi công-dư,
Bến liễu xem càng lắm thú ưa;
Cửu mã thêm nhiều bầu bạn rượu,
Cầm thư lại sẵn láng giềng thơ;
Mảnh trăng cổ-tự hồi chuông lặng,
Ngọn gió hồng-lâu tiếng trống thưa.
Cái thú-vị ta ngần ấy đủ,
Nguyệt-hoa biết đã khỏi cười chưa.

HÁT NÓI CỔ (3)

17. — Vọng-phu

Thuở trời đất nổi cơn gió bụi, khách mã hồng nhiều nỗi đắng-cay: chàng giòng quân-vụ bấy chầy, thiếp luống những buồng hương vắng-vẻ. Một mình thiếp nuôi già dạy trẻ, thiếp nhớ chàng tam tứ niên lai; chốn Vị-kiều vân viễn xa khơi, ai sang tới ngõ gửi lời hai chữ. Việc tần-tảo thiếp chăm bề nội-trợ, việc quân-vương chàng gắng sức cho chuyên; bốn phương lo việc cung tên, chăm bề quốc-sự gác bên khuê-tình. Mong điều phu qui phụ vinh!

---

(1) Bài thơ số 19 trang 409, Nam-Phong 128.
(2) Xem bài thơ số 20, Nam-Phong số 129.
(3) Xem Nam-Phong số 132

18 — Nhân-sinh thích-chí

Nhân sinh qui thích-chí, lấy cầm kỳ thi tửu làm hơn, cầm gảy cung lưu-thủy cao-sơn, kỳ đánh thế hoành-xa tiến-mã, thi ngâm chữ nhân lai vô-sự, tửu nhấp khi bán dạ tinh-thần : nhĩ mục thông-minh nam-tử thân, sẵn đã có hoàng-thiên phó-tí. Lại có câu rằng : *Xuân du phương thảo địa, hạ thưởng lục hà trì, thu ẩm hoàng hoa tửu, đông ngâm bạch-tuyết thi*, ấy là thú nam-nhi tài-tử ; lành có sẵn trời che đất chở, trong trần-hoàn ai kém ai đâu. Hãy còn hưởng lộc về sau !

19 — Thú vui chơi

Ba vạn sáu ngàn ngày dễ mấy, kiếp làm người cho đủ thú ăn chơi, rượu quỳnh-tương năm bảy chén đầy vơi, thơ tình-cảnh một vài câu ngẫm-nghĩ. Lúc nhàn-hạ tựa ngồi án kỷ, ngụ tình-tình phiếm trúc đây tơ ; đoạn thảnh-thơi bày thức cuộc cờ, dùng ý-trí con xe cùng nước mã ; bài ăn chực trên tay năm bảy lá, nẩy thập-hồng bạch-đĩnh bốn năm thông. Việc khâm-chủ dưới trướng lộng năm cung, trạc mười-chín đôi-mươi năm bảy ả ; vừa thích chí lưng lưng cho thỏa, dẫu cùng thông phó mặc khách hồng-quần. *Nhất tâm dĩ dưỡng tử thì xuân* !

20 —. Tài-tử giai-nhân

Minh quân lương-tướng tao phùng dị 明君良相遭逢易, *tài-tử giai-nhân tế ngộ nan* 才子佳人際遇難 ; trai anh-hùng gặp gái thuyền-quyên, song nhất kiến tình duyên như đã. Thơ rằng : *Tì-bà hữu hạnh phùng Tư-mã* 琵琶有幸逢司馬 ; *quân-tử đa tình ý khả lân* 君子多情意可憐. Vậy mấy người tài-tử giai-nhân ; dây chỉ bỗng dẫn dẫn xe lại, dẫu ngàn dặm băng-sơn quế-hải, đã tình duyên xa lại nên gần. *Hoa đào vừa gặp chú a xuân, Châu Trần này có Châu-Trần nào hơn ; anh-hùng tùy tại hữu giang-sơn* 英雄隨在有江山 !

21. — Cảnh thanh-nhàn

Nhân sinh dương thế 人生陽世, *nhất nhật thanh-nhàn nhất nhật tiên* 一日清閒一日仙 ; cõi trần-gian vui thú giải phiền, chi hơn nữa cầm kỳ thi tửu. Khúc cầm ca xuân xoang cách điệu, thú hứng vui sơn thủy hữu tình ; rượu lưng bầu đủng-đỉnh mái thanh-sơn, ngẫm cái thế anh-hùng vô-địch ; nhân sinh qui thích, rượu làm vui thú vị thanh-nhàn ; thơ rằng : *nhàn lai vô sự tiểu thần tiên*, 閒來無事小神仙, tình-tình di-dưỡng hạc quen mai giá. *Thanh phong minh nguyệt cầm ca* !

22 — Cuộc rượu giải sầu

Ba vạn sáu ngàn ngày thong-thả, sẵn cuộc nhân lấy rượu làm duyên ; ngày nào nhân ngày ấy cũng là tiên, nhấp một chén ngẫm mùi đời lếu-láo. Thơ rằng : *Đoạn tống nhất sinh duy hữu tửu* 斷送一生惟有酒 ; *trầm tư bách kế bất như nhân* 沉思百計不如閒. Suốt năm canh hồng-nhật thượng tam-can, đánh ba cốc việc tầy trời xem cũng nhỏ ; của tạo-hóa không rồi lại có, một chén mà tiêu vạn mối sầu. Tiếc chi hoa-mã kim-cầu, nào chuông Lý-Bạch nào bầu Lưu Linh. Hữu tình mình lại gặp mình !

23. — Chí nam-nhi

Ba vạn sáu nghìn ngày là mấy, dưới trần-hoàn đâu đấy cũng là thiên ; chí nam-nhi ngang dọc ở vai trên, đâu là chẳng hồng-trần tử-mạch. Thơ rằng : *Ký-sinh thiên-địa thùy phi khách* 寄生天地誰非客 ; *đắc thú giang-hồ tiện thị xuân*. 得趣江湖便是春. Lúc bôn-ba nên tạm gót phong-trần, khi vinh-hiển cũng chen vai đài-các ; có xử-ước mới toan đường xử lại, sách có

câu tùy ngộ nhi an. *Quang phong tế nguyệt vô biên* 光風霽月無邊!

24. — Trải mùi đời

Đã đứng trong vòng vũ-trụ, quyết ăn-chơi cho đủ mùi đời; sự cùng-thông bĩ-thái bởi chăng trời, sông có khúc con người ta có lúc. *Thiên sinh nhân hà nhân vô lộc* 天生人何人無祿, *địa sinh thảo hà thảo vô căn* 地生草何草無根, hãy còn trăng-gió gió-trăng, đừng lo-lắng thanh-xuân nan tái hợp, người tai mắt đứng trong trời đất, biết rằng ai đã chắc hơn ai. Chẳng qua muôn sự tại trời!

24. — Mối tình chung

Nhân sinh quí thích chí, lúc thái-bình hà nhật bất xuân - phong; của trần-hoàn không có có không, kho vô-tận không rồi lại có. Thương thay phận Thúy-Kiều bạc số, một mối tình là một cuộc bể dâu; gặp chàng Kim từ bấy nhiêu lâu, thân hoa chịu xuân tàn đã chán. Hồng - nhan ấy ong chường bướm chán, lúc tài-tình mà e-lệ lang-quân, chót say hoa nên phải tìm xuân, rồi xem thấy đôi cành hoa nở. Thơ rằng: *Nhân diện bất tri hà xứ khứ* 人面不知何處去, *đào hoa y cựu tiếu đông-phong* 桃花依舊笑東風. Bấy lâu nay khăng-khít chữ đồng, vì đôi ngả Sâm Thương nên nông-nỗi; dù dạ ngọc gan vàng cũng rối, đã chán-chường phong-nguyệt bao lâu. Thư này quyết gửi cho nhau!

25. — Tây-hồ gặp khách

Tây-hồ hồ thượng khách, nhớ non sông nên phải băng chừng; một mái chèo là một thanh-xuân, say vì cảnh vẫy-vùng quen cái nết. Ngẫm nếm mùi đời xem mặn nhạt; thoảng trông tơ liễu nhuộm xanh vàng. Lần bên màn len-lỏi chiếc thuyền-quyên, dòng bể ái ba-đào đi lặng; trên bắc-ngạn du-phàm kìa Bích-cảng, mái đông-ly thái-cúc ta Đào Tiềm. Những say chơi tình-cảnh dạ êm êm, trăng bể ái lầu tây đà lạc lối; dù sơn nhớ mây sương sớm tối, bạn bè chăng mở mặt cho nhìn, Tây-hồ hồ thượng khách thần-tiên!

26. — Nhị-hà hoài-cổ

Nhất đái Nhị - hà thiên cổ nguyệt, — 帶珥河千古月, ngọn đông-lưu xoay mấy cuộc tang-thương; ngẩn-ngơ thay người hoài-cổ tư - hương, xem thành-thị lại trông miền thôn-ổ. Hiu gió mát lạc-hà có-lộ, chợt tin đưa thu-thủy trăng-thiên; nhất thanh châu-địch cựu sơn-xuyên, cảnh sao khéo tình tình chi lắm bấy. Thuyền ai chất bên ghềnh tựa lá, gió đưa duyên một chiếc ngư-ông; khác chi Xích-bích anh-hùng, mơ-màng phong-nguyệt lạnh-lùng như xưa!

27. — Na-sơn tiều-ẩn

Chốn Na-sơn gã tiều-phu ngụ thử, ngày ngày ra cô tửu dịch tàu; cảnh yên hà vui thú dưỡng thân, vầng phong-nguyệt bốn mùa lưu-loát. Ngồi xem bóng mát, bàn bạc xem cờ vãng kim lai; buổi ngắm trăng miệng hát ca chơi, ngao-ngán thú lâm-toàn thong-thả. Có câu rằng: *Nhiệm tha thành-thị tha xa mã* 任他城市他車馬, *chi trần bất đáo thử giang-sơn* 緇塵不到此江山. Vân mịch-mịch, thủy sàn-sàn, khi đắc-ý tùy kỳ sở - thích; vui thay cảnh thú miền xâm-tịch, sẵn nước khe chè núi cây rừng. Huống chưng gặp hội đèn trăng!

28. — Nhớ Trượng-phu

Quan sơn thiên lý viễn 關山千里遠, nhớ trượng - phu trong dạ bàn-hoàn; mái quan - sơn sương chất mấy lần, thân cái dện vò tơ mà cũng rối. Bởi tại mà hồng trêu cố mãi, há rằng tơ đỏ khéo ghen chi; tiếng đồng-phòng mỉa nói với cầm-thi, ngoài nghìn dặm ngỡ thấu tình chăng nhỉ? Trong trời đất sầu riêng là mấy kẻ, giọng hà-đông

đêm cám cảnh cho ai, xin cho trời đất lâu dài, hồng-nhan phải giống ở đời mãi ru. Thấu tình chăng nhỉ trượng-phu !

29. — Cuộc tổ-tôm

Nhân-sinh qui thích chí, cuộc ăn-chơi gì hơn thú tụ-tam ; tài kinh-luân xé dọc xé ngang, cơ điều-độ quân ăn quân đánh. Gọi một tiếng người đều phải kính ; dậy ba quân ai dám chẳng nhường. Cất nếp lên bốn mặt khôn đương, hạ bài xuống tam-khôi chiếm cả ; nay gặp hội quốc-gia nhân - hạ, nghĩ ăn chơi thú nọ cũng hay. Gồm hai văn vũ trong tay !

30. — Thưởng trăng thu

Thu-tiết lại gương xông bóng nguyệt, rượu hoàng-hoa đánh chén chênh-choang ; đông giục về gió thổi hơi dương, thơ bạch-tuyết ngâm câu tửu thánh. Ngao-ngán lúc bốn mùa phong-cảnh, gẫm sự đời được thua là hơn, sách có câu « vô sự tiền thần tiên, an tính phận nhiệm kỳ sở-thích ». Vòng trần-lụy lâng-lâng rũ sạch, dù mặc ai xa mã đông tây, tiêu-dao thong - thả tháng ngày, chẳng vơi bầu rượu thường đầy túi thơ. Tình-tình dù mặc ai ưa.

31. — Họp mặt tri-âm

Nhân sinh qui thích chí, lúc thừa-nhàn họp mặt khách tri-âm ; nhi cầm nhi kỳ nhi tửu nhi thi, vui tứ-thú với bốn mùa thong-thả. Cờ giong ruổi quân xa quân mã, dàn lựa dần dây vũ dây văn, thơ ngâm câu tuyết nguyệt phong-vân, rượu đánh chén quỳnh-tương ngọc dịch. Thơ rằng : *nhân khan kỳ cục phân trù sách*, 閒看棋局分籌策, *tinh tinh cầm soang ngu tinh-tinh*, 靜聽琴聲寓性情; *thừa hứng ngâm thi vận hòa bình*, 乘興吟詩韻和平, *phá sầu hữu tửu dĩ vi binh* 破愁有酒以爲兵. Cuộc ăn chơi cho thoả chí bình-sinh, dẫu phú-quí vinh-hoa đành có phận. Ngẫm thế-sự nào hơn nào giản, hội phong-vân quân-tử gặp thì. Chốn cầm-đài vừa dậy-hứng đôi khi, bốn thú ấy mở càng thêm thú ; điều lịch-sự ăn chơi cho đủ, quan càng cao đủ thú mới là cao. Nam-nhi đáo thử thị hào !

32 Đối nguyệt cầm ca

Hồn bất giác nhất thiên hướng tịch, 渾不覺一天向夕, *Nguyệt tà song, yên tà triện, trúc tà chi* 月斜窗煙斜篆竹斜枝; cuộc say-sưa cơn tỉnh lại cơn mê, sực thức đã vầng hồng dãi tỏ. *Vạn lý xuân phong hồi liễu thụ* 萬里春風回柳樹; *nhất luân minh nguyệt đối cầm đài* 一輪明月對琴臺. Ngâm thơ rồi hứng mát tựa hiên mai, khát dạ ẩm phanh trà đối nguyệt, nhà huyền tụng năm ba đứa tiểu-đồng lếch-thếch, nhạc tam-thanh gặng tiếng nhi-đề. Không mà chi có mà chi, kho phong nguyệt bốn mùa lưu-loát ; biển tất thông cùng tất đạt, trần-ai trung thủy thức công - hầu. Nhân - sinh phận ngoại hà cầu !

THI CA MỚI

1 — Tự-thuật

Đã trót đem thân gánh việc đời,
Hơn đời chỉ có dạy người thôi ;
Già gan sợ cóc ai xoay sở,
Vững dạ lẽ nào tớ nói chơi ;
Dất-dìu đàn em cho phải đạo,
Giao-du bạn hữu cũng tùy nơi ;
Khua chuông cảnh-tỉnh miền thôn-dã,
Ngọc tốt còn mong để đợi thời.

2 — Cảm-tác.

Ông chẳng chấp chi miệng thế cười,
Như ông lịch-duyệt hẳn hơn đời ;
Tháng ngày mượn cảnh thơ ngâm tỉ,
Sớm tối mua vui chuyện bốc rời ;

Lương bổng tăng thêm thừa nhật-dụng,
Bán buôn dư dật để dành chơi ;
Còn non còn nước còn cơ-hội,
Chắc hẳn như ông cũng gặp thời.

3. — Trách tình-nhân

Ở đời ít kẻ biết chung-tình,
Thơn-thớt ngoài môi thật đáng kinh ;
Gác chuyện vu-vơ không đáng chép,
Được tin đích-xác hóa mãn thỉnh ;
Chẳng qua mượn cảnh cho khuây khỏa,
Mà đã đeo ngay nỗi bất-bình ;
Thế sự kể chi thêm chán-ngán,
Rồi ra sẽ biết mặt ai tình.

4. Tặng bạn.

Anh-hùng đứng giữa trần-ai,
Mắt xanh hỏ dễ mấy ai biết cùng ;
Kim-môn ngọc-bội tương-phùng,
Duyên văn cẩm-tạ vải đồng làm ghi.
Sinh rằng : từ thủa tương-tri,
Nước non biết mặt thiếu gì là nơi.
Văn-gia gặp bậc thức-thời,
Cánh hồng trao đổi cũng ngơi cơn bi ôn.

5. — Đưa người tri-kỷ

(Làm bộ bạn)

Đã trót đinh ninh một chữ đồng,
Kể chi nam bắc với tây đông ;
Lời thề sơn-hải xin ghi dạ,
Câu truyện sắt-son chớ đổi lòng ;
Nhớ cảnh bâng-khuâng khi gặp-gỡ,
Tưởng người khao-khát lúc chờ mong;
Xe tơ sớm liệu mong ngày đẹp,
Thỏa thuận trăm năm đạo vợ chồng.

6. — Tập Kiều

Lòng riêng tấp-tểnh mừng thầm,
Trăm năm thề chẳng ôm cầm thuyền ai.
Lòng em dặn lại một hai,
Dẫu mòn bia đá, dám sai tấc vàng.
Từ phen đá biết tuổi vàng,
Tình càng thắm-thía, dạ càng ngẩn-ngơ.
Quản bao tháng đợi năm chờ,
Nỗi niềm tâm-sự bây giờ hỏi ai ?
Ngày xuân em hãy còn dài,
Nghìn năm dằng-dặc quan-giai lần lần.
Khi gió gác lúc trăng sân,
Bầu tiên chuốc rượu, câu thần nối thơ.
Có điều chi nữa mà ngờ,
Đào non sớm liệu xe tơ kịp thì.
Phong-lưu phú-quý ai bì,
Tiền lưng đã sẵn, việc gì chẳng xong.
Trăm năm tạc một chữ đồng.

7. — Tiễn cô thầy tướng

Từ nay góc bể bên trời,
Đã mòn con mắt phương trời đăm đăm.
Trong cơ thanh khí tương-tâm,
Đã tin điều trước, ắt nhầm việc sau.
Còn nhiều hưởng-thụ về lâu.
Bóng chim tăm cá biết đâu mà tìm ?
Phải điều cầu phật cầu tiên.
Xưa nay nhân định thắng thiên cũng
Cùng nhau căn-vặn đến điều, [nhiều.
Tấm lòng nhi-nữ cũng xiêu anh-hùng.
Bước ra một bước một dừng,
Lòng đây lòng đấy chưa từng hay
Trăng già độc-địa làm sao, [sao ?
Mặt mơ-tưởng mặt lòng ngao-ngán [lòng.

8. — Tặng cô đào Tĩnh

(Hát nói)

Miễu

May sao mừng gặp tình đây,
Nhác trông cũng nhớ lại ngày quen
Nước non cách trở bấy lâu, [nhau.
Cảm-tình tri-ngộ thêm đau-đớn mà.

Nói

Tri quân duy ngã,
知君惟我
Dẫu ai mê ai chả cũng thấy ai.
Trót đa-mang vì một chữ liên-tài,
Nghĩ kỹ lại thử xem ai tri-kỷ.
Số nguyệt toán lai phi đạm hĩ,
數月算來非淡矣。
Kim niên hạnh ngộ thậm vi hoan.
今年幸遇甚爲歡。
Người du-tử khách hồng-nhan,
Hiểu truyện thế mà thở-than thì cũng
Sợ cóc chi miệng đời bao-biếm. [hiếm.
Hợp tâm-can nói phiếm cũng vui.
Yêu nhau lọ phải nhiều lời !

Cao Thế-Hựu

THỜI-ĐÀM

Việc thế-giới

Tương-lai nước Thổ-nhĩ-kỳ. — Khoảng mấy năm gần đây là thời-kỳ lí-kỳ nhất trong lịch-sử nước Thổ-nhĩ-kỳ (*Turquie*). Cả thế-giới đã cho nước ấy là suy-đồi, sắp đến ngày kiệt-quệ, vậy mà nhất-đán phấn-phát nỗ-lực một cách phi-thường, lại khởi-phục hoạt-bát lên được. Cái phần bị đổ nát đi, không những là cái chế-độ quân-chủ (*sultanat*), giáo-chủ (*khalifat*) cũ của Thổ-nhĩ-kỳ, mà là cả cái Đông-phương hủ-bại từ trước đến giờ vậy. Nước Thổ vốn thuộc về giống Đột-quyết (*race touranienne*), trong mấy mươi thế-kỷ vẫn ở cách-biệt cả các dân-tộc văn-minh khác, như giam mình trong cái khuôn cổ những chế-độ thần-quyền, những pháp-luật vô-lý, những phong-tục trái ngược, những tập-quán hủ-lậu, thế mà đột-nhiên lấy công-lý chính-nghĩa phá đổ được hết cả mà thoát hẳn ra ngoài những cái tập-tục di-truyền đó.

Sự biến-cách đó là ý-nghĩa thế nào? Những cái nguyên-nhân tích-nhược của nước Thổ-nhĩ-kỳ từ trước đến nay, thế đã là trừ được hết hẳn chưa? Hay là sự phấn-phát khởi-phục này chỉ là cái kết-quả nhất-thời của những cơ-hội thắng-lại mà thôi? Nói tóm lại thời cái tiền-đồ của nước Thổ-nhĩ-kỳ là thế nào? Tiền-đồ ấy là thuộc ở những nguyên-nhân gì?

Điều thứ nhất phải nên biết là cái công khôi-phục nước Thổ-nhĩ-kỳ ngày nay chỉ là công có một người. Nếu không có ông Moustapha Kemal xuất-hiện ra, nếu ông không có một đảng tân-học tả-đản, thời nước Thổ tất còn ngưng-trệ mãi ở trong cái chế-độ hủ-bại của đạo Hồi, người Thổ đã tiêm-nhiễm sâu cái thuyết định mệnh của Đông-phương, tất cứ phó mặc vận-mệnh cho chúa *Allah* (là thiên-chúa của đạo Hồi) xử-định thế nào mặc lòng, còn bọn quan tham lại những, bọn tăng-lữ hủ-lậu thời cứ hoành-hành áp-chế cho đến gây ra cái họa lớn cho nước mới thôi. Không có một người ấy phấn-phát đứng lên, ra tay chống-chế, thời nước Thổ ngày nay đến nội-thuộc nước Nga hay nước Anh rồi, không khác gì các nước khác ở trung-bộ Á-châu vậy. Nay công-nghiệp ông Moustapha Kemal chưa phải đã hoàn-thành rồi. Ông đã gột rửa được cái hồn cũ của người Thổ, phá được cái lòng tin về định-mệnh và tạo ra được một cái tâm-lý mới. Nhưng sự-nghiệp ấy mới phôi-thai, chửa được vững-vàng gì, nếu vạn-nhất ông có làm sao, thời có cơ nguy hỏng mất. Chính người Thổ đã nói rằng: « Dân-quốc chúng tôi ngày nay như đứa con đỏ hẫy còn bú, mà Moustapha Kemal là người vú nuôi vậy. » — Như vậy thời cái tiền-đồ cận-tiếp của nước Thổ là chỉ thuộc ở sinh-mệnh một người. Đó là cái hiểm-tượng thứ nhất. Bởi thế nên không có người Thổ nào, cù kể thù ông mặc lòng, là không cầu nguyện cho ông Giám-quốc nước Thổ được sống lâu để chủ-trương việc nước. Vì ai cũng hiểu rằng nếu chẳng may ông mất đi sớm, thì không những các việc cải-cách của ông đến hỏng cả, mà vì hiện nay xem ra trong tả-hữu ông thật không có người nào là lỗi-lạc cả, thời sự kế-nghiệp cho ông cũng là một vấn-

để khó lắm, không khỏi làm một cái mối tranh-dành về sau này.

Tiền-đồ nước Thổ nhĩ-kỳ lại còn tùy thuộc ở sự hòa-bình nữa. Mười-hai năm chiến-tranh luôn, từ 1910 đến 1922, đã làm cho nước cùng-quẫn, nếu nay mà khởi ra một việc chiến-tranh nào khá to nữa, thời đến đồ-địa hẳn. Các quân-quan trong bộ tham-mưu ở Chính-phủ *Angora* cũng đã thừa biết điều đó. Vả toàn là những tay thông-thạo, hiểu tình-thế trong thiên-hạ và lượng biết sức của nước mình cả. Bởi thế nên chính-sách ngoại-giao của nước Thổ ngày nay là chính-sách bảo-thủ. Nhờ có MOUSTAPHA KEMAL chủ trương, nước Thổ đã củng-cố được quyền độc-lập của mình thực là một sự may-mắn vô-cùng. Quyền độc-lập ấy, coi như của báu vô-ngần, gia sức chắt-chiu, không để cho nguy-hiểm đến được. Bởi thế nên cái thế tất-nhiên của nước Thổ ngày nay là phải giữ lấy hòa-bình. Nhưng thế-giới này là thế-giới cạnh-tranh quyết-đấu, một mình muốn giữ lấy hòa-bình cũng không đủ. Sự hòa-bình không phải thuộc ở một nước Thổ mà thôi. Lòng tham-dục của các dân-tộc vẫn làm chủ-động trong thế-giới, luật kinh-tế khốc-hại vẫn thúc-giục người ta tranh-đua nhau. Xứ nọ dân-mãn muốn sang khai khẩn những ruộng đất bỏ hoang của xứ kia. Sự cạnh-tranh trong các nước vẫn kịch-liệt lắm. Nước Thổ muốn tránh khỏi cường-quyền của nước khác, thời phải hết sức mở-mang cho người đông của nhiều thêm mãi lên. Lịch-sử các dân-tộc cũng là một lịch-sử sinh-tồn cạnh-tranh, dân-tộc nào không tiến-hóa thời sớm trưa tất có ngày phải lụn-bại.

Như vậy thời tiền-đồ nước Thổ không những tùy-thuộc ở sự hòa-bình, mà lại tùy ở cái công-phu cần-lao của người Thổ nữa. Từ trước đến nay, Dân-quốc mới đã làm được thành sự-nghiệp về đường chính-trị, võ-bị, xã-hội, nhưng về đường kinh-tế thời chưa được như thế. Vậy mà không có mấy nước là các việc tổ-chức về nông-nghiệp, khoáng-nghiệp, v. v., cần-cấp bằng ở nước Thổ. Có nhiều miền thổ-địa kể vào bậc phi-nhiêu nhất trong thế-giới mà ngàn năm về trước thế nào ngày nay cũng vẫn thế. Tuy-nhiên, cứ trình-độ tiến-hóa nước Thổ ngày nay, thời dẫu thảm-đạm kinh-doanh, kiệt-tâm nỗ-lực, cũng không mong một mình chủ-trương việc kinh-tế trong nước cho phát-đạt được. Vì có một cái khuyết-điểm to nhất: là thiếu tiền. Đất rộng hơn nước Pháp nước Ý, đáng phải có nhiều tư-bản lắm mới kinh-doanh được, vậy mà vốn của người dân ít lắm. Như thế thì tiền-đồ nước Thổ-nhĩ-kỳ lại còn tùy ở cái công hiệp-tác của tư-bản ngoại-quốc nữa. Vẫn biết rằng trong cái thời-kỳ sau chiến-tranh này, nước Thổ có thể cần-kiệm mà đủ chi-dụng trong nước được, không cần phải nhờ đến vốn của ngoài, miễn là chịu an-bần thủ-phận, không khoa-trương với thế-giới làm gì. Người Thổ vẫn có tính nhẫn-nhục, dễ chịu khám-khổ hơn các dân-tộc Âu-châu khác. Nhưng cách sinh-hoạt lần hồi như thế, phỏng có không phương-hại đến cái thế-lực vững-vàng của quốc-gia không? Mà giữa lúc này lại là lúc trên trường kinh-tế, nước Thổ phải ra đối-đãi với những địch-quốc kinh-doanh khôn-khéo vô-cùng, như người Hi-lạp (*Grecs*) linh-lợi hoạt-bát, người Bảo-gia-lợi (*Bulgares*) cần-lao nhẫn-nại. Xem cái tình-trạng kinh-tế quẫn-bách của nước Thổ thời lại càng rõ rằng phàm các kế-hoạch kinh-lý ngày nay rút lại chỉ quan-hệ ở một điều, là làm thế nào mộ được tư-bản cần để chấn-chỉnh mọi việc sinh-sản khai-thác trong nước. Nhưng không may thay, hiện nay chính-phủ Thổ cùng với các nhà tư-bản ngoại-quốc,

không có lòng tín-dụng nhau : chính-phủ Thổ thời sợ phải nô-lệ ngoại-quốc về đường kinh-tế, nhà tư-bản ngoại-quốc thời nhân bị mấy việc bất-lợi, lại đối với một nước đương cải-cách, luật-pháp, thuế-ngạch mỗi ngày một thay đổi, chưa có thể chắc bằng được, nên vẫn do-dự không muốn xuất tiền ra. Lại còn một cái hiểm-tượng nữa, là nước Thổ với người ngoại-quốc chưa phải đã có thực bụng hòa-hiệp với nhau.

Từ ngày thành-lập Dân-quốc đến giờ, theo hiệp-ước quốc-tế, những dân không phải giống Thổ thuộc đế-quốc Thổ trước, cho tùy-ý dân nào muốn lìa nước Thổ mà sáp-nhập về bản-quốc mình cũng được ; nhân đó nước Thổ thiếu mất một hạng người cần cho cái thế quân-bình trong cơ-thể quốc-gia. Hạng đó gồm những người dân Hi-lạp, Á-nhĩ-mễ-ni (*Arméniens*), Do-thai (*Juifs*), khác nào như một hạng trung-lưu xã-hội, đứng giữa một bên thời bọn thượng-lưu cầm quyền, một bên thời hạng đa-số bình-dân, và đại-biểu các nghề công-thương, tư-bản, giới-thiệu để giao-dịch với ngoại-quốc, lại thường là tiêu-biểu cho thức-giả xã-hội nữa. Nay hạng đó không còn nữa, mà nước Thổ hãy còn chưa có một hạng trung-lưu-xã-hội chân-chính, đủ làm cái gương noi theo cho kẻ bình-dân, mà làm chỗ cho bình-dân có thể gắng sức tấn-tới lên được. Hạng người đó, không thể nhất-đán thành-lập ngay được. Vả lại cái lớp hiện-tại này hãy còn tiêm-nhiễm những cổ-tục Hồi-giáo lưu-truyền lại, chưa phải đã là duy-tân hẳn, cũng chưa tạo-thành ra hạng trung-lưu đó được. Hạng trung-lưu tương-lai tức là bọn thanh-niên ngày nay, hãy còn làm học-trò ở các trường vậy. Vậy thời công việc ngày nay là thuần công-việc giáo-dục cả. Cái trách-nhiệm của chính-phủ Dân-quốc là phải dạy cho dân biết đọc biết viết, phải giáo-dục dân, để gây-dựng lấy nhân-tài cho bậc trung-lưu xã-hội sau này. Kết-quả ấy chưa thành thì công-nghiệp của Moustapha Kemal cũng chưa được hoàn-toàn vậy.

Sau nữa, cũng lại phải biết rằng tuy về đường vật-chất, các phương-diện đều có tiến-bộ cả, cái hình-thức sinh-hoạt về xã-hội, về kinh-tế ngày ngày biến-đổi luôn, về trí-thức xem ra cũng có hoạt-động, phép giáo-dục đổi mới, các trường trung-học sầm-uất, các khoa mĩ-thuật cũng thấy khởi-sắc, tuy vậy mặc lòng mà về đường đạo-đức tinh-thần xem ra vẫn còn chậm-chạp lắm. Vẫn biết rằng người Thổ ngày nay đã sửa dần được cái tính cẩu-thả, gặp sao hay vậy, sinh-hoạt một cách tầm-thường vô-ý-thức như xưa ; đã biết cái giá-trị của ngày giờ, biết bỏ hàm-hồ mà chuộng đích-xác, biết dứt cẩu-thả mà tập phương-pháp, nhưng cái tâm-lý cố-hữu của đông-phương đã tiêm-nhiễm từ thủa tiên-thiên, vẫn chưa bỏ đi được, và cũng phải đến mấy đời mới bỏ được hết. Giống Thổ tức là giống Đột-quyết, giống Đột-quyết là một giống Á-châu, vẫn có những cái đặc-tính của người Á-châu. Như thói ăn của hối-lộ (*bakchiche*), thói mua bán mặc-cả (*bazarlik*), thói khinh-thường luật-lệ, thói không trọng khế-ước, toàn là những cái biểu-hiệu đạo-đức kém vậy. Đó cũng là một cái khuyết-điểm to. Nhiều người Thổ cũng đã tự biết như thế. Trong báo *Ikdam*, Ahmed Djevded *bey* đã nói rằng : « Có một điều hại cho ta hơn cả, là ta không có tính thực-thà... » Có người cho Đế-quốc Thổ bị suy-đồi là bởi người Thổ bản-dĩ không có tư-cách. Nói thế thì lầm to. Ở nước Thổ cũng như ở Âu-châu, vẫn có người lỗi-lạc ; tư-chất thông-minh không phải có kém gì. Kém là kém cái bụng công-tâm, cái lòng vô-kỷ, làm ra tư-cách người công-dân vậy.

Như vậy thời tiền-đồ nước Thổ lại còn thuộc ở sự cải-cách tâm-lý của người Thổ nữa. Việc này mới là việc khó hơn cả. Vì về vật-chất, về trí-tuệ, thời cái công Âu-hóa kể còn dễ chứ về đạo-đức, tinh-thần thì có lâu và có khó hơn nhiều. Mà nước Thổ muốn cho âu-hóa được hoàn-toàn, thời người Thổ phải thoát-li được hẳn những cái cố-tính di-truyền hủ-lậu của Đông-phương từ trước mà tập theo lấy tâm-tính người Âu-tây mới được. Ấy là công-nghiệp lớn-lao ở đó. Công-nghiệp ấy thành hay không, không phải chỉ ở một bọn thượng-lưu cầm quyền mà thôi, chính là ở tự trong đám bình-dân mà ra vậy. Vì ở Thổ-nhĩ-kỳ, kẻ trên bậy-bạ làm xằng, thường chỉ là bởi kẻ dưới hư-hèn nhu-nhược mà thôi. Bởi cái tính bất-thống bất-dạng, đối với sự bậy sự ác, không biết phản-kháng lại, nên cũng là lỗi tự mình. Người Thổ đi chiến-trận vẫn có tính can-đảm mạnh-mẽ, vậy nếu trong cách sinh-hoạt hằng ngày cũng biết biểu-lộ được những cái tính tốt ấy ra, thời sự cải-cách tâm-lý kia cũng mong có thể thành-công được vậy.

Ấy tiền-đồ nước Thổ-nhĩ-kỳ là thuộc cả bấy nhiêu nguyên-nhân như trên. Một nguyên-nhân nào thiếu thời sự-nghiệp duy-tân sẽ không được thành. Cho nên không nên ngộ-nhận. Nước Thổ không phải trong năm năm, mười năm mà âu-hóa được hẳn đâu. Phải công-phu tích-lũy mấy đời mới thành được. Nhưng hiện nay cũng đã có thể đem lòng tin được. Chính những cái trở-lực về tâm-lý là kết-quả của bao nhiêu đời chuyên-chế, cũng mỗi ngày một đổ dần đi. Rồi có ngày người Thổ sẽ có tư-cách công-dân hoàn-toàn, và nước Thổ sẽ có dư-luận công-bằng đích-đáng. Vì cái bản-chất vốn là tốt. Hiện nay tâm-tính người ta đã thấy có thay-đổi. Xem như nghị-viện này với nghị-viện trước, có khác nhau nhiều, nghị-viên lớp sau có phần đứng-đắn và có bụng công-tâm hơn trước. Trong xã-hội cũng thế, lớp trước với lớp này cũng khác nhau hẳn : ngay trong một nhà, cha con thường xa-cách nhau như người lạ vậy. Trong suốt cõi Dân-quốc, có lẽ cái mô-dạng người Thổ xưa không còn nữa. Vì công-việc lớp trước đã xong rồi. Lớp trước là lớp thủ-cựu, bị cái áp-lực của lịch-sử nó đè nén quá, không thể ra gánh vác việc nước được nữa. Nay nhờ có bậc chí-sĩ làm quốc-trưởng, cầm quyền chủ-trương, lớp thanh-niên mỗi ngày một tiến lên, và nước Thổ-nhĩ-kỳ sẽ từ-từ đạt tới mục-đích vậy.

Thời-cục nước Tàu. — *Trung-ương chính-phủ nước Tàu gần đây đã tổ-chức thành-lập ra năm viện, hiện đương tiến-hành. Nhưng các chính-trị phân-hội ở các tỉnh vẫn chưa hẳn bãi bỏ. Vì có người cho rằng lĩnh-thổ của nước Tàu rộng quá, sự giao-thông không tiện, nhân-tình phong-tục không thể dung thông được, chính-phủ trung-ương không thể trực-tiếp quản-trị được hết, vậy thì các cơ-quan phân-hội chính-trị phải nên để không nên bỏ.*

Việc ngoại-giao đối với các nước thì cũng không có điều gì khác. Duy có đối với nước Nhật thì mỗi lúc một khác, lúc thì Trung Nhật đã cùng nhau điều-đình tu-ước, lúc thì đình-chỉ việc điều-đình. Mà ở các nơi vẫn khởi lên cái phong-trào bài Nhật. Nguyên-nhân vì từ khi xảy ra cái án ở Tế-nam, quân Nhật vẫn chiếm-cứ ở Sơn-đông, nghiêm-cấm người Tàu không được đi vào trong hai-mươi dặm đường Giao-Tế. Bởi vậy đoàn đại-biểu về cái án Tế-nam có đến chính-phủ Trung-ương đưa thư thỉnh-nguyện, yêu-cầu tâm điều, mong Chính-phủ Trung-ương sẽ dùng cái lối ngoại-giao

cách mệnh, giải-quyết cái vấn-đề Trung Nhật. Đại-biểu hội phản Nhật ở Nam-kinh là Hoàng Thế-Kiệt cũng đến phủ Quốc-dân xin vào yết-kiến Tưởng Giới-Thạch, thỉnh-nguyện năm điều, đại-ý yêu-cầu Chính-phủ Trung-ương phải hết sức trừ bỏ các điều-ước bất-bình-đẳng, việc giao-thiệp đối với nước Nhật không thể nhượng-bộ được, cần phải đợi đến sau khi quân Nhật ở Trung-hoa rút hết về, rồi mới có thể mở cuộc đàm-phán được, về cái án Tế-nam, chịu kém nhất là cũng bắt nước Nhật phải trừng-trị kẻ hành-hung, bồi-thường và xin lỗi. Tưởng Giới-Thạch đáp : Chính-phủ là Chính-phủ của nhân-dân, đối với những lời yêu-cầu của dân-chúng đều tiếp-thụ hết cả.

Vương Chính-Đình tổng-trưởng bộ ngoại-giao Chính-phủ quốc-dân có nói nếu quân Nhật còn đóng ở Sơn-đông, thì Trung-hoa không có lập giao-ước gì với Nhật.

Song Nhật-bản vẫn không chịu triệt ngay trú-binh ở Sơn-đông về, mà cũng không ấn-định cái kỳ-hạn nào triệt-binh, ý còn đợi xem thời-cục Trung-hoa xoay ra thế nào đã. Mà người Trung-hoa độ này có ý găng hơn, nên cuộc điều-đình của hai nước còn đình-chỉ chưa biết đến khi nào.

Việc điều-đình về bản giao-ước Trung Pháp, thì bên Pháp có quan đại-sứ De Martel *cùng một viên đại-biểu của Đông-dương đã đến Nam-kinh để điều-đình với chính-phủ quốc-dân, chừng độ cuối năm nay có cơ lập xong giao-ước.*

Bản giao-ước Trung Tỉ, thì nước Tỉ đã ký xong rồi, công-nhận việc quan-thuế tự-trị, bãi lính-sự tài-phán quyền kể từ ngày mồng một tháng giêng năm 1930. Song nếu liệt-cường cùng ưng bãi trước, thì sẽ bãi sớm hơn.

Việc trong nước

Kỳ Hội-đồng Chính-phủ và bài diễn-thuyết của quan Toàn-quyền Robin. — *Hội-đồng Chính-phủ kỳ thường-niên họp từ ngày thứ hai 19 đến ngày thứ bảy 24 tháng 11. Kỳ này là kỳ cuối cùng của Hội-đồng Chính-phủ tổ-chức theo như hình-thức bây giờ, vì bắt đầu từ sang năm thì các hội-nghị sẽ sửa-đổi hết cả. Tuy là kỳ « tán-đàn », và chính quan chủ-tịch cũng vắng mặt, vậy mà quan quyền Toàn-quyền* Robin *đứng thay chủ-trương kỳ hội-đồng này cũng đọc một bài diễn-thuyết quan-trọng lắm, ra ngoài hẳn lề-lối các bài diễn thuyết thường-niên khác. Xin tóm lược đại-ý như sau :*

Trước ngài nói về quyền-hạn chức quyền Toàn-quyền. Theo lời chỉ-thị của Bộ Thuộc-địa ngày 20 tháng 6 năm 1911, quyền-hạn ấy không được phân-minh mà lại có ý bó-buộc. Quan quyền Toàn-quyền chỉ được coi-sóc các công việc thường, không có lệnh riêng của Bộ truyền cho hay ủy cho thì không được quyết-định việc to, cũng không được thuyên-chuyển các đại-hiến. Thành ra không được quả-quyết điều gì mà cũng không có chính-sự riêng được. Đã hơn một năm nay, Đông-Pháp không có quan Toàn-quyền chính-chức, mà đến ba lần đổi chức quyền Toàn-quyền : hồi quan Varenne *đi, quan* Monguillot *lên quyền, thế là một*

lần; trung-gian quan MONGUILLOT lại về Tây, để quan ROBIN lên thay, thế là hai lần, mà lần thứ hai này lại là quyền một quan quyền; quan MONGUILLOT chưa về đến Tây thì có tin quan PASQUIER được thực-thụ, nhưng còn ở lại Pháp, thành ra quan ROBIN đương quyền quan MOUGUILLOT lại đổi ra quyền quan PASQUIER, thế là lần thứ ba vậy. Nay thời có đích tin rằng quan PASQUIER ngày 30 tháng 11 xuống tàu, chừng 25, 26 tháng 12 thì đến Sài-gòn. Quan ROBIN khen quan PASQUIER là người sành-sỏi, thông-thạo dân-tình công-việc bên này, sang làm Toàn-quyền là xứng-đáng lắm.

Rồi quan ROBIN xét đến tình-hình các xứ trong cõi Đông-Pháp, và bày tỏ ý-kiến riêng về mấy vấn-đề quan-trọng hiện-thời.

Nói về tình-hình chung thì suốt cõi đều bình yên vô-sự; tuy-nhiên Nhà nước vẫn phải phòng-bị cẩn-mật, không có trễ-nải chút nào.

Nói về Nam-kỳ thì vẫn thịnh-vượng phát-đạt lắm. Tuy cũng có kẻ muốn gây lên cái phong-trào phản-đối Chính-phủ, nhưng không có ảnh-hưởng gì trong dân-gian cả.

Ở Trung-kỳ có việc xảy ra ở viện Nhân-dân đại-biểu, ông nghị-trưởng cũ với quan quyền Khâm-sứ không đồng-ý nhau, ông nghị-trưởng đã từ chức và đã bầu người khác thay rồi.

Ở Bắc-kỳ thì cái chính-sác hhiệp-tác của Chính-phủ với những bậc tri-thức bản-xứ đã thực-hành một cách mật-thiết (như Hội-đồng cố-vấn, Hội-đồng Luật, Hội-đồng Đê, v. v.) và đã có kết-quả tốt.

Ở Cao-miên thì nhân dịp tân-vương MONIVONG đăng-quang, lại càng tỏ rõ cái tình thân-ái của dân Mên đối với Bảo-hộ Pháp.

Nói tóm lại thì đâu đâu cũng là thi-hành cái chính-sách đề-huề cả. Duy có một điều nên biết: là chính-sách này cần phải thực hành hẳn-hoi, chứ không nên chỉ tuyên-bố không mà thôi. Quan ROBIN nói rằng không nên hứa điều gì trước; việc nên làm, cứ làm, làm rồi sẽ biết, không nên nói trước rằng: ta sẽ làm thế này, thế này.

Ở bên Pháp vẫn có một bọn người Việt-Nam muốn vận-động về chính-trị, bài-bác cách cai-trị của Bảo-hộ ở đây, và yêu-cầu cho người bản-dân được tham-dự vào việc nước, không biết rằng người bản-dân vẫn đã có quyền tham-dự việc nước rồi, như việc cai-trị ở các xứ, trực-tiếp với nhân-dân, phần nhiều là thuộc quyền người bản-xứ cả: ở Nam-kỳ thì ngạch đốc-phủ, phủ, huyện; ở Trung-Bắc-kỳ thì tổng-đốc, tuần-phủ, bố-chánh, án-sát, phủ, huyện, châu; ở Cao-miên thì quan đầu các tỉnh, các khum, khand, srok, há chẳng phải có quyền cai-trị đấy dư? Lại từ ngày có nghị-định quan Toàn quyền VARENNE ngày 27 tháng 2 năm 1926, do sắc-lệnh quan Giám-quốc ngày 20 tháng 5 và 28 tháng 8 năm ấy chuẩn cho thi-hành, thì người bản-xứ có bằng-cấp cũng được vào các ngạch Tây như người Tây: hiện đã có 32 người được vào ngạch Tây như thế; chưa được hơn nữa, là không có nhiều người hợp tư-cách, chứ không phải tại Chính-phủ. — Chính-phủ lại đương trù-tính tăng lương cho các viên-chức bản-xứ tòng-sự các sở công, hiện nay số các viên-chức ấy có tới 4 vạn người, khoản tăng lương này cũng là một khoản to vậy.

Cứ thực ra thì người bản-xứ vẫn chiếm địa-vị to ở trong nước, xem như một điều sau này thì biết; ở Nam kỳ có 1.900.000 mẫu tây đất đã cầy cấy, thì 1.600.000 mẫu là của người An-nam; số

đất hoang xin khẩn chừng một triệu mẫu, thì 800.000 mẫu là người An-nam được khẩn. — Ở Bắc-kỳ thì xem một khoản lĩnh trưng các việc công-chính, từ năm 1923 đến 1927 có 155 người thầu-khoán Tây được lĩnh trưng các việc, tổng-số là 1.857.990 đồng, mà người An-nam thời được những 449 người, tổng-số tới 4.356.417 đồng.

Nói về việc học thì ý quan Robin cũng muốn cho khôi-phục chữ nho để dùng làm cách dạy luân-lý, nhưng ngài nói vấn-đề này cần phải nghiên-cứu cho kỹ. Về trung-học ngài cũng muốn cho có một phần cổ-học bản-xứ thay cho cổ học La-Hi. Về Đại-học thì tất phải đặt một trường Luật và một trường Thuốc hoàn-toàn, và mời những ông giáo Đại-học bên Tây sang dạy.

Nhân sửa lại bậc đại-học, cũng nên mở rộng các chức quan cho người có tốt-nghiệp đại-học có chỗ mà làm việc. Như việc án, hiện nay còn có các quan chánh án Tây chủ-trương, sau này nên trao lại cả cho các quan thẩm phán bản-xứ, quan Tây chỉ giám-đốc mà thôi. Lại các viên phủ huyện châu, vừa kiêm quyền hành-chính vừa kiêm quyền tư-pháp, nay nên phân-biệt ra. Như thế thì những người tốt-nghiệp trường Luật ra sẽ có công việc cả. — Còn ai không muốn làm quan thì nên để cho họ có quyền cũng được làm thầy kiện như người Tây. Vậy việc cho người bản-xứ vào hộ-biện-tịch (barreau) Pháp cũng là một việc cần nên nghiên-cứu vậy.

Đoạn rồi quan Robin nói đến các quan-lại Tây, đã từng nhiều lần được tăng lương-bổng nhiều, nên hết sức làm việc cho cần-mẫn, ngài có mấy lời cảnh-cáo rất nghiêm-nghị. Lại khuyên các quan-lại Tây phải nên biết tiếng bản-xứ.

Xét đến việc ngoại-giao với các nước lân-bang thì mọi bề đều bình-thường yên-ổn cả. Và sổ dự-toán năm 1928 đã định một khoản 3.800.000 đồng để chỉnh đốn việc quân-bị ở nơi biên-thùy, nên không có sự gì xảy ra cả.

Về đường kinh-tế thì có vấn-đề nông-nghiệp ngân-hàng và vấn-đề nhân-công nên chú-ý. Các hội nông-nghiệp tương-tế ở Nam-kỳ vẫn phát-đạt. Ở Trung-bắc-kỳ thời theo nghị-định quan Varenne đã đặt được sáu nhà « bảng » hàng tỉnh, từ đầu năm đến cuối tháng 10, cho vay được hơn 25 vạn đồng. — Về vấn-đề nhân-công thì Nam-kỳ cần phải có nhân-công Trung-Bắc mới khai-khẩn các đất hoang được, mà Trung-Bắc-kỳ thời xem ý ra không muốn cho nhân-công ra ngoài : Chính-phủ cần phải điều-hòa hai bên cho khỏi thiệt đến bên nào. Hiện cuối năm 1927 thời có 35.000 người Bắc làm ở các đồn-điền Nam-kỳ, Chính-phủ phải ký nghị-định ngày 25 tháng 10 năm 1927 để bảo-hộ cho bọn nhân-công đó.

Đoạn hỏi đến sổ dự-toán chung Đông-Pháp năm 1929 : chi thu ngang nhau tổng-cộng là 92 triệu 60 vạn đồng (92.600.000$), hơn năm 1928 là 1 triệu 10 vạn đồng. — Lại nói đến cái dự-án mộ quốc-trái để thực-hành các công-trình tạo-tác lớn, cộng là 132 triệu đồng, Bộ đã duyệt rồi ; rồi đến dự-án sửa thuế thương-chánh ; sẽ đệ-trình về Bộ nay mai — Kết-luận quan Robin nói qua về cách sửa đổi Hội-đồng Chính-phủ sau này thế nào (kỳ Thời-đàm trước bản-chí đã kể lược).

* *

Một bức thư ngỏ

Bản-chí Chủ-bút tiếp được bức thư sau này của một ông bạn đọc báo tỏ cái cảm-tình của ông đối với báo *Nam-Phong* và phê bình về bài văn « Giọt lệ thu » của bà Tương-phố trong số 131 trước. Theo ý ông xin vui lòng đăng ra sau đây, và cảm ơn ông về cái thịnh-tình đối với bản-chí.

N. - P.

Thượng-chi tiên-sinh kỷ-hạ,

Cầm bút viết hầu tiên-sinh bức thư này, đánh trống qua cửa nhà sấm, cũng tự biết là đường-đột, dám mong tiên-sinh sẽ tha-thứ cho.

Kể từ tạp-chí Nam-Phong *ra đời đến nay, đã một trăm-ba-mươi số lẻ, phần văn-học, khoa-học đã thấy tăn-tới nhiều ; mà xem cái cảm-tình của quốc-dân ta đối với* Nam-Phong *tạp-chí cũng càng ngày càng thêm thân-thiết. Những bạn của* Nam-Phong *ai là người có tư-tưởng hầu như cũng coi* Nam-Phong *là một thứ dưỡng-khí cần dùng cho tinh-thần vậy. Mà thật thế,* Nam-Phong *chẳng những đã có cái thanh-khí êm-đềm đưa lại trăm thức hương thơm cùng gặp nhau trong một cõi ; mà lại là một cảnh « sa-lông » lơ-lửng thường tụ họp những nhà đạo-đức, những bậc anh-tài, những khách giai-nhân, những tay danh-sĩ, không hẹn mà gặp, cùng nhau khi giảng luân-lý, đạo-đức; lúc luận-sử, luận-thời ; khi giảng khoa-học, lúc bàn văn-chương. Nói tóm lại : đông tây kim cổ góp đủ mặt tài-danh ; xa gần hay lạ không biết bao nhiêu chuyện. Thế thời* Nam-Phong *đối với quốc-dân Nam-Việt ta phần bổ-ích không cần phải kể dài, tưởng bấy nhiêu cũng đủ rõ.*

Nay tôi cầm bút viết bức thư này, không phải là không tự lấy làm hân-hạnh rằng đã được làm bạn với Nam-Phong *từ lúc* Nam-Phong *mới ra đời. Tiếng dan-díu với* Nam-Phong, *nhưng vì học thiển, tài sơ, nên bấy lâu nay vẫn chưa có chút duyên gì với* Nam-Phong. *Nếu tiên-sinh không cho là gàn, thì xin làm ơn đăng cho chúng tôi bức thư này vào tạp-chí* Nam-Phong, *gọi là đánh bạo góp mấy lời thành-thực bàn về một áng văn-chương nữ-giới ta vừa đây, tức là bài « Giọt lệ thu » của Tương-phố phu-nhân đăng trong tạp-chí số 131 vậy.*

Kể văn-chương nữ-giới ta, từ xưa đến nay không thiếu gì văn thơ đặc-sắc, như thơ văn bà huyện Thanh-Quan, bà Thị-Điểm, bà Xuân-Hương, bà Nhàn-Khanh là những bậc tiền-bối đã quá-vãng. Mà hiện-thời Trung, Nam-kỳ cũng có nhiều bậc nữ-sĩ văn-chương lão luyện, quốc-dân ta rất lấy làm hoan-nghênh. Những văn ấy là văn có phép-tắc, có kỷ-luật, không từng vượt ra ngoài văn-pháp của Tàu, cho nên làng văn ta ai cũng công-nhận những văn đúng phép-tắc mẹo-mực ấy, là văn hay, tưởng cũng không cần phải bàn nữa.

Duy đọc bài « Giọt lệ thu » của bà Tương phố mới đây, thấy lời văn mới-mẻ, giọng điệu khác hẳn, đặc-biệt ra một nền văn tự-lập, bay-bướm một mình, như ngoài khuôn-khổ, không theo phép-tắc, mà lại réo-rắt, êm-đềm, như bổng, như chìm, khiến người đọc tâm-hồn như phảng-phất trên mây. Cái hay ngả về giọng buồn, thời cũng không khỏi não lòng người được, nhưng đã gọi là « Giọt lệ . . . » thì sao cho khỏi chẳng ngậm đắng nuốt cay ít nhiều. Nhưng tôi không phải vì cảm cái văn buồn mà dám vội-vàng cho là hay đâu. Cho là hay đây, chỉ là ở văn mới, điệu lạ, lối đặt câu tài-tình, dùng được nhiều tiếng nôm, mà giọng vẫn thanh-tao ; chải-chuốt mà không cầu-kỳ. Không phải thề thơ thề phú, chỉ là một điệu văn xuôi xen lẫn văn vần mà từ đầu đến cuối ngâm-nga được cả. Văn-chương đã bay-bướm, ý-tứ lại dồi-dào, nói là điệu văn êm như ru thời đúng hơn cả. Ôi ! văn nước ta còn trẻ, tiếng nước ta còn non, mà trong nữ-giới nước ta đã xuất-hiện được một áng văn-chương đặc-biệt như thế, thời cũng đáng mừng cho tiền-đồ quốc-văn ta vậy.

Mong rằng : rồi đây những bài văn lời hay, điệu mới (không phải chỉ thiên về giọng sầu) sẽ càng ngày càng ra nhiều, để quốc-văn ta sớm thoát-li được cái văn-pháp cổ của Tàu, và sẽ trở nên một nền văn-chương chân-chính tự-lập.

Mong lắm thay !

NGUYỄN PHƯỢNG-TƯỜNG

Sách mới

Bản-quán tiếp được những sách mới xuất-bản như sau này :

1° — Mộng cũ duyên nay. *Hồng-tuyền Chu Lưu-Dụ soạn. — In tại nhà in Kim-Đức-Giang Hà-nội, giá 0$18.*

2° — Tiếng sấm đêm đông (*Truyện ông Ngô Vương-Quyền và ông Dương Đình-Nghệ hai lần đánh quân Nam-Hán nước Tàu*). *Nguyễn Tử Siêu soạn — Nhật-nam thư-quán xuất bản, số 117, Hàng Gai, Hà-nội, giá 5 hào.*

Nam-Phong tùng-thư

— *Đã xuất-bản :*

1° Văn-minh luận ;

2° Ba tháng ở Paris ;

3° Văn học nước Pháp ;

4° L'idéal du Sage dans la Philosophie confucéenne ;

5° Chính-trị nước Pháp, *Quyển I* ;

— *Sắp xuất-bản :*

6° *Chính-trị nước Pháp, quyển II* ;

7° *Khảo về tiểu-thuyết . . .*

Bán ở Đông-kinh ấn-quán, 4 hào một quyển.